NĂM THỨ TÁM • #85 • MAY 1996

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92640 • TEL (714) 638-9510 • FAX (714) 638-1944

TÊN GỌI TIẾNG VIỆT CỦA SOCIETAS CIVILIS
TRẦN THANHHIỆP

LÀM THƠ
TRẦN MỘNG TÚ

NHỮNG CHI TIẾT MỚI TIẾT LỘ VỀ CÁI CHẾT CỦA T.T. NGÔ ĐÌNH DIỆM
DƯƠNG HIẾU NGHĨA

BẠN ĐANG SỐNG TRONG MỘT THẾ GIỚI MỞ RỘNG, GIAO DỊCH VÀ LÀM VIỆC
VỚI NGƯỜI NGOẠI QUỐC, HỌC NGÔN NGỮ LÀ CHUYỆN CẤP THIẾT KHÔNG THỂ XAO LÃNG.

Hãy nhớ đến

ĐẠI TỪ ĐIỂN ĐIỆN TỬ PHÁT ÂM

ĐỪNG BỎ LỠ CƠ HỘI!
Một máy bằng 3 máy cộng lại mà chỉ tốn nửa số tiền.

GOLDEN® Thế Kỷ VEC-888

3 NGÔN NGỮ: ANH - VIỆT - HOA
5 BỘ TỪ ĐIỂN: ANH-ANH, ANH-VIỆT, VIỆT-ANH, ANH-HOA, HOA-ANH

CHUYỂN TỪ NGÔN NGỮ NÀY QUA NGÔN NGỮ KIA CHỈ DÙNG MỘT NÚT BẤM.

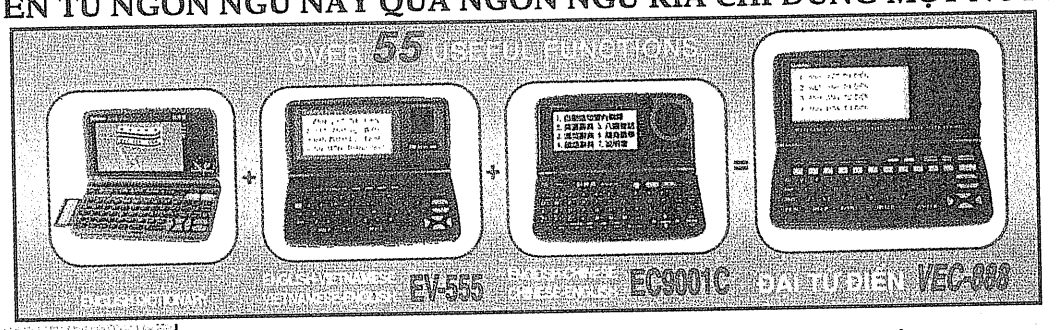

- *Anh-Anh* Từ Điển
- *Anh-Việt* Từ Điển
- *Việt-Anh* Từ Điển
- Từ điển *Đồng Nghĩa*
- Từ điển *Phản Nghĩa*
- *Đàm Thoại* thông dụng trong hàng chục lãnh vực
- *Vạn Dụng* Từ Điển để dùng riêng trong 35 lãnh vực khác nhau
- Sổ ghi *Điện Thoại*, Sổ Hẹn, *Sổ Ghi Nhớ* có sức chứa gấp đôi máy thường
- *Máy Tính:* Làm đủ các phép tính thông thường
- Đổi đơn vị đo lường
- Đổi hối suất tiền tệ quốc tế
- Xem giờ như đồng hồ biết giờ khắp năm châu
- Tra cứu thông minh chỉ cần ghi vào một phần hay một mẫu tự cái
- Tìm ngày tháng Âm Dương Lịch
- Chuông báo giờ nhắc mọi hoạt động

- **Anh-Anh Từ Điển (American Heritage Concised Dictionary)**
- **Anh-Việt, Việt-Anh của máy Thế Kỷ EV-555**
- **Anh-Hoa, Hoa-Anh của máy EC-900 1C**

Và 10 khả năng vô địch tất cả các máy khác hiện nay không thể có được:

1. *5 bộ từ điển ngôn ngữ Anh, Việt và Hoa trong một máy.*
2. *Màn ảnh có thể hiện lên bằng 1 trong 3 ngôn ngữ trên.*
3. *Tra cứu tuần hoàn, chuyển từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ kia ngay lập tức và không giới hạn (máy mới nhất của người Hoa chỉ cho tra 5 lần).*
4. *Có 16 bài văn phạm với đầy đủ câu ví dụ.*
5. *Trên 30,000 câu dẫn chứng cho các từ tiếng Anh.*
6. *Phát âm tiếng Anh nguyên giọng Mỹ của Đại Học Berkeley (có bản quyền).*
7. *Phát âm tiếng Hoa hai giọng Quảng Đông và Bắc Kinh, đúng giọng địa phương (có bản quyền).*
8. *Bộ nhớ của VEC-888 lớn nhất, kho chứa trữ liệu lớn nhất.*
9. *Luyện thi Nhập Tịch theo tài liệu hình thức của Sở Di Trú có phát âm.*
10. *Thay đổi màn ảnh, tra cứu các từ, đổi công dụng, chuyển ngôn ngữ, tìm câu dẫn chứng cho mỗi từ...chỉ bấm 1 nút.*

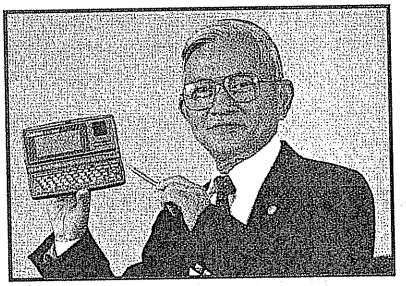

Chỉ cần Anh-Việt hãy dùng
Từ Điển Điện Tử Phát Âm Thế Kỷ EV-555
với trên 40 công dụng

Chúng tôi phân phối đi khắp thế giới

TỔNG ĐẠI LÝ TẠI HOA KỲ VÀ CANADA
GOLDEN MATE INC.
2646 DURFEE AVE., EL MONTE, CA 91732
Tel: (818) 279-9898
Fax: (818) 279-9899
Nhận Order: 1-800-248-3948

THẾ KỶ NEW YORK
36-26 145 Place, Flushing, NY 11354
Tel: (718) 353-9111 * Fax: (718) 353-0294

LITTLE SAIGON
9200 Bolsa Ave., # 226
Tel: (714) 897-9808

MONTERY PARK
127 N. Garfield Ave
Tel: (818) 571-6598

FELICITY CO.
861 N. Spring St., # 110, LA
Tel: (213) 617-2283

NHA SACH THANG LONG
767 N. Hill St., # 102, LA., CA 90012
(trong khu Interstate Bank)
Tel: (213) 628-1644

CHINATOWN (LA)
727 N. Broadway # 128
Tel: (213) 625-8609

❖ PARIS BY NIGHT ❖

Video đầy sáng tạo, luôn luôn đổi mới từ hình thức đến nội dung!

❖ PARIS BY NIGHT ❖

Video của mọi lứa tuổi, nhu cầu giải trí của mọi gia đình Việt Nam!

PARIS BY NIGHT 35

Điều khiển chương trình:
NGUYỄN NGỌC NGẠN - NGUYỄN CAO KỲ DUYÊN

Một tổng hợp đầy nghệ thuật của
các nghệ sỹ hàng đầu hải ngoại:

Khánh Hà - Ái Vân - Ngọc Lan
Ý Lan - Hương Lan - Dalena
Thanh Hà - Phi Phi - Diễm Liên
Phương Loan - Duy Quang - Don
Hồ - Nguyễn Hưng - Jenny Loan
Thế Sơn - Bảo Hân - Henry Chúc
Vân Sơn - Hoài Linh ...

Giá 25$ 1 bộ 2 cuốn
luôn cước phí (TẠI USA & CANADA)

xin liên lạc: **THÚY NGA**

Mỹ & Canada:
9295 BolsaAve.
Westminster, CA 92683 - USA
P.O. Box 2174
Westminster, CA 92683 - USA
Tel. (714) 893-2860 - Fax (714) 891-9673

Âu Châu:
44 Ave D'Ivry - 75013 Paris - France
Tel. 45 83 34 30

Úc:
323 Chapel Rd. - Bankstown - N.S.W 2200
AUSTRALIA - Tel. (02) 796-7227

THE-KY 21

A source for Vietnamese studies

Office: 11022 Acacia Parkway #A, Garden Grove CA 92640 USA
Tel (714) 638-9510 • Fax (714) 638-1944 • E-mail 75504.3510@compuserve.com
E-mail theky21@ix.netcom.com • WWW page http://www.vietmedia.com/theky21

ADVERTISING RATES

I. COVER (full color):

- Back : $840.00
- Inside (front/back): $680.00

II. INSIDE GLOSS PAPER (full color):

- 1 page $680.00

† (Less than 1 page size: not available).

III. INSIDE (black and white):

- Page 1: $340.00
- 1 page: $300.00
- 1/2 page: $170.00
- 1/4 page: $90.00
- 1/8 page: $50.00
- Classified (3 lines x 11picas) $20.00

† Add-on color (red/blue) any size: $50.00

DISCOUNTS:

- 05% for 4 runnings. - 10% for 8 runnings. - 20% for 12 runnings. - 15% for paying in advance.

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PKWY SUITE A ■ GARDEN GROVE CA 92640 ■ TEL. 714-638-9510 FAX 714-638-1944

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN ■ SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / *Full Name:* _____ Đ.T./ *Phone:* _____

Địa chỉ / *Address:* _____

Tôi đặt mua **Thế Kỷ 21** / *I would like* ***The Ky 21*** *delivered to me:*

☐ 06 số / *Issues* ☐ 12 số / *Issues* ☐ 24 số / *Issues* Bắt đầu từ số / *Starting from issue #* _____

Kèm theo đây là chi phiếu / lệnh phiếu mang số tiền / *Enclosed is check/money order of:* $ _____

Gửi Bulk Rate:	☐ 6 tháng / *6 months:* $22.00	☐ 1 năm / *1 year.* $40.00	☐ 2 năm / *2 years* $ 75.00
Gửi First Class:		☐ 1 năm / *1 year:* $52.00	☐ 2 năm / *2 years* $ 96.00
Gửi ngoài nước Mỹ (chỉ nhận Air Mail)	*CANADA*	☐ 1 năm / *1 year.* $59.00	☐ 2 năm / *2 years* $113.00
	ÂU CHÂU / *EUROPE*	☐ 1 năm / *1 year.* $76.00	☐ 2 năm / *2 years* $140.00
	Á & ÚC CHÂU / *ASIA & AUSTRALIA*	☐ 1 năm / *1 year.* $86.00	☐ 2 năm / *2 years* $160.00

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ
ANDRE LAM

Liên lạc:

DIAMOND BICH NGOC

10221 Slater Avenue, Suite 211 - Fountain Valley, CA 92708

(714) 965-9715 (trong giờ làm việc)

1-(800) 695-7144 (ngoài giờ làm việc)

(714) 663-4314 (Beeper)

CHUYÊN LO BỒI THƯỜNG TAI NẠN XE CỘ

LUẬT SƯ PHÍ CỦA VĂN PHÒNG CHÚNG TÔI

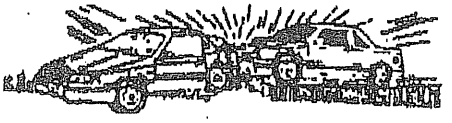

14.99%

THAY VÌ NHƯ CÁC VĂN PHÒNG LUẬT SƯ KHÁC 33.33%

Ngoài ra văn phòng còn chuyên lo về các dịch vụ: Di trú (Immigration); Khánh tận tài sản (Bankruptcy); Ly dị cấp dưỡng (Family Law); Luật thương mại (Business Litigation); Hình luật, Trộm cắp và Tội Đại hình; Tai nạn nghề nghiệp.

ĐÓN NGHE ! ĐÓN NGHE ! ĐÓN NGHE !

GIỜ HỘI LUẬN VỀ LUẬT PHÁP phổ thông do Văn Phòng Luật Sư AMDRE LAM phụ trách, và Diamond Bich Ngọc thực hiện hàng tuần mỗi chiều Thứ Ba trên đài VNCR, làn sóng 106.3 FM từ 2:15 PM đến 3:15 PM.

GIỜ HƯỚNG DẪN LUẬT PHÁP ba tuần một lần chiều Thứ Bảy trên đài Văn Nghệ Truyền Thanh, làn sóng 96.7 FM từ 2:00 PM đến 3:00 PM.

Trân trọng thông báo

THE RIGHT ACCOUNTANT MAKES A DIFFERENCE

SYED A. HYDER, C.P.A

Certified Public Accountant

Nhiều năm kinh nghiệm
Đã và đang làm việc cho
các Công Ty lớn của Hoa Kỳ

Văn Phòng Chúng Tôi Nhận:

- ☐ Khai Thuế cá nhân - Tổ Hợp - Công Ty
- ☐ Giữ sổ sách kế toán cho các cơ sở thương mại
- ☐ Cố vấn thuế vụ - Tài chánh
- ☐ Tất cả mọi dịch vụ về thuế

Tiếng Việt liên lạc Bà **Lệ Nga**
Giờ làm việc: 7 ngày 10:00 am - 6:00 pm

Chuyên Nghiệp - Tận Tâm

Phone: (714) **890-3719** * Fax: (714) **890-3792** * Pager: (714) **565-8012**
9081 Bolsa Ave., Suite 203 * Westminster, CA 92683 (Trong Khu Hòa Bình Food to Go)

ARC

KC TRAVEL & TOURS

(KIM CONTINENTAL TRAVEL)

CHUYÊN

- *Bán vé máy bay Quốc nội & Quốc ngoại*
- *Làm Công Hàm Ngoại Giao (chứng chỉ độc thân)*
- *Lo các thủ tục xuất nhập cảnh*

ĐẶC BIỆT ĐƯỜNG BAY
TAM GIÁC VÀNG PHÁP, ÚC và VN

9842 Bolsa Ave., # 200A
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 839-9468
Fax: (714) 839-4283

DONGNAI PHARMACY

HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM: PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92643

(Giữa Westminster và Hazard, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải)

(714) 531- 2773

¤ *Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.*
¤ *Suốt 10 năm qua, văn phòng luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.*

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN [illegible]

NHA KHOA TỔNG QUÁT

- *TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG*
- *LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI*
- *NHA KHOA THẨM MỸ*
- *NHA KHOA NHI ĐỒNG*

GIỜ LÀM VIỆC: THỨ HAI - THỨ BẢY: 10AM - 7PM ◻ CHỦ NHẬT NGHỈ

CHÚ Ý: Văn Phòng Nha Sĩ Ngọc Sương vẫn ở địa chỉ cũ, từ hơn 10 năm nay, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải

Infinity Vision
OPTOMETRIC CENTER

Trung Tâm Nhãn Khoa
14322 Brookhurst St.
Garden Grove, CA 92643
Tel: (714) 839-9996

Nữ bác sĩ Nguyễn Phương Thảo, O.D.

¤ Nhãn khoa tổng quát
- Khám mắt
- Đo độ làm kính, contact lens
- Văn phòng trang bị máy móc điện tử tối tân
- Dùng phương pháp tập luyện (Vision Therapy) giúp cho người lớn và trẻ em tránh khỏi mỏi mắt và kém mắt

¤ Contact Lens
- Đủ mọi loại: trong hay màu
- Daily và Flexiblewear
- Soft
- Disposable
- Gas Permeable
- Toric

¤ Kính
- Nhiều loại gọng thời trang nổi tiếng, designer của Pháp, Đức, Ý, Nhật...
- Có tròng kính mỏng và nhẹ cho người độ cao, kính lão không lằn
- Kính mát kiểu mới nhất

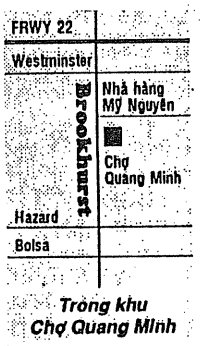

■ *Xin gọi điện thoại để lấy hẹn*
■ *Nhận Medical và Bảo Hiểm*

Trọng Nghĩa & Mộng Lan trân trọng giới thiệu **CD & Cassette:**

10 bài thơ của Nguyên Sa, Nhã Ca, Vũ Kiện, Cung Vũ, Thái Tú Hạp, Lưu Nguyễn, Huệ Thu & Trần Thiện Hiệp

Mộng Lan soạn thành ca khúc

Hòa âm: ***Sỹ Đan - Quỳnh Hương & Trọng Nghĩa*** *trình bày*

Các Đại lý ở xa, xin liên lạc **ĐẠI DIỆN TỔNG PHÁT HÀNH:**
Trung Tâm **BÍCH THU VÂN**
9200 Bolsa Ave., #137
Westminster, CA 92683 - USA
(714) 897-4519

Mọi liên lạc xin gởi về: Trọng Nghĩa & Mộng Lan Productions
P.O.Box 832 - Artesia - CA 90702-0832 - USA
ĐT: (310) 809-2526
Giá mua lẻ trong Hoa Kỳ & Canada (bao gồm luôn cước phí)
Cassette: US$ 7.00 - CD: US$12.00
(ngoài Hoa Kỳ và Canada, xin kèm thêm US$ 2.00 cước phí)

Tranh bìa: *Mẹ Con* của **Nguyễn Thị Hợp**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Cao Bá Minh, Vũ Thái Hòa, Nguyễn Hữu Nhật**
Hí họa: **Hiếu**, trích báo **World Press**
Ảnh: **Nguyễn Đồng, Nguyễn Xuân Hoàng**, sưu tập của **Nguyễn Thị Chân Quỳnh**, trích báo *Economist, Thanh Niên*

MỤC LỤC

Số 85 • Tháng Năm 1996

CHÍNH TRỊ - KINH TẾ - LỊCH SỬ

13. Xã hội công dân và hiệu quả của thể chế dân chủ — **Vương Hữu Bột**
18. Tên gọi tiếng Việt của Societas Civilis — **Trần Thanh Hiệp**
24. Nhận xét về bản báo cáo chính trị... — **Võ Xuân Quang**
29. Những chi tiết mới tiết lộ về cái chết của TT Ngô Đình Diệm — **Dương Hiếu Nghĩa**
42. Sự dính líu của TQ vào cuộc chiến VN từ 1964 đến 1969 — **Chen Gian (Cam Vũ dịch)**
91. Thư gửi anh Quang Minh — **Đoàn Thanh Liêm**

NHÂN VẬT - TÀI LIỆU

36. Những bí mật của cuộc chiến tranh Triều Tiên — **D. Volkogonov (Trần Minh dịch)**
48. Yên Hồ Phu Tử, bậc thầy của trí thức VN thế kỷ 20 — **TS Phạm Trọng Chánh**
51. Thơ Hồ Xuân Hương đề vịnh Hạ Long — **GS Hoàng Xuân Hãn**
56. Nói có sách, mách có ảnh — **Nguyễn Thị Chân Quỳnh**
88. Unabomber: Cuộc săn lùng dài nhất trong lịch sử FBI — **Hà Tường Cát**
103. Uncle Hãn, a Vietnamologist — **Cynthia Nguyễn Thị Mỹ Huyền**

ÂM NHẠC - KHOA HỌC

53. Có ai ở ngoài đó không? — **Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh**
83. Đối chiếu dân nhạc Việt và Mỹ — **Lê Văn Khoa**

VĂN

67. Tùy bút: Làm thơ — **Trần Mộng Tú**
69. Truyện: Keo sơn — **Nguyễn Hữu Nhật**
74. Truyện: Quán tính — **Trần Doãn Nho**
78. Hồi ký: Tên tử tù "xử lý nội bộ" — **Trần Thư**
105. Short story: The rooftop — **Đinh T.D.**

THƠ

68 Buổi sáng và những con chim cánh đen — **Trần Mộng Tú. 71** Liên Hoa — **Ngọc Lan. 75** Chuyến đi — **Thường Quán. 77** Không nên lời; Như tên của đời — **Hồng Khắc Kim Mai. 80** Bắt chước người xưa — **Nguyễn Đăng Ngọc. 81** Trên đỉnh xuân — **Nhất Uyên. 82** Viết từ cơn gió — **Nguyễn Văn Cường.**

MỤC THƯỜNG LỆ

8. Thư Tòa soạn
9. Bạn đọc viết
11. Tòa soạn và Bạn đọc
11. Thư trên lưới
12. Hộp thư trị sự
61. Sổ tay
92. Vòng chân trời VHNT
96. Sách báo trong tháng
102. Bolsanet: Chữ nghĩa thời thượng

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • TRIẾT SỬ

Tạp chí ra hàng tháng. Cty Người Việt sáng lập (1989). Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ bảo trợ.

11022 Acacia Parkway #A
Garden Grove CA 92640 USA
Tel: (714) 638-9510
Fax: (714) 638-1944
E-mail:
75504.3510@compuserve.com
hoặc **theky21@ix.netcom.com**
WWW homepage:
http://www.vietmedia.com/theky21

Nhóm chủ trương: Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ, Lê Đình Điểu, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Phạm Phú Minh, Phan Huy Đạt, Tống Hoàng, Trần Đại Lộc, Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Lê Định Điểu
Chủ bút:
Vương Hữu Bột
Tổng thư ký Tòa soạn:
Phạm Phú Minh

Bài gửi cho *Thế Kỷ 21* xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên *Thế Kỷ 21* không nhất thiết phản ảnh quan điểm của Nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của *Thế Kỷ 21* phải có sự đồng ý của tòa soạn.

Trị sự:
Văn phòng trưởng:
Vũ Duy Tự
Quảng cáo & phát hành:
Phan Mỹ Sương

Ngân phiếu đề: THE KY 21.

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-8429
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp:
1.*Lê Tất Luyện* 45 83 19 12
2.*Phạm Thị Thu Hương*
39 84 00 84
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371-439238
Úc: *Bình Anson*
(61-9) 448-0637
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(514) 445-0529

ISSN 1056-4640

THƯ TÒA SOẠN

XÃ HỘI VĂN MINH

Hồi ông Gorbachev mới cầm quyền ở Liên Bang Xô Viết, một phái đoàn của Ủy Ban Kế Hoạch Nhà Nước Xô Viết sang thăm nước Anh. Họ đến một khu chợ rau ở London, sau một chuyến quan sát, lấy làm thán phục. Họ thấy khách hàng đi mua rau không phải xếp hàng chờ đợi như bên Nga, đỡ tốn bao thời giờ cho họ. Mà số lượng rau, trái cây hư hoại mỗi ngày cũng rất ít, đỡ phí phạm của người bán. Họ đặt câu hỏi: "Các chuyên viên kế hoạch của quý vị có bí quyết nào mà làm hay như vậy?"

Không ai trả lời được câu hỏi đó. Thị trường rau trái gồm có hàng triệu người, kẻ trồng trọt, người mua, người bán, họ tự sắp đặt lấy, theo đòi hỏi cung, cầu. Người mua rau và người bán chỉ tính làm sao có lợi cao nhất cho mình mà thôi. Cái đó gọi là kinh tế thị trường, mà gần đây dân Nga và các nước cộng sản cũng đang thử.

Bí quyết kinh tế thị trường là coi mọi người công dân như người lớn. Nhà nước chỉ can dự vào những chuyện mà tư nhân làm không được mà thôi. Trong những phạm vi này, "đảng lãnh đạo" vẫn còn muốn nắm độc quyền kiểm soát, không cho dân tự lo lấy. Tức là vẫn coi người dân như trẻ con. Họ tìm cách ngăn chặn sự phát triển của một "xã hội công dân."

Bốn chữ Xã Hội Công Dân chúng tôi dùng tạm, để chờ ngôn ngữ Việt Nam quyết định nên dùng từ ngữ nào cho thuận tai nhất. Ngay trong các ngôn ngữ khác, tiếng Pháp (*Société Civile*) hay tiếng Anh (*Civil Society*), chúng ta cũng thấy từ ngữ đó được dùng với nội dung khác nhau. Có lúc nó thuần túy để mô tả, có lúc dùng như một tiêu chuẩn mô phạm. Người Trung Hoa dùng chữ Công Dân Xã Hội. Nhưng tự gốc chữ "Civilis" có họ hàng với Thành Thị, với Văn Minh, Lịch Sự.

Như vậy thì Xã Hội Công Dân cũng có tính chất của Xã Hội Văn Minh. Không thể nói cái nào là nhân, cái nào là quả. Có thể nhờ con người sống tự do với một xã hội công dân phát triển mà người ta văn minh hơn. Cũng có thể nói là con người có phong cách văn minh khi đối xử với nhau rồi, nên họ tự nhiên muốn tụ họp thành các tổ chức, hội, nhóm lo cho các quyền lợi, sở thích, niềm tin, khát vọng chung của họ, không cần ai dọa nạt hay mua chuộc. Những sinh hoạt tự nguyện đó tạo thành xã hội công dân. Nó dựa trên lòng tín nhiệm, thành thật, trọng công ích, tương thân, tương kính đối với nhau (= văn minh).

Tụ họp nhau vì sợ, vì bị dọa nạt hay mua chuộc thì chắc không phải là cách cư xử văn minh như hành động tự nguyện rồi. Vì vậy hai khái niệm, Xã Hội Công Dân và Xã Hội Văn Minh là nhân cũng là quả của nhau, hai bên tương sinh tương tức. Thiếu cái này thì không có cái kia được.

Trong Đại Hội Tám thế nào người ta cũng hô các hẩu hiệu "Xã hội công bằng và văn minh" rất nhiều lần. Chúng tôi hy vọng là dần dần mọi người sẽ đồng ý với nhau nội dung của xã hội văn minh là thế nào. Không có Xã Hội Công Dân thì mấy chữ Xã Hội Văn Minh chỉ là khẩu hiệu trống rỗng.

THẾ KỶ 21

Ngày càng hay

Kính gửi Thế Kỷ 21,

Báo mình ngày càng hay. Có lẽ hay nhất ở hải ngoại bây giờ. Xin thành thật chúc mừng sự thành công của quý vị.

Số 82 Tết Bính Tí có bài *Thư Tòa Soạn* thật hay.

Số 84 có bài của Hà Kỳ Lam (trang 80) dễ thương quá. Đọc xong muốn đọc lại, rồi đọc lại nhiều đoạn như hư cấu mà như thật. Xin thành thật cám ơn TK 21 và Tòa soạn đã cho độc giả chúng tôi những giây phút thoải mái về tinh thần.

P.H. *(Olympia, WA)*

Nỗi niềm Thị Nở

Hôm nay khi tôi đang đọc lại "Á Q chính truyện và Chí Phèo" ở *Thế Kỷ 21* số Tân Niên (tháng Ba 1996), thì đúng lúc lại nhận được thư của một người bạn ở Sài Gòn có chép lại gửi cho tôi ít dòng "thơ tếu" tựa đề là "Nỗi Niềm Thị Nở" của một ông tên là Huy Quang. Tôi thấy sự trùng hợp khá lý thú, nên xin chép bài thơ ấy ra đây, để quý Tòa soạn đọc cho vui:

Nỗi niềm Thị Nở

Người ta cứ bảo dở hơi,
Chấp chi miệng thế, lắm lời thị phi;
Dở hơi nào dở hơi gì
Váy em sắn lệch nhiều khi cũng tình;

Hàng ngày khối đứa sợ anh
Rượu be với miếng mảnh sành cầm tay
Sợ anh chưởi đổng suốt ngày
Chỉ riêng em biết anh say rất hiền;

Anh không nhà cửa bạc tiền
Không ưa nịnh hót, không yên phận nghèo,
Cái tên thơ mộng Chí Phèo
Làm em đứt ruột những chiều bờ ao,

Quần anh ống thấp ống cao
Làm em hồn vía nao nao đêm ngày
Khen thay con tạo khéo tay
Nồi này thì úp vung này chớ sao;
Đêm nay trời ở rất cao
Sương mù dày đặc, trăng sao lại nhòa...
Người ta mặc kệ người ta
Riêng mình em rất đàn bà với anh
Thôi thì đất lắm tiết trinh
Hồn em nhập bát cháo hành ngàn năm.

Nguyễn Văn Năng *(Houston, TX)*

Dân nhạc Việt và Mỹ: vài nhận xét và thắc mắc

Bài viết về Dân nhạc Việt và Mỹ của Giáo sư Lê Văn Khoa đưa đến vài nhận xét, và hai thắc mắc như sau:

— Bảng đối chiếu đăng nơi trang 62 của Thế Kỷ 21 số 84 cho rằng "tạng" Tâm và đôi tai ứng với hành Thổ, là sai: Tâm ứng với "hỏa", còn tai thì ứng với tạng thận và với hành "thủy." Ứng với tâm là cái lưỡi (*tâm khai cùng ư thiệt*), còn ứng với hành "thổ" là tạng Tỳ. Mặt khác, ứng với tạng Phế thuộc hành "kim" là cái mũi, chứ không phải là lưỡi. Rồi ứng với tạng Can không phải là phương Tây, hành "kim," mà là phương Đông hành "mộc," và Phế thì thuộc "kim" ứng với phương Tây chứ không thuộc "hỏa" ở phương Nam, v.v... Về màu sắc thì phương Đông thuộc hành "mộc," ứng với màu Xanh, chứ ít thấy ai nói đến màu tím. Vài sự đối chiếu khác cũng cần phải xét lại...

— Ấn Độ cũng có đàn Sitâr gồm bốn dây chính, (thủy tổ của đàn guitare, cũng chỉ có bốn dây cho đến khoảng thế kỷ 16), có lẽ cũng cùng nguồn gốc với cây đàn bốn dây của Hy Lạp được GS Khoa nhắc tới? Dân Hy Lạp và Ấn Độ cùng đến từ dòng giống Aryen, cùng có thuyết Tứ Đại (Thủy Thổ Hỏa Phong), nên có thể "âm thanh bốn bực" vào một thời kỳ nào đó của họ tương ứng với Tứ Đại?

— Tôi được nghe là âm giai của Ấn Độ cũng có bảy nốt như nhạc Tây phương, có đúng không? Nếu đúng thế thì việc chia âm giai thành bảy nốt ngự trị khắp "thế giới Ấn Âu", và người ta chỉ gặp sự chia âm giai thành năm nốt khi bước sang "thế giới Trung Hoa"? Chúng ta đều biết con số bảy là một con số mang tính biểu tượng rất lớn trong "thế giới Ấn Âu", nhưng lại không có cùng một giá trị trong văn minh Trung Hoa.

Nhiều năm về trước, khi GS Lê Văn Khoa giảng nhạc lý trên một chương trình truyền hình Việt Nam dành cho thiếu nhi, thì tôi là một trong những đứa nhi đồng ngồi há mồm trước màn ảnh nhỏ. Nay, tôi vẫn mong được sự chỉ giáo của GS, với tất cả lòng quý mến.

Nguyễn Hoài Vân *(Vitré, Pháp Quốc)*

Nỗi "đau khổ" trong cuộc sống sung túc

Đọc bài vở của *Thế Kỷ 21* rất thú vị, nhưng

Bạn Đọc của TK 21 cũng thú vị không kém. Mục "Bạn Đọc Viết" là mục tôi đọc đầu tiên sau khi nhận được tờ báo, lắm khi gặp nhiều điều hay hay, vừa tầm và hợp cảnh với mình (có lẽ vì cùng ở trong "vị trí" người đọc cả).

Đoạn thư của ông Lê Bá Trung ở Texas trong số 84 vừa rồi đã giải tỏa cho tôi một tâm trạng không yên ổn bấy lâu. Mình đang ở một xứ nghèo nhất thế giới là Việt Nam đột ngột vào ở một xứ giàu nhất thế giới là Hoa Kỳ thì không thể không cảm thấy nhiều nỗi "đau khổ" vì sự phí phạm, trong đó hành động "vứt đi" trở nên rất cần thiết nếu muốn... sống còn. Chuyện cỏn con vứt một cái ly giấy hay nhựa khi uống nước xong thực sự đã gây một "xung đột nội tâm" cho tôi và cho vợ tôi. Một vật dụng đẹp đẽ mới toanh như thế mà dùng chưa đầy một phút đồng hồ đã đến giai đoạn phế thải thì... đau thật. Nhưng biết làm thế nào? Giữ lại đầy nhà để làm gì, nếu không phải dồn thành một đống nhiều nhiều rồi cuối cùng cũng ôm mà vứt đi? Ôi mỗi cái việc tập cho quen hành động vứt đi (quen về tâm lý) cũng nặng nhọc lắm rồi!

Các ý kiến của gia đình ông Lê Bá Trung giúp tôi nhìn rõ vấn đề hơn. Mỗi thành viên gia đình ông đều rất ý thức về cuộc sống, và nói ra nhiều điều sáng sủa, cho phép tôi tự tìm kết luận cho mình: sự giản dị nằm trong lòng mình chứ không phải trong các phương tiện của cuộc sống. Xã hội tiến bộ đến đâu thì mình sống với điều kiện đó, nhưng vấn đề là đừng ham hố tham lam thì sẽ bớt khổ vì các ước ao không thực hiện được. Như thế giản dị không phải là cố tình giảm thiểu các điều kiện sống, đôi khi làm thế lại đâm rắc rối là đàng khác. Giảm thiểu đến độ có thể nói là phủ nhận như nghi can *Unabomber* Theodore J. Kaczynski (sống trong lều giữa rừng, hoàn toàn biệt lập với các tiện nghi của xã hội) thì có gọi là giản dị được không? Rõ ràng là không, vì lòng ông ta vẫn sục sôi một mối thù ghét xã hội, và gây ra nhiều cái khổ cho xã hội! Vậy thì phương tiện sống nào có tội tình gì, mà "tội" chính là do ở lòng của con người vậy.

Nguyễn Tấn *(Orange, CA)*

Ai phải nhường ai?

Tôi đọc bài "Vụ Án O.J. Simpson và Vấn Đề Chủng Tộc" của Trần Quán Niệm, đăng trong Thế Kỷ 21 số 79, tháng 11/1995, trang 49-51, đã nhận thấy có một điểm sai sự thực, và làm độc giả hiểu lầm sự kiện xảy ra trong vụ cô Rosa Parks không tuân theo luật lệ của Tiểu bang Alabama năm 1955.

Trang 50, dòng số 23 tác giả đã viết: ... "2) Ngày 1 tháng Mười Hai, 1955, một người đàn bà Mỹ đen tên Rosa Parks, nghề thợ may, đã từ chối nhường ghế ngồi trên xe bus cho một hành khách da trắng, theo luật lệ thời đó, vì chị này đã ngồi vào hàng ghế dành cho người da trắng trong khi người da màu chỉ được ngồi các hàng ghế sau mà thôi. Vì hành động này chị bị phạt $10." ...

Theo tài liệu tham khảo mà tôi đã được đọc trong thư viện là cuốn *Black Women in America: an Encyclopedia,* chủ biên Darlene Clark Hine do nhà Carlson Pub. Inc., xuất bản năm 1993, tập 2, trang 907-908 thì sự kiện đã được tường thuật rõ ràng và minh bạch hơn.

Trang 908, cuối cột 1 và đầu cột 2 đã ghi: ... *"This stand was sparked by Rosa Parks' refusal to give up her seat so that a white man could sit in* the first row of a section of a transit bus reserved for nonwhites. *According to de facto custom, when the section reserved for white passengers was filled, Black passengers were expected to give up their seats to those whites left standing. Parks was arrested for not complying and fined $14..."*

Như vậy, theo đoạn văn nêu trên thì cô Rosa Parks đã tuân theo luật pháp của tiểu bang Alabama thời đó và ngồi tại hàng ghế dành cho người da màu ở phía cuối của xe buýt chứ không phải là cô đã ngồi vào hàng ghế dành cho người da trắng. Sự kiện cô Parks đã không theo tập tục (de facto custom) của thời đó là cô đã không chịu nhường ghế mà cô được phép ngồi (vì ghế này đã được dành cho người da màu) và đứng dậy để cho người đàn ông da trắng lên xe buýt sau cô được ngồi vào ghế mà cô đang ngồi, đã chứng tỏ cho chúng ta thấy nạn kỳ thị màu da ở tiểu bang Alabama. Cô Parks đã bị cảnh sát bắt vì họ cho là cô đã vi phạm luật lệ của tiểu bang và bị phạt 14 đô la.

Vì sự kiện này mà dân da đen đã ủng hộ cuộc "tẩy chay xe buýt" và đẩy mạnh Phong Trào Đòi Dân Quyền của người da đen đến thành công.

Tôi xin kèm bản sao hai trang sách nói trên để tác giả Trần Quán Niệm tùy nghi giúp độc giả hiểu rõ vấn đề hơn.

Phạm Lệ-Hương *(Modesto, CA)*

Bà Phạm Lệ-Hương đã "nói có sách mách có chứng," lại chịu khó gửi cho chúng tôi mấy trang tài liệu cần thiết. Tòa soạn thấy rằng với bức thư đăng trên đây thì chi tiết sai biệt trong bài của tác giả TQN cũng đã được soi sáng đầy đủ. Xin chân thành cám ơn hảo ý của bà.

VAALA
(714) 537-8352

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của những tác giả sau:

Lê Thị Thấm Vân, Phạm Văn Tiên, Nguyên Thanh, Nguyễn Minh Cần, Phạm Anh Tuấn, Nguyễn Viết Ninh, Nguyễn Văn Hiếu, Trần Gia Phụng, Nguyễn Gia Liên, Trần Mộng Tú, Nguyễn Hữu Nhật, Ngọc Lan, Phạm Trọng Chánh, Nguyễn Văn Cường, Hàn Trúc, Nguyễn Đăng Ngọc, Nguyễn Văn Ngọc, Phan Nhật Nam, Đinh Cường, Trần Trung Tín, Nguyễn Thị Chân Quỳnh, Hạ Đỏ, Hiếu Đệ, Trần Minh Hiền, Cynthia My Huyen Nguyen, Đinh T.D., Võ Xuân Quang, Nguyễn Bích, Lâm Lễ Trinh, Gi Du, Hồng Khắc Kim Mai, Nguyễn Văn Năng, Phố Tịnh, Đoàn Xuân Kiên, Đặng Ứng Hà, Nguyễn Hoài Vân, Nguyên Ngọc, Hà Kỳ Lam.

Đoàn Xuân Kiên *(London, Anh Quốc)*: Cái đĩa lại trục trặc. Sau khi nhận được fax bổ túc của anh, mới khám phá ra mỗi bài không những chỉ trục trặc ở phần đầu mà còn có sự lộn xộn ở thân bài nữa. Vậy phiền anh một lần nữa gửi cho chúng tôi toàn văn bản in các bài ấy, thì mới an toàn. Xin cám ơn và thân chúc anh vui khỏe luôn.

Đinh T.D. *(Los Angeles, CA)*: Đã nhận được "The Rooftop," sẽ đăng. Rất hoan nghênh các sáng tác như thế. Chúc có nhiều cảm hứng để sáng tác.

Nguyễn Minh Cần *(Moscow, Nga)*: Hy vọng anh đã nhận được thư riêng của Trị sự xin anh ý kiến về mấy việc điều hành. Hiện nay hầu như ai cũng trông chờ để biết thêm về những "bí mật" của nơi anh đang ở, nhất là người Việt Nam thì mong biết những gì liên quan đến Việt Nam. Xin cám ơn anh những gì anh đã gửi, và cám ơn trước những gì anh sẽ gửi. Thân.

Nh.T. *(Washington State)*: Bạn viết rằng có cái thư gửi kèm để nhờ chuyển cho ông N.M.H., nhưng không thấy. Có lẽ bạn quên bỏ vào. Không sao, lúc nào cần cứ xin gửi về, chúng tôi sẽ chuyển. Cám ơn bạn về những tình cảm tốt đẹp bạn dành cho tờ báo. Chúc vui.

Nguyên Ngọc *(Montréal, Canada)*: Rất cám ơn chị đã gửi thư và thơ cho Tòa soạn để cùng chia sẻ sự mất mát vừa qua. Đó cũng là mất mát chung của bạn bè và văn giới. Mong chị sớm tìm thấy sự an ổn trong tâm hồn và trong cuộc sống. Thân kính.

Thanh Sung *(Potomac, MD)*: Đã nhận được thư, bài và ảnh hôm ra mắt sách. Đa tạ. Tâm sự của người sắp được tắm trong ao nhà xem ra ngổn ngang lắm! Thôi "chuyện chi thì cũng còn có đó," từ từ xem nước ao trong đục ra sao rồi sẽ tính sau. Kính chúc anh chị chuyến đi lý thú và nhiều ý nghĩa.

Gi Du *(Northridge, CA)*: Đã nhận được KPLLĐCĐ. Sẽ đăng. Mong thỉnh thoảng nhận được bài viết của ông. Thân.

Thư trên lưới

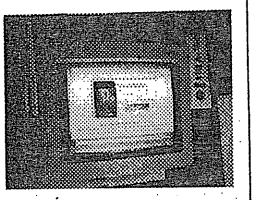

Mai Nguyen — bluefall@aol.com: Cám ơn bạn đã cho biết tin Binh từ Úc sang Cali vào tháng Bảy. Mong tin luôn. Thân ái.

LTL — 4212@trt-philips.fr: Theo thư trên lưới thì bài về PT đã gửi rồi, nhưng đến hôm nay cũng chưa nhận được. Anh gửi bằng disket hay e-mail, hay thư thường? Mong tin. Thân.

Dr. Dan Pham — dapdap@mem.po.com: Cám ơn anh đã hỏi ý kiến về việc trích đăng hai bài của TK 21. Xin cứ đăng với chú thích như đã thỏa thuận. Đã đưa thư sau (về việc gửi 10 số báo) cho cô PMS. Chúc thành công. Thân chào.

Phạm Thị Thu Hương (Pháp): Có người nhắn trên lưới nhờ hỏi Thu Hương việc sau đây: "Nếu có người em họ tên Nguyen Thi Vong Vang xin vui lòng cho biết tin tức qua 71154,121@compuserve.com hoặc hvxk10a@prodigy.com. Hoặc qua tòa soạn TK 21. Nếu không có, xin bỏ qua cho. Thân chào.

Ngô Tiến Dũng — dtiengo@aol.com: Cám ơn bạn đã cho hai ý kiến quý báu. Sẽ tìm cách thực hiện dần. Số 70 là báo tháng Hai 1995. Chúc vui luôn.

Diem ND — system@vlink.com: Cám ơn về tin trên lưới. Cùng lúc, đã nhận được bài đó và đăng trên số này. Nếu có gì mới, xin gửi cho. Thân chào.

Ha Nguyen — lmef41a@prodigy.com: Vẫn chưa nhận được attachment. Thử lại lần nữa coi. Thăm và chúc vui. Thân ái.

Dr. Qui-phiet Tran — qptran@hilconet.com: Cám ơn anh đã lưu ý về vụ cuốn sách đó. Bài sẽ sửa theo yêu cầu. Mong tin luôn. Thân chào.

Ly Hoang — lh@onthejob.ebay.com: Đã gửi ngay cuốn "Những Ngày Xa Xưa Ấy." Sách để lầm giá, nên có gửi thư nói lại cho rõ rồi. Rất cám ơn. Thân chào.

Pham Minh Nhat — 0541...@0nline.de: Web page đó cũ rồi, xin dùng cái mới: http://www.vietmedia/theky21.com. Trên cái mới có lời chỉ dẫn down load. Chúc bạn thành công.

Hộp thư tri sự

PHAN MỸ SƯƠNG

Độc giả gia hạn và độc giả mới:

Đậu Phương Mai (Vienna VA), Nguyễn Quốc Đạt (Garden Grove CA), Lê Duy Hồng (San Diego), Vũ Quốc Kha (Cranbury NJ), Quách Chiêu Thanh (AUSTRALIA), Việt Dương (Chicago IL), Liên Mai (St Petersburg FL), Nhất Tuấn (Olympia WA), Lê Văn Đức (Van Nuys CA), Đỗ Văn Thu (Chicago IL), Đỗ Ngọc (Montreal CANADA), Nguyễn H. L. (Vic AUSTRALIA), Vũ Văn Định (Westminster CA), Dương Phước Tấn (Fort Smith AR), Liêm Văn Can (Santa Ana CA), Đặng Chu (Midway CA), Nguyễn Công Oanh (Hayward CA), Uyên Jackson (Gardena CA), Hoàng Cầm (Jacksonville FL), Nguyễn Ngọc Hạnh (Fairfax VA), Võ Phạm Băng Diễm (Salem OR), Minh Trần (Thousand Oaks CA), Nguyễn Thanh Phàn (San Diego CA), Đỗ Nguyên Thái (Tulsa OR), Mac Binh (El Monte CA), Nguyễn Văn Can (Norcross GA), Dung Nguyễn (Chicago IL), Nguyễn Thanh Giản (Pinole CA), Phan Kim Nguyên (Oakland CA), Nguyễn Hữu Hùng (North York Ont CANADA), Nguyễn Như Lưu (AUSTRALIA), Nguyễn Tùng (Edmonton AB CANADA), Minh Tiến Lê (Brossard PQ CANADA), Nguyễn Đức Tùng (Toronto Ont CANADA), Lynn Thái (Langley BC CANADA), Nguyễn H. L. (AUSTRALIA), Phạm Thị Huyền (Sunnyvale CA), Nguyễn Thị Ngọc Chi (Tustin CA), Mai Viết Thụy (AUSTRALIA), Nguyễn Hưng Quảng (Bridgeport CT), Lê Ngọc Minh (Los Angeles CA), Trần Anh Dũng (Houston TX), Phan Chinh (Monterey Park CA), Lê Ngọc Thủy (FRANCE), Trần Thị Anh Thư (Portland OR), Lê Thị Hiếu (Atlanta GA), Lý Quốc Hồng (FRANCE), Trịnh Xuân Phong (Garden Grove CA).

Bùi Tuấn *(Eden Prairie MN)*: Tòa soạn đã gởi báo tặng đến LT từ số Tân Niên (#83). Thế Kỷ 21 xin cám ơn sự hỗ trợ của ông. Kính.

Trần Ngọc Giác *(Tokyo JAPAN)*: Đã chuyển địa chỉ nhận báo sang NĐC từ số Tháng Năm 1996. Cám ơn lời chúc tốt đẹp của ông. Kính.

Từ Văn Đạt *(New Hope MN)*: Đã gởi Tuyển tập HSP và TK 21 số 81 đến ông. Ban phát hành cũng đã chuyển cách gởi báo sang *first class* từ số 85. Chúc ông vui, khoẻ. Kính.

Nguyễn Xuân Thuyên *(Santa Ana CA)*: Đã nhận được chi phiếu gia hạn đến số 109. Báo đã được gởi về địa chỉ mới từ số 84. Cám ơn lời thăm hỏi của ông. Kính.

Đặng Văn Giang *(Austin TX)*: Sách mới nhất của nhà xuất bản Thế Kỷ là cuốn "Những Ngày Xa Xưa Ấy," xin ông vui lòng xem quảng cáo trong số báo này. Kính.

Lý Minh Tâm *(Wichita KS)*: Đã gởi đến ông những số báo 30, 42, 69 và 72. Cám ơn ông đã giới thiệu TK 21 đến quý bằng hữu. Kính.

Thanh Tuệ *(Paris)*: Đã gởi báo số tháng Ba, tháng Tư đến ông LQH và cũng đã lên danh sách độc giả dài hạn cho ông. Cám ơn lá thư "thông báo" của anh đã giúp ban phát hành kịp thời "chấn chỉnh." Thân kính. ■

Tìm đọc:

NHỮNG NGÀY XA XƯA ẤY

Hồi ký của THU TÂM
(người yêu của Trần Huy Liệu)

Vào tuổi thanh xuân, Thu Tâm yêu say đắm Trần Huy Liệu — một nhà hoạt động cộng sản nổi tiếng, trước kia là đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng. Mối tình nồng thắm giữa hai người kéo dài chưa được bao lâu thì bị cắt đứt. Vì... *Bạn hãy đọc, để biết vì sao. Bạn phải đọc, để nhìn lại được đời sống xã hội, nhất là tình yêu, của lứa tuổi hai mươi Việt Nam thập niên 30.*

Thế Kỷ xuất bản. Bìa Khánh Trường.
120 trang. Giá $10.00.
Liên lạc: Thế Kỷ
11022 Acacia Parkway #AGarden Grove CA 92640 USA
Tel (714) 638-9510. Fax (714) 638-1944
E-mail: theky21@ix.netcom.com

XÃ HỘI CÔNG DÂN VÀ HIỆU QUẢ CỦA THỂ CHẾ DÂN CHỦ

VƯƠNG HỮU BỘT

Nhiều người cho rằng chế độ dân chủ Tây phương không thích hợp với Đông phương. Mấy cuộc bầu cử ở Đài Loan, Đại Hàn, và lâu nay ở Nhật Bản, cho chúng ta thấy các định chế dân chủ đem dùng thử cũng thành công ở các xứ gốc văn hóa Khổng Mạnh: dân chúng, các đảng phái đều tham dự tích cực và họ có vẻ bằng lòng với "luật đấu của trò thể thao mới." Thay vì để súng đẻ ra quyền hành (như Mao vẫn nói) thì có thể dùng lá phiếu bầu cử, cách đó văn minh. Cãi nhau trên báo chí và trong nghị trường cũng có vẻ văn minh hơn ám sát, bắt cóc hay thủ tiêu nhau.

Nhưng ví thử các dân tộc Á châu đều nhập cảng những định chế dân chủ Âu Mỹ vào xứ mình, thì các nước đó có thể dân chủ hóa nhanh chóng và tạo nên đời sống ấm no hay không?

Vội vàng trả lời có hay không đều trái tinh thần khoa học. Các định chế nhập cảng không phải bao giờ cũng thành công, hay chắc chắn sẽ thất bại. Các nghiên cứu chính trị gần đây cho biết thành lập định chế dân chủ không thôi chưa đủ. Có một yếu tố cần để xây dựng dân chủ (và mở mang kinh tế) mà lâu nay chúng ta ít bàn đến là việc xây dựng xã hội công dân.

Thảo luận về Xã Hội Công Dân

Ở Đông Âu các nhà trí thức đã nêu ý tưởng phục hồi xã hội công dân từ thập niên 1980, Václav Havel là một thí dụ. Cuộc cách mạng ở Đông Âu không phải chỉ thay đổi đảng cầm quyền (nhiều nơi đảng cộng sản đã trở lại chính quyền bằng cửa chính, qua lá phiếu, nhờ họ thích ứng nhanh chóng với luật giao đấu trong sân banh mới.) Nhưng các biến cố ở Đông Âu từ năm 1989 có tính cách mạng vì sau dăm năm đã tạo nên một kết quả, là sự tái lập của một lãnh vực sinh hoạt tư nhân ngoài phạm vi của chính trị. Kết quả đó sẽ tồn tại bền bỉ, và có ảnh hưởng lâu dài.

Trong cuốn sách *Các Điều Kiện của Tự Do*, Ernest Gellner, đã rời Anh trở về quê hương Tiệp, kết luận rằng dùng ý niệm **Xã Hội Công Dân** hay hơn ý niệm **Dân Chủ** vì nó cho ta biết các điều kiện cần thiết để người dân có thể lựa chọn tự do, tham dự vào việc quản lý xã hội.

Ở Trung Quốc cuộc bàn cãi về xã hội công dân cũng bắt đầu khá sớm. Năm 1986 báo *Thiên Tân Xã Hội Khoa Học* (số 4) đã bàn đến đề tài này. Bài báo có vẻ được các giới chức trong đảng chấp nhận, nên đăng lại trên *Nhân Dân nhật báo* (24-11-86), chứng tỏ chính sách đảng lúc đó khá cởi mở.

Báo *Khoa Học Xã Hội* ở Thiên Tân bàn rằng khi Karl Marx viết về *burgerliche Gesellschaft* mà người Trung Quốc dịch là *Tư sản chủ nghĩa xã hội*, đúng ra phải dịch là *Thị dân xã hội* vì chữ *Burg* nghĩa gốc là thành thị. Do đó cũng phải nói "thị dân quyền lợi" thay vì "tư sản chủ nghĩa quyền lợi." Vì thị dân bao gồm cả tư sản lẫn vô sản. Do đó các quyền lợi, mà người ta gọi là quyền công dân, không có tính cách phân biệt giai cấp. Cách đặt vấn đề này cũng giống như Trần Đức Thảo bàn chuyện "con người" ở Việt Nam, nhưng cụ Thảo nói chuyện có vẻ thuần túy triết lý, có vẻ cao xa, cho nó an toàn.

Tờ *Lý Luận Nguyệt san* số 1 năm 1988 còn bàn đến sự tôn trọng quyền công dân, và ý thức công dân phải được nâng cao. Tờ *Chính Trị Học Nghiên Cứu* số 5 năm 1988 phân biệt "quần chúng xã hội" ở Trung Quốc và "công dân xã hội" ở Tây phương, đưa đến kết luận rằng khi nào người dân không nghĩ mình chỉ là một phần của một đám đông, mà mỗi người còn là một công dân với tư cách cá nhân nữa, thì ý thức công dân mới lên được. Khi đó mới bảo đảm được tự do, dân chủ, thay thế lối "lấy người cai trị" (nhân trị) bằng lối "cai trị qua luật pháp" (pháp trị).

Những lời bàn luận trên không đánh lừa được các người "mác xít chân chính" ở Trung Quốc, họ rất thuộc bài. Marx đã mượn từ ngữ "burgerliche Gesellschaft" của Hegel, mà cụ Hegel (trong *Triết Lý về Quyền - Philosophie des Rechts*) cũng chịu ảnh hưởng của Adam Smith và Adam Ferguson. Hegel cũng như Ferguson cho hoạt động kinh tế, tức thị trường, chỉ là một phần của Xã Hội Công Dân. Marx thu khái niệm của Hegel vào một ý nghĩa hẹp hơn, thuần kinh tế và mang tính đấu tranh giai cấp. Ông coi "cái gọi là xã hội công dân" chỉ là một "trò bịp" của giai cấp tư sản. Cho nên khi người cộng sản Trung Hoa dùng chữ "xã hội tư sản chủ nghĩa" để dịch

burgerlicher Gesellschaft là họ dịch đúng ý của Marx. Tạp chí *Triết Học Nghiên Cứu* năm 1990, sau biến cố Thiên An Môn, đã "chỉnh" đốn, cho các học giả vào hàng ngũ trở lại.

Nếu Marx cho xã hội công dân là trò bịp, điều này phù hợp với lối suy luận quen thuộc của ông. Theo ông, chính phủ dân chủ là trò bịp, xã hội công dân chỉ là cánh tay khác, bên cạnh nhà nước để giai cấp tư sản thống trị.

Chế độ dân chủ giúp xã hội chia hai phạm vi sinh hoạt, chính trị lo việc cầm quyền, sử dụng quyền qua bộ máy nhà nước, và phạm vi còn lại của xã hội gồm các chuyện "lặt vặt" như buôn bán làm ăn, ca hát, cứu trợ, lễ bái, v.v... để cho mọi người tự lo lấy, ngoài phạm vi thẩm quyền nhà nước. Theo Karl Marx chính cái đó là trò bịp, để giai cấp tư sản thống trị. Coi sự phân biệt đó là trò giả mạo thì đổi lại, người mác xít chủ trương thu gồm tất cả lại, không phân biệt lãnh vực công và lãnh vực tư nữa. Chính trị sẽ bao gồm hết các mặt sinh hoạt của xã hội: kinh tế, thể thao, văn nghệ, ... tất cả trở thành một khối nhất quán, do chính trị lãnh đạo hết!

Khi các nhà trí thức Trung Quốc mang vấn đề phân biệt công dân vói quần chúng, quyền thị dân và quyền tư sản, ra bàn, họ chứng tỏ đức dũng cảm, xứng đáng truyền thống "Tại Tề Thái sử Giản - Tại Tấn Đổng Hồ bút" (Chính Khí Ca, Văn Thiên Trường.) Họ có giá trị — cao hơn là sự lượng giá của Mao Trạch Đông. Chắc hẳn các cuộc thảo luận của họ ảnh hưởng đến thanh niên trí thức ở Thiên An Môn năm 1989.

Những người trí thức đem thảo luận lại chuyện xã hội công dân ở Đông Âu, Nga, và Trung quốc vì họ đã nhìn thấy điều quả quyết của Marx có cái gì không ổn. Trong việc phê phán xã hội tư sản cũng như trong việc áp dụng quan niệm mác xít về tổ chức xã hội, họ cảm thấy còn nhiều lấn cấn. Cái lấn cấn đó, người ta "cảm thấy trên da thịt," như Hà Sĩ Phu thường nói. Ở Việt Nam, Nguyễn Khắc Viện cảm thấy tình trạng "nhất quán" đó không ổn, nên ông đề nghị đảng cộng sản nên rời bỏ quyền hành mà trở về lãnh đạo nhân dân thôi. Ông cũng hình dung một thể chế mới trong đó, bên cạnh các công ty liên quốc đầy quyền lực và nhà nước, có một lãnh vực sinh hoạt tư độc lập và làm đối trọng với nhà nước. Lữ Phương cũng viết về xã hội công dân mà ông hiểu là tất cả các hoạt động tư, ngoài kế hoạch, ngoài biên chế nhà nước. Ông thấy nó trong các hoạt động "chui" đầy rẫy chung quanh, và kết luận rằng xã hội công dân ở Việt Nam vẫn sống đấy.

Một cuộc nghiên cứu về thay đổi định chế

Có một điều còn thiếu trong các thảo luận về xã hội công dân ở Việt Nam và Trung Quốc là các học giả thường bàn luận triết lý, có vẻ an toàn nhưng không có tính thực tế. Nhưng việc nghiên cứu về đề tài xã hội công dân có thể dùng một khảo hướng khác, dùng các trường hợp cụ thể, có đo lường, một cách khách quan hơn. Mục đích bài này, có tính cách thông tin, là trình bầy một cuộc nghiên cứu khách quan đó.

Trong bài này chúng tôi sẽ tóm lược một cuộc nghiên cứu về cải tổ chính trị, tản quyền và dân chủ hóa ở nước Ý, của Robert D. Putnam, in thành sách năm 1993: *Làm cho thể chế dân chủ có hiệu quả - Making Democracy Work*. Cuốn sách này đã mau chóng trở thành một "tác phẩm cổ điển" trong môn chính trị học trong mấy năm qua. Câu chuyện đầu đuôi xin kể lại dưới đây.

Từ khi lập quốc, năm 1870, nước Ý vốn có một chế độ trung ương tập quyền, tất cả các con đường đều dẫn về Roma. Chế độ mô phỏng Napoléon (hay Tần Thủy Hoàng) đó rất cần cho quốc gia mới. Lúc lập quốc chỉ có 10% dân chúng nói "tiếng Ý." Họ đã sống hàng ngàn năm như các tiểu quốc riêng, kinh tế, chính trị, địa dư đều phân cách.

Hiến pháp năm 1948 dự trù các "vùng" (giống như các tỉnh ở Việt Nam, nhưng qua lịch sử chia cách từ lâu đời) được bầu cử chính quyền. Nhưng lúc đầu chỉ đem áp dụng ở năm vùng đặc biệt. Năm 1968 quốc hội Ý mới chính thức ban hành luật tổ chức bầu cử cho tất cả các vùng. Năm 1970 bầu "nghị hội vùng," từ đó bầu chủ tịch vùng, và nội các (giunta) của vùng. Nghị hội mỗi vùng tự soạn lấy quy chế giống như hiến pháp của vùng. Người ta hy vọng rằng cuộc cải tổ này sẽ đưa Dân chủ xuống tận hạ từng, nhờ thế **dân chúng sẽ tham gia vào việc chính trị nhiều hơn, chính quyền sẽ đáp ứng nhu cầu của dân hơn, kinh tế và xã hội phát triển hơn.** Cuộc khảo sát của Putnam cốt để coi những kỳ vọng trên có thành sự thật hay không. Nhiều nhà nghiên cứu chính trị cho rằng thay đổi định chế thì thay đổi đời sống, tác phong người cai trị và người bị trị. Trường phái "Định Chế" đó có lý đến chừng mực nào?

Năm 1970 Putnam đang là một nghiên cứu sinh ở Roma thì cuộc cải tổ chính trị có tính cách tản quyền trên diễn ra. Ông bèn thực hiện một cuộc nghiên cứu, kéo dài suốt 20 năm, để đo lường Hiệu Quả của cuộc cải tổ này. Báo cáo của ông là kết quả 20 năm khảo sát đó. Ông đã thực hiện nhiều đợt phỏng vấn các nghị viên vùng, các nhà lãnh đạo thuộc nhiều phạm vi sinh hoạt, và nghiên cứu dư luận người dân thường.

Mục đích cụ thể của cuộc khảo sát là: Các định chế mới có thay đổi tác phong các nhà chính trị vùng hay không? Có thay đổi cơ cấu ảnh hưởng chính trị địa phương không? Dân chúng có thấy sự thay đổi nào không? Định chế mới ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế như thế

nào? Ảnh hưởng đến đời sống cộng đồng, tinh thần tham dự và tính chất bình đẳng của đời sống dân chúng như thế nào? Sau khi thấy kết quả khác biệt về Thành Quả cuộc cải tổ giữa các vùng, ông đi tìm nguyên nhân, trong đời sống xã hội, và trong lịch sử.

Kết quả cuộc nghiên cứu cho thấy sau 20 năm đời sống chính trị các vùng đã thay đổi. Chính quyền vùng gần gũi và đáp ứng đúng nhu cầu của dân hơn. Các nhà chính trị thay đổi, trở nên ôn hòa hơn, bớt quá khích, thực tế hơn khi giải quyết các xung đột thay vì quá chú trọng đến ý thức hệ. Thái độ của các nhà chính trị và lãnh đạo trong khu vực tư ở các vùng đối với chính phủ trung ương cũng ôn hòa hơn, không chống đối nhiều như trước. Tỷ số dân chúng cảm thấy hài lòng hay rất hài lòng đối với chính quyền vùng tăng lên dần, gần gấp rưỡi từ năm 1977 đến 1988. Nhưng dân ở những vùng phía bắc nói họ hài lòng có tỷ số cao hơn hẳn ở các vùng miền nam nước Ý.

Đo lường thành quả cải tổ định chế

Sự khác biệt giữa các vùng, về thái độ hài lòng của dân cũng như về thành quả của việc cải tổ mới là điểm đáng chú ý trong cuộc nghiên cứu này.

Để đo lường "Thành Quả" của 20 năm cải tổ định chế, Putnam dùng 12 chỉ số (*indicator*). Có các chỉ số để xem chính phủ vùng có hiệu năng trong công việc hay không, như biểu quyết ngân sách, thâu lượm và cung cấp tin tức, làm ra các đạo luật đáp ứng nhu cầu của dân, và các đạo luật phù hợp với nhau. Có những chỉ số đo lường hiệu quả thực hiện các chính sách nhắm gia tăng phúc lợi cho dân, như con số nhà giữ trẻ, chẩn y viện gia đình, chính sách phát triển kỹ nghệ, nông nghiệp, số chi tiêu về y tế, về gia cư, và đo lường mức độ cơ quan nhà nước có đáp ứng nhanh chóng khi người dân thường cần đến họ hay không.

Tác giả đã trắc nghiệm và thấy các chỉ số trên phù hợp với nhau (*coherence*) và có độ tin cậy (*reliability*) cao. "Chỉ số Thành quả," tổng hợp 12 chỉ số trên, cũng tỷ lệ thuận với mức độ hài lòng của dân chúng (chỉ số r, *Correlation* cao). Nói cách khác, người dân biết thế nào là chính phủ tốt, chính phủ xấu, thước đo khách quan và nhận xét chủ quan của dân có cùng một kết quả.

Nhưng khi phân tích Chỉ Số Thành Quả giữa các vùng, tác giả thấy sự khác biệt rất xa. So sánh hai vùng có cùng một loại định chế chính trị và cùng một mức ngân sách chi tiêu, mà thấy hiệu quả của việc cải tổ khác nhau thì lấy yếu tố nào giải thích sự khác biệt này? Theo các lý thuyết xã hội học đương thời, tác giả chú ý đến hai cách giải thích. Thứ nhất là mức độ hiện đại hóa trong kinh tế và xã hội (*socioeconomic modernity*) có thể ảnh hưởng đến hiệu quả của việc áp dụng thể chế dân chủ. Thứ hai là Trình Độ Công Dân (*civic community*) trong đó có tinh thần liên đới, cộng tác của người dân, và sự tham gia tích cực của họ vào đời sống cộng đồng.

Lối giải thích bằng kinh tế chứng tỏ có phần đúng. Trong số 15 vùng khảo sát, các vùng tiến bộ về kinh tế có Chỉ Số Thành Quả cao hơn những vùng nghèo, chia thành hai nhóm rõ rệt, các vùng giầu có thì Thành Quả cao hơn.

Nhưng yếu tố kinh tế không thể giải thích được sự khác biệt giữa các vùng bên trong mỗi nhóm trên. Thí dụ, trong nhóm kinh tế thấp, vùng Campania giầu hơn hai vùng Molise và Basilicata. Nhưng chính quyền ở hai vùng sau, sau 20 năm dân chủ hóa, lại có hiệu quả tiến xa hơn hẳn Campania.

Trong nhóm các vùng kinh tế giầu hơn cũng vậy. Lúc bắt đầu cuộc cải tổ, năm 1970, ba vùng kỹ nghệ hoá cao nhất là Lombardia, Piemonte, và Liguria giầu có hơn hẳn Umbria và Emilia-Romagna. Nhưng Chỉ số Thành Quả ở hai vùng sau lại cao hơn ba vùng trước. Nghĩa là **sự trù phú và mức độ phát triển kinh tế không thôi không đủ để giải thích sự khác biệt về thành quả của việc cải tổ, dân chủ hóa, và tản quyền.** Putnam quay sang thử dùng lối giải thích thứ hai, Trình Độ Công Dân.

Ông đã trắc nghiệm mối liên hệ giữa Thành Quả và Trình Độ Công Dân. Ý niệm về Trình Độ Công Dân được cụ thể hóa nhờ nhiều cuộc nghiên cứu trước. Năm 1963 hai tác giả Gabriel A. Almond và Sidney Verba ấn hành một cuốn sách về *Tinh Thần Công Dân: Thái độ chính trị và Nền Dân chủ ở năm quốc gia* (*Civic Culture: Political Attitudes and Democracy in Five Nations*), trong đó họ khảo sát thực địa những nước Mỹ, Anh, Mễ Tây Cơ, Đức, Ý. Họ đã định nghĩa khái niệm Tinh Thần Công Dân (*Civic Culture*) bằng các yếu tố cụ thể, đo lường được. Cuốn sách đó ảnh hưởng lớn đến các cuộc nghiên cứu thực nghiệm sau này về thành quả của chế độ dân chủ, trong các môi trường văn hóa, xã hội và kinh tế khác nhau. (Nó cũng ảnh hưởng cả đến chính sách viện trợ của chính phủ Mỹ, khi họ tìm cách giúp trực tiếp các tổ chức tư nhân ở các nước nghèo, để thúc đẩy tiến trình dân chủ hóa và phát triển kinh tế. Một điều mà họ chưa hiểu lúc đó là các định chế ngoại nhập, dù là tư nhân và nhỏ, mà thiếu yếu tố tự nguyện tham gia và tự trị của người đại phương thì khó thành công. Năm 1984, Milton J. Esman và Norman T. Uphoff ấn hành cuốn khảo sát về *Các tổ chức địa phương Trung gian trong việc Phát triển nông thôn*, chương cuối đã nhấn mạnh đến khía cạnh này.)

Một xã hội có Tinh Thần Công Dân cao khi người dân tự nguyện tham gia vào việc chung, ngay cả khi họ vẫn theo đuổi tư lợi trong đời sống kinh tế. Một xã hội thiếu tinh thần công dân khi mọi người ích kỷ, chỉ nghĩ đến quyền lợi riêng của gia đình mình. Edward Banfield gọi đó là tinh thần "duy gia tộc phi luân lý" — *amoral familism* — khi khảo sát làng Montegrano năm 1958. Ông thấy một xã hội mà cơ bản tinh thần trong đó là mỗi người chỉ lo làm giầu ngắn hạn, cho gia đình mình, là nguồn gốc của sự nghèo đói, và chậm tiến. "Tình trạng nghèo khó và chậm tiến cùng cực chỉ có thể giải thích bằng chuyện dân làng không thể cộng tác lo cho các việc chung" (*The Moral Basis of a Backward Society*). Banfield đã áp dụng quy tắc đó khi nghiên cứu các khu ổ chuột trong thành thị ở Mỹ.

Trong một xã hội có tinh thần công dân, mọi người có những liên hệ hàng ngang, hỗ tương cộng tác, mối ràng buộc đó mạnh hơn liên hệ hàng dọc theo lối "thầy-tớ" hay "ở trên - ở dưới," truyền từ thời phong kiến. Tinh thần công dân biểu lộ qua óc tôn trọng sự bình đẳng, người ta có tính khoan hòa (*tolerance*), lòng tín nhiệm lẫn nhau, thành thật, đoàn kết với nhau hơn.

Một biểu hiện của tinh thần công dân là sự phát triển tự nhiên của những hội tư, những nhóm tham gia tự nguyện, như Tocqueville nhận xét về *Nền Dân Chủ ở Mỹ Châu*. Nhờ sinh hoạt trong các hội, nhóm (không có tính cách chính trị) đó, người ta tạo thói quen cộng tác, tinh thần công ích. Nhờ sự có mặt của nhiều nhóm, nhiều hội tư nhân, sự thực hiện nền dân chủ cũng có hiệu quả hơn. Đó là một thành phần không thể thiếu trong xã hội dân chủ.

Để đo lường Trình Độ Công Dân, Putnam đã dùng bốn chỉ số. Thứ nhất là số các hội tư, từ các hội đá bóng, ca đoàn, hội những người leo núi, nhóm văn nghệ, thể thao, âm nhạc, khoa học, tổ chức thương mại, y tế, v.v... Có những vùng ở Ý các hội tư phát triển rầm rộ, có những vùng khác dân chúng thích sống lẻ loi, chỉ biết có gia đình mình.

Chỉ số thứ hai là số báo chí địa phương, số người đọc báo. Có vùng như Liguria 80% các hộ có ít nhất một người đọc báo hàng ngày, có nơi như Molise chỉ có 35%.

Chỉ số thứ ba là tỷ lệ người đi bầu.

Chỉ số thứ tư, đặc biệt chỉ có ý nghĩa trong đời sống chính trị ở Ý, cần giải thích, là số phiếu bầu đích danh. Ở nhiều nơi đảng phái chỉ là hình thức, dân chúng bầu cử theo "chỉ thị" của các ông trùm địa phương. Liên hệ "thầy - tớ" (*patron - client*) đó là dấu hiệu thiếu tinh thần dân chủ trong đời sống chính trị. Liên hệ thầy - tớ phát sinh vì sự mua chuộc, vì đe dọa, hay vì lệ thuộc vào tôn giáo, gia tộc, v.v... truyền từ lâu đời.

Trong các cuộc bầu cử toàn quốc ở Ý, cử tri chọn một đảng, mỗi đảng được một số ghế dân biểu theo tỷ lệ số phiếu được bầu, rồi chọn trong danh sách ứng cử viên của đảng số người đắc cử, theo thứ tự đảng chọn. Nhưng cử tri có quyền "chọn đích danh" một ứng cử viên trong danh sách. Các nghiên cứu chính trị ở Ý từ nhiều năm vẫn thấy rằng số người bầu theo lối đích dand này là dấu hiệu của tình trạng thiếu tinh thần công dân. Cử tri chọn bầu đích danh không phải là họ chọn đường lối, chủ trương chính trị, mà họ chọn vì tình cảm cá nhân, phe phái, vì mang nợ qua liên hệ "thấy - tớ." Số phiếu bầu dích danh là một chỉ số chứng tỏ một vùng thiếu Tinh Thần Công Dân. Putnam đã thử, và thấy chỉ số này thay đổi theo tỷ lệ nghịch với chỉ số thứ ba (tỷ số dân đi bầu).

Khi tìm mối liên hệ giữa các Chỉ Số Tinh Thần Công Dân và Chỉ số Thành quả, Putnam thấy hai bên có mối liên hệ rất cao. Sự khác biệt về Thành Quả giữa các vùng không thể giải thích hoàn toàn bằng yếu tố kinh tế, như trình bầy ở trên, thì có thể giải thích do sự khác biệt về Chỉ số Tinh Thần Công Dân.

Tinh thần công dân và xã hội công dân

Kết quả cuộc khảo sát cho thấy Trình độ Tinh thần công dân là yếu tố quan trọng nhất để định chế dân chủ thành công. Các vùng ở miền nam Ý có trình độ thấp hơn ở miền bắc, tác giả đã

dùng một chương để giải thích nguồn gốc lịch sử, từ thế kỷ 11 tạo ra tình trạng này. Tại các tiểu quốc miền bắc, từ thời Trung Cổ đã có các định chế phát triển tinh thần cộng đồng, hợp tác, và các mối liên hệ theo hàng ngang. Ngược lại các tiểu quốc miền nam phát triển các liên hệ hàng dọc, có tính cách chủ-tớ, từ thời Trung Cổ.

Putnam đã nghiên cứu kỹ hơn sáu vùng để biết những yếu tố khác liên quan đến tinh thần công dân (TTCD). Có một số nhận xét đáng chú ý chúng tôi xin thuật tóm lược:

Ở các vùng TTCD cao (miền bắc trình độ học vấn của người dân thường cao hơn ở miền nam chút đỉnh), nhưng lớp người lãnh tụ chính trị (*political elite*) ở miền nam lại cao hơn ở miền bắc. Ở miền có TTCD cao thì 33 đến 40% các nghị viên đậu đại học, phần còn lại nghị viên thuộc giới bình dân. Nhưng ở miền nam 87% nghị viên đã qua đại học, phần lớn họ thuộc vào một tầng lớp vốn được ưu đãi. Ở hai vùng Calabria (tinh thần công dân và thành quả thấp nhất) và Emilia-Romagna (cao nhất) trình độ học vấn của dân chúng gần như nhau.

Số người tham gia các đảng chính trị ở hai miền không khác nhau, chỉ có tính chất việc tham gia khác nhau. Tinh thần công dân cao khi việc vào đảng dựa trên chủ trương, chính sách khác nhau, và thấp khi người ta vào đảng để chia chác, xin ân huệ hay vì lý do cá nhân khác.

Ở miền TTCD cao người dân có lòng tín hiệm cao hơn, tôn trọng luật pháp hơn, và tin rằng người khác cũng tôn trọng luật pháp. Ngược lại, ở miền TTCD thấp người ta không trọng luật và tin là người chung quanh đều như thế cả, tìm cách trốn thuế, hay vi phạm luật lưu thông, — ai tôn trọng luật bị gọi là cù lần (*fesso*). Nhưng chính trong các vùng TTCD thấp đó lại hay có lời kêu gọi "thượng tôn pháp luật" nhiều hơn.

Một khám phá quan trọng được Putnam tường thuật là về tình trạng phân chia đảng phái, ý thức hệ, xung đột xã hội. Ông thấy Thành Quả cao hay thấp của chính quyền dân chủ hóa không liên hệ gì đến sự "phân cực" (*polarization*), chia ra hai phe tả hữu chống đối nhau trong xã hội, trong ý thức hệ và trong đảng phái. Số lượng đảng phái nhiều cũng không làm cho thành quả thấp. Số lượng cuộc đình công, sự chênh lệch giầu nghèo trong nội bộ mỗi vùng cũng không ảnh hưởng đến Thành Quả. Một xã hội có Tinh Thần Công Dân cao không nhất thiết lúc nào cũng hòa hợp (*harmonious*) và tránh hết mâu thuẫn. Như Benjamin Barber viết: "Một chế độ dân chủ vững mạnh... người dân kết hợp lại không phải vì có các quyền lợi thuần nhất mà do có giáo dục tinh thần công dân... do thái độ trọng công ích, và các định chế để họ tham gia, hơn là do tính vị tha hay bản chất thiện của người dân. Nền Dân chủ vững mạnh cùng đi với, và tùy thuộc đời sống chính trị có xung đột, xã hội nhiều khuynh hướng, và sự phân tách lãnh vực công với lãnh vực tư."

Lúc đầu, sau sáu năm khảo sát, Putnam thấy sự bất ổn xã hội vì thay đổi trong dân chúng quá nhanh làm cho thành quả thấp, nhưng sau 20 năm nghiên cứu ông thấy sự thay đổi nhanh chóng trong xã hội không ảnh hưởng gì cả.

Báo cáo của Putnam còn nhiều phần có tích cách lý thuyết quan trọng, nhưng chúng tôi chỉ muốn chọn phần thực nghiệm để trình bầy với quý vị. Một công trình 20 năm làm việc một cách khoa học chắc còn cho chúng ta nhiều bài học khác.

Có thể xây dựng dân chủ ngay bây giờ

Khi nói đến việc dân chủ hóa nước ta, chúng ta thường nghĩ đến việc thay đổi hiến pháp, chính quyền, người cầm quyền. Nhưng khi chưa thay đổi được những thứ đó thì không phải là chúng ta không thể bắt đầu dân chủ hóa. Việc dân chủ hóa có thể bắt đầu ngay bằng việc tạo nên những hạt nhân của một xã hội công dân. Ở nước ta hiện nay nhà cầm quyền vẫn kiểm soát chặt chẽ các sinh hoạt đông người, dù có mục đích thể thao, văn hóa hay từ thiện. Nhưng ngay trong khuôn khổ đó có các sinh hoạt tư bắt đều xuất hiện ở tầm cỡ nhỏ mà nhà cầm quyền phải làm ngơ. Nhiều đoàn Hướng Đạo, Gia Đình Phật Tử, các bà sơ làm việc thiện, trại nuôi người cùi của Phật giáo và Công giáo đều hoạt động. Những hoạt động thanh niên, thể thao cũng phát triển được mà không chính quyền nào cấm nổi. Ở miền nam Việt Nam từ năm 1964 đã có những hoạt động thanh niên phát triển tự nhiên như vậy, đó là những chuẩn bị cho thanh niên tập thói quen và học kỹ thuật sinh hoạt tập thể, dù với mục đích ca hát, thể thao hay làm việc xã hội.

Ngay cả các đảng viên cộng sản Việt Nam, nếu đồng ý việc phát triển Xã Hội Công Dân là chuyện cần làm thì họ không cần bàn luận triết lý gì cả, có thể khởi xướng gây các hạt nhân của xã hội công dân ngay từ bây giờ. Trước 1945 dân ta đã bắt đầu như vậy với các hội truyền bá quốc ngữ, phong trào nhà ánh sáng. Năm 1945 có cả một phong trào các đoàn thể dân chúng tự động mọc lên như được mùa. Chỉ tiếc là sau đó các đoàn thể đều bị "quốc hữu hóa" cả, nếu không thì Tinh Thần Công Dân của người mình bây giờ đã cao lắm. Khi nhìn vào đời sống trong làng xã cổ truyền, chúng ta thấy có sẵn các truyền thống tốt, từ các tổ chức tương tế, ca hát, đến chơi hụi (đóng họ), đổi công, v.v... Cho nên chúng ta có thể hy vọng dân ta là một mảnh đất tốt để gieo hạt giống dân chủ.■

TÊN GỌI TIẾNG VIỆT CỦA *SOCIETAS CIVILIS*

TRẦN THANH HIỆP

"Xã hội dân sự" một danh tự hiện chưa mấy người nói tới nhưng chắc rồi đây có cơ trở nên rất thông dụng. Danh tự này là tiếng phiên dịch ra tiếng Việt của thành ngữ tiếng Pháp *société civile* xuất phát từ thành ngữ La tinh "Societas civilis." Nó rất mới trong ngôn ngữ của người Việt Nam, mới hơn cả thành ngữ Nhà nước pháp trị (pháp quyền). Trong dân gian không thấy ai dùng, thậm chí đến cả các tổ chức tranh đấu chính trị, các "hội đoàn" cũng hầu như ghẻ lạnh với thành ngữ ấy nếu không muốn nói là không biết đến nó. Nhưng không phải vì vậy mà có thể khẳng định rằng Việt Nam chưa có xã hội dân sự. Trái lại, ở Việt Nam hiện tượng xã hội dân sự đã có từ lâu, có điều nó mang những tên gọi khác. Xã hội dân sự là một thành ngữ mượn của phương Tây. Muốn hiểu rõ nội dung của thành ngữ này cần phải qui chiếu vào nguồn gốc phương Tây của nó sau đó sẽ trở lại với nguồn gốc Việt Nam mà phân biệt điểm giống điểm khác.

Hai câu hỏi cần đặt ngay tức khắc là:

1/ Tại sao phải vay mượn của phương Tây?

2/ Có một định nghĩa rõ ràng về societas civilis không?

Tại sao phải vay mượn?

Lời giải đáp câu hỏi thứ nhất có thể rất đơn giản: tại vì những người sử dụng thành ngữ này — những người trí thức — là những người do phương Tây đào tạo. Phương Tây đã cung cấp cho họ những khí cụ — ngôn ngữ là một trong những khí cụ này — để phân tích xã hội nhằm bả ác (*) (maitriser) vận mệnh con người. Hơn thế nữa, thành ngữ xã hội dân sự chỉ bắt đầu có nội dung chắc đặc và rõ nét kể từ khi các nước phương Tây chuyển từ phong kiến sang tư sản, các gia đình họp thành dân tộc quốc gia, kinh tế sinh hoạt theo phương thức thị trường tự do. Việt Nam hiện nay đang bắt đầu tiến trình phát triển tương tự, nếu có mượn thuật ngữ xã hội dân sự của phương Tây thì cũng là điều thuận lý thôi.

Dưới đây, việc trích dẫn ít nhiều từ ngữ La tinh nhằm bổ nghĩa cho mấy tiếng Việt như "dân", "nhân dân", "quốc dân", "quốc gia", "Nhà nước" v.v... và nhất là để bàn xem nên dịch thành ngữ societas civilis là "xã hội công dân" hay "xã hội dân sự."

Có định nghĩa được "societas civilis" không?

Lời giải đáp câu hỏi thứ nhì, trái lại, rất phức tạp. Nội một việc dịch thành ngữ "societas civilis" ra tiếng Việt cũng đã có vấn đề. Người này dịch là "xã hội dân sự", người kia dịch là "xã hội công dân", người khác lại đứng trung lập không thấy cần phải dứt khoát chọn lựa giữa "dân sự" và "công dân". Ai cũng đưa ra được những lý lẽ khả tín để bảo vệ quan điểm của mình, như thể ai muốn hiểu nghĩa của thành ngữ "societas civilis" ra sao thì hiểu! Suy luận như vậy không phải là hoàn toàn vô căn cứ. Lý do, đó là một thành ngữ có nhiều nghĩa (polysémique) và nhiều nghĩa dẫn tới hệ quả nhiều định nghĩa — chẳng những nhiều mà còn trái ngược nhau. Không có gì đáng ngạc nhiên, các định nghĩa về những hiện tượng xã hội chỉ có giá trị chỉ hướng (tendancielle), không nhất thiết phải tuyệt đối chính xác như những định nghĩa toán học, khoa học. Như vậy có phải là xã hội dân sự không thể định nghĩa được hay không?

Không hẳn thế. Đã đành rằng không thể tìm được một định nghĩa duy nhất về xã hội dân sự, có giá trị khắp mọi nơi, vào mọi thời. Nhưng đừng vì sự kiện có nhiều định nghĩa mà phủ nhận sự hiện hữu của xã hội dân sự. Phải đặt mỗi định nghĩa vào toàn bộ của nó trong không gian thời gian để nắm bắt nội dung thành ngữ xã hội dân sự. Cách nhìn vấn đề như vậy buộc phải ngược dòng thời gian làm công việc khảo cổ về thành ngữ tiếng Pháp "société civile" (tiếng Anh là civil society) để lập cho nó một tờ tông chi (1). Do đó phải tìm hiểu thành ngữ "Societas civilis", gốc tiếng La tinh của thành ngữ tiếng Pháp société civile (2), tạm dịch ra tiếng Việt là "xã hội dân sự."

Những biến thiên của thành ngữ societas civilis

Trước công nguyên, (thế kỷ thứ 2), luật gia Cicero định nghĩa societas civilis là một cộng đồng người (nhân xã) có tổ chức về mặt chính trị

và luật pháp, trong giới hạn nhất định, khác với toàn thể nhân loại, societas generis humani, rộng lớn hơn, không được tổ chức về mặt chính trị cũng như về mặt luật pháp. Mức độ tổ chức này là một tiêu chuẩn để phân biệt societas civilis với những cộng đồng tự nhiên (naturalis) như gia đình hay nhân loại. Hiểu như thế, societas civilis bao gồm cả hai thành phần mà ngày nay người ta gọi là Nhà nước và nhân dân.

Thời Trung cổ, cho đến cuối thế kỷ thứ XVI, nói chung nội dung của societas civilis không có nhiều thay đổi đáng kể ngoại trừ việc các nhà thần học đã sáng chế ra hai loại khế ước là pactum unionis (hay pactum societatis) ràng buộc những tư nhân sống trong cùng một xã hội với nhau và pactum subjectionis để cam kết trao tất cả mọi quyền hành cho một người cầm đầu. Đó là hai trong những yếu tố sau này mở đường cho sự phát triển của nội dung societas civilis, được Pháp hóa thành société civile trong suốt bốn thế kỷ kế tiếp XVII, XVIII, XIX và XX.

Thế kỷ XVII, với triết gia người Anh Thomas Hobbes, với sử gia kiêm triết gia, luật gia người Đức Samuel Pufendorf, với triết gia người Anh John Locke, societas civilis được đồng hóa với "Quốc gia" (Etat) theo nghĩa cả Nhà nước lẫn dân chúng. Gọi là xã hội dân sự cốt để nhấn mạnh tính cách nhân vi (artificiel) của xã hội này, do con người thiết lập nên và dùng luật lệ bảo đảm hòa bình, an ninh cho mỗi người, tránh cảnh tự nhiên hỗn loạn chém giết nhau, (con người là một con chó sói đối với đồng loại, homo homini lupus). S. Pufendorf đã tô đậm thêm sự đồng hóa này và société civile (societas civilis) vào thời điểm ấy không thể dịch là "xã hội dân sự" mà phải dịch là "xã hội công dân" (société des citoyens) để phân biệt với xã hội cơ đốc, chịu sự chi phối của Giáo hội hay với "xã hội" đơn thuần, do tự nhiên chứ không do kết ước mà có. Civile trong thành ngữ société civile bao hàm ý nghĩa "văn minh", ngược lại với tự nhiên, man mọi. Cuối thế kỷ XVII tuy cũng vẫn theo chiều phân biệt này, J. Locke đã mang tới cho société civile một sắc thái mới khi triết gia này cho rằng mục đích của xã hội này không phải chỉ có hòa bình, an ninh mà còn phải có cả sự tôn trọng các "quyền" con người đã sở đắc khi còn ở thời kỳ dã man, trong số đó có "quyền tư hữu". J. Locke đã bổ sung cho société civile một nghĩa "kinh tế" báo hiệu một hướng phát triển mới của thành ngữ.

Thế kỷ XVIII, nhà văn triết gia người Thụy Sĩ gốc Pháp Jean Jacques Rousseau, không đi tới trên con đường mòn của thế kỷ XVII, đã có công đào sâu về mặt từ ngữ và nhất là dọn đường cho việc tách rời société civile khỏi Nhà nước. Chịu ảnh hưởng của J. Locke, J.J. Rousseau coi société civile là lãnh vực của tư hữu. Nhưng mặt khác, ông lại tìm một phương thức thay thế société civile bằng một xã hội chính trị hơn, trong đó con người không sa đọa vì quá ích kỷ chỉ lo lợi riêng trái lại biết tôn trọng lợi chung, một xã hội của những "công dân" (xin đọc tác phẩm Khế Ước Xã Hội). Tuy lúng túng trong tư tưởng của mình, nhưng J.J. Rousseau cũng đã khơi ra được những suy nghĩ về các mâu thuẫn không tránh khỏi trong đời sống chung.

Cuối thế kỷ XVIII, kinh tế gia kiêm triết gia người Tô Cách Lan, Adam Smith, đề xuất những ý kiến làm xáo trộn các quan điểm đã có trước về société civile. Thành ngữ này với Adam Smith đã mất đi đặc tính chính trị của nó để chỉ còn phản ảnh ý nghĩa kinh tế, société civile chỉ là xã hội buôn bán (société marchande). Xã hội, theo Adam Smith có khả năng tự động điều chỉnh do lợi nhuận cá nhân, trao đổi và nhu cầu. Tự do tự nhiên sẽ giải quyết hết mọi vấn đề kể cả vấn đề trật tự, không cần đến sự can thiệp của Nhà nước. Ý kiến về một xã hội tự quản, tự trị như vậy đã mở đường cho việc tách rời hẳn société civile ra khỏi Nhà nước.

Bước sang thế kỷ XIX, nội dung société civile phát triển mạnh và theo nhiều hướng khác nhau. Ở Pháp, Bộ Dân luật 1804 với sự tôn trọng quyền tư hữu, tinh thần tự do kết ước, với sự nhìn nhận khế ước có giá trị luật giữa những người kết ước, đã hình thành một société civile tự trị, đối với Nhà nước. Về mặt lý thuyết, triết gia người Đức George Wilhelm Friedrich Hegel đã hệ thống hóa được các tư tưởng đã có từ trước về đủ các mặt chính trị, kinh tế, cá thể, tập thể của société civile để tìm cho thành ngữ này một nội dung rõ rệt. Đó là một cơ cấu trung gian giữa gia đình và quốc gia có tác dụng cung cấp cho cá nhân các điều kiện giải quyết các nhu cầu của mình không cần đến sự can thiệp của gia đình hay của Nhà nước. Hegel coi société civile như là một thời điểm (un moment) trong tiến trình của con người đi từ gia đình tiến tới quốc gia. Hegel không chủ trì (soutenir) rằng société civile và quốc gia loạt trừ nhau, trái lại hai cơ cấu này liên hệ với nhau một cách biện chứng và hỗ tương ảnh hưởng. Những mâu thuẫn trong société civile sẽ được giải quyết bởi quốc gia vì ý thức toàn thể của quốc gia cao hơn ý thức của société civile mà Hegel gọi là xã hội tư sản (société bourgeoise, không có nội dung giai cấp mà về sau Marx đã gán cho thành ngữ này).

Karl Marx cũng ảnh hưởng mạnh tới société civile qua việc Karl Marx tu chỉnh tư tưởng của Hegel, không coi société civile là xã hội của các cá nhân tư sản mà là của giai cấp tư sản nghĩa là K. Marx đã lịch sử hóa xã hội dân sự dưới ánh sáng của ý hệ mác xít, kinh tế hóa nó đồng thời khống chế nó bằng cách đặt nó dưới sự thao túng của Nhà nước, trong khi chờ đợi trong tương lai

triệt tiêu được cả xã hội dân sự lẫn Nhà nước để thiết lập xã hội cộng sản.

Thế kỷ XX chứng kiến sự lu mờ của société civile, ít ra là trên bình diện từ ngữ. Phe tả đồng hóa nó với xã hội tư sản, phe hữu tránh sử dụng nó vì những hàm nghĩa mà phe tả đã gán cho nó. Mặc dầu vậy, về mặt thực chất, société civile vẫn bành trướng và cuối thế kỷ này, từ những năm 70 trở đi, thành ngữ société civile lại tái xuất hiện, nhất là ở Pháp. Đặc biệt từ đầu thập niên 80 và suốt mấy nhiệm kỳ của đa số phái tả, société civile đã được chiếu cố tích cực qua trung gian các hội đoàn, hợp tác xã, nghĩa hội, cơ quan công ích trong đủ mọi ngành văn hóa, thương mại, bảo hiểm, ngân hàng, canh nông, xã hội, giáo dục v.v... Một vài con số thống kê về hoạt động của khu vực kinh tế xã hội này (économic sociale, xin đừng lầm với économie socialiste, kinh tế xã hội chủ nghĩa!) — 25 triệu người gián tiếp hay trực tiếp liên hệ, một triệu bảy chục ngàn việc làm, 1.500.000 xí nghiệp, 182.000 cơ quan công ích v.v... — cho thấy rõ xu hướng của người Pháp là không thiên về tập quyền Nhà nước nhưng cũng không xu hướng hoàn toàn tự do cạnh tranh, tự do lợi nhuận. Một khu vực thứ ba (tiers secteur) đã thực sự hiện hữu trong đó các tác nhân sinh hoạt không theo đuổi mục đích lợi nhuận, đồng thời độc lập với Nhà nước. Có thể nói đó là nét đặc thù của société civile theo kiểu Pháp.

Theo gót bước chân lưu lạc của thành ngữ société civile, quanh co khúc khuỷu, trải qua trên dưới bốn thế kỷ, có thể tạm rút ra kết luận rằng société civile là giai đoạn loài người muốn ra khỏi trạng thái dã man, muốn thoát khỏi ảnh hưởng thần quyền, đã thi triển bản lĩnh để cùng nhau chung sống trên mặt đất, trong trật tự, hòa bình, tiến bộ. Sát nhập với Nhà nước rồi phân cực với Nhà nước để sau cùng quan hệ biện chứng với Nhà nước, đó là lịch sử của société civile. Qua những khái niệm về nó, société civile phải định nghĩa nhiều cách cơ hồ không thể định nghĩa được. Nhưng société civile đã hiện hữu dưới nhiều dạng thức. Tìm hiểu nó, không nên chỉ trụ vào những khái niệm cứng ngắc. Thật ra société civile còn có mặt huyền thoại — mythe — của nó (đừng hiểu mythe là hoàn toàn hoang đường), sắc sắc không không, khi ẩn khi hiện, lúc nổi lúc chìm, có thể đột xuất hoặc để chống lại ngoại xâm hay Nhà nước độc tài toàn trị hoặc để cấp bách giải quyết những nhu cầu chung trước sự bất lực của Nhà nước (như dân Pháp trong ba tuần đình công cuối tháng Mười Hai 1995 vừa qua). Nó như ngọn đèn khi tỏ khi mờ. Tỏ, khi nó tách rời hẳn với Nhà nước. Mờ khi nó ở vào thế tiềm ẩn trong mối tương quan với Nhà nước.

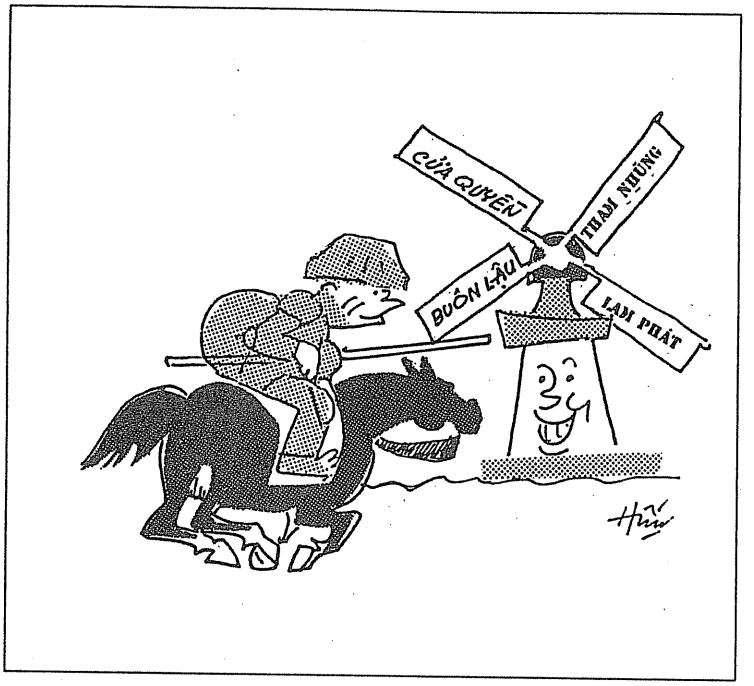

Việt Nam cần một khái niệm về xã hội dân sự

Việc đổi mới sinh hoạt của một nước như Việt Nam hiện nay không thể chỉ giới hạn vào việc thay chủ đổi ngôi, sửa đổi hiến pháp, lập chính phủ lưu vong, chia ghế nội các v.v... những cách chữa bệnh ngoài da mà còn phải nhằm tạo dựng được một xã hội dân sự vững chắc, làm nền móng cho một Nhà nước thật sự xuất phát từ toàn dân, phục vụ dân chớ không cưỡi đầu cưỡi cổ dân.

Bốn thế kỷ kinh nghiệm về xã hội dân sự của phương Tây sẽ giúp cho người Việt Nam hoàn chỉnh mô thức xã hội dân sự Việt Nam hiện đang bị Nhà nước đảng trị khống chế. Bàn về đề tài xã hội dân sự là để kêu gọi sự chú ý đến phần còn ở trong thế tiềm ẩn của xã hội này, võ trang cho nó đủ bản lĩnh, ngang tầm với đòi hỏi của tình thế, của nhu cầu đổi mới đất nước. Mấy việc có thể làm ngay để đầu tư ngay cho một xã hội dân sự như vậy ở Việt Nam là tránh thái độ lẩn lách, dù dưới bất cứ lý do nào, trong nhận định về sự kiện chính quyền khống chế xã hội dân sự, học hỏi có chọn lựa kinh nghiệm của phương Tây về xã hội dân sự đồng thời khai thác huyền thoại xã hội dân sự để gọi dậy sức mạnh không

bờ bến của xã hội dân sự Việt Nam. Đổi mới trong hiện tình chỉ có thể là giải tỏa tận gốc tình trạng bế tắc chính trị bằng xã hội dân sự.

Công dân hay dân sự?

Trong hai cách dịch thành ngữ société civile (societas civilis) là "xã hội công dân" và "xã hội dân sự", cách nào đúng? Sự thật, cả hai cách đều đúng, tùy ở văn cảnh (contexte) đồng thời cũng tùy ở hàm nghĩa chính trị mà người sử dụng thành ngữ muốn gán cho nó.

Trước hết, cũng nên nói qua vài lời về chữ société. Dịch ra tiếng Việt là xã hội là để có một tên gọi có tính cách ước lệ vậy thôi. Nguyên nghĩa chữ Hán của danh tự này không diễn tả hết nội dung của chữ société. "Xã" là thổ địa, thần đất (Xã, thần đất, Tắc, thần lúa). Ngày xưa ở Trung Quốc, 25 nhà họp lại thành một xã. Hội là họp lại, thấy trong chữ xã hội. Phương Tây ít chú trọng đến sự "họp thành," trái lại rất quan tâm đến cách "họp thành." Từ thế kỷ XVII, nhiều tác giả đã phân biệt cách tự nhiên với cách kết ước mà "họp thành" xã hội.

Thứ đến, tính tự "civil" với nhiều nghĩa khác nhau của nó đã gây ra nhiều khó khăn cho việc phiên dịch tính tự này sang tiếng Việt. Thường thường "civil" hay đi cặp đôi với một số tính tự khác và nghĩa của nó thay đổi tùy theo từng cặp đôi. Thí dụ "civil/miltaire" thì civil có nghĩa là "dân sự" (dân sự/quân sự) hay "civil-religieux" thì civil lại có nghĩa là "đời" (đời-đạo), hay "civil/politique" thì nghĩa của civil là "dân sự" (dân sự/chính trị) v.v...

1. Xã hội công dân

Nói chung, vì cho rằng société civile là một xã hội "văn minh," do kết ước mà họp thành để thoát khỏi trạng thái dã man nên các tác giả ở Châu Âu hai thế kỷ XVII và XVIII đã đồng hóa "société civile" với "Etat" (có nghĩa rộng là "quốc gia," nghĩa hẹp là "Nhà nước".) Khi đã đồng hóa như vậy thì société civile phải dịch là "xã hội công dân." Hãy bàn về quan điểm của ba tác giả tiêu biểu.

Hạ bán thế kỷ XVII, Bossuet, một giáo sĩ cao cấp của Pháp, định nghĩa société civile là một "nhân xã tập hợp dưới một chính quyền chung và chịu sự chi phối của những luật pháp chung."

Hai tác giả khác, triết gia người Anh Thomas Hobbes và triết gia Thụy Sĩ gốc Pháp Jean Jacques Rousseau, mỗi người một cách định nghĩa société civile, trái ngược nhau.

Đối với Thomas Hobbes, con người sống trong một xã hội tự nhiên họp thành không có an ninh vì bị đồng loại thường xuyên đe dọa, từ tài sản đến tính mạng: ai cũng như ai, ai muốn làm gì cũng được. Do đó, xã hội tự nhiên này không là gì khác hơn một cuộc hỗn chiến giữa người với người. Bởi thế phải tìm cách ra khỏi tình trạng hỗn loạn của một xã hội tự nhiên. Muốn vậy chỉ có cách lập một khế ước để mỗi người từ khước mọi quyền hạn mình đã có một cách tự nhiên đồng thời trao tất cả những quyền đó cho một người hay một tập đoàn cầm quyền. Điểm đặc biệt trong tư tưởng của Thomas Hobbes là khế ước này là một khế ước đơn phương, tất cả mọi người tự nguyện từ bỏ không điều kiện, tự do, quyền lực của mình. Hậu quả pháp lý là người hoặc những người được thụ hưởng sự nhượng quyền đó, một mặt có đủ mọi quyền hành, mặt khác lại không có bất cứ một nghĩa vụ nào đối với những người đã trao quyền. Khế ước này là một khế ước thần phục (pactum subjectionis) tuyệt đối và toàn vẹn. Xã hội lập thành trên cơ sở khế ước thần phục ấy sẽ không còn là một xã hội tự nhiên nữa và Thomas Hobbes gọi đó là một civil society, tất nhiên phải dịch là "xã hội công dân" để đánh dấu sự khác biệt với xã hội tự nhiên và sự lệ thuộc không điều kiện của con người vào chính quyền.

Chính vì chủ trương khế ước thần phục một chiều đó mà hậu thế đã coi Thomas Hobbes như là cha đẻ của chế độ chuyên chế, toàn trị.

Đối cực với Thomas Hobbes về tư tưởng cũng như về phương pháp suy luận là Jean Jacques Rousseau. Với J.J. Rousseau, thì con người rất thuần hậu và sống sung sướng khi còn ở trong trạng thái "tự nhiên." Chính văn minh đã làm cho con người sống trong cái gọi là "société civile" bị sa đọa và cuộc sống của nó đầy khổ đau. Văn minh, trước hết đã mang lại cho họ quyền tư hữu, nguồn gốc của bất bình đẳng, của tranh chấp hỗn loạn do giàu, nghèo. Nhưng con người không trở lại thời đại hoàng kim của xã hội tự nhiên được nữa và cũng không ai có đủ sức mạnh để khuất phục tất cả mọi người. Chỉ có thể cùng nhau đồng thuận kết ước để thiết lập một xã hội mới, công bằng hơn, tốt đẹp hơn. Kết ước bằng một khế ước gọi là "Khế ước xã hội" (Contrat social). Khác hẳn với Thomas Hobbes, J.J. Rousseau bác bỏ loại khế ước thần phục của Hobbes và chủ trương tất cả mọi người kết ước với nhau trong một khế ước hợp đoàn (pactum unionis) dưới một quyền lực tối cao chung gọi là "Ý chí chung" (volonté générale) và mỗi người từ đó trở thành một "công dân," tự do, bình đẳng ai cũng như ai vì ai cũng là chủ "tập thể" của "ý chí chung."

> Có hai con chim, một con ở đầm lầy, một con ở trên ruộng. Con ở đầm lầy ngạc nhiên sao bạn nó có thể sống được ở nơi không có nước. Con ở đồng không hiểu nổi sao bạn nó sống được dưới chỗ lầy lội.
>
> *— N. Khrouchtchev*

Như vậy là dưới mắt J.J. Rousseau, société civile đã trở nên một société politique, một xã hội chính trị của những công dân. Và dịch société civile là "xã hội công dân" thì quá thích hợp nhưng không nên quên rằng cũng như Thomas Hobbes, J.J. Rousseau, vì lý luận về xã hội theo cảm tính và trong tư tưởng của ông có nhiều mâu thuẫn nội tại, đã xa gần mở đường cho sự biến chất của dân chủ trực trị thành chuyên chế toàn trị.

2. Xã hội dân sự

Ra đời sau Thomas Hobbes gần nửa thế kỷ, John Locke, ngay từ khi còn nhỏ tuổi đã được nhìn tận mắt cảnh tượng bi thảm của chuyên chế: vua nước Anh, Charles 1er, năm 1649 bị Cromwell nhân danh dân quyền chặt đầu để rồi chính Cromwell ít lâu sau cũng lại đi vào con đường chuyên chế. Và suốt đời mình, John Locke đã thấu hiểu được thế nào là chuyên chế, thế nào là chính quyền hiến định. Giống như Thomas Hobbes, John Locke cũng dựa vào xã hội tự nhiên để luận bàn về con người. Nhưng khác với Thomas Hobbes, John Locke không coi xã hội tự nhiên là một không gian của luật rừng, con người đối xử với nhau như lang sói. Trái lại, với John Locke, đó là một không gian đã cho con người tự do và của cải. Có điều là sự tự do này không phải là sự phóng nhiệm ai muốn làm gì thì làm. Sự đóng góp quan trọng của John Locke là công trình ông suy nghĩ về điểm tại sao một người lại có những quyền hành đối với kẻ khác và tại sao con người lại phải ra khỏi xã hội tự nhiên để thiết lập một nhân vi, société civile.

John Locke cho rằng có những luật tự nhiên chi phối đời sống xã hội, đó là không ai muốn mất quyền tự do, mất của cải và vì thế quyền tự do của người này không thể tiêu diệt quyền tự do của người khác, không ai được phép chiếm đoạt của cải thuộc về người khác. Nhưng con người vốn là một sinh vật yếu đuối, phải kết hợp lại để giải quyết ổn thỏa cuộc sống chung đồng thời đời sống riêng. Tất nhiên, kết hợp bằng khế ước. Sự khác biệt cơ bản giữa Thomas Hobbes và John Locke là với John Locke không phải chỉ có một khế ước mà có nhiều khế ước, giữa từng con người với nhau, giữa người cai trị với người bị trị. Lại nữa, trong mọi trường hợp, khi kết ước, không ai từ bỏ hết tất cả mà chỉ từ bỏ một số quyền hành mà thôi, nhưng với mục đích độc nhất là để giữ vững thêm tự do, của cải của mình. Ngoài ra, nếu mục đích này không thực hiện được thì có quyền giải ước để chấm dứt khế ước. Xã hội mới thiết lập trên cơ sở sự kết ước đa nguyên, đa phương này, để thay thế xã hội tự nhiên, là một xã hội tự do, bình đẳng được luật lệ bảo đảm một cách linh động. John Locke đã tách rời nó ra khỏi Nhà nước của chuyên chế. Vì thế, société civile dưới nhân quan của John Locke không thể dịch là "xã hội công dân" mà phải dịch là "xã hội dân sự."

Hậu thế đã coi John Locke là cha đẻ của những chế độ tự do.

— Một người rơi từ trên tháp Eiffel xuống. Khi nằm bẹp dưới đất thì thấy hoàn toàn sói. Khoảng một hay hai giờ sau tóc mới từ từ rơi xuống.

Cuộc điều tra cho biết đó là do anh ta dùng thuốc chống rụng tóc, có tác dụng "làm tóc chậm rơi xuống..."

Xã hội dân sự, dân, nhân dân, quốc dân...

Nếu société civile là một khái niệm hoàn toàn phương Tây, thử hỏi Việt Nam có những hiện tượng société civile (societas civilis) không? Tiêu chuẩn của société civile là hợp quần để ra khỏi trạng thái dã man, bước vào văn minh, hợp quần trên cơ sở một số nguyên tắc pháp lý chung, hợp quần để tạo an ninh riêng của mỗi người và hòa bình chung cho mọi người. Nếu xét theo các tiêu chuẩn đó thì ở Việt Nam đã có những hiện tượng société civile từ lâu, ít ra là trước khi Thomas Hobbes và John Locke bàn về những hiện tượng này. Từ đầu thế kỷ XV, Nguyễn Trãi đã xác định lại rằng từ lâu nước Đại Việt là một xã hội có "văn hiến" nghĩa là có tổ chức, có kỷ cương, đạo đức. Người ta sẽ bảo rằng xã hội này là một xã hội các thần dân của vua, giống như xã hội chuyên chế mà Thomas Hobbes chủ trương. Nhận xét này đúng về đại thể. Nhưng trong cái "xã hội công dân" tổng thể Việt Nam ấy, có rất nhiều "xã hội dân sự," đó là xã thôn.

Vậy thì từ xưa ở Việt Nam đã có societas civilis nhưng không mang danh xưng "xã hội công dân" hoặc "xã hội dân sự." Nó chỉ có tên gọi rất ngắn là "dân." Trên lý thuyết vua là chủ của núi, sông, đất, lúa (sơn hà xã tắc) nhưng vua không hoàn toàn chi phối được toàn bộ cuộc sống của người dân. Cuộc sống này đã được tổ chức trong nhiều không gian (làng, xã) trong đó nhiều tập đoàn người dân được quyền tự trị, "phép vua thua lệ làng" tất nhiên với ít nhiều giới hạn. Sau này chữ dân bị chìm ngập trong thành ngữ "toàn dân" (dân chủ tự do) hay "nhân dân" (cộng sản.)

Theo lẽ, có thể dịch société civile (societas civilis) là "dân." Dịch vậy là không đối địch thành ngữ tiếng Pháp. Nhưng dịch là "xã hội công dân" có chỉnh không? Nếu dùng thành ngữ này để nói về trường hợp của nước Pháp thì e rằng không chỉnh vì hiện thời nó không còn mang nghĩa là xã hội của những công dân nữa.

Nếu dùng nó để chỉ xã hội đương kim tại Việt Nam thì chẳng những khiên cưỡng mà còn rất tai hại. Thật vậy, chế độ hiện hành tại Việt Nam là một chế độ hội đủ mọi đặc tính chuyên chế, hơn cả quân chủ chuyên chế thời cổ vì nó còn "toàn trị" để khống chế cả thể xác lẫn tinh thần con người nữa. Những nhà lãnh đạo cộng sản coi toàn dân như đã tự nguyện và đơn phương ký với nhau một khế ước thần phục trao toàn quyền cho Đảng Cộng sản. Và chỉ được kể là công dân những người đã chấp nhận chủ nghĩa xã hội. Dân phải là "nhân dân" nghĩa là, như Hiến pháp cộng sản đã định nghĩa, "liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức." Không có tiêu chuẩn khách quan nào để qui định ba thành phần này, chỉ có một tiêu chuẩn độc nhất là sự thần phục Đảng không điều kiện. Còn những thành phần khác thì Đảng muốn cho là công dân thì được là công dân, nếu không có tư cách là công dân thì chỉ còn cách sống ngoài lề xã hội hay trong nhà tù hay sống kiếp lưu vong ở ngoài nước. Sao có thể gọi xã hội đó là "xã hội công dân", trừ khi muốn chính thống hóa nó? Cho nên phải dịch là "xã hội dân sự" với hàm nghĩa là xã hội này độc lập với Nhà nước cộng sản và "dân" (nghĩa tập thể), như John Locke đã quan niệm, sẽ ký kết với nhau những khế ước hợp quần (pactum unionis hay societatis) giải quyết riêng lấy với nhau những vấn đề dân sinh đồng thời khôi phục những quyền đã bị Nhà nước cộng sản tiếm đoạt, tổ chức lại xã hội, bắt đầu bằng việc chấm dứt chuyên chế.

Dân chủ hóa nước Việt Nam là đổi mới và hoàn mỹ việc tổ chức xã hội Việt Nam theo chiều hướng trả lại quyền cho toàn dân, xóa bỏ mọi hình thức chuyên chế dù là vua, quan, đảng hay giai cấp. Không ai có thể chối cãi được rằng văn minh tiến bộ, trước ngưỡng cửa thế kỷ XXI không thể là gì khác hơn *"dân chủ."* Và để tránh nạn dân chủ trá hình như đã diễn ra từ hơn một nửa thế kỷ nay, người dân thường Việt Nam phải được quyền xét lại và phê phán mọi dự án tổ chức xã hội trên cơ sở một khái niệm đúng đắn về xã hội dân sự (3). Khái niệm này sẽ không là bất cứ một sao chép theo nguyên bản phương Tây nào mà là sự kết hợp của các thành tố ý hệ dân tộc, dân, nhân dân dưới một "tên gọi mới": *Quốc Dân.*

(*) Bả ác: chữ Hán Việt có nghĩa là nắm giữ, nắm lấy (chú thích của Tòa soạn).

(1) Rất giản lược.

(2) Khởi đầu, vì nghiên cứu dưới ánh sáng tư tưởng chính trị Châu Âu, đặc biệt của Pháp, tác giả giữ nguyên thành ngữ tiếng Pháp société civile, không dùng ngay thành ngữ tiếng Anh civil society hay dịch ra tiếng Việt là xã hội công dân hoặc xã hội dân sự, hai cách gọi tên không tương đương với nhau. Trong phần cuối bài tác giả sẽ đề nghị cách dịch thích hợp.

(3) Xét lại như thế nào, theo tiến trình nào, đó là một vấn đề tranh đấu thực tiễn, chưa bàn ở đây.

tìm đọc tạp chí

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

PHÁT HÀNH MỖI ĐẦU THÁNG

☑ **phát hành liên tục từ 1985 đến nay**

☑ ***nơi quy tụ nhiều sáng tác và biên khảo giá trị của những nhà văn, nhà thơ và biên khảo hằng được bạn đọc mến mộ***

☑ **đọc VănHọc để theo sát tình hình sinh hoạt văn học trong nước, hải ngoại và thế giới**

ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC

VĂN HỌC, P.O. BOX 1359, GARDEN GROVE

CA 92642-1359 — PHONE (714) 894-8535

VÀI NHẬN XÉT VỀ CHÍNH SÁCH KINH TẾ TRONG

BẢN DỰ THẢO BÁO CÁO CHÍNH TRỊ

CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

VÕ XUÂN QUANG

Trong bối cảnh sửa soạn Đại Hội Đảng CSVN kỳ tám, có nhiều ý kiến về chính sách kinh tế. Từ cuối năm 1995, nhiều tài liệu được Trung Ương Đảng (TƯĐ) soạn và phổ biến cho đảng viên. Bản Dự thảo Báo cáo Chính trị và bản Báo cáo Phương hướng, Nhiệm vụ Kế hoạch Phát triển 1996-2000 và Dự thảo Điều lệ Đảng là ba tập tài liệu trong *Dự thảo các Văn kiện trình ĐH tám* của Đảng. Nó là kết quả của nhiều tranh cãi trong nội bộ. Các ý kiến quan trọng nhất về chính sách kinh tế được trình bày trong hai tài liệu, Dự thảo Báo cáo cho Đại hội Đảng kỳ tám và hai bản Báo cáo đọc trước Quốc hội (QH) tháng Mười 1995 và bản Báo cáo bổ túc ngày 3/3/1996 của Phó Thủ tướng Phan Văn Khải (1).

Nay các tài liệu "mật" của Đảng đã được đưa ra "công khai" qua một cuộc họp báo tại Hà Nội trong tháng Tư này. Độc giả của Thế Kỷ 21 đã có dịp biết đến những khác biệt và bất đồng ý kiến nội bộ trong suốt năm qua.

Để giúp độc giả hiểu tình hình VN, biết những khó khăn, tranh chấp trong nội bộ, chúng tôi cố gắng phân tích và đưa vài nhận xét về Chính sách Phát triển Kinh tế-Xã hội cho năm năm tới và năm 2020.

I. Chính sách phát triển kinh tế theo đảng

Để hiểu chính sách phát triển kinh tế của ĐCSVN trong những năm tới, tài liệu Báo cáo chính trị và Phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế 1996-2000 sẽ được phân tích.

Tập Báo cáo Chính trị (BCCT) dài 57 trang quan trọng nhất về đường hướng và chính sách kinh tế gồm bốn phần: (1) Thành tựu; (2) Mục tiêu đến năm 2020 và 2000; (3) Định hướng phát triển các lãnh vực chủ yếu; (4) Xây dựng Đảng ngang tầm đòi hỏi của thời kỳ.

1. Phần thứ nhất có việc đánh giá các thành tựu trong năm năm qua gồm: (1) thành tựu; (2) khuyết điểm và yếu kém; (3) đánh giá tổng quát; (4)bài học.

BCCT khẳng định là CSVN đã vượt qua giai đoạn khó khăn nhất... Nghị quyết ĐH bảy, phát huy thành tựu đặt ra trong những năm trước như: (a) Đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế xã hội, hoàn thành và vượt mục tiêu của kế hoạch năm năm [tăng trưởng trung bình GDP là 8.2%, công nghiệp tăng trung bình 13.3% năm, lạm phát xuống từ 67% đến 12.7%...]; (b) Tạo được chuyển biến tốt về mặt xã hội; (c) Giữ vững ổn định chính trị, củng cố quốc phòng, an ninh; (d) Thực hiện có kết quả nhiều đổi mới quan trọng về hệ thống chính trị; (e) Phát triển quan hệ đối ngoại, phá thế bị bao vây, cô lập, tham gia tích cực vào đời sống của cộng đồng quốc tế [VN vào ASEAN, có quan hệ với hơn 156 nước và buôn bán với 100 nước...].

Về những yếu kém, BCCT nêu lên: năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý điều hành của nhà nước... chưa lên kịp với đòi hỏi của tình hình. Công tác tuyển chọn, bồi dưỡng, thay đổi, trẻ trung hóa... còn lúng túng, cụ thể là: (a) Nước còn nghèo; (b) Việc lãnh đạo xây dựng quan hệ sản xuất mới có phần lúng túng; (c) Cơ chế thị trường còn sơ khai; (d) Các mặt xã hội còn nhiều điều nhức nhối [tham nhũng, buôn lậu, lãng phí...]; (e) Hệ thống chính trị còn nhiều nhược điểm.

MỤC TIÊU 1996-2000 (%)

	1991 - 1995 (đã thực hiện)	1996 - 2000 (dự tính)
GDP (%) gồm	8.2%	9 - 10% *
Nông nghiệp	4.5%	4.5 - 5% *
Công nghiệp	13.3%	14 - 15% *
Dịch vụ	10%	12 - 13% *
Xuất khẩu	20%	24 - 28% *

BCCT: * dự tính

BCCT đánh giá tổng quát công cuộc "đổi mới" trong 10 năm qua thành tựu lớn.

2. Trong mục tiêu đến năm 2020 nhằm biến Việt Nam thành một nước công nghiệp trong một thế hệ (25 năm), đã nói lên bối cảnh và mục tiêu trong những năm tới.

Trong việc phân tích bối cảnh thế giới, BCCT khẳng định là CNXH tạm thời lâm vào thoái trào, nguy cơ chiến tranh hủy diệt không còn nhưng các xung đột vũ trang, chiến tranh cục bộ... vẫn xảy ra nhiều nơi. Cách mạng khoa học, công nghiệp, tranh chấp giàu nghèo, phát triển và chậm phát triển v.v... và do đó VN phải đương đầu với nhiều thách thức mới. Trong đó bốn nguy cơ được nhắc đến: (1) Tụt hậu về kinh tế; (2) Diễn tiến hòa bình, dùng chiêu bài "dân chủ", "nhân quyền" v.v...; (3) Chệch hướng xã hội chủ nghĩa, quan liêu, tham nhũng, suy thoái về phẩm chất...; và (4) Tham nhũng.

Các mục tiêu đưa ra cho năm 2020 là: Xây dựng Chủ nghĩa xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và trong đó kinh tế nhà nước thực hiện tốt vai trò chủ đạo và cùng với kinh tế hợp tác trở thành nền tảng trong nền kinh tế tỷ trọng khoảng 60 % GDP cho 2020. Tới năm 2000 các mục tiêu là GDP gấp đôi năm 1990, nhịp độ tăng trưởng khoảng 9 - 10%, nông lâm ngư nghiệp cỡ 4.5 - 5%, công nghiệp 14 - 15% và dịch vụ 12 - 13%. Năm 2000, nông nghiệp chiếm 19 - 20%, công nghiệp và xây dựng 34 - 35% và dịch vụ 45 - 46%.

TỶ TRỌNG GDP 2000 (%)

	1995 (đã thực hiện)	2000 (dự tính)
Nông nghiệp	27.7%	19 - 20%*
Công nghiệp	30.3%	30 - 35%*
Dịch vụ	42.5%	45 - 46%*
Đầu tư	27.4%	30% *

BCCT: * dự tính

Ngoài ra phải xử lý các vấn đề sau đây: (a) Phát triển kinh tế nhiều thành phần; (b) Đương đầu với âm mưu và thủ đoạn "diễn biến hòa bình"; (c) Hội nhập thị trường khu vực và thế giới. Ngoài ra VN vẫn giữ bản chất giai cấp công nhân, hội nhập mà không hòa tán.

3. Trong "Định hướng Phát triển các lãnh vực chủ yếu", BCCT nói lại những mục tiêu kinh tế và nhất là nhắc lại "theo định nghĩa XHCN" và kết hợp kinh tế với quốc phòng-an ninh. Phần này nêu lên (1) Các lãnh vực chủ yếu; (2) Kinh tế nhiều thành phần; (3) Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý kinh tế; (4) Phát triển khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo; (5) Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; (6) Chính sách giải quyết một số vấn đề xã hội; (7) Nhiệm vụ quốc phòng và an ninh; (8) Thực hiện Đại đoàn kết dân tộc; (9) Tiếp tục cải cách bộ máy nhà nước.

Về kinh tế nhiều thành phần thì việc phát triển kinh tế nhà nước, tổ chức các tổng công ty là chính, còn kinh tế cá thể, kinh tế tư bản tư nhân được khuyến khích. Ngoài ra còn các biện pháp sau đây: (1) Tạo lập các yếu tố thị trường (hàng hóa và dịch vụ; thị trường lao động; quản lý đất và nhà cửa; xây dựng thị trường vốn); (2) Hoàn chỉnh hệ thống luật về kinh tế (thuế gồm trị giá gia tăng, thu nhập dân cư, thu nhập công ty và sửa đổi các luật để khuyến khích đầu tư); (3) Tiếp tục đổi mới công tác kế hoạch; (4) Đổi mới chính sách tài chính, tiền tệ, giá cả và (5) nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý kinh tế.

Trong phần nói về phát triển khoa học và công nghệ, giáo dục đào tạo, văn hóa tiên tiến, một số vấn đề xã hội thì có (1) "Vận dụng sáng tạo và phát triển học thuyết Mác-Lenin và học thuyết Hồ Chí Minh..."; (2) Việc khuyến khích mọi thành phần kinh tế; (3) Đẩy mạnh công tác kế hoạch hóa.

Phần chót của BCCT đề cập đến việc xây dựng đảng và nhấn mạnh những điều sau đây: (1) Giữ vững và tăng cường giai cấp công nhân; (2) nâng cao bản lĩnh chính trị; (3) Củng cố đảng và nguyên tắc tập trung dân chủ; (4) Xây dựng đội ngũ cán bộ.

Nói tóm, trong việc đánh giá quá khứ và đặt nhiệm vụ cho tương lai, các chỉ tiêu đưa ra có phần thực tế và nhiều phần mơ hồ.

II. Vài nhận xét về chính sách kinh tế của Đảng

Đánh giá phân tích của Cộng Sản

Trong bối cảnh hiện nay, VN có tiến bộ về mặt kinh tế. Các con số cho thấy là trong ba năm liên tiếp VN đã có tăng trưởng trên 8%/năm. Đây là triệu chứng tốt nếu lạm phát được kềm hãm dưới 10%. Lạm phát hiện nay ở VN là 12.7% và nhiều chuyên gia cho là lạm phát trên thực tế còn cao hơn con số chính thức, khoảng 15 - 18%. Lạm phát cao là vì có các "cơn sốt" về giá xi-măng, giấy viết, lương thực v.v... cho thấy những chỗ hở trong hệ thống điều hành phân phối, giá cả..., và nhất là thiếu luật lệ theo dõi, kiểm soát việc làm các công ty quốc doanh. Kế toán của khu vực công chưa được hiện đại hóa và kiểm toán cũng còn mới. Các cơn sốt giả tạo về giá cả ảnh hưởng đến chỉ số lạm phát.

Về tình hình sản xuất/thương mại thì thâm

NHÀ NÔNG VÀ NHÀ NƯỚC

Cuối tháng Ba, 1996, cơn sốt lúa gạo lên ở đồng Bằng sông Cửu Lonag. Lúa thu hoạch rộ. Riêng tỉnh Tiền Giang thâu 400 ngàn tấn lúa. Công ty Lương Thực Tiền Giang chỉ mua được 80 ngàn tấn và xuất khẩu được 35 ngàn tấn. Giá lúa giảm từ 2,200 $ một ký xuống còn 1500$ 1400$. Được mùa, nhưng nông dân kêu khổ!

Tại sao? Vì công ty quốc doanh trên độc quyền mua lúa xuất cảnh lúa! Công ty không có "tiền mặt". Hệ thống ngân hàng thì ấu trĩ. Mỗi ngày mua cầm chừng 300 - 400 tấn, trong khi mức cung là 1000 tấn! Hệ thống doanh nghiệp nhà nước bất lực, hệ thống tín dụng bất lực.

Tại sao công ty không mua lúa chở đi bán ở ngoài Trung, ngoài Bắc? Đây lại là một khâu khác của doanh nghiệp nhà nước: chuyên chở độc quyền. Giá chở gạo bằng đường thủy từ Nam ra Bắc từ 130$/ký vọt lên 250$/ký. Chở đường sắt? Ra đến Nghệ An tốn 400$ một kg mà còn "bị làm eo." (Báo Thanh Niên, 30-3-1996)

Trong khi đó giá lúa ở miền bắc cao hơn ở miền Nam khoảng 1000$/ký, nếu chuyên chở ra vẫn có lời chứ? Nhưng đây là xí nghiệp quốc doanh, độc quyền nên cha chung không ai khóc.

Nếu có thị trường cạnh tranh của tư nhân và luật pháp nghiêm minh, quan chức không ăn hối lộ thì nông dân bán được gạo, đồng bào ngoài Bắc có gạo ăn rẻ hơn. Không ai chịu học bài học sơ đẳng về kinh tế này.

thủng cán cân chi phó (thâm thủng US$ 2.2 tỷ là thường trong giai đoạn xây dựng hạ tầng. Tại ba Consultative Group (CG) 1993, 94 và 95 tại Paris, VN được hứa US$6.1 tỷ qua viện trợ không hoàn lại hay vay nhẹ lãi nhưng đến giờ chỉ xài được US$ 1.7 tỷ hay 28%. Việc "hấp thụ viện trợ" còn thấp cho nên còn là mối quan tâm. Nó dính liền với khả năng lập, quản trị và theo dõi các dự án đầu tư phát triển.

Trong phần báo cáo về thu ngân sách thì thực tế báo cáo của chính phủ nói là 40% đơn vị kinh doanh không có giấy phép và không đóng thuế. Việc khai man, trốn, lậu thuế còn nhiều và đề nghị cải cách hệ thống thuế. Việc này nói lên tình trạng thiếu trật tự kỷ cương trong cách điều hành guồng máy nhà nước, hệ thống tài chính công, khi các địa phương tùy tiện miễn thuế, sử dụng tiền mua xe v.v... là do việc thiếu luật hành chính, tài chính công. Hiện giờ cũng như trong quá khứ, vốn là do chính phủ cấp do đó việc làm sinh ra lời để trả lại vốn chưa được chú ý đặc biệt.

Về chính sách phát triển kinh tế

Chính sách phát triển kinh tế theo đảng dựa trên việc củng cố địa vị của các công ty quốc doanh. BCCT của Đảng cố gắng gắn liền "đổi mới" với đường hướng XHCN và việc này đi đôi với việc đảng nắm định mệnh Việt Nam. Điều đáng chú ý là Đảng muốn kinh tế nhà nước nắm 60% GDP trong năm 2020.

1. Về doanh nghiệp nhà nước, Chính phủ có các chủ trương sắp xếp lại, thành một số công ty lớn và tương đối lớn, tiến hành cổ phần hóa, đổi mới tổ chức và quản lý, xóa bỏ cơ chế chủ quản bao biện và bao cấp của cơ quan hành chính đồng thời trợ giúp đầu tư phát triển qua hai biện pháp chính: phân định doanh nghiệp có mục tiêu kinh doanh (phải phát triển theo cơ chế thị trường) và có mục tiêu công ích và chấn chỉnh tài chính doanh nghiệp một cách minh bạch, đánh giá đúng giá trị tài sản, thực hiện chế độ kế toán mới và thanh toán nợ.

Giải pháp về các công ty quốc doanh của Việt Nam còn mù mờ như việc chọn thành phần ban giám đốc ra sao, chương trình cổ phần hóa ra sao, chế độ quản lý theo luật thương mại hay khác, đối với doanh nghiệp công ích thì chế độ quản lý thích hợp là gì? (holding? trực tiếp quản lý? bộ chủ quản về việc này ra sao?) Kế toán mới theo thị trường (double entries) chưa được áp dụng đồng đều, vậy việc đánh giá tài sản, chấn chỉnh tài chính các công ty, là một công việc rất khó khăn. Không nhìn rõ tình hình tài chính qua các báo cáo kế toán thì không biết khâu nào yếu, khâu nào mạnh mà chấn chỉnh.

Hiện nay công nghiệp tăng trung bình 13 đến 14%/năm. Tăng trưởng cao là hậu quả của nhiều năm thiếu đầu tư và nay đang bung ra (lò xo), nhất là về hạ tầng cơ sở. Đặc điểm tại Việt Nam là công nghiệp quốc doanh vẫn được nhiều ưu tiên. Sau dây là những con số cho năm 1995:

THỐNG KÊ ĐẦU TƯ QUỐC DOANH

	1990	1995 *
Số doanh nghiệp	12,297	6,480
Vốn (000tỷ VND)	34	63
Tự đầu tư (tỷ VND)	420	2,500
% trong GDP	32.4%	36.7%
% trong GDP công nghiệp	64.6%	69.3%

Viện Thống Kê, BKH: * sơ khởi

Việc kết hợp các công ty thành "tổng công ty" theo kiểu Chaebol Đại Hàn, khu vực quốc

doanh vẫn được chú ý [việc này không có nghĩa là các "tổng công ty quốc doanh" sẽ làm ăn hữu hiệu hơn]. Đông Đức xưa kia đã theo mô hình Tổng Công Ty đó, nhưng sau cùng cũng phải bỏ đi. Muốn kết hợp các công ty quốc doanh để họ có thể cạnh tranh được với các công ty quốc tế. Việc này có khía cạnh tốt cũng như xấu: một khía cạnh đầu tiên là làm giảm sự cạnh tranh giữa các công ty và sẽ không giúp tăng hiệu năng của chính họ. Do đó họ cũng không thể cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Muốn tránh cạnh tranh thì phải bế quan tỏa cảng, đi ngược lại trào lưu của thế giới cũng như của vùng Đông Nam Á, nhất là khi khối ASEAN đang lập khu mậu dịch tự do.

Mặc dù các công ty quốc doanh được ưu tiên và nâng đỡ, các công ty này đã không giải quyết được nạn thất nghiệp (ước lượng chính thức là 15% và được các chuyên gia ước lượng là 25 - 30%). Hơn nữa, xuất khẩu tăng trưởng trung bình là 20% năm nhưng sự đóng góp thêm trị giá gia tăng của các công ty quốc doanh rất ít.

2. Về nguồn vốn đầu tư, BCCT nói sẽ khuyến khích việc huy động vốn các doanh nghiệp và nhân dân, và vốn ngoài nước. Về đầu tư trực tiếp của nước ngoài thì có chủ trương bổ sung luật đầu tư, cải tiến thủ tục đầu tư, thu hút nguồn đầu tư mới dưới nhiều hình thức vào các lĩnh vực cần thiết, khắc phục các trở ngại, và tiếp tục tranh thủ nguồn vốn ODA và FDI.

Chính sách tiếp tục khuyến khích và lôi kéo các nguồn tài trợ ngoại quốc và do đó VN phải sử dụng trung bình US$4.5 tỷ/năm về nguồn vốn ODA và FDI (công và tư). Trên thực tế, theo báo cáo CP thì VN chỉ xài được US$ 1.7 tỷ trên US$ 6.1 hay là 28% của vốn ODA và US$4.6 tỷ trên US$ 19.2 tỷ hay 24% của vốn FDI. Như vậy, muốn đạt mục tiêu phát triển được đặt ra thì VN phải nâng "hấp thụ" (viện trợ và đầu tư ngoại quốc) gấp ba lần tình trạng hiện nay trong một thời gian ngắn. Mục tiêu này có thiết thực không? Dùng được đầu tư ngoại quốc là một vấn đề vĩ mô (macro) nhưng dính liền với vi mô (micro), dính liền với việc thành lập, quản trị một cách hữu hiệu và khả năng thực hiện các dự án đầu tư phát triển. Khả năng cải thiện các cơ sở kinh tế cấp vi mô bị hạn chế vì chính sách chú trọng đến quốc doanh. Một bên khuyến khích tư bản ngoại quốc nhưng bên kia thì cảnh giác cho là đầu tư ngoại quốc mang lại nhiều điều bất công, còn có "nguy cơ diễn biến hòa bình." Chính sách này sẽ gây nhiều sự lo ngại trong giới đầu tư.

TĂNG TRƯỞNG KHU VỰC TƯ - QUỐC DOANH

	1990	1991	1992	1993	1994	1995 *
Tăng trưởng GDP	5.1	6.0	8.6	8.1	8.8	9.5
Khu vực Quốc doanh	2.5	8.6	12.4	11.6	12.8	14
Khu vực tư	6.4	4.7	6.8	6.2	6.7	8

Viện Thống kê, BKH: * sơ khởi

3. Về đầu tư của kinh tế hộ gia đình và doanh nghiệp tư thì BCCT công nhận "vai trò đặc biệt quan trọng" trong việc tạo nhiều việc làm và nâng cao thu nhập của dân. Chính sách kinh tế nhiều thành phần được đưa ra nhưng cùng lúc vai trò chủ đạo của nhà nước lại được nhấn mạnh. Khu vực tư được khuyến khích trong nông nghiệp, kinh tế nông thôn, thủ công nghiệp, tiểu công nghiệp, thương mại, dịch vụ, vận tải địa phương, tạo nhiều việc làm.

Trên thực tế có những khó khăn tâm lý, kinh tế, chính sách còn trái cẳng ngỗng, thiếu thực tế, mập mờ, một bên muốn phát triển kinh tế nhiều thành phần, một bên muốn kinh tế nhà nước và hợp tác giữ 60% GDP vào năm 2020. Mặc dù các công ty trong khu vực tư gây nhiều việc làm nhưng vẫn không được đối đãi bình đẳng về nhiều mặt như vay vốn [khu vực quốc doanh được 63% tín dụng và khu vực tư 28%], thủ tục v.v... Một bên BCCT biết là kinh tế nhà nước thiếu hiệu năng, phải đổi, và một bên vẫn muốn kinh tế này nắm vận mạng đất nước. Đó là một điều mâu thuẫn lớn. BCCT còn nặng về giáo điều, về chủ thuyết..., do đó có nhiều điều tự mâu thuẫn trong lý luận, trong những mục tiêu đưa ra, chưa gắn cái nhìn của quốc tế đối với VN.

Một điều quan trọng là BCCT đã đề cập đến

ĐÔ NO VÀ ĐÔ ĐÓI

Các nước viện trợ được gọi là đô no (donor), năm 1994 hứa cho Việt Nam 2 tỷ mỹ kim. Cả niên khóa 1995-96 nước thụ hưởng (chắc gọi là đô đói) chỉ tiếp thu được 25%, tức là 500 ngàn. Tại sao? Vì hệ thống hành chánh và quản lý còn chậm chạp và lạc hậu. Nhất là trong hệ thống hành chánh.

Về đầu tư cũng vậy. Một nhà đầu tư ngoại quốc nói Việt Nam bị bệnh "không tiêu" (indegestion). Hàng tỷ mỹ kim hứa đầu tư không dùng được, vì cả hệ thống chưa biết tiêu.

CHAEBOL ĐỎ

Bắt chước các đại tổ hợp Đại Hàn, đang cộng sản Việt Nam muốn lập các Chaebol kiểu nhà nước. Giữa năm 1994 đã bắt đầu lập 14 chaebol, từ xi măng, điện, cho đến cao su và vải vóc, may mặc.

Nhưng các Cha ebol Đại Hàn là của tư nhân, khác hẳn. Ở Việt Nam nên gọi là "cha chung" thì đúng hơn, vì chắc chắn lúc nó sập không có ai khóc thương - trừ các công nhân sẽ thất ngjiệp. Các quan chức sẽ thuyên chuyển đi cha chung khác.

việc kinh tế phục vụ "con người" và cũng kêu gọi "đại đoàn kết" các cộng đồng Việt Nam trên thế giới (dưới sự chỉ huy của họ), vì ĐCSVN cũng nhìn nhận là các cộng đồng VN ở nước ngoài có kinh nghiệm, có kỹ thuật cao, có chất xám.

Kết luận

Chính sách phát triển của BCCT công nhận cần tiếp tục *đổi mới*, thay đổi cơ chế cho hợp thị trường, cần đầu tư nước ngoài để đem lại công ăn việc làm, cần phát triển nông thôn, cần cải cách hành chánh để guồng máy có hiệu năng hơn...

Phân tích thì thấy có phần thực tế nhưng những biện pháp thì lại tréo cẳng ngỗng. Điểm chính là vai trò và trọng tâm của Đảng và do đó Đảng muốn khuyến khích khu vực quốc doanh trong vấn đề phát triển. Ai cũng biết khu vực quốc doanh thiếu hiệu năng, vậy tại sao khuyến khích quốc doanh?

Có phải đây chỉ là chiêu bài để tranh chấp trong nội bộ Đảng trước khi khai mạc Đại hội tám? Tại sao bắt ông Hồng Hà về tội "xì" tài liệu nội bộ Đảng (thư của Võ Văn Kiệt gửi BCT) mà bây giờ lại "xì" tài liệu "mật" này cho báo chí ngoại quốc? Tại sao phải đánh bùa phép? Hay là vì tại bị yếu thế?

Nói tóm BCCT muốn đổi mới theo công thức của họ để độc quyền lãnh đạo. Liệu thực tế của các con số về kinh tế có cho họ làm điều này không? Chỉ có tương lai mới cho chúng ta biết, nhưng có thể khẳng định ngay là có nhiều điều trái ngược nhau, mù mờ, thiếu thực tế.■

LÝ THUYẾT KINH TẾ CAMEL

Đại diện Việt Nam tại Mỹ, ông Lê Văn Bàng đến thăm hãng thuốc lá RJR ở North Carolina. Hãng này sản xuất thuốc Camel và đang đầu tư hai triệu vào Đà Nẵng, Việt Nam. Ông Bàng tuyên bố "Chúng tôi sẽ tiếp tục hút thuốc là trong mươi năm nữa. Bao giờ kinh tế phát triển thì sẽ bỏ hút như người Mỹ vậy."

Chú thích

(1) Xem thuyết trình của PTT Phan Văn Khải đọc trước Quốc Hội ngày 3/3/1996 [Nhân Dân ngày 4 và 5/3/96]. "Nói về doanh nghiệp nhà nước, Đảng và Nhà nước đã có chủ trương, chính sách sắp xếp lại, thành lập một số công ty lớn và tương đối lớn, tiến hành cổ phần hóa, đổi mới quản lý, xóa bỏ cơ chế chủ quản bao biện và bao cấp của cơ quan hành chính..." Các biện pháp là: "Phân biệt rõ những doanh nghiệp nhà nước có mục tiêu kinh doanh, thu lợi nhuận, được áp dụng quy chế tự chủ, tự trách nhiệm như công ty cổ phần... chấn chỉnh doanh nghiệp một cách minh bạch chân thực."

VNCR

Bạn đã đọc "Vài Chuyện Rất Thường" của Lê Tất Điều (trích Trường Sơn Lê Xuân Nhị), viết về một "Alamo Việt Nam," (*trên TK 21 số 83, tháng Ba 1996*), bạn không thể không tìm nghe băng đọc truyện do Lê Tam Ca và Hoàng Trọng Thụy thực hiện --- nghe để khóc cho những "người đi không về."
Băng do Đài Phát Thanh VNCR biếu bạn đọc TK 21.

Muốn có băng xin liên lạc
cô **Phan Mỹ Sương (714) 534-9430; FAX (714) 534-9433.**

Có nhiều băng khác ghi lại các cuộc phỏng vấn "nổ như tạc đạn," các vở kịch và các truyện ngắn được đọc bởi các xướng ngôn viên mà thính giả yêu mến như Hồng Đào, Y Sa, Hồng Nga, Hoàng Trọng Thụy, Ngô Mạnh Thu, Lê Tam Ca, Đinh Quang Anh Thái, v.v... (phí tổn sang băng và đóng gói gửi $5.00/1 truyện).

NHỮNG CHI TIẾT MỚI TIẾT LỘ VỀ CÁI CHẾT CỦA TT NGÔ ĐÌNH DIỆM

DƯƠNG HIẾU NGHĨA

Lời Tòa Soạn: *Đại Tá Dương Hiếu Nghĩa dẫn đầu đoàn xe đi "đón" Tổng thống Ngô Đình Diệm và ông Ngô Đình Nhu ở nhà thờ Cha Tam ở Chợ Lớn về bộ Tổng Tham Mưu QLVNCH, ngày 2 tháng Mười Một 1963. Sau đây là phần chính của bài ông viết kể lại những điều ông thấy và nghe ngày đó. Tòa soạn lược bỏ một số đoạn. Độc giả có thể tìm đọc đầy đủ trong báo Người Việt* từ ngày 30 tháng 3 năm 1996.

Ông Dương Hiếu Nghĩa sinh năm 1924 tại Vĩnh Long, tốt nghiệp thủ khoa khóa 5 trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt, 1952. Ông đã là đảng viên đảng Đại Việt. Ông từng làm tỉnh trưởng Vĩnh Long, và phục vụ trong ngành Thiết giáp. Ông bị tù cải tạo từ năm 1975, ra tù năm 1987. Năm 1992 ông sang Mỹ cùng với gia đình và hiện cư ngụ tại tiểu bang Washington.

Trong phần đầu ông Dương Hiếu Nghĩa thuật lại cuộc hội kiến với ông Ngô Đình Diệm cuối năm 1960, trước cuộc đảo chính 11 tháng Mười Một 1960 của nhóm Nguyễn Chánh Thi. Trước khi được bổ nhiệm quận trưởng ông phải về Sài gòn trình diện tổng thống. Ông đã trình bầy những sai lầm trong chính sách Khu Trù Mật và ông Diệm vui vẻ lắng nghe.

A. Tại bộ Tổng Tham Mưu

Đúng như Trung tướng Trần Văn Đôn đã viết trong quyển *Việt Nam Nhân Chứng"* của ông, sáng ngày 2 tháng Mười Một 1963 Trung tướng Dương Văn Minh chỉ định Thiếu tướng Mai Hữu Xuân, Đại tá Dương Ngọc Lắm đi vào nhà thờ Cha Tam trong Chợ Lớn (Đại tá Nguyễn Văn Quan không có đi) để "đón họ đưa về đây" (nguyên văn, không dùng chữ "bắt" như viết trong *Việt Nam Nhân Chứng*, trang 230), tức là về Bộ Tổng Tham Mưu. Tôi có mặt tại chỗ, vì tôi cùng trung đội thiết vận xa vừa từ dinh Gia Long về tới, đang trình với Trung tướng Minh là "Tổng thống và ông cố vấn Nhu không còn thấy ở dinh Gia Long nữa." (*Ông Nghĩa đã dẫn đoàn xe tới dinh Gia Long để đón ông Diệm.*) Do đó tôi lại nhận được lệnh của Trung tướng Dương Văn Minh: "Tiếp tục cho đoàn xe Thiết Giáp hộ tống Thiếu tướng Mai Hữu Xuân và Đại tá Dương Ngọc Lắm đi vào nhà thờ Cha Tam ở Chợ Lớn, đón hai ông ấy và đưa về đây" (nguyên văn).

Như vậy tôi được biết là Thiếu tướng Mai Hữu Xuân đã có nhận lệnh trực tiếp từ Trung tướng Dương Văn Minh, nhưng tôi không hiểu Thiếu tướng Mai Hữu Xuân có nhận thêm "mật lệnh" gì khác của Trung tướng Dương Văn Minh hay không. Cũng ngay lúc đó tôi được Đại tá Nguyễn Văn Quan nói cho tôi biết là: "Trong lúc tôi dẫn đoàn xe xuống dinh Gia Long để đón Tổng thống vào khoảng từ 2 giờ sáng ngày 2 tháng Mười Một, thì Tổng thống và ông cố vấn Ngô Đình Nhu đã bí mật rời khỏi dinh Gia Long đi vào Chợ Lớn rồi, hiện đang có mặt tại nhà thờ Cha Tam. Từ nhà thờ nầy, hai ông đã có liên lạc bằng điện thoại với các tướng lãnh."

Ngay sau đó, qua một hồi thảo luận, Hội Đồng Quân Nhân Cách mạng đã có quyết định dứt khoát, ít nhất là về số phận của cố vấn Ngô Đình Nhu rồi: *"Bằng mọi cách phải diệt trừ mầm móng hậu hoạn."* Thiếu tướng Mai Hữu Xuân, Đại tá Nguyễn Văn Quan, Đại tá Dương Ngọc Lắm, Đại tá Đỗ Mậu, v.v... đều có mặt trong cuộc thảo luận để lấy quyết định lịch sử nói trên cùng với Trung tướng Dương Văn Minh, Thiếu tướng Trần Thiện Khiêm, tướng Lê Văn Kim, Phạm Xuân Chiểu, v.v... Tôi cũng được Đại tá Quan cho biết thêm là Trung tướng Dương Văn Minh, người chỉ huy cuộc đảo chánh, đã nhanh chóng đưa ra đề nghị rất dứt khoát để Hội Đồng lấy quyết định.

Các vị hiện diện trong lúc đó cũng không góp thêm ý kiến gì. Lúc đó im lặng được xem là đương nhiên chấp thuận đề nghị của Trung tướng Dương Văn Minh. (Đại tá Nguyễn Văn Quan là một trong những thành viên đầu tiên của "nhóm đảo chánh," luôn có mặt tại Bộ Tham Mưu Hành Quân Đảo Chánh, được thăng cấp thiếu tướng sau đó mấy ngày và giữ chức vụ Giám đốc Nha An Ninh Quân Đội, thay thế Đại tá Đỗ Mậu). Thật ra từ 11 giờ đêm ngày 1 tháng Mười Một 1963, trong lúc tình hình chưa được ngã ngũ hẳn, thì các tướng lãnh đã có bàn bạc với nhau trước về số phận của ông cố vấn Ngô Đình Nhu rồi, riêng đối với Tổng thống Ngô Đình Diệm thì hầu hết đều tán thành đưa đi ra ngoại quốc, không thấy có vị nào công khai phát biểu khác. Do đó khi Thiếu tướng Mai Hữu Xuân nhận lệnh

đi đón Tổng thống là ông đã biết mình sẽ phải làm gì rồi, ít nhất đối với ông cố vấn Ngô Đình Nhu.

Còn đối với Tổng thống thì lúc bấy giờ tôi hoàn toàn không biết là tướng Xuân có nhận được "mật lệnh" gì thêm từ Trung tướng Dương Văn Minh hay không. Đoàn xe khởi hành từ Bộ Tổng Tham Mưu vào khoảng hơn 6 giờ sáng, hai xe quân cảnh dẫn đầu, xe jeep của tôi và Đại úy Phan Hòa Hiệp (sau nầy là chuẩn tướng) đi kế đó, rồi đến xe jeep của Thiếu tướng Mai Hữu Xuân và xe của Đại tá Dương Ngọc Lắm, tiếp theo sau là đoàn xe an ninh hộ tống gồm trung đội thiết vận xa năm chiếc, bốn chiếc đi trước với một xe bộ binh tùng thiết, một chiếc đi cuối đoàn xe, đó là thiết vận xa của trung đội trưởng an ninh hộ tống.

Cho tới đây có một vài chi tiết tôi muốn nói rõ thêm để cho sự việc được phần sáng tỏ hơn:

1. Vì không thấy Thiếu tướng Xuân dự trù chiếc xe nào cho Tổng thống và ông cố vấn Ngô Đình Nhu nên tôi hỏi riêng Thiếu tướng Xuân trước khi khởi hành, thì ông chỉ nói nhanh "Không cần," cộc lốc. Tôi nghĩ chắc chắn là Ông đã có phương cách rồi, nên không muốn chúng tôi quấy rầy làm mất luồng suy tính của ông, lúc ông đang có một "mission" quá đặc biệt, có lẽ đặc biệt hơn bao giờ hết trong cả cuộc đời cảnh sát công an của ông!

2. Trước khi khởi hành tôi và Đại úy Phan Hòa Hiệp đều nhìn thấy Đại úy Nhung ngồi trên một trong bốn thiết vận xa sau xe jeep của chúng tôi. Đại úy Hiệp có hỏi tôi về sự hiện diện của vị sĩ quan bộ binh lạ mặt nầy trên xe Thiết Giáo của chúng tôi. Tôi có giải thích sơ qua đó là Đại úy Nhung, sĩ quan tùy viên tín cẩn của Trung tướng Dương Văn Minh, có xác nhận với Đại úy Hiệp rằng:

"Đại úy Nhung có hỏi tôi để được cùng đi với trung đội thiết vận xa. Tôi nghĩ có lẽ Đại úy Nhung có nhiệm vụ gì đó do Trung tướng Minh đích thân giao cho, nên tôi không tiện hỏi, vì không liên quan gì đến nhiệm vụ an ninh hộ tống của chúng mình."

Tôi không muốn nói rõ hơn cho Đại úy Hiệp, nhưng cá nhân tôi, tôi đã biết Đại úy Nhung được Trung tướng Dương Văn Minh "sai" đi theo đoàn xe để thi hành quyết định của Hội Đồng, quyết định có liên quan đến ông cố vấn Ngô Đình Nhu. Quyết định nầy đã được chuyển thành "lệnh" và được Trung tướng Dương Văn Minh "mật trao lại cho Đại úy Nhung thi hành." Vì chắc chắc Trung tướng Dương Văn Minh không còn thấy có ai hơn ngoài người sĩ quan cận vệ thân tín nầy để thi hành công tác đặc biệt, khó khăn và quan trọng nói trên.

Tôi dùng danh từ "mật" là vì nếu Trung tướng Minh có dặn dò điều gì với Đại úy Nhung thì không một ai trong Hội Đồng nghe thấy được, và nếu có ra lệnh cho Đại úy Nhung thi hành quyết định công khai của Hội Đồng về một mình ông cố vấn Ngô Đình Nhu hay cho cả hai ông thì cũng không một ai trong Hội Đồng được nghe thấy, nhưng tôi khẳng định là Trung tướng Dương Văn Minh đã có "sai Đại úy Nhung" tức là "đã có lệnh cho Đại úy Nhung," và lệnh nầy được tướng Minh đưa ra theo quyết định chung của Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng, ít nhất liên quan đến ông cố vấn Ngô Đình Nhu. Vì nếu Trung tướng Dương Văn Minh không ra lệnh thì còn ai là người trong Hội Đồng có đủ thẩm quyền để ra lệnh đặc biệt nầy? Cũng như nếu ông không "sai Đại úy Nhung" thì tại sao Đại úy Nhung lại nói với tôi cho anh được ngồi trên thiết vận xa để được cùng đi vào Chợ Lớn? (Được biết, trong tư thế của một sĩ quan cận vệ, Đại úy Nhung luôn luôn phải đi sát bên cạnh, không được rời xa Trung tướng Minh, nhất là trong lúc tình hình còn tranh tối tranh sáng như lúc đó, và có thể khẳng định là không có một ai ra bất cứ một lệnh gì cho ông Nhung được, ngoài Trung tướng Minh).

Nhưng tôi cũng xác định là dù có "sai Đại úy Nhung" hay "ra lệnh cho Đại úy Nhung" Trung tướng Minh cũng "sai mật" hay "dặn dò mật" mà thôi. Như vậy là đến đây chúng ta không còn thắc mắc gì về "người nào đã ra lệnh" và lệnh đó xuất phát từ đâu, từ cá nhân hay từ tập thể Hội Đồng.

3. Đại tá Dương Ngọc Lắm, chắc chắn phải biết rõ mật lệnh mà Trung tướng Dương Văn Minh đã giao cho Thiếu tướng Mai Hữu Xuân. Vì nếu không thì tại sao ông, đích thân ông đã có đến gặp tôi để dặn dò tôi trước khi đoàn xe khởi hành:

"Nè! mấy người đừng có nói gì bậy bạ nghe!"

"Dạ vâng! Thưa đại tá." Tôi đáp.

Đại tá Lắm là Thầy của Khóa 5 Trường Võ Bị Đà Lạt chúng tôi, là sĩ quan Thiết Giáp bậc đàn anh đáng kính của chúng tôi, là sĩ quan Việt Nam đầu tiên tiếp nhận Phòng Thanh Tra Thiết Giáp Kỵ Binh từ Quân Đội Pháp (Inspection de l'A.B.C), tiền thân của Bộ Chỉ Huy Thiết Giáp Kỵ Binh Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Cho nên, không bao giờ chúng tôi dám dùng hai chữ "toa, moa" một cách xấc láo khi nói chuyện với ông cả. Hơn nữa, cấp thiếu tá như tôi mà dùng hai chữ nầy với một đại tá là quá vô lễ (Trần Văn Đôn, trong *Việt Nam Nhân Chứng* trang 236).

4. Tôi được biết chắc chắn ngay từ lúc bàn thảo kế hoạch sơ khởi trước tháng Mười Một 1963, là các tướng tá trong nhóm lãnh đạo cuộc đảo chánh đã có dự trù một giải pháp dứt khoát đối với ông cố vấn Ngô Đình Nhu rồi. Dự trù

nầy đã trở thành quyết định từ sau 1 giờ trưa ngày 1 tháng Mười Một 1963. Đó là: *"Truy tố ra tòa, xử tội trong nước, không cho đi ra ngoại quốc."*

Tôi xin lặp lại, sơ khởi là như vậy. Nhưng theo lời Đại tá Quan nói với tôi thì đến khuya rạng sáng ngày 2 thángn Mười Một 1963, lúc chưa được tin Tổng thống và ông cố vấn Nhu bí mật rời khỏi dinh Gia Long, thì đa số trong Hội Đồng không còn có ý đưa ông Nhu ra tòa nữa, mà nhứt quyết "bằng mọi cách phải trừ mầm móng hậu hoạn." Rõ ràng là như vậy, vì tình hình thắng thua chưa ngã ngũ, dinh Gia Long chưa chiếm được, Liên Binh Phòng Vệ trong thành Cộng Hòa chưa chịu buông súng đầu hàng... và cũng vì chính cá nhân ông Cố Vấn được quy trách nhiệm về mọi xáo trộn chánh trị trong nước, làm mất lòng quân dân cán chính, v.v...

Riêng đối với Tổng thống Ngô Đình Diệm thì tuy chưa có quyết định gì dứt khoát, nhưng qua trao đổi ý kiến ngoài hành lang thì đa số đều có ý tán thành một giải pháp ôn hòa cho ông. Đó là: *"Để cho Ông đi ra ngoại quốc, một mình, như một người dân thường, không được hưởng lễ nghi quân cách của một Tổng thống."*

Biện pháp nầy coi như là một ân huệ đối với Tổng thống Ngô Đình Diệm. Tuy nhiên theo lời Đại tá Nguyễn Văn Quan xác nhận lại với tôi thì Trung tướng Minh vẫn còn im lặng chưa có ý kiến gì. Đến khi được biết Tổng thống và ông cố vấn Ngô Đình Nhu đã bí mật rời được khỏi dinh Gia Long rồi, thì tình hình thật sự có thay đổi trong chiều hướng rất bất lợi cho hai ông.

Khi còn chưa rõ hai ông hiện đang ở đâu thì Hội Đồng có phần lo âu: dù đảo chánh có thành công mà hai ông này chạy thoát được thì tình hình chánh trị quân sự sẽ ra sao đây? Chẳng những sẽ không thể có một sự ổn định trong tương lai, mà sẽ có một sự chia rẽ có thể dẫn tới tranh chấp quyền lực, nếu không muốn nói là nội chiến, ngay tại Miền Nam Việt Nam, nỗ lực chống Cộng sẽ bị ảnh hưởng nặng nề. (Nhất là đến giờ nầy, tướng Huỳnh Văn Cao ở Vùng 4 Chiến Thuật chưa chịu tuyên bố chánh thức trên đài phát thanh đứng về phía Hội Đồng, mặc dù có được yêu cầu nhiều lần, và dù việc đó rất dễ làm, chỉ cần điện thoại cho Ba Xuyên, thâu băng rồi cho phát thanh trên đài Ba Xuyên là đủ. — Vùng 4 lúc bấy giờ có ba sư đoàn bộ binh còn được kềm giữ trong thế án binh bất động, nhờ công của Thiếu tá Nhan Minh Trang. Thiếu tá Huỳnh Văn Toàn và Đại tá Nguyễn Hữu Có — Tướng Nguyễn Khánh ở Vùng 2 và tướng Đỗ Cao Trí ở Vùng 1 tuy có ủng hộ phe đảo chánh nhưng có phần hơi chậm. Cũng xin nhắc lại là tướng Nguyễn Khánh là người đã cố ý tìm mọi cách vào dinh Độc Lập để đích thân chỉ huy chống lại các đơn vị đảo chánh ngày 11 tháng Mười Một 1960, cứu ông Ngô Đình Diệm, sau đó được thăng thiếu tướng).

Do đó từ quyết định hơi ôn hòa trước đó, đã có một số không ít thành viên trong Hội Đồng bắt đầu tỏ thái độ cứng rắn và quyết liệt hơn, nhất là Trung tướng Dương Văn Minh, linh hồn của cuộc đảo chánh. Ông không muốn thấy ngày 11 tháng Mười Một 1960 tái diễn lần thứ hai. Chúng ta phải thấy được trách nhiệm nặng nề của người chỉ huy cuộc hành quân đảo chánh lúc bấy giờ, thì mới biết được mức độ lo âu, nóng ruột của Trung ướng Dương Văn Minh thế nào. Trách nhiệm đối với đất nước, trách nhiệm đối với các đơn vị hành quân đảo chánh, nhất là đối với sinh mạng sĩ quan tướng tá nằm trong "nhóm đảo chánh" mà từ sau 13 giờ ngày 1 tahng Mười Một được tạm gọi là Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng, trách nhiệm phải ổn định về chánh trị, hành chánh, quân sự, xã hội, v.v... để lèo lái con tầu Miền Nam Việt Nam sau khi đảo chánh thành công, hoặc phải có đường lối hành động thích ứng trong trường hợp cuộc hành quân không suông sẻ hay thất bại...

Từ đó mới thấy được thái độ của Trung tướng Dương Văn Minh qua đề nghị cứng rắn của Trung tướng, để hội đồng lấy quyết định về trường hợp của cá nhân ông cố vấn Ngô Đình Nhu, dứt khoát không thể do dự hay mềm yếu được. Đến đây, tôi được biết rõ ràng là Trung tướng Dương Văn Minh, với tư cách là người chỉ huy toàn bộ cuộc hành quân đảo chánh, là người duy nhất lúc bấy giờ có trách nhiệm thi hành quyết định của Hội Đồng về trường hợp ông cố vấn Ngô Đình Nhu: "Bằng mọi cách, phải trừ mầm móng hậu hoạn." *Và ông đã ra lệnh.* Nhưng tôi hoàn toàn không được biết là trung tướng có ra lệnh gì thêm cho Đại úy Nhung về trường hợp của Tổng thống Ngô Đình Diệm hay không?

(Có người nói là trước khi đoàn xe khởi hành, Trung tướng Dương Văn Minh đứng trên lầu tòa nhà chánh Bộ Tổng Tham Mưu, có hướng về Thiếu tướng Mai Hữu Xuân hay Đại úy Nhung đưa ra hai ngón tay — ý nói là cả hai người. Nhưng, tôi xác nhận là hoàn toàn không trông thấy điều đó. Tôi biết rõ tính trầm tĩnh và suy tính chín chắn của Trung tướng Minh, nên tôi chắc chắn là ông không bao giờ có hành động ra lệnh "vào phút chót và quá lộ liễu" như vậy. Nếu có ra lệnh, thì chắc chắn ông đã có đắn đo suy tính kỹ càng trước rồi, và ông đã phải dặn dò ngay Đại úy Nhung rồi, chớ không bao giờ ông lại ra lệnh để cho người khác trông thấy dễ dàng

> Trên đời không có sự thái quá nào đẹp bằng lòng biết ơn thái quá cả.
>
> — *La Bruyère*

như vậy.)

Như tôi đã có trình bày ở trên, bốn điểm mà tôi vừa nêu lên là những điều mà chính tai tôi nghe, chính mắt tôi thấy và chính tôi được biết, trước khi chúng tôi đi vào nhà thờ Cha Tam trong Chợ Lớn.

Tôi xin phép được mở một dấu ngoặc ở đây: Trước khi khởi hành, tôi có ghé ngang qua Bộ Chỉ Huy Thiết Giáp/Hành Quân đặt trên một bán xích xa đậu ngay dưới tòa nhà chánh của Bộ Tổng Tham Mưu để báo cho Trung tá Nguyễn Văn Thiện biết về hướng đi và nhiệm vụ an ninh hộ tống của chúng tôi. Tôi tuyệt đối không nói thêm một điều nào mà tôi đã nghe, đã thấy và đã biết được về các thảo luận và quyết định của Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng, vì Trung tá Thiện không phải là thành viên của "nhóm đảo chánh" như chúng tôi. Ông vẫn chưa biết gì về việc Tổng thống và ông cố vấn Ngô Đình Nhu đang ở Chợ Lớn, không biết tí gì về những diễn tiến trên tòa nhà chánh của Bộ Tổng Tham Mưu mà tôi vừa nói ở trên.

Trên hệ thống Truyền Tin/Thiết Giáp, các đơn vị của chúng tôi chỉ biết là Tổng thống không có mặt tại dinh Gia Long mà thôi. Không ai biết là hai ông đã có đàm thoại với các tướng lãnh từ nhà thờ Cha Tam, Chợ Lớn. Dù sao để phòng vẫn hơn! (Trung tá Thiện, người miền Trung, vốn là người tín cẩn của Tổng thống Ngô Đình Diệm, cán bộ nồng cốt Cần Lao, được Tổng thống đưa từ Nha Nhân Viên/Bộ Quốc Phòng về Bộ Tổng Tham Mưu thay thế Trung tá Hoàng Xuân Lãm, giữ chức vụ Chỉ huy Trưởng Bộ Chỉ Huy Thiết Giáp Binh. Do đó, sáng ngày 1 tháng Mười Một 1963, ông được gọi lên phòng họp ở văn phòng Thiếu tướng Khiêm và bị giữ luôn ở phòng họp số 1 (được tạm gọi là "phòng tạm giữ"), để bảo đảm an toàn cho kế hoạch đảo chánh).

Khi tôi lên họp với Hội Đồng Quân Nhân trước giờ G, thì tôi biết là Trung tá Thiện đang bị nhốt ở phòng bên cạnh, tôi mới vào xin với Trung tướng Dương Văn Minh cho tôi được bảo lãnh Trung tá Thiện ra, và tôi được phép sử dụng quyền chỉ huy của ông, để ông điều hành Bộ Chỉ Huy Hành Quân/Thiết Giáp, theo dõi và điều động các đơn vị Thiết Giáp đang hành quân, nếu cần. Bộ Chỉ Huy Hành Quân/Thiết Giáp được đặt ngay dưới tòa nhà chánh của Bộ Tổng Tham Mưu. Dĩ nhiên, tôi phải hoàn toàn chịu trách nhiệm và bảo đảm về hành động của Trung tá Thiện kể từ giờ nầy. (Tôi vẫn có hệ thống chỉ huy trực tiếp, song song, trên xe jeep chỉ huy của tôi, nên không thấy có gì bất trắc có thể xẩy ra. Sau đó, khi đảo chánh thành công, anh em sĩ quan Thiết Giáp trong tinh thần đoàn kết của binh chủng, cũng đều đồng ý với đề nghị của tôi trình lên Hội Đồng Quân Dân Cách Mạng và được hội đồng thăng thưởng, chấp nhận cho Trung tá Thiện được thăng cấp đại tá và được tiếp tục giữ chức vụ Chỉ Huy Trưởng Bộ Chỉ Huy Thiết Giáp Binh).

B. Tại nhà thờ Cha Tam

Đoàn xe vào đến nhà thờ Cha Tam. Đại úy Hiệp giúp tôi bố trí an ninh trung đội thiết vận xa trước nhà thờ. Tôi đi gặp Thiếu tướng Xuân và Đại tá Lắm để nhận lệnh tiếp. Tôi không thấy Đại úy Nhung lúc nầy.

Thiếu tướng Xuân và Đại tá Lắm không ai chịu vào nhà thờ để gặp Tổng thống (không nói rõ lý do tại sao), dù đó là nhiệm vụ của hai ông, và bảo tôi đại diện Hội Đồng vào mời Tổng thống và ông cố vấn ra xe là được rồi.

Tôi vào nhà thờ, qua cổng nhỏ, phía bên mặt cổng chính. Nhưng khi bước vào khỏi cổng khoảng 10 thước, thì tôi sực nhớ là mình vào một cơ sở tôn giáo, không nên mang theo vũ khí. Tôi vội bước lui, trở ra cổng và cởi súng lục ra, trao cho tài xế của tôi (xe đậu gần cổng chánh). Lúc nầy dân chúng đã thấy có việc lạ và tò mò đứng lố nhố đầy cả ngã ba, trước rào sắt của nhà thờ. Binh sĩ cũng không gắt gao lắm và chắc chắn bây giờ dân ở đây đã biết được là Tổng thống Diệm và ông cố vấn Nhu đang ở trong nhà thờ nầy.

Tôi lại bước vào nhà thờ lần thứ hai, không súng, và vẫn một mình. Tôi không dòm lại phía sau nhưng nghĩ bụng là anh em Thiết Giáp ở ngoài rào sắt chắc cũng đã bố trí để theo dõi và an ninh cho tôi, vì tất cả đều biết rằng tôi vào đây không một tấc sắc trong tay. Tôi mạnh dạn bước tới, rẽ về hướng tay mặt, đi khoảng 20 thước thì thấy từ phía dãy nhà bên hông phải của nhà thờ bốn người đang đi ra, về hướng của tôi. Đó là Tổng thống, (tay có cầm gậy), ông cố vấn Nhu, và hai người nữa mặc thường phục. Tôi nghĩ bụng: Một trong hai người nầy phải là Đại úy Đỗ Thọ, tùy viên của Tổng thống, (vì tay có xách một chiếc cặp da). Người thứ tư tôi không biết (sau nầy tôi mới biết đó là Đại úy An, sĩ quan cận vệ của Tổng thống). Tôi nghĩ, chắc là Tổng thống đã được Hội Đồng Quân Nhân báo trước rồi, nên khi nghe thấy xe tới nhà thờ là Tổng thống đi ra.

Tôi đứng lại, chờ... Nhưng, vẫn không để ý xem hai sĩ quan nầy có võ trang hay không... Và khi Tổng thống đến còn cách tôi khoảng 3 thước, tôi đứng nghiêm lại, đưa tay lên mũ, chào, đúng nghi lễ quân cách, và giữ nguyên tư thế nghiêm đó, tôi nói:

"Thưa Tổng thống, chúng tôi được lệnh của Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng đến đây mời Tổng thống và ông cố vấn về Bộ Tổng Tham Mưu. Có Thiếu tướng Mai Hữu Xuân đại diện cho Hội Đồng đang đứng trước cổng chờ Tổng

thống."

Tổng thống đứng lại, nghe tôi trình bày, và có nói một câu ngắn mà tôi không nghe rõ lắm. Sau đó, Đại úy Đỗ Thọ bảo tôi đi trước, Tổng thống sẽ theo sau. Nhưng tôi đứng nép qua một bên, mời Tổng thống đi trước, ra hướng cổng nhỏ bên phải, cả bốn người qua hết rồi, tôi mới lững thững bước theo sau... cách xa 3 thước. Dù sao trong cương vị sĩ quan (nhất là sĩ quan cấp tá) tôi vẫn bắt buộc phải giữ lễ đối với Tổng thống, dù là trong hoàn cảnh nào. Và đi sau cũng có thể là một hành động phản ứng để phòng tự nhiên của tôi, chớ hoàn toàn không có ý nghĩ gì khác. Tôi đinh ninh rằng Thiếu tướng Xuân đã phải có mặt trước cổng để hướng dẫn Tổng thống lên xe về Tổng Tham Mưu, vì đó là nhiệm vụ của ông.

Đến cổng rào, vì là cổng nhỏ bên hông nên bốn người phải tuần tự bước qua cổng, Tổng thống bước ra trước, đến Đại úy Đỗ Thọ rồi mới đến ông cố vấn, Đại úy An. Tôi là người thứ năm bước ra khỏi cổng sau cùng.

Ngay lúc bấy giờ, tôi mới chợt nhận thấy có một xe thiết vận xa đậu ngay cổng nhỏ nầy, cánh cửa sau xe mở rộng, gát nằm xuống sát trên lề đường (lề đường rộng khoảng 3 thước dành cho người đi bộ, cao khỏi mặt lộ khoảng hơn 2 tấc). Tôi thấy Thiếu tướng Xuân và Đại úy Nhung đã có mặt tại chỗ, không có Đại tá Lắm. Thiếu tướng Mai Hữu Xuân chỉ có bảo Đại úy Đỗ Thọ trao cho ông chiếc cặp da của Tổng thống mà đại úy đang xách. Sau đó, ông Xuân xách chiếc cặp đi ngay, không nói thêm một lời nào khác ngoài việc khoát tay ra lệnh cho Đại úy Thọ và Đại úy An đi theo ông.

Đại úy Nhung hướng về phía Tổng thống và ông cố vấn Ngô Đình Nhu nói như ra lệnh:

"Mời hai ông lên xe."

Vừa nói, đại úy vừa chỉ vào cửa thiết vận xa đang đậu trước cổng nhỏ.

Lúc nầy Tổng thống và ông cố vấn Nhu đang đứng cách cửa thiết vận xa khoảng 1 thước. Tổng thống không nói một lời nào, chưa có một phản ứng nào về thái độ kém nhã nhặn của người sĩ quan mà ông chưa hề biết mặt. Tổng thống còn đang đứng tần ngần, sững sờ, thì ông cố vấn Ngô Đình Nhu đã lên tiếng, lộ hẳn vẻ mặt bất bình của người bề trên:

"Tại sao lại phải lên xe nầy? Không còn xe nào khác hay sao?"

"Không có! Vì lý do an ninh! Tình hình đang hỗn loạn. Dân chúng đang muốn tìm giết hai ông đó! Hai ông phải lên xe nầy thôi, để được bảo vệ an ninh."

Đại úy Nhung có vẻ bực bội vì câu hỏi giọng kẻ cả, nên vừa trả lời vừa đưa tay ra dấu, như có ý đẩy hai người vào thiết vận xa.

Nhìn qua, nhìn lại không thấy Thiếu tướng Mai Hữu Xuân đâu cả, Đại úy Đỗ Thọ và người sĩ quan cận vệ cũng không thấy có mặt. Tổng thống có hỏi:

"Thiếu tướng Mai Hữu Xuân đâu? Gọi Thiếu tướng Xuân đến gặp tôi đã."

"Thiếu tướng Xuân đã lên xe đi trước rồi." Đại úy Nhung vừa trả lời vừa giục hai ông vào xe.

Sau một phút ngập ngừng hai ông phải bước lên xe (không còn cách nào hơn).

Tôi vẫn còn đứng cách đó vài bước, bên cạnh cổng nhỏ nhà thờ, còn nhìn thấy được cảnh Thiếu tướng Xuân đầu trần, không nhìn thẳng vào Tổng thống (không dám hay không muốn, khó mà nhận rõ được). Thiếu tướng đã đưa tay nhận chiếc cặp da từ tay Đại úy Đỗ Thọ, xong bước đi luôn về hướng xe của ông, không quên ra lệnh cho Đại úy Đỗ Thọ cùng người sĩ quan cận vệ theo ông, để mặc cho Đại úy Nhung đối đáp với Tổng thống ra sao tùy ý.

Tôi cũng nhìn thấy rõ gương mặt thẫn thờ, ngạc nhiên của Tổng thống, vẻ bất bình cau có của ông cố vấn Nhu, và thái độ nóng nảy của Đại úy Nhung.

Tôi theo dõi được những câu trao đổi ngắn ngủi nhưng mất bình tĩnh của Tổng thống và ông cố vấn với Đại úy Nhung, cũng như sự im lặng cố chịu đựng của Tổng thống Ngô Đình Diệm.

Tôi còn chứng kiến được cảnh hai người lặng lẽ bước vào xe, còn nghe Đại úy Nhung bảo họ "cúi đầu xuống" (vì cửa xe thấp, phải khom lưng xuống mới vào được).

Đợi cho hai người vào xong, Đại úy Nhung mới bước vào sau cùng. Và, cửa xe từ từ dựng đứng lên, đóng kín lại...

Ngay lúc bấy giờ, tôi mới kịp nhận ra trong thiết vận xa không có một binh sĩ Thiết Giáp nào (trừ tài xế và phụ tài xế phía trước không kể). Lúc Đại úy Nhung là người sau cùng bước vào xe, thì rõ ràng tôi chỉ thấy có ba người trong xe. Đó là: Tổng thống, ông cố vấn, và Đại úy Nhung. Sau nầy hỏi ra tôi mới biết là trưởng xa, xạ thủ đều được Đại úy Nhung yêu cầu tạm đi qua xe khác.

Tôi bước xuống lòng đường, đi bộ lại gặp Thiếu tướng Mai Hữu Xuân (xe ông đậu trước thiết vận xa nầy, trên con đường dọc). Tôi báo cáo tình hình sau cùng, và đề nghị với thiếu tướng cho đoàn xe khởi hành về Bộ Tổng Tham Mưu.

C. Trên đường về Bộ Tổng Tham Mưu

Tôi bước về xe jeep của tôi, ra lệnh cho đoàn xe nổ máy và chuẩn bị lên đường. Thứ tự các xe như cũ: xe jeep chỉ huy của tôi và Đại úy Hiệp đi đầu như thường lệ, ngay sau hai xe quân cảnh dẫn đường, kế đó là xe Thiếu tướng Mai Hữu Xuân, xe của Đại tá Dương Ngọc Lắm. Theo sau, vẫn là bốn thiết vận xa liền nhau, thiết vận

xa thứ ba chở Tổng thống Ngô Đình Diệm và ông cố vấn Ngô Đình Nhu, tiếp theo là xe bộ binh tùng thiết, và cuối cùng là thiết vận xa của trung đội trưởng Thiết Giáp. Xe nầy thường trực liên lạc truyền tin với tôi để báo cáo tình hình di chuyển và tình hình an ninh của đoàn xe.

Tôi vẫn lái xe jeep chỉ huy của tôi, Đại úy Hiệp ngồi bên cạnh. Đoàn xe đi với tốc độ bình thường, không nhanh lắm. Đoàn xe đang đi trên đường Hồng Thập Tự, qua khỏi nhà bảo sanh Từ Dũ thì dừng lại tại cổng xe lửa, vì có xe lửa sắp chạy qua, cổng đã gát ngang đường. Thời gian đoàn xe ngừng tại đây là khoảng trên dưới 10 phút.

Chợt tôi nghe có mấy tiếng súng nổ phía sau, vào khoảng giữa đoàn xe. Tôi quay đầu xe jeep, chạy ngược lại dọc theo đoàn xe để xem việc gì đã xảy ra. Đến ngang thiết vận xa có chở Tổng thống và ông cố vấn, thì tôi thấy Đại úy Nhung ngồi trên nóc xe (ngay vị trí của trưởng xa) và hướng về phía chúng tôi đưa một ngón tay cái lên làm hiệu, được hiểu là mọi việc đều bình thường.

Tôi vội hỏi:

"Tiếng súng nổ ở đâu đó?" Đại úy Nhung đưa tay chỉ vào trong xe và không nói gì.

Tôi quay đầu xe lại, tiếp tục trở lên đầu đoàn xe. Lúc đó xe lửa vừa chạy qua xong, cổng đã mở, đoàn xe chúng tôi tiếp tục chạy, hướng về Bộ Tổng Tham Mưu. Để được biết rõ ràng hơn, tôi có hỏi Trung Đội Trưởng Thiết Giáp, qua máy truyền tin, là việc gì đã xảy ra mà có tiếng súng nổ trên thiết vận xa thứ ba? Tôi được cho biết như sau:

"Phụ tài xế xe nầy có báo cáo cho tôi biết là tiếng súng đó là do ông đại úy bộ binh ngồi trong xe bắn chết Tổng thống và ông cố vấn."

Cả tôi và Đại úy Hiệp đều nghe biết sự việc nầy qua hệ thống truyền tin Thiết giáp trên xe jeep chỉ huy của chúng tôi. Nhưng tôi vẫn chưa báo cáo gì về Bộ Tổng Tham Mưu, vào lúc đó, cả với Bộ Chỉ Huy/Hành Quân Thiết Giáp cũng vậy (tần số chỉ huy khác tần số an ninh hộ tống).

Riêng tôi, tôi không biết tại sao cả hai ông đều bị bắn chết? Vì cho tới giờ này, cũng như các tướng tá thành viên khác của Hội Đồng, tôi vẫn biết là Hội Đồng dù chưa có quyết định nào dứt khoát cho trường hợp của Tổng thống Ngô Đình Diệm, nhưng gần như đã có một sự hiểu ngầm trao đổi ý kiến ngoài hành lang, bán chánh thức, giữa các thành viên của Hội Đồng, là sẽ đề nghị ("sẽ" mà thôi) dành cho Tổng thống một ân huệ: sẽ cho Tổng thống đi ra ngoại quốc, một mình, và duy nhất chỉ không được hưởng lễ nghi quân cách dành cho một vị nguyên thủ quốc gia mà thôi. Và hình như Hội Đồng cũng có dự trù xin Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ một chiếc máy bay đặc biệt để đưa Tổng thống ra khỏi Sàigòn.

Tôi cũng xin lặp lại là riêng Trung tướng Dương Văn Minh vẫn còn im lặng, chưa có chánh thức phát biểu một ý kiến gì về trường hợp nầy. Dù sao tôi vẫn còn thắc mắc không biết đây có phải là tự ý Đại úy Nhung hay không? Là một hành động cố ý hay lỡ tay? Hay là do chỉ thị mật của Trung tướng Dương Văn Minh làm như vậy?

Đoàn xe đến Bộ Tổng Tham Mưu vào lúc hơn 8 giờ sáng. Một tiểu đội Quân Cảnh đã thấy có mặt tại cổng và hướng dẫn chiếc thiết vận xa có chở Tổng thống và ông cố vấn đến đậu ở bãi cỏ bên cạnh tòa nhà chánh và gát luôn tại chỗ, chờ lệnh. Đại úy Nhung đã xuống xe lúc nào tôi không thấy được.

Tôi bước theo Thiếu tướng Xuân lên tòa nhà chánh. Vừa vào đến tầng dưới, thì tôi đã thấy có Trung tướng Dương Văn Minh và một số tướng khác từ trên lầu vừa xuống tới đó. Thiếu tướng Trần Thiện Khiêm đi sau cùng.

Thiếu tướng Mai Hữu Xuân vui vẻ bước tới báo cáo thẳng với Trung tướng Dương Văn Minh, bằng tiếng Pháp, ai cũng nghe thấy:

"Mission accomplie."

Trầm ngâm và đăm chiêu, Trung tướng Minh chưa nói một lời nào sau báo cáo của Thiếu tướng Xuân, thì Thiếu tướng Khiêm đứng ngay sau đó hỏi nhỏ:

"Việc gì đã xảy ra?"

Trung tướng Minh quay lại nói một câu ngắn gọn:

"Hai ổng đã chết rồi."

Ngay lúc nầy tôi cũng có mặt tại chỗ. Tôi chợt hiểu ra. Câu "nhiệm vụ đã hoàn tất" cũng còn có nghĩa là "hai ổng đã chết rồi." Rất rõ ràng. Trung tướng Minh nói xong, tất cả đều không ai có một câu hỏi nào khác nữa và cùng nhau trở lên văn phòng, không ai đi ra chỗ thiết vận xa đậu nữa. Tôi cũng đi theo.

Bước vào đây, tôi mới thấy là Đại úy Nhung đã có mặt ở văn phòng của Tham Mưu Trưởng rồi, cũng tức là văn phòng mà Trung tướng Dương Văn Minh và các tướng tá trong Hội Đồng Quân Nhân đang tạm sử dụng. Lúc bấy giờ, tôi mới biết thêm là Đại úy Nhung đã lên đây trước rồi, đã báo cáo với Trung tướng Minh trước khi có người lên đây trình là "xe đón Tổng thống đã về đến Bộ Tổng Tham Mưu, đang đậu ở sân vận động, và đã có Quân Cảnh canh gác cẩn thận."

Đại úy Nhung chỉ báo cáo riêng cho Trung tướng Minh mà thôi, và chắc chắn vẫn là "kín," là "mật"... nên các tướng tá trong Hội Đồng kể cả Thiếu tướng Khiêm cũng chưa hay biết được việc gì đã xảy ra. Do đó, khi Trung tướng Minh cùng các tướng tá trong Hội Đồng cùng đi xuống sân vận động dự trù sẽ gặp Tổng thống và ông cố vấn thì chưa ai biết được việc gì đã xảy ra cho

Tổng thống cả.

Vừa đến tầng dưới gặp ngay Thiếu tướng Xuân từ ngoài sân bước vào, hớn hở báo cáo (công khai) với Trung tướng Minh là "nhiệm vụ đã hoàn thành" (*mission accomplie*, tiếng Pháp).

Để trả lời câu hỏi "Việc gì đã xảy ra?" của thiếu tướng Khiêm, Trung tướng Minh mới buông gọn một câu: "Hai ổng đã chết rồi."

Tôi đã kín đáo nhận xét thái độ của các thành viên trong Hội Đồng ngay tại hành lang tầng dưới của tòa nhà chánh Bộ Tổng Tham Mưu, ngay sau khi Thiếu tướng Mai Hữu Xuân báo cáo, và sau đó Trung tướng Minh trả lời ngắn gọn cho thiếu tướng Khiêm. Thoạt đầu, tất cả đều có vẻ vui (có lẽ khi biết đã đón được Tổng thống và ông cố vấn về đây rồi, hay "bắt" được cũng vậy), vì ai cũng nghĩ rằng phe đảo chánh ta đã nắm chắc phần thắng 100% mà không còn sợ hậu quả gì nữa, vì hai ông không chạy vuột ra khỏi thủ đô được để còn mưu tính chuyện gì khác nữa. Và câu "Mission accomplie" cũng được các tướng tá trong Hội Đồng hiểu là đã "bắt được hai ông về rồi."

Đến lúc nghe Trung tướng Minh trả lời cho Thiếu tướng Khiêm là cả hai đều đã chết hết rồi thì phần đông đều có vẻ sửng sốt, ngạc nhiên đến độ không nói được lời nào. Vì cứ y theo quyết định thì cùng lắm cũng chỉ có một mình ông cố vấn Ngô Đình Nhu mà thôi, tại sao lại hai người? Ai cũng nghĩ là Tổng thống sẽ được Hội Đồng cho đi ra ngoại quốc, bây giờ tại sao lại như vậy? Phải giải thích thế nào đây?

Riêng Trung tướng Minh thì rất trầm tĩnh, không nói một lời nào với Thiếu tướng Xuân, không có một lời khen hỏi ủy lạo, và cũng không một lời giải thích với các thành viên của Hội Đồng sau câu trả lời ngắn gọn cho Thiếu tướng Khiêm.

Sau đó vài hôm, tôi có dịp gặp lại Thiếu tá Nhung (được thăng cấp sau khi đảo chánh hoàn toàn thành công). Để hết thắc mắc, tôi có gặn hỏi lại sự việc đã xảy ra như thế nào trên thiết vận xa, thì Thiếu tá Nhung vừa cười vừa trả lời cho tôi một cách gọn gàng, như đã không có chuyện gì quan trọng:

"Một người cũng vậy mà hai người cũng vậy thôi. Hai người cũng không khó lắm nhưng chắc ăn hơn."

"Nhưng làm gì có lệnh cho hai người đâu?" Tôi gợi ý hỏi thêm.

"Vì ông Diệm chống cự lại khi ông Nhu bị tôi đâm chết nên tôi phải thanh toán luôn, có lệnh cũng được mà không có lệnh cũng vậy thôi. Cho nó chắc ăn. Lúc đó đâu có đợi lệnh được, anh?"

Thiếu tá Nhung cũng cho tôi biết anh đã sử dụng dao găm cá nhân của anh, và sau đó bồi thêm cho mỗi người một viên đạn "ân huệ."

Tôi còn nhớ mãi những câu đối đáp nầy mồn một, không bao giờ quên. Nhưng, không bao giờ tôi dám hé môi nửa lời... Bí mật quốc gia chăng? Cũng có thể là như vậy, vì Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng họp báo có tiết lộ điều gì rõ ràng đâu? Cũng không có giải thích điều gì và không trả lời về bất cứ câu hỏi nào có liên quan đến sự việc nầy.

Ba tháng sau, 30 tháng Giêng 1964 xảy ra biến cố chỉnh lý do tướng Nguyễn Khánh cầm đầu. Thiếu tá Nhung bị lực lượng của tướng Khánh bắt cùng với năm vị tướng lãnh Trần Văn Đôn, Lê Văn Kim, Mai Hữu Xuân, Tôn Thất Đính và Nguyễn Văn Vỹ. Trong năm vị tướng nầy, hết bốn ông đã cùng với Trung tướng Dương Văn Minh là đầu não tiên khởi đề xướng đảo chánh và hình thành kế hoạch đảo chánh ngày 1 tháng Mười Một 1963 (trừ tướng Vỹ). Thiếu tá Nhung được giao qua cho lữ đoàn Nhảy Dù ngay sáng ngày hôm đó. Và ngày hôm sau, thi hài Thiếu tá Nhung được giao trả về cho gia đình với vỏn vẹn một câu "khám nghiệm chết vì treo cổ tự tử" của một bác sĩ quân y Lữ Đoàn Dù...

Kết luận

Để thay lời kết, tôi xin tạm mượn một câu, trích nguyên văn của Trung tướng Trần Văn Đôn trong quyển *Việt Nam Nhân Chứng: Tuy lúc đó tôi không nghĩ đến chuyện giết hai ông Diệm Nhu, sau nầy nhìn lại sự kiện, tôi cho rằng "người nào đó" ra lệnh giết nầy quả là một người thấy xa, ông ta không phải là ngu dại khi làm chuyện đó.* Nhưng theo tôi, xét cho cùng, "người nào đó" dù có thấy xa, có ngu dại... hay có khôn ngoan gì thì không phải là người thực sự có quyền chủ động, và không thể chủ động gì được trong sự việc nầy. Lý do rất đơn giản và rất dễ hiểu là: Lúc nào cũng có một bàn tay lông lá của người phù thủy với chiếc đũa thần, luôn luôn có mặt bên cạnh... đứng trong bóng tối...■

Viết xong tại tiểu bang Washington,
một ngày đầu năm Bính Tý

LTS - Qua lời tường thuật của Đại Tá Dương Hiếu Nghĩa chúng ta cũng không biết thật sự có ai ra lệnh cho địa úy Nhung giết tổng thống Ngô Đình Diệm hay không, hay đó chỉ là tai nạn xẩy ra khi ông Nhung dùng dao đâm ông Nhu và ông Diệm liều chết chống cự cho em, như ông Nhung thuật lại với Đại Tá Nghĩa. Người nào ra lệnh cho ông Nhung giết ông Diệm, nếu có, không những chịu trách nhiệm về cái chết của Tổng Thống Ngô Đình Diệm mà còn chịu trách nhiệm về cái chết của ông Nhung về sau nữa, nếu ông Nhung đã nhận và thi hành lệnh.

Hai người trong cuộc hiện nay vẫn chưa lên tiếng là Đại Tướng Dương văn Minh và Trung Tướng Mai Hữu Xuân. Khi ông Xuân nói "Nhiệm vụ hoàn tất" thì đó là nhiệm vụ nào?

NHỮNG BÍ MẬT CỦA CUỘC CHIẾN TRANH TRIỀU TIÊN

D. VOLKOGONOV
TRẦN MINH dịch

Vài lời của người dịch:

Cuộc chiến tranh Triều Tiên, trận chém giết ghê rợn giữa người với người hồi đầu những năm 50 thế kỷ này, là một tội ác đẫm máu của các lãnh tụ Stalin, Mao Trạch Đông, Kim Nhật Thành.

Cũng như đối với vô vàn tội ác khủng khiếp của chế độ cực quyền đảng trị, những người lãnh đạo cộng sản đã cố tình bưng bít mãi mãi tội ác này trong một tấm màn dối trá dày đặc. Tuy nhiên, không ai có thể đánh lừa được Lịch Sử. *Vì thế, sau khi chế độ bị sụp đổ ở Liên Sô, bao nhiêu điều "bí mật" đã bị phơi bày rõ rệt.*

Để bạn đọc biết được sự thật về những kẻ đã gây ra cuộc chiến tranh Triều Tiên, chúng tôi xin trích dịch một đoạn trong quyển sách "Bảy Lãnh Tụ" *(gồm hai tập), một tác phẩm độc đáo có tính chất vừa sử học, vừa chính luận, mới ra mắt bạn đọc cuối năm 1995 của nhà sử học Nga nổi tiếng Dmitri Volkogonov. Tác giả đã dựa trên những tài liệu tối mật mà từ trước đến nay bị giấu kín trong kho "Lưu trữ đặc biệt" của Bộ Chính trị đảng Cộng Sản Liên Xô để viết tác phẩm này.*

Trong đoạn này, người dịch chỉ thay đổi tên đầu bài, lược bỏ một mẩu nhỏ, còn thì giữ đúng như nguyên bản. Cuối sách, tác giả ghi rõ xuất xứ của các tài liệu rất có ích cho các nhà nghiên cứu, nên xin chép ngay vào đây và giữ nguyên ký hiệu tiếng Nga để tiện cho những ai muốn sưu tầm tài liệu. Chẳng hạn: APRF (Lưu trữ của Tổng Thống Liên Bang Nga), F. (Kho), Op. (Khối), D. (Văn Kiện), L. (Tờ), v.v.

Vài lời về tác giả:

Giáo sư D. Volkogonov, viện sĩ thông tấn của Viện Hàn Lâm Khoa học Nga, tiến sĩ triết học, tiến sĩ sử học, trung tướng, là tác giả trên 30 quyển sách về triết học, sử học và chính trị. Vốn là một người cộng sản chính thống, ông đã sống và làm việc dưới "triều đại" của sáu (trong số bảy) lãnh tụ Sô Viết, nhưng dần dần ông đã tỉnh thức, trở thành một nhà dân chủ triệt để và đã góp phần tích cực trong việc xây dựng nền dân chủ non trẻ ở nước Nga. Trong những năm 1992-1993, ông đứng đầu Ủy ban Nghị viện chuyên lo việc thống kê, bảo quản và soạn thảo chính sách của Nhà nước đối với các kho lưu trữ tài liệu bí mật của đảng cộng sản. Ủy ban đã khui ra 78 triệu "file" mà suốt thời gian tồn tại của Nhà nước Xô Viết bị giấu kín trong các kho bí mật của đảng. Nhờ công việc của Ủy ban đó, ngày nay những kho bí mật đã được "mở cửa để sử dụng chung." Trong các tác phẩm của ông, nổi tiếng nhất cả trong lẫn ngoài nước là bộ sách sáu tập nhan đề "Các Lãnh Tụ," nói về Lenin, Trotsky, Stalin. Tác giả mới qua đời cách đây vài tháng.

25 tháng Hai, 1996

TRẦN MINH

Về cuối đời, Stalin bị một cú thất bại chính trị vì vụ Tito. Nhưng còn một trường hợp nữa, ông ta đành cam chịu "ván cờ hòa" trong một trận mà ông tin "như đinh đóng cột" là thắng lợi cầm chắc trong tay. Xét về mặt tinh thần thì đó cũng là một thất bại hiển nhiên.

Đây là cuộc chiến tranh Triều Tiên những năm 1950-1953. Nó kết thúc bằng việc ký hiệp định Bàn Môn Điếm vào mùa hè năm 1953, sau khi Stalin đã chết rồi. "Giá-phải-trả" cho cuộc chiến tranh do bộ óc của mấy nhà chính trị mưu tính thì thật là khủng khiếp: trên một triệu người của hai bên đã bỏ mạng! Cái tội ác ghê tởm đó không thể nào biện minh được! Sau nhiều năm, có lẽ tôi là người đầu tiên bằng vào tài liệu lịch sử đã kể lại trên tờ *"Ngọn Lửa Nhỏ"* những uẩn khúc của việc mở đầu cuộc chiến tranh khốc liệt đó.

Trước đến nay, tôi cho rằng tấn bi kịch Triều Tiên mà Stalin đóng vai chủ yếu, có hai bài học hữu ích. Một là cuộc xâm lược không được "thưởng công" bằng việc thực hiện ý đồ. Hai là kinh nghiệm Bàn Môn Điếm có ý nghĩa chung cho nhân loại mãi mãi. Để trình bày rõ ý tưởng của mình, tôi xin nói ra ngoài lề một tí. *(Đoạn này tác giả nói về một vấn đề trong Liên Sô cũ, xin lược bỏ để tập trung vào đề tài chính - ND).*

... Cuộc chiến tranh Triều Tiên tưởng chừng như chỉ là một giai đoạn ngắn trong cái tiểu sử dữ dội của lãnh tụ thứ hai ở Liên Sô *(Lãnh tụ thứ nhất là Lenin, người đã đặt kế hoạch dựng lên*

chế độ cực quyền cộng sản - ND). Trong đời mình, Iossif Djugashvili (Stalin) đã thấy nhiều và chịu trách nhiệm nặng (có lẽ trrong thế kỷ XX này không có một người nào phải gánh chịu trách nhiệm nặng nề như thế) về một loạt thử nghiệm khủng khiếp liên miên và lâu dài mà người thầy của ông ta là Ulianov-Lenin đã bắt đầu. Xóa bỏ tầng lớp nông dân lao động năng nổ nhất ở nông thôn, tiêu diệt giới trí thức, phá hoại Giáo hội, triệt tiêu đảng xã hội dân chủ, những cuộc chiến tranh và "chinh chiến" vô nghĩa (chống Phần Lan, Ba Lan), những sai lầm có tính chất tội ác trước chiến tranh và trong quá trình Chiến tranh Vệ quốc vĩ đại, "hoàn thiện" một hiện tượng quái gỡ có một không hai trên thế giới là hệ thống trại tù GULAG, nhiều vụ án chính trị độc ác và giả dối, những tội ác chống tư tưởng và lương tâm...

Dường như cuộc chiến tranh Triều Tiên chấm hết "hành trình Quốc tế Cộng sản" của Stalin. Vì chính trong bài diễn văn của ông ta tại Đại Hội XIX của đảng *(Họp hồi tháng 10 năm 1952 - ND),* bài phát biểu lớn công khai cuối cùng trong đời, chứng tỏ rằng: vẫn như trước, ông bị ám ảnh nặng nề bởi ý tưởng cách mạng thế giới (nhưng dưới những hình thức khác), ý tưởng tất cả các đảng cộng sản và công nhân phải giành chính quyền. Về mặt lịch sử, cuộc chiến tranh Triều Tiên chứng tỏ vai trò thảm hại của kẻ độc tài cộng sản. Tôi nghĩ rằng chính cuộc phiêu lưu ấy, xét cho cùng, đã làm hoàn toàn lộ rõ bộ mặt đẫm máu của Stalin. Thế nhưng, bài học của cuộc phiêu lưu đó không được những người kế thừa ông lưu ý đến.

Đồng thời, tôi hoàn toàn không muốn nói về "tính chất vô tội" của thế giới khác từ lâu mệnh danh là "tự do." Đúng, thế giới đó bao giờ cũng tự do hơn rất nhiều so với cái thế giới mà Lenin và Stalin bắt đầu xây dựng. Nhưng không có cơ sở để lý tưởng hóa nó. Thế giới đó cũng tôn sùng bạo lực, thường khi là kẻ khởi xướng ra nhiều tấn thảm kịch trên trái đất này, ưa thích "tăng cường" cho nền ngoại giao của mình bằng những cuộc xuất quân hàng không mẫu hạm. Con người trên trái đất còn chưa có được (dù đang dần dần tiến đến hướng đó) "ý thức toàn hành tinh" dựa trên những quyền lợi toàn nhân loại và những giá trị vĩnh hằng, bất hủ.

Gần trưa, sau khi đến điện Cẩm Linh, Stalin không vội vã xem cả đống giấy tờ mới gửi đến: báo cáo của Beria, của các đại sứ, các người lãnh đạo đảng ở các nước cộng hòa, thông báo của các hãng thông tấn quốc tế, báo cáo của các địa phương. Sau chiến tranh *(Thế chiến thứ hai - ND),* sự chú ý của ông không chỉ nhằm vào phương Tây mà cả phương Đông nữa, nơi mà nhờ sự ủng hộ của Nhà nước Sô Viết, Mao Trạch Đông đã giành được hết thắng lợi này đến thắng lợi khác đối với Quốc Dân Đảng. Vị lãnh tụ già cũng hoàn toàn hài lòng cả đối với những tay sai của mình ở Mông Cổ và Bắc Triều Tiên nữa. Kim Nhật Thành, được quân đội xô viết đưa từ Liên Xô về Triều Tiên hồi năm 1945 và được các cố vấn xô viết ráo riết kềm cặp, giám hộ, nay đã trưởng thành rõ rệt về mặt chính trị, đã học được kinh nghiệm của người lãnh đạo nhà nước theo kiểu cộng sản. Và trong một bức thư thường lệ, lãnh tụ từ Bình Nhưỡng báo cáo về những thắng lợi trong "công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa" trong nước và yêu cầu Stalin tiếp đón ông, ở Mạc Tư Khoa.

Khi Poskrebyschev vào nhận chồng giấy cao, Stalin nói với người "vệ binh hầu cận" trung thành của mình:

"Cứ bảo Beria tối nay báo cáo về việc chuẩn bị thử vũ khí nguyên tử đã đến đâu rồi..."

Poskrebyschev vội vã ghi vào sổ. Và khi đã quay lui thì nghe thêm ở phía sau lưng câu này nữa:

"Hãy truyền đạt cho Vyshinsky — cần trả lời cho Bình Nhưỡng là tôi đồng ý cho Kim Nhật Thành đến. Cần phải nhìn hắn ta gần hơn... Thời hạn thì chúng ta sẽ thỏa thuận..."

Sau "chỉ thị" đó một tháng rưỡi, cuộc gặp mặt đã diễn ra. Trên tờ lịch chỉ rõ ngày 5 tháng Ba năm 1949. Lúc bấy giờ trên thế giới không một người nào biết được là đúng bốn năm sau vào lúc chín giờ 50 phút ngày 5 tháng Ba năm 1953, Stalin sẽ trút hơi thở cuối cùng. Cuộc gặp mặt diễn ra lúc tám giờ tối ở điện Cẩm Linh.

Hai nhà ngoại giao A. Vyshinsky và T. Shtykov dẫn đoàn đại biểu Triều Tiên vào phòng đợi cạnh thư phòng của Stalin ở điện Cẩm Linh. Cùng với Kim Nhật Thành, có Bộ trưởng Ngoại giao Pak Hen En và những quan chức Triều Tiên cao cấp khác. Những người Triều Tiên rón rén và kính cẩn nhìn những bức tường ốp gỗ sồi ở phòng đợi của vị lãnh tụ có quyền lực vô thượng, nhìn cái đầu hói của Poskrebyschev đang ngồi cạnh chiếc bàn văn phòng và hai người nữa trạc tuổi trung niên mặc bộ còm lê xám sẫm giống nhau, im lặng ngồi trên ghế ở một góc phòng. Chắc bạn đọc đã biết rõ Vyshinsky hồi đó là Bộ trưởng Ngoại giao. Ông ta đã từng là nhân vật quan trọng trong những trò hề xử án chính trị đáng xấu hổ hồi cuối thập niên 30 *(Hồi đó, Vyshinsky là công tố Liên Xô, một trong những tên đao phủ tích cực thực hiện mệnh lệnh của Stalin bịa đặt ra các vụ án giả tạo để giết hại rất nhiều người vô tội trong những năm 1933-1938 - ND).* Còn Shtykov, đại sứ Liên Xô ở Bình Nhưỡng, thì chắc bạn đọc biết ít hơn nhiều, nếu có biết gì về ông ta. Vốn là một nông dân ở làng Lyubko tỉnh Vitebsk, được thăng quan tiến chức thật nhanh, hồi những năm 30 ông đã trở thành chính ủy. Trong thời kỳ bộ máy nghiền thịt tàn

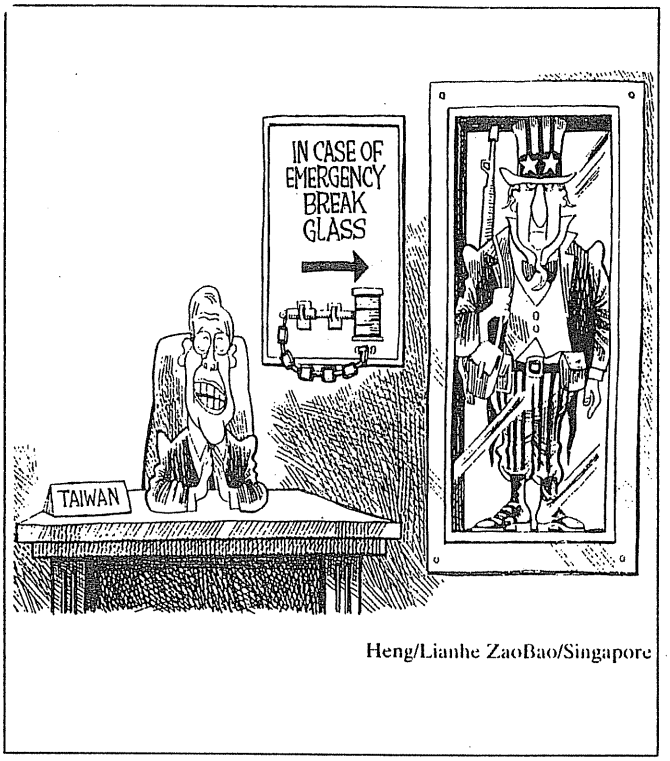

Heng/Lianhe ZaoBao/Singapore

bạo của Stalin hoạt động ráo riết *(Ý nói những vụ đàn áp khủng bố ghê rợn hồi những năm 30 - ND)* thì ông ta vùn vụt thăng tiến đến chức bí thư thứ hai tỉnh ủy Leningrad. Trong cuộc chiến tranh nhục nhã Liên Xô đánh Phần Lan ông đồng thời làm ủy viên hội đồng quân sự của tập đoàn quân thứ bảy. Trong Chiến tranh Vệ quốc, ông lần lượt làm ủy viên quân sự các phương diện quân Leningrad, Volkhov, Karelia. Khi chiến tranh với Nhật Bản, ông cầm đầu công tác chính trị tại phương diện quân Viễn đông I. Ông là một trong số ít cán bộ chính trị được Stalin phong cho quân hàm trung tướng. Sau chiến tranh, hồi những năm 1946-1947, ông cầm đầu phái đoàn Liên Xô trong ủy ban chung Xô-Mỹ về Triều Tiên. Có thể là chính vì thế mà hồi năm 1948, Stalin đã bổ nhiệm trung tướng Shtykov làm đại sứ tại Bình Nhưỡng, mà thực ra là cố vấn chính của Kim Nhật Thành.

Sau khi chờ nửa tiếng đồng hồ tại phòng đợi, cuối cùng phái đoàn đã được Stalin tiếp. (Sau chiến tranh, để tăng "uy tín" của cá nhân mình, Stalin có thói quen bắt người khác phải chờ đợi mình, trong các chuyến đi, các buổi tiếp khách, các cuộc gặp gỡ. Thậm chí đến họp hội nghị Potsdam, ông tới Berlin chậm một ngày...) Ra khỏi bàn viết, lãnh tụ Liên Xô chậm rãi bước tới gặp những người Triều Tiên đang hồi hộp xúc động và lần lượt bắt tay họ, rồi ông đưa hai tay mời họ ngồi vào chiếc bàn dài. Cuộc đối thoại kéo dài một giờ năm mươi phút. Thực ra thì chỉ có Stalin và Kim Nhật Thành nói. Còn Shtykov và Pak Hen En một đôi lần lên tiếng để bổ sung những chi tiết cần thiết.

Sau những câu nói xã giao có tính chất lễ tân, hỏi về việc đi đường, về sức khỏe, Stalin bắt tay ngay vào việc, ông hỏi Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên (CHDCNDTT) cần sự viện trợ nào.

Kim Nhật Thành: Chúng tôi đã thông qua kế hoạch hai năm khôi phục và phát triển kinh tế quốc dân. Chúng tôi cần máy móc, thiết bị và phụ tùng cho công nghiệp, thông tin và giao thông vận tải, cũng như cho các ngành khác của nền kinh tế quốc dân. Cần chuyên gia Liên Xô để thiết kế các nhà máy và công xưởng mới, tiến hành điều tra địa chất...

Stalin: Chúng tôi sẽ cấp toàn bộ viện trợ đó, sẽ cho các chuyên gia nữa.

Kim Nhật Thành: Xuất cảng của Triều Tiên không bù được nhập cảng và nước chúng tôi cần tín dụng của chính phủ Liên Xô.

Stalin: Cần tín dụng với mức độ bao nhiêu?

Kim Nhật Thành: Trong phạm vi từ 40 đến 50 triệu đô la Mỹ.

Stalin: Chúng tôi sẽ cấp tín dụng với tổng số là 200 triệu rúp, tức là 40 triệu đô la...

Cuộc đối thoại diễn ra như vậy: Kim Nhật Thành lễ phép cầu xin, còn Stalin thì nói: "chúng tôi sẽ cho," "sẽ làm," "sẽ phái chuyên gia," "sẽ nhận vào học." Chỉ thỉnh thoảng mới nói "chúng tôi sẽ nghĩ xem," chẳng hạn, khi Kim Nhật Thành xin xây một nhánh đường sắt dài 58 kilomet từ Kraskino (Liên Xô) đến Aodi (CHDCNDTT). Sau đó, thủ lĩnh Triều Tiên chuyển sang vấn đề quân sự.

Kim Nhật Thành: Quân Mỹ còn ở Nam Triều Tiên, chúng nó tăng cường âm mưu chống Bắc Triều Tiên, mà Bắc Triều Tiên thì chỉ có lục quân, nhưng phòng thủ về hải quân thì không có. Chúng tôi cần viện trợ của Liên Xô.

Stalin: Ở Nam Triều Tiên có bao nhiêu quân Mỹ?

Kim Nhật Thành: Khoảng 20 ngàn người.

Shtykov: Khoảng từ 15 đến 20 ngàn người.

Stalin: Ở miền Nam có quân đội quốc gia Triều Tiên không?

Kim Nhật Thành: Có, quân số chừng 60 ngàn người.

Stalin: (nói đùa) Thế mà các anh lại sợ chúng nó à?

Kim Nhật Thành: Không, chúng tôi không sợ, nhưng mà muốn có những đơn vị hải quân.

Stalin: Quân đội bên nào mạnh hơn?

Pak Hen En: Quân đội miền Bắc mạnh hơn.

Stalin: Trong tất cả mọi vấn đề quân sự, chúng tôi sẽ viện trợ. Triều Tiên cần phải có máy bay quân sự.

Sau đó, *Stalin* hỏi Bắc Triều Tiên có thâm nhập được vào quân Nam Triều Tiên không, có người của mình trong đó không?

Pak Hen En: Người của ta có thâm nhập được vào trong đó, nhưng bây giờ thì chưa để lộ mình.

Stalin: Không để lộ là đúng. Bây giờ không cần để lộ mình. Nhưng hình như bọn miền Nam cũng phái người ra Bắc, vì thế cần phải cẩn thận và cảnh giác.

Sau đó, hai bên thỏa thuận với nhau về tính chất viện trợ quân sự, về việc đào tạo các sĩ quan Triều Tiên tại Liên Xô, về việc phát triển quan hệ kinh tế và những vấn đề khác *(APRF, F, Op.1, D.346, L.24-35).* Bây giờ thì người ta chưa nói thẳng đến việc thống nhất hai miền của Triều Tiên bằng quân sự. Nhưng cứ theo báo cáo của Shtykov, Stalin biết rất rõ là Bình Nhưỡng ngày đêm chỉ ấp ủ cái ý tưởng ấy mà thôi... Lãnh tụ trả lời: phải cân nhắc mọi mặt.

Vì thế Stalin chỉ nói trong một chừng mực nhất định thôi về vấn đề quân sự mà Kim Nhật Thành đã nêu lên, trong lúc đó ông để ý xem xét người đối thoại với mình đồng thời đánh giá triển vọng của miền Bắc và các sự kiện trên bán đảo.

Trong suốt năm 1949, Liên Xô ráo riết tiếp tục cung cấp vũ khí và máy móc kỹ thuật chiến đấu, đạn dược và các loại trang bị khác cho Bắc Triều Tiên. Người ta báo cáo đều đặn cho Stalin về khối lượng và nhịp độ cung cấp, lãnh tụ ghi một chữ "I" lên các bản báo cáo (có thể xem chữ cái này là "Iossif" hay là "đã xem," "tán thành"). Quân miền Bắc thăm dò độ chắc chắn của các vị trí miền Nam: họ vi phạm giới tuyến, tiến hành "trinh sát chiến đấu."... Sau một trận như thế, ngày 27 tháng Mười năm 1949, từ Mạc Tư Khoa Stalin đã gửi một bức điện mật mã nghiêm khắc cho Shtykov: "Đã cấm anh nếu trung ương không cho phép thì không được khuyên chính phủ Bắc Triều Tiên tiến hành những hành động quân sự tích cực chống Nam Triều Tiên... Anh không báo cáo về việc chuẩn bị hành động tiến quân lớn của lữ đoàn quân cảnh thứ hai và thực tế đã cho các cố vấn quân sự của chúng ta tham gia vào những hành động đó... Chúng tôi bắt buộc anh phải trình bày..." *(APEF. Như trên. L.1).*

Có lẽ, tài liệu cơ bản nhất ra đời ngày 19 tháng Một năm 1950 do Shtykov viết từ Bình Nhưỡng. Nội dung như sau: "Đặc biệt. Ngoại hạng.

... Tối 17 tháng Một, Bộ trưởng Ngoại giao Pak Hen En tổ chức chiêu đãi nhân dịp đại sứ Triều Tiên qua Bắc Kinh. Trong buổi chiêu đãi đó, Kim Nhật Thành nói với tôi điều này: "Bây giờ, khi việc giải phóng Trung Quốc sắp hoàn thành, thì đến lượt vấn đề giải phóng miền Nam Triều Tiên... Du kích quân thì không giải quyết được vấn đề... Hàng đêm tôi không ngủ được vì nghĩ rằng làm sao giải quyết được vấn đề thống nhất cả nước." Sau đó, trong bức điện nói rằng Kim Nhật Thành tuyên bố là khi ở Mạc Tư Khoa, đồng chí Stalin đã nói với ông ta là không nên tấn công miền Nam; nhưng trong trường hợp quân đội của Lý Thừa Vãn tấn công lên miền Bắc thì có thể chuyển sang phản công xuống miền Nam Triều Tiên. Nhưng vì cho đến nay Lý Thừa Vãn không bắt đầu cuộc tấn công, như thế nghĩa là việc giải phóng miền Nam và sự thống nhất đất nước cứ bị kéo dài mãi... Ông ta, Kim Nhật Thành, cần phải đến gặp đồng chí Stalin và xin phép để được tấn công giải phóng miền Nam Triều Tiên. Kim Nhật Thành nói là ông ta không thể tự mình bắt đầu cuộc tấn công được vì ông ta là người cộng sản, người có kỷ luật và chỉ thị của đồng chí Stalin đối với ông là luật pháp. Mao đã hứa viện trợ, và ông ta, Kim Nhật Thành, cũng sẽ gặp Mao.

Kim Nhật Thành đòi tự mình báo cáo trực tiếp với Stalin để được phép tấn công từ miền Bắc xuống miền Nam...

Lúc đó Kim Nhật Thành hơi ngà ngà say nên nói chuyện cũng phần nào bị kích động.

Shtykov" *(APRE. như trên. L.7)*

Stalin nghĩ ngợi lâu trên một tuần lễ về bức điện đó. Hồi ấy, Mao đang còn ở Mạc Tư Khoa để chữa bệnh và nghỉ ngơi. Stalin đã gặp ông ta. Trong cuộc gặp đó hình như không ghi tốc ký. Cả hai lãnh tụ này đều rất thận trọng. Xét theo những công việc của họ tiếp sau đó thì có lẽ họ đã quyết định sẽ trả lời dứt khoát cho Kim Nhật Thành trong cuộc gặp mặt sắp tới và giao cho các chuyên gia quân sự nghiên cứu vấn đề...

Sau khi đắn đo mọi mặt, cuối cùng Stalin đã tự tay viết bức điện mật mã đến Bình Nhưỡng để chuyển cho Kim Nhật Thành:

"Gửi Shtykov, đặc biệt.

Đã nhận được điện báo ngày 19 tháng Một năm 1950. Việc lớn như thế thì cần phải chuẩn

Nước Pháp

* Thật may quá tôi không phải là người Pháp, vì... tôi chẳng nói được một tiếng Pháp nào cả.

* Mang vợ của bạn đến Paris thì chẳng khác gì mang một ổ bánh mì thịt đến một bữa tiệc.

* Tại Pháp cảnh sát thật lễ độ, khi tôi thò tay khỏi xe làm dấu queo trái, một cảnh sát đã hôn tay tôi.

bị. Phải tổ chức tốt công việc để không có nguy hiểm lớn. Tôi sẵn sàng tiếp...

Chúng ta muốn hàng năm nhận được 25 ngàn tấn chì. Sẵn sàng viện trợ kỹ thuật.

30 tháng Một, 50

I. Stalin *(APRF. Như trên. L.8)*

Ở Bình Nhưỡng, người ta coi bức điện đó như là sự đồng ý trên thực tế để tiến hành chiến dịch với điều kiện đảm bảo thắng lợi. Hai ba ngày trôi qua, sau khi gặp Kim Nhật Thành, ngày 4 tháng Hai, Shtykov lại gửi báo cáo qua Bộ trưởng Ngoại giao Vyshinsky để chuyển cho Stalin. Trong đó, ông chuyển lời yêu cầu của thủ lĩnh Triều Tiên xin giải quyết nhanh chóng việc cấp tiền cho vay, đồng thời mong được nhận thêm tín dụng mới từ Liên Xô để mua vũ khí. Kim Nhật Thành xin phép tăng số lượng sư đoàn bộ binh lên đến mười, để làm được việc đó thì phải lập thêm ba quân đoàn *(APRF. Như trên. D.346)*.

Sau khi trao đổi ý kiến một lần nữa với Bắc Kinh, ngày 9 tháng Hai, Stalin cho phép bắt đầu chuẩn bị chiến dịch đại quy mô trên bán đảo Triều Tiên, như vậy là đã tán thành ý đồ của Bình Nhưỡng "thống nhất" đất nước bằng quân sự. Ngày đó thực tế trở thành ngày chính thức khởi đầu việc CHDCNDTT chuẩn bị cuộc chiến tranh tấn công nhằm cưỡng bức "thống nhất" hai nhà nước. Liên Xô ráo riết cung cấp cho Bắc Triều Tiên xe tăng, pháo binh, vũ khí bộ binh, đạn dược, thuốc men, xăng dầu. Đồng thời Stalin — như thư từ trao đổi giữa hai bên đã chứng tỏ — muốn nhận được chì, bạc, vàng của Triều Tiên. Kim Nhật Thành vồn vã báo tin rằng "CHDCNDT sẽ gửi sang Liên Sô trong năm 1950 tinh quặng monazit: 15000 tấn; bạc: 40 tấn" *(APRF. F.45. Op.1, D.346, L.80)*.

Bắc Triều Tiên cũng đã đồng ý gửi sang một khối lượng vàng khá lớn, và bù lại đã xin Liên Xô cung cấp ngay những khối lượng lớn máy móc kỹ thuật quân sự và vũ khí. Stalin cảm tạ sự sốt sắng cung cấp nguyên vật liệu chiến lược và hứa hoàn toàn thỏa mãn yêu cầu của Kim Nhật Thành về lĩnh vực quân sự.

Trong lúc đó, việc chuẩn bị hoạt động quân sự được tiến hành hết sức khẩn trương: máy móc kỹ thuật quân sự, đạn dược, vũ khí ào ạt gửi đến CHDCNDTT. Bộ tham mưu quân đội Triều Tiên, với sự tham gia của các cố vấn quân sự Liên Xô, đã tiến hành hết sức bí mật việc soạn thảo kế hoạch chiến dịch tấn công đại quy mô. Đã xúc tiến việc lập thêm một số quân đoàn mới của Triều Tiên. Thế giới lúc đó còn chưa biết là chẳng bao lâu nữa sẽ phải chứng kiến một trong những cuộc chiến tranh cục bộ đẫm máu của thế kỷ XX.

Theo những tài liệu hiện có thì đầu tháng Tư năm 1950, Kim Nhật Thành lại đến Mạc Tư Khoa một lần nữa, nhưng lần này đến bí mật, và đã gặp Stalin. Bản ghi tốc ký cuộc đàm thoại và những văn kiện khác không tìm thấy. Tuy nhiên, ngay từ 30 tháng Một, nghĩa là hai tháng trước cuộc gặp mặt tháng Tư, Stalin đã đồng ý cho Kim Nhật Thành đến. Về điều đó thì có tài liệu minh chứng. Sau đó, những điện mật mã tiếp theo (sau cuộc gặp gỡ tháng Tư) có nhắc đến những điều thỏa thuận đã đạt được trong cuộc đàm thoại *cá nhân* "đầu năm 1950" *(APRF. Như trên. L.8)*.

Giữa lúc việc chuẩn bị rất khẩn trương, Stalin quyết định trao đổi một lần nữa với Bắc Kinh. Vốn là một nhà chính trị hết sức thận trọng, ông ta gửi tất cả những văn thư đặc biệt của mình ký bí danh như trong thời chiến tranh. Chẳng hạn, trong thư từ trao đổi với Mao Trạch Đông, Togliatti và vài người khác, Stalin trở thành "Filippov." Ngày 14 tháng Tư năm 1950, Stalin đọc cho Poskrebyshev viết:

"Đặc biệt. Chuyển cho Mao Trạch Đông.

Đ/c. Mao Trạch Đông! Trong cuộc đàm thoại với các đồng chí Triều Tiên, Filippov và bạn bè của ông ta đã nêu ra ý kiến là do tình hình quốc tế thay đổi, họ đã đồng ý với đề nghị của những người Triều Tiên bắt tay vào việc thống nhất. Trong lúc đó cũng đã nói rõ rằng vấn đề ấy phải được các đồng chí Trung Quốc và Triều Tiên cùng nhau quyết định lần cuối cùng, còn trong trường hợp các đồng chí Trung Quốc không đồng ý thì việc giải quyết vấn đề ấy phải gác lại cho đến cuộc thảo luận mới. Những chi tiết về cuộc đàm thoại thì các đồng chí Triều Tiên có thể kể lại cho đồng chí...

Filippov" *(APRF. D.334, L.55)*

Giọng văn đặc sệt Stalin: trong điện văn ký tên "Filippov" lại nói là "trong cuộc đàm thoại với các đồng chí Triều Tiên, Filippov...." Stalin rất thận trọng: thực ra, đã vài lần ông ta đồng ý cho "thống nhất" Triều Tiên bằng quân sự, nhưng ông luôn luôn dành cho mình "cái chốt an toàn," để trong hoàn cảnh đặc biệt cầm lấy nó hoặc thậm chí bãi bỏ chiến dịch đã tán thành.

Ở Bắc Kinh, người ta nhanh chóng đồng ý với Stalin. Việc chuẩn bị chiến dịch được đẩy mạnh hơn nữa, và đến ngày 30 tháng Năm, Shtykov đã

Cảm ơn nhiều quá có nghĩa là ngầm xin thêm nữa.

— Ngạn ngữ Anh

Không vật gì nặng bằng sự bí mật
Mấy bà khó rinh nó đi xa
Và về việc nầy tôi cũng biết
Rất nhiều đàn ông trở thành đàn bà.

— La Fontaine

báo cáo về Mạc Tư Khoa rằng "Kim Nhật Thành báo tin là tổng tham mưu trưởng (cùng với cố vấn Xô Viết Vassiliev) đã soạn thảo xong giải pháp chiến dịch có tính nguyên tắc cho cuộc tấn công. Ông ta, Kim Nhật Thành, đã tán thành giải pháp đó. Việc chuẩn bị về mặt tổ chức trước ngày 1 tháng Sáu sẽ xong. Trong số 10 sư đoàn thì bảy đã sẵn sàng để tấn công. Tháng Bảy sẽ bắt đầu mưa. Các tướng Vassiliev và Postnikov báo cáo với tôi rằng lúc đó thì đòi hỏi phải có nhiều thời gian hơn để tập trung quân. Bộ tổng tham mưu đề nghị bắt đầu vào cuối tháng Sáu." Shtykov báo cáo rằng để nghi binh, những người Bắc Triều Tiên dự định "nhân danh Mặt trận Tổ Quốc đề nghị người miền Nam thống nhất đất nước trong hòa bình."

Ý kiến của tôi. (Đọc đến đây. Stalin gạch dưới mấy chữ đó). "Vì Kim Nhật Thành có ý định bắt đầu chiến dịch vào cuối tháng Sáu, mà đến lúc đó thì việc chuẩn bị cho quân đội có thể xong, như vậy thì có thể đồng ý với thời hạn đó. Những người Triều Tiên xin xăng dầu và thuốc men. Yêu cầu cho chỉ thị gấp." *(APRF. F.45, Op.1, D.346, L.94).*

Stalin tự tay viết vào bức điện: "Cấp trên tán thành ý kiến của anh. Sẽ gửi gấp thuốc men và xăng dầu." Suy nghĩ một tí, thủ lĩnh Sô Viết vẫn tiếp tục "hóa trang," đặt bút ký "Gromyko." Sau khi gạch một nét đậm, ông ta viết thêm vào bên dưới để cho người thừa hành:

"Báo cho đ/c. Gromyko để chuyển cho đ/c. Shtykov" *(APRF. Như trên. L.96) Trong cái nhà nước này, để nhấn mạnh chế độ bí mật đặc biệt, các lãnh tụ có thể ký không những bí danh, mà cả tên những người thuộc hạ của mình nữa. Nhân thể nói thêm, hồi đó Gromyko là thứ trưởng thứ nhất của Vyshinsky.*

Stalin hoàn toàn không muốn người Mỹ vạch mặt chỉ trán ông ta đã trực tiếp tham gia chuẩn bị chiến tranh, mặc dù làm việc đó thì không dễ. Đúng vài hôm trước ngày bắt đầu chiến sự, đại sứ Liên Xô ở Bình Nhưỡng gửi thêm một bức điện trực tiếp cho lãnh tụ.

"Ngoại hạng. Đặc biệt.

Kính gửi đ/c. Stalin.

Kim Nhật Thành yêu cầu chuyển đến đ/c.: để tấn công và đổ bộ cần có chiến hạm. Hai chiến hạm đã đến, nhưng thủy thủ chưa kịp chuẩn bị. Yêu cầu cho dùng mười cố vấn Liên Xô trên các chiến hạm. Tôi cho rằng cần phải đồng ý điều yêu cầu đó.

20 tháng Sáu năm 1950

Shtykov" *(APRF. như trên, L.109)*

Điện phúc đáp đến nhanh: "Bác bỏ đề nghị của anh. Điều đó tạo cớ cho sự can thiệp. Gromyko. 22-VI-50." Stalin tự mình chỉ huy các sự kiện đang triển khai. Ngoài những bức điện nhận được từ Bình Nhưỡng, ông ta vài lần đã nghe tổng tham mưu trưởng quân đội Liên Xô báo cáo về diễn tiến của việc chuẩn bị cho "sự thống nhất."

(còn tiếp)

ĐÃ PHÁT HÀNH

NHỚ ĐẤT THƯƠNG TRỜI

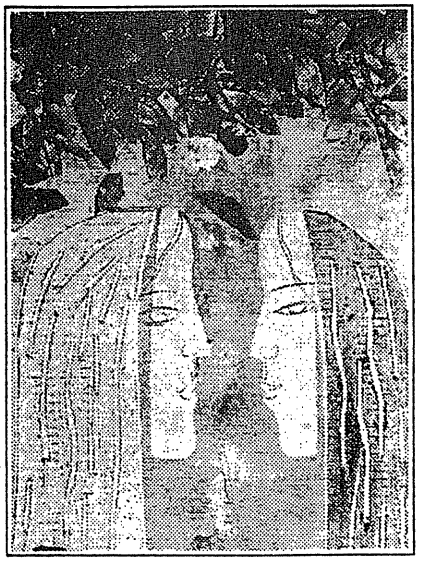

Tập thơ thứ nhì của

TRẦN HỒNG CHÂU

● Một tập thơ đầy chất trữ tình phóng khoáng và mới lạ
● Một tổng hợp của sức sáng tạo với kiến thức uyên bác về các nền văn nghệ Đông Tây

Bìa và phụ bản của họa sĩ
Nguyên Khai

160 trang - Giá $10
Nhà Xuất Bản Thế Kỷ
11022 Acacia Parkway #A, Garden Grove
CA 92640 - USA Tel: (714) 638-9510

SỰ DÍNH LÍU CỦA TRUNG QUỐC VÀO CUỘC CHIẾN VIỆT NAM TỪ 1964 ĐẾN 1969 *

CHEN GIAN
CAM VŨ chuyển sang Việt ngữ

(tiếp theo)

Tìm hiểu những nét đặc trưng của viện trợ Trung Quốc cho Việt Nam, vào cuối 1964, đầu 1965

Các cam kết về an ninh mà Bắc Kinh đã hứa với Hà Nội trước đây chỉ là nói một cách tổng quát. Nhưng vào cuối năm 1964, đầu 1965 thì giới lãnh đạo Bắc Kinh thấy cần phải định rõ những gì viện trợ cho Việt Nam, sao cho phù hợp vừa với các nhu cầu về quốc nội cũng như quốc tế của Mao, vừa với tình hình biến chuyển tại Việt Nam. Khi làm điều này, đầu óc của họ chịu ảnh hưởng các bài học từ cuộc chiến Triều Tiên, đồng thời họ cũng giả định rằng Hoa Kỳ cũng học được bài học cho mình từ cuộc chiến đó. Kết quả, vào mùa xuân năm 1965, khi những nhà làm chính sách ở Hoa Thịnh Đốn quyết định gửi thêm quân vào Nam Việt Nam và bắt đầu chiến dịch "Sấm Rền" thì giới lãnh đạo Bắc Kinh đã quyết định ba nguyên tắc căn bản để tạo thành chiến lược cho Trung Quốc. Một là, nếu người Mỹ đi quá giới hạn việc ném bom miền Bắc mà đổ bộ binh vào Bắc Việt Nam thì Trung Quốc sẽ gửi lực lượng vào. Thứ hai, Trung Quốc sẽ đưa ra lời cảnh cáo rõ rệt với Mỹ để Mỹ cảm thấy không được tự do bành trướng các hoạt động quân sự ra miền Bắc, chứ chưa nói đến việc gây chiến với Trung Quốc. Thứ ba, Trung Quốc sẽ cố tránh tối đa việc chạm trán quân sự với Hoa Kỳ; nhưng nếu cần thì vẫn dám đối đầu.

Với các nguyên tắc này, Bắc Kinh đã đưa ra một loạt các lời cảnh cáo Hoa Thịnh Đốn vào mùa xuân 1965. Ngày 25 tháng Ba, tờ báo chính thức, Nhân Dân Nhật Báo, tuyên bố rằng Trung Quốc sẽ cung cấp cho "nhân dân Việt Nam anh hùng mọi thứ viện trợ cần thiết, gồm vũ khí và tất cả các loại khí tài quân sự," và, nếu cần, Trung Quốc cũng sẵn sàng "gửi cả người để cùng chiến đấu với nhân dân Việt Nam để tiêu diệt bọn xâm lược Mỹ." Bốn ngày sau, trong một cuộc viếng thăm Albania, Chu Ân Lai cũng tuyên bố tương tự tại một cuộc mít tinh tại thủ đô Tirana. Ngày 2 tháng Tư, Chu yêu cầu Mohammad Ayub Khan, tổng thống Pakistan, chuyển thông điệp sau đây cho Hoa Thịnh Đốn: Trung Quốc sẽ không gây chiến với Hoa Kỳ, nhưng Trung Quốc nhất quyết cung cấp mọi thứ viện trợ cho Việt Nam; nếu Hoa Kỳ trả đũa Trung Quốc và phát động một cuộc chiến toàn diện, Trung Quốc sẽ đương đầu; ngay cả Hoa Kỳ dùng vũ khí nguyên tử chống lại Trung Quốc, Trung Quốc cũng chắc chắn là Hoa Kỳ sẽ thua. Lãnh đạo Bắc Kinh cho rằng Hoa Thịnh Đốn sẽ hiểu ý nghĩa của thông điệp này, và hy vọng sự mở rộng chiến cuộc Việt Nam sẽ rất hạn chế mà thôi.

Khi đưa ra những lời cảnh cáo trên đây, giới lãnh đạo Bắc Kinh cũng chuẩn bị cho một tình huống xấu nhất. Ngày 12 tháng Tư, Trung Ương đảng Cộng sản Trung Quốc ra "Chỉ thị Tăng cường Chuẩn bị Chiến tranh," gồm một loạt chỉ dẫn được truyền thanh tối đa đi khắp nước và trở thành một trong những tài liệu hướng dẫn quan trọng nhất trong đời sống chính trị và xã hội Trung Quốc vào những năm còn lại của thập niên 60. Tài liệu chỉ ra rằng đế quốc Mỹ đang leo thang xâm lược quân sự tại Việt Nam và xâm phạm trực tiếp không phận nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, một sự việc đe dọa trầm trọng đến an ninh Trung Quốc. Trong tình hình ấy, Trung Ương Đảng nhấn mạnh rằng Trung Quốc cần tăng cường hơn nữa các chuẩn bị chiến tranh với Hoa Kỳ, và do đó kêu gọi Đảng, Quân đội và cả nước phải sẵn sàng cả về tinh thần lẫn thực tiễn cho tình huống xấu nhất có thể xảy đến. Bản tài liệu kết luận rằng, ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam chống Mỹ cứu nước phải trở thành ưu tiên hàng đầu trong đời sống chính trị và xã hội Trung Quốc. Rõ ràng tài liệu này có mục đích động viên tiềm lực quân sự và kinh tế của Trung Quốc để đương đầu với tình hình chiến cuộc có thể trở nên xấu đi ở Việt Nam; đồng thời nó cũng phản ảnh ý đồ của Mao nhằm triệt để hóa đời sống chính trị và xã hội Trung Quốc, bắt nguồn từ một không khí cách mạng hứng khởi ở trong nước.

Trong lúc đó, Bắc Kinh và Hà Nội cùng mong muốn hoàn tất thỏa ước về các điều khoản đặc biệt trong cuộc hợp tác Việt-Trung đối với cuộc chiến đang leo thang. Đầu tháng Tư 1965, Lê

Duẩn, Tổng Bí Thư Đảng cùng Võ Nguyên Giáp dẫn đầu một phái đoàn bí mật viếng thăm Bắc Kinh (8). Ngày 8 tháng Tư, Lưu Thiếu Kỳ, đại diện Trung Ương Đảng CSTQ gặp Duẩn và Giáp. Theo hồ sơ của Trung Quốc, mới vào cuộc họp Duẩn đã nói ngay với chủ nhà rằng Việt Nam "luôn luôn tin tưởng rằng Trung Quốc là người bạn đáng tin cậy nhất của Việt Nam," và "sự giúp đỡ của Trung Quốc cho Việt Nam luôn đứng đầu về số lượng cũng như chất lượng." Lưu cám ơn Duẩn và nói với ông ta rằng "chính sách của Đảng Trung Quốc trước sau như một, và Trung Quốc sẽ thỏa mãn tối đa những gì mà mà Việt Nam cần." Sau đó Duẩn nói rằng Việt Nam hy vọng Trung Quốc sẽ gửi phi công và các toán quân tình nguyện và các loại tình nguyện khác - như là các đơn vị công binh để làm đường xe lửa, đường lộ và cầu cống - sang Bắc Việt Nam. Ông ta nhấn mạnh rằng có những lực lượng này thì Hà Nội sẽ có thể gửi những đoàn quân của họ đi Nam. Duẩn còn bày tỏ hy vọng sự chi viện từ phía Trung Quốc sẽ giúp thành tựu bốn mục tiêu: giới hạn vùng ném bom của Mỹ tới vĩ tuyến 20 hoặc 19 thôi; bảo vệ Hà Nội và vùng bắc Hà Nội không bị Mỹ oanh tạc; bảo vệ các tuyến giao thông chính của Bắc Việt Nam; và nâng cao tinh thần nhân dân Việt Nam. Theo lệnh Mao, Chu đồng ý hầu hết các yêu cầu của Duẩn. Ông ta nói đảng CSTQ đã quyết định rằng "chủ trương của chúng tôi là giúp đỡ tối đa cho các đồng chí. Chúng tôi sẽ cung cấp bất cứ thứ gì các đồng chí cần, và chúng tôi có khả năng làm việc ấy." Lưu cũng nhấn mạnh "nếu các đồng chí không mời, chúng tôi sẽ không đến; nếu các đồng chí mời một đơn vị của quân đội chúng tôi, chúng tôi sẽ gửi đơn vị ấy đến. Tất cả các sáng kiến là ở nơi các đồng chí."

Hứa hẹn là như vậy, nhưng vẫn có những bất đồng giữa hai phía. Thứ nhất, mặc dù Duẩn yêu cầu gửi không lực Trung Quốc (dưới hình thức phi công tình nguyện) sang Việt Nam, Trung Quốc đã không thực hiện điều này, ít nhất là trong giai đoạn này (9). Thứ hai, Duẩn xin Trung Quốc đảm trách việc bảo vệ hệ thống giao thông và các mục tiêu quan trọng của Việt Nam cho đến vĩ tuyến 19, trong khi Trung Quốc, như sau này sự việc sáng tỏ ra, trong hầu hết các trường hợp không cho các toán phòng không của họ đi xuống quá vĩ tuyến 21. Thứ ba, Duẩn yêu cầu Trung Quốc giúp xây dựng, bảo trì và bảo vệ cả đường sắt và đường bộ cho Việt Nam, nhưng không rõ vì lý do gì, các cuộc thảo luận giữa Duẩn và Lưu chỉ đề cập đến đường sắt.

Vì nhu cầu làm sáng tỏ hơn mức độ và bản chất công cuộc viện trợ của Trung Quốc, Hồ Chí Minh kín đáo đi thăm Trung Quốc vào tháng Năm và tháng Sáu 1965. Vào ngày 16 tháng Năm, Hồ gặp Mao tại Trường Sa, tỉnh lỵ của tỉnh Hồ Nam quê Mao. Ông ta bày tỏ lòng biết ơn đối với sự viện trợ của Trung Quốc và hài lòng về chuyến đi thăm thành công của Lê Duẩn tháng trước. Rồi ông ta nói rõ Hà Nội xác định "sẽ tự mình gánh vác gánh nặng chính yếu của chiến tranh." Hồ nói những gì Việt Nam cần là nguồn viện trợ phẩm vật và vũ khí của Trung Quốc, để Hà Nội có thể gửi chính người của họ đi chiến đấu tại miền Nam. Mao sẵn sàng giúp đỡ và ông ta hứa với Hồ rằng Trung Quốc sẽ cung cấp "bất cứ sự trợ giúp nào mà Việt Nam cần." Sau đó Hồ xin Mao tài nguyên để xây dựng 12 con đường mới tại Việt Nam. Mao bằng lòng ngay.

Dựa trên căn bản chuyến đi của Hồ, Văn Tiến Dũng thăm Bắc Kinh vào đầu tháng Sáu 1965. Các cuộc họp của ông ta với La Thoại Khanh đã hoàn tất các nguyên tắc hướng dẫn và các chi tiết cụ thể của viện trợ Trung Quốc cho Việt Nam trong những trường hợp khác nhau. Nếu cuộc chiến vẫn ở trong tình trạng hiện tại, nghĩa là Hoa Kỳ trực tiếp dính vào các hoạt động quân sự ở miền Nam và chỉ dùng không quân oanh tạc miền Bắc, thì Việt Nam sẽ tự chiến đấu lấy, và Trung Quốc sẽ cung cấp viện trợ vũ khí và đồ tiếp liệu theo các cách thức mà Việt Nam chọn. Nếu người Mỹ dùng lực lượng hải quân và không quân của họ để yểm trợ cho Nam Việt Nam xâm chiếm miền Bắc, Trung Quốc sẽ gửi lực lượng không quân và hải quân yểm trợ cho Bắc Việt. Nếu lực lượng bộ binh Hoa Kỳ trực tiếp tham dự đánh chiếm miền Bắc, Trung Quốc sẽ dùng bộ binh của mình như lực lượng dự trữ chiến lược cho Việt Nam, và sẽ tham dự hành quân khi cần thiết. Văn Tiến Dũng và La Thoại Khanh cũng bàn vào chi tiết các hình thức can thiệp quân sự của Trung Quốc trong những tình huống khác nhau. Nếu không lực Trung Quốc tham chiến thì phương cách đầu tiên là sẽ dùng phi công tình nguyện Trung Quốc để lái máy bay Việt Nam trong các trận chiến đấu; cách thứ nhì là phi công và máy bay Trung Quốc sẽ đồn trú tại các phi trường Việt Nam, và lâm chiến luôn; và phương cách thứ ba là sẽ áp dụng "mô thức An Đông," (10) tức là khi lâm chiến, máy bay và phi công Trung Quốc sẽ cất cánh từ và sẽ về lại các căn cứ trên đất Trung Quốc. Nếu bộ binh Trung Quốc tham gia hành quân tại Việt nam, về căn bản họ được xem là lực lượng trừ bị; nhưng nếu cần họ sẽ tham gia chiến đấu. La nhấn mạnh rằng Trung Quốc sẽ tham dự cuộc chiến theo cách nào trong các hình thức nêu trên đây là tùy theo tình hình cụ thể.

Để phối hợp việc viện trợ quân sự và phẩm vật cho Việt Nam, từ cuối tháng Năm, Chu Ân Lai chủ tọa một loạt các cuộc họp với giới chức chính phủ và quân đội, những người sẽ quyết định thành lập hai bộ phận quyền lực tại Bắc

Kinh để hoạch định và thực hiện chính sách về Việt Nam. Bộ phận thứ nhất là một ủy ban bảy người gọi là "Nhóm Chỉ Đạo các Vấn Đề Việt Nam." Các thành viên tiên khởi của nhóm này gồm có Lý Tiên Niệm, Ủy viên Bộ Chính Trị và Phó Thủ Tướng đặc trách kinh tế và tài chánh; Bạch Nhất Ba, Ủy viên Bộ Chính Trị, Phó Thủ Tướng đặc trách kế hoạch kinh tế; La Thoại Khanh, Tham Mưu Trưởng; Lưu Kiền, thứ trưởng Ngoại Giao; Dương Thành Vũ, phụ tá Tham Mưu Trưởng; Lý Giang, bộ trưởng Ngoại Thương; và Lý Thiên Hữu, một phụ tá khác của Tham Mưu Trưởng. La Thoại Khanh được chỉ định làm trưởng nhóm, cho đến khi bị thanh lọc vào tháng Mười Hai 1965 (11). Công việc chính của nhóm là thực hiện chiến lược tổng quát của Trung ương, quyết định và khuyến cáo các vấn đề liên quan đến Việt Nam, xem xét và khẳng định những nhu cầu mới cần thiết cho Việt Nam.

Nhóm quyền lực thứ hai gọi là "Nhóm Đặc trách Yểm trợ cho Việt Nam trực thuộc Trung Ương Đảng và Quốc Vụ Viện," gồm có các nhân viên hàng đầu của các bộ Ngoại Giao, Đường Sắt, Giao Thông, Bưu Điện, Tiếp Liệu và Ngoại Thương; các Ủy ban Kinh tế vụ, Kế hoạch kinh tế quốc gia, và Kinh tế vụ đối ngoại; Tổng cục chính trị của Quân đội Giải phóng Nhân dân, Tổng cục Thống kê, bộ Tổng Tham mưu và các chi, ngành khác. Dương Thành Vũ được chỉ định làm trưởng nhóm và Lý Thiên Hữu làm phó. Công việc chính là phối hợp và thực hiện các quyết định liên quan đến việc trợ giúp Việt Nam của Đảng và Quốc Vụ Viện (thông qua nhóm thứ nhất đã nói ở trên).

Sự hợp tác giữa Trung Quốc và Việt Nam suốt cuộc chiến Việt Nam đã lộ ra nhiều điểm đáng ghi nhớ ngay từ đầu. Trước hết, khác với Cuộc Chiến Tranh Đông Dương lần thứ nhất, trong đó cố vấn quân sự và chính trị Trung Quốc can dự trực tiếp vào các quyết định của Việt Minh, và Bắc Kinh luôn để ý theo dõi từng diễn biến quan trọng, bây giờ Cộng sản Việt Nam không để Trung Quốc xía vô việc quyết định nữa. Nếu cần, Bắc Kinh sẽ được hỏi ý kiến hoặc thông báo, nhưng quyết định thì giờ đây hoàn toàn ở trong tay Hà Nội. Cộng sản Bắc Việt bây giờ đã thành một kẻ già dặn, độc lập và tự tin rất nhiều trên trường quốc tế so với Việt Minh trong trận chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất. Thứ hai, Bắc Kinh và Hà Nội tỏ ra đã đạt được một thỏa hiệp căn bản vào mùa xuân và mùa hè 1965 theo đó người Việt Nam sẽ tự chiến đấu lấy với lực lượng của chính mình; vai trò chính của Trung Quốc là bảo đảm về tiếp vận và bảo vệ miền Bắc, để Việt Nam rảnh tay gửi càng nhiều quân lính vào Nam càng tốt. Thứ ba, mặc dù các lãnh tụ Trung Quốc và Việt Nam đã xem xét đến việc quân đội Trung Quốc có thể can thiệp vào Việt Nam ở quy mô lớn, hai bên coi như đã đồng ý với nhau là trừ trường hợp bộ binh Hoa Kỳ trực tiếp xâm chiếm miền Bắc, bộ binh Trung Quốc sẽ không được điều động trong các chiến dịch ở Việt Nam.

Viện trợ của Trung Quốc cho Bắc Việt Nam, 1965-69

Từ năm 1965 đến 1969, sự giúp đỡ của Trung Quốc cho Việt Nam có ba hình thức chính: các toán công binh Trung Quốc vào để xây dựng và bảo trì các công sự phòng thủ, phi trường, đường bộ, đường sắt tại Bắc Việt; các đội pháo phòng không Trung Quốc được sử dụng để bảo vệ những vùng chiến lược và những mục tiêu quan trọng trong phần đất phía bắc của Bắc Việt Nam; cung cấp với số lượng lớn trang bị quân sự cùng các khí tài quân sự và dân sự khác.

Việc gửi các toán công binh Trung Quốc. Trong chuyến viếng thăm Trung Quốc vào tháng Tư 1965, Lê Duẩn nói rõ rằng để tăng cường tiềm lực chiến tranh thì chủ yếu cần phải cải tiến và nới rộng hệ thống đường sắt tại miền Bắc và giữ hệ thống ấy hoạt động dưới sự oanh tạc của Hoa Kỳ. Ông ta yêu cầu Trung Quốc giúp cả hai việc xây dựng và bảo trì, gìn giữ hệ thống đường sắt. Ngày 17 tháng Tư 1965, khi phái đoàn Lê Duẩn ở Mạc Tư Khoa, Tham Mưu Trưởng Bắc Việt Nam đánh điện cho Tham Mưu Trưởng Trung Quốc, yêu cầu gửi các toán công binh Trung Quốc đến các đảo ngoài khơi vùng Vịnh Bắc Việt để xây dựng hệ thống phòng thủ ở đó. Bộ Tổng Tham Mưu Trung Quốc, theo lệnh của Quân Ủy Trung Ương, ngày hôm sau đã quyết định thành lập "Lực Lượng Công Binh Tình Nguyện Nhân Dân Trung Quốc," (LCTNT) gồm một số đơn vị công binh giỏi nhất Trung Quốc, sẽ thực hiện công tác xây dựng và tái thiết đường sắt, xây dựng công sự phòng thủ và làm phi trường cho Việt Nam. Vào ngày 21 và 22 tháng Tư, La Thoại Khanh và Dương Thành Vũ long trọng đón tiếp Võ Nguyên Giáp, khẳng định rằng các toán công binh Trung Quốc sẽ được sớm gửi sang Việt Nam.

Sau một loạt các cuộc thảo luận, ngày 27 tháng Tư hai chính phủ Trung Quốc và Việt Nam ký một thỏa hiệp theo đó Trung Quốc sẽ giúp Việt Nam xây dựng đường sắt mới và cung cấp trang bị giao thông. Theo thỏa hiệp này và các thỏa hiệp bổ túc ký sau, Trung Quốc sẽ trợ giúp tổng cộng là 100 dự án. Quan trọng nhất là dự án tái thiết đường xe lửa Hà Nội-Youyiguan và Hà Nội-Thái Nguyên, đổi đường rầy nguyên thủy có khoảng cách một mét sang một khoảng cách tiêu chuẩn, và thêm hàng chục nhà ga, cầu cống và đường hầm; xây dựng một đường xe lửa có khoảng cách tiêu chuẩn giữa Kép và Thái Nguyên dùng như một đường phụ đi vòng cho

các tuyến đường Hà Nội-Thái Nguyên và Hà Nội-Youyiguan; xây dựng hàng loạt cầu, bến phà, đường sắt tạm và các đường vòng nhỏ trong vùng phía bắc của Bắc Việt Nam; tăng cường mười một cây cầu xe lửa quan trọng để chúng có khả năng đứng vững trước các cuộc oanh tạc cũng như lụt lội.

Trong cuộc gặp gỡ với Mao tại Trường Sa ngày 16 tháng Năm 1965, đích thân Hồ Chí Minh yêu cầu Mao giúp xây dựng 12 đường bộ cho miền Bắc, và Mao đã đồng ý. Theo chỉ thị của Mao, bộ Tổng Tham Mưu Trung Quốc nhanh chóng lập một dự án sơ khởi gửi khoảng 100,000 toán công binh sang Việt Nam để làm đường. Ngày 25 tháng Năm Chu Ân Lai chủ tọa một buổi họp bàn về dự án. Ông ta nói vì người Mỹ đang mở rộng chiến tranh tại Việt Nam, tất nhiên họ sẽ tăng cường sức mạnh để cắt đường tiếp tế của miền Bắc cho các lực lượng cách mạng miền Nam. Vì thế Hà Nội rất có nhu cầu gửi thêm người của họ để tăng cường hành lang vận chuyển tại Hạ Lào. Đây là lý do tại sao Trung Quốc cần đảm nhận trách nhiệm chính yếu tăng cường và mở rộng khả năng đường sá cho Bắc Việt Nam, đặc biệt vùng cực bắc. Dương Thành Vũ đã báo cáo cho hội nghị rằng bộ Tổng Tham Mưu Trung Quốc đã lập hai kế hoạch để gửi các toán vào Việt Nam. Kế hoạch thứ nhất theo đề nghị của Hồ Chí Minh, bắt đầu khởi công xây dựng 12 tuyến đường bộ cùng một lúc, cần phải có hơn 100,000 toán công binh. Theo kế hoạch thứ hai thì thời gian đầu chỉ tập trung việc xây dựng từ năm đến bảy con đường cần thiết nhất, khởi sự cần khoản 80,000 toán. Dương đề nghị chọn kế hoạch thứ hai, Chu cũng đồng ý. Hội nghị quyết định sẽ trình bày cho phía Việt Nam một lúc cả hai kế hoạch, nhưng cho họ biết là Trung Quốc nghiêng về kế hoạch thứ hai.

Một phái đoàn chính phủ Việt Nam về vấn đề giao thông đến Bắc Kinh cuối tháng Năm, nhấn mạnh đến kế hoạch đầu tiên của họ. Trung Quốc nhượng bộ ngay. Ngày 30 tháng Năm hai phái đoàn Trung Quốc và Việt Nam ký thỏa hiệp chính thức quy định rằng Trung Quốc sẽ gửi các toán công binh của họ qua để xây dựng và tái thiết 12 con đường tại Bắc Việt Nam, và nối chúng với hệ thống đường sá Trung Quốc. Trong lúc làm đường, Trung Quốc cũng sẽ trách nhiệm tự bảo vệ lấy các đơn vị công binh của mình chống các cuộc không tạc của Hoa Kỳ.

Tiếp theo các thỏa hiệp này, vào tháng Năm và tháng Sáu 1965, Quân Ủy Trung Ương và bộ Tổng Tham Mưu Trung Quốc ra một loạt chỉ thị nhằm động viên các toán quân Trung Quốc. Từ đầu tháng Sáu, bảy sư đoàn các toán "Lực Lượng Công Binh Tình Nguyện Nhân Dân Trung Quốc" (LCTNT) khởi sự vào Việt Nam, qua nhiều giai đoạn khác nhau.

Sư đoàn LCTNT đầu tiên gồm sáu trung đoàn những toán làm đường sắt giỏi nhất Trung Quốc (được tăng cường thêm hai trung đoàn vào tháng Tám 1968), một toán điều nghiên về đường sắt, và khoảng hơn một chục tiểu đoàn pháo phòng không. Nhân số của sư đoàn lúc đông nhất lên đến 32,700 người. Bắt đầu vào Việt Nam vào ngày 23 tháng Sáu 1965, phần lớn các đơn vị của sư đoàn này ở lại Việt Nam cho đến cuối 1969. Theo thống kê của Trung Quốc, khi đơn vị cuối cùng rời Việt Nam vào tháng Sáu 1970, sư đoàn đã hoàn tất 117 kilômét đường sắt mới, tái thiết 362 kilômét đường sắt cũ, cất 39 cây cầu xe lửa mới và 14 đường hầm, và dựng 20 nhà ga mới.

Sư đoàn LCTNT thứ nhì gồm ba trung đoàn công binh, một lữ đoàn chuyên về thủy học, một lữ đoàn vận chuyển đường thủy, một lữ đoàn truyền tin công binh, một trung đoàn vận tải đường bộ, và một số đơn vị pháo phòng không mới, với quân số tổng cộng hơn 12,000. Họ vào Việt Nam ngày 6 tháng Sáu 1965 và là những toán công binh Trung Quốc đầu tiên lãnh nhiệm vụ tại Việt Nam. Công tác chính của họ là xây dựng những công sự kiên cố và các hệ thống truyền tin tại 15 đảo ngoài khơi và tám địa điểm ven biển của vùng vịnh Bắc Việt. Sư đoàn cũng nhận chỉ thị sẽ chiến đấu cùng với quân đội Bắc Việt Nam nếu Mỹ đổ quân vào miền Bắc. Tất cả các đơn vị của sư đoàn này chia thành bảy nhóm rời Việt Nam vào giữa tháng Bảy và tháng Mười năm 1966, như là kết quả của các chia rẽ sâu sắc giữa Bắc Kinh và Hà Nội (xem phần dưới).

Sư đoàn LCTNT thứ ba chủ yếu phối hợp với các toán công binh thuộc không quân Trung Quốc. Công việc chính của họ là xây một căn cứ không quân liên hợp lớn tại Yên Báy có thể dùng cho máy bay phản lực, cùng với các hầm chứa máy bay rộng lớn ngầm dưới đất. Từ đầu Việt Nam đã yêu cầu dự án này, vào tháng Giêng 1965. Tháng Năm toán tiên phong của sư đoàn ba đã đến Yên Báy để khảo sát. Lực lượng chính của sư đoàn vào Việt Nam vào tháng Mười Một 1965. Căn cứ không quân hoàn tất vào tháng Năm 1969, và hầm ngầm chứa máy bay xong vào tháng Mười năm đó; sau đó sư đoàn nhanh chóng rời khỏi Việt Nam.

Các sư đoàn bốn, năm và sáu của LCTNT

> Một người có thể không bình đẳng với người khác mà vẫn là đồng loại với kẻ ấy.
>
> — *Louis de Bonald*
>
> Điều làm cho bình đẳng trở nên khó khăn là ta chỉ ao ước bình đẳng với kẻ cao hơn ta mà thôi.
>
> — *Henry Becque*

đều là các toán công binh xây dựng đường xa lộ, dưới sự chỉ huy độc lập của "Bộ Chỉ Huy Xây Dựng Xa Lộ trực thuộc LCTNT," quân số tổng cộng 80,000. Năm trung đoàn của sư đoàn thứ tư đến từ Quân khu Quảng Châu. Họ được giao cho công việc tái thiết con đường chính nối liền Bình Hương và Ginxi đều nằm trong tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc, với Cao Bằng, Thái Nguyên và Hà Nội. Năm trung đoàn của sư đoàn số năm được Quân khu Thẩm Dương gửi đến, công tác chính là làm một con đường mới từ Lào Cai, một thành phố tiếp giáp với tỉnh Vân Nam của Trung Quốc, đến Yên Báy, rồi nối với đường đi Hà Nội. Sáu trung đoàn của sư đoàn thứ sáu là từ Quân khu Côn Minh và Cục Đường Sắt. Họ chịu trách nhiệm làm một con đường mới từ Wenshan thuộc Vân Nam nối với con đường được sư đoàn thứ năm xây dựng. Họ cũng được chỉ định xây một con đường mới dọc theo biên giới Việt Trung, nhờ đó tất cả đường xa lộ chính yếu chạy theo hướng bắc nam đều được nối liền. Tất cả các sư đoàn này đều có đơn vị pháo phòng không riêng. Họ vào Việt Nam tháng Mười, Mười Một 1965, và về lại Trung Quốc tháng Mười 1968. Thống kê chính thức của quân đội Trung Quốc cho thấy họ đã hoàn tất việc xây dựng và tái thiết bảy con đường tổng số chiều dài là 1,206 kilômét, 395 cây cầu tổng số chiều dài 6,854 mét và 4,441 cái cống với tổng số chiều dài 46,938 mét. Số đất đá dùng để hoàn tất các dự án này là 30.5 triệu mét khối.

Sư đoàn thứ bảy thay thế sư đoàn hai, vào Việt Nam tháng Mười Hai 1966, gồm có ba trung đoàn công binh tạo tác và một số tiểu đoàn pháo phòng không, quân số 16,000. Công tác chính của sư đoàn này là xây dựng công sự phòng thủ kiên cố ngầm dưới đất trong vùng châu thổ sông Hồng và xây hầm ngầm chứa máy bay cho phi trường Hà Nội. Sư đoàn hoàn tất công tác và rời Việt nam tháng Mười Một 1969.

Ngoài các toán công binh này, theo thỏa hiệp giữa Bắc Kinh và Hà Nội vào tháng Bảy 1965, Trung Quốc còn gửi một lữ đoàn công binh truyền tin tới Việt Nam vào tháng Mười cùng năm. Đoàn này có công tác chính là sửa chữa và xây dựng hệ thống truyền tin trong vùng Lai Châu-Sơn La-Điện Biên Phủ. Trước khi đoàn này về nước vào tháng Bảy 1966, theo các nguồn tin Trung Quốc, họ đã kéo được 894 kilômét đường dây điện thoại và xây dựng bốn căn cứ vận chuyển điện thoại.

Tóm tắt, Bắc Kinh gửi các toán công binh vào Việt Nam chủ yếu trong khoảng thời gian từ cuối năm 1965 đến cuối năm 1968. Các toán này có nhiệm vụ xây dựng công sự phòng thủ, đường bộ và đường sắt trong vùng phía bắc của Bắc Việt Nam. Hầu hết các dự án nằm trong vùng phía bắc Hà Nội và không dự án nào nằm về phía nam vĩ tuyến 20. Đa số các toán rời Việt Nam trước cuối năm 1969, và vào tháng Bảy 1970 thì tất cả đều đã quay về Trung Quốc.

Việc sử dụng các toán pháo phòng không để bảo vệ những mục tiêu quan trọng của Bắc Việt Nam và những toán công binh Trung Quốc. Trong cả hai cuộc viếng thăm Trung Quốc của Lê Duẩn vào tháng Tư 1965 và Hồ Chí Minh gặp Mao Trạch Đông vào ngày 16 tháng năm 1965, phía Việt Nam đều yêu cầu Trung Quốc gửi các toán pháo phòng không vào Việt Nam. Trong cuộc gặp gỡ của Văn Tiến Dũng và La Thoại Khanh vào đầu tháng Sáu 1965, Dũng xin Trung Quốc gửi hai sư đoàn pháo phòng không để bảo vệ Hà Nội và vùng phía bắc Hà Nội nếu không quân Mỹ đánh phá ở đó. La đồng ý.

Ngày 24 tháng Bảy 1965, bộ Tổng Tham Mưu Việt Nam đánh điện cho bộ Tổng Tham Mưu Trung Quốc, chính thức yêu cầu Trung Quốc gửi "hai sư đoàn pháo phòng không đã được chuẩn bị đầy đủ từ lâu để tham chiến ở Việt Nam. Càng sớm càng tốt. Nếu có thể, xin vào Việt Nam vào ngày 1 tháng Tám." Hôm sau, bộ Tổng Tham Mưu Trung Quốc đánh điện trả lời bộ Tổng Tham Mưu Việt Nam, nói rằng Trung Quốc sẽ gửi ngay hai sư đoàn pháo phòng không và một trung đoàn sang Việt Nam, các đơn vị này sẽ có nhiệm vụ bảo vệ đoạn Bắc Ninh-Lạng Sơn của tuyến đường sắt Hà Nội-Hữu Nghị Quan, và đoạn Yên Báy-Lào Cai của tuyến Hà Nội-Lào Cai, hai tuyến đường sắt chính nối liền Trung Quốc và Bắc Việt Nam. Ngày 1 tháng Tám 1965, hai sư đoàn 61 và 63 của lực lượng pháo phòng không Trung Quốc cùng lúc vào Việt Nam từ Vân Nam và Quảng Tây.

Sư đoàn 61 đến Yên Báy ngày 5 tháng Tám. Bốn ngày sau, lần đầu tiên nó tham chiến chống các oanh tạc chiến đấu cơ F-4 của Mỹ. Dùng súng phòng không 37 và 85mm, họ bắn rơi một F-4, và theo tài liệu của Trung Quốc thì đó là chiếc máy bay Mỹ đầu tiên bị các đơn vị phòng không Trung Quốc bắn rơi. Sư đoàn 63 vào vùng Kép và lâm trận đầu tiên với Mỹ ngày 23 tháng Tám. Theo ghi nhận thì họ bắn rơi một máy bay Mỹ và làm bị thương một chiếc khác.

Từ đầu tháng Tám 1965 đến tháng Ba 1969, có tổng số 16 sư đoàn (63 trung đoàn) pháo phòng không Trung Quốc, với quân số trên 150,000, đã vào Việt Nam. Các đơn vị này, vào Việt Nam theo tám đợt khác nhau, phần lớn từ lực lượng pháo binh, không quân, hải quân, và trong vài trường hợp, từ các quân khu Côn Minh và Quảng Châu. Dựa theo kinh nghiệm chiến tranh Triều Tiên, giới lãnh đạo quân sự Trung Quốc áp dụng chiến lược luân phiên cho các toán quân này - thường một đơn vị sẽ ở Việt Nam trong vòng sáu tháng rồi được đơn vị khác thay thế. Nhiệm vụ của họ là bảo vệ các mục

tiêu chiến lược quan trọng, như các cầu xe lửa trọng yếu trên tuyến đường Hà Nội-Hữu Nghị Quan và Hà Nội-Lào Cai, và che chở các toán công binh Trung Quốc. Không có bằng chứng các đơn vị này tham gia các chiến dịch phía nam Hà Nội hoặc bảo vệ đường mòn Hồ Chí Minh. Đơn vị pháo phòng không cuối cùng của Trung Quốc rời Việt Nam vào giữa tháng Ba 1969. Thống kê Trung Quốc cho biết rằng những toán này đã đụng trận 2,154 lần, bắn rơi 1,707 máy bay Mỹ và làm hư hại 1,608 chiếc khác.

Đáng lưu ý là không lực Trung Quốc chưa bao giờ trực tiếp tham chiến trên lãnh thổ Việt Nam trong khi chỉ những toán pháo phòng không được gửi vào, mặc dù có bằng chứng là điều này đã được thảo luận giữa các lãnh đạo Trung Quốc và Việt Nam vào mùa xuân và mùa hè 1965. Liệu việc không lực Trung Quốc không vào tham chiến trong không phận Việt Nam là do ý Việt Nam không muốn như thế, hay đó chính là chủ trương của Bắc Kinh muốn giới hạn sự can thiệp quân sự của Trung Quốc vào Việt Nam? Hoặc là còn yếu tố nào phức tạp tiềm ẩn nữa chăng? Tiếc rằng những tài liệu hiện có của Trung Quốc không đưa ra một câu trả lời dứt khoát nào cho những câu hỏi này.

Tuy nhiên người ta được biết rằng từ đầu năm 1965 đã có sự thay đổi lớn trong chính sách của Bắc Kinh về việc máy bay Mỹ xâm nhập không phận Trung Quốc. Trước cuối năm 1964, nguyên tắc chỉ đạo của Trung Quốc về việc này là tránh đụng độ trực tiếp với các máy bay Mỹ xâm nhập. Ví dụ lệnh của Quân Ủy Trung Ương ngày 25 tháng Sáu 1963 nói rõ rằng khi tàu chiến hoặc máy bay quân sự của Mỹ vào vùng trời hoặc vùng biển của Trung Quốc, cấp chỉ huy Trung Quốc phải chú ý đến khía cạnh chính trị của hành động xâm nhập đó hơn là khía cạnh quân sự. Vì thế họ phải thận trọng trong hành động, tránh đặt Trung Quốc vào tình trạng bất lợi về chính trị và ngoại giao, ngay cả phải chịu thiệt đánh mất thời cơ về quân sự. Cuối tháng Giêng 1965, khi không lực Trung Quốc đóng trên vùng biên giới Việt Trung đã sẵn sàng chiến đấu vì tình hình xấu đi do Sự Kiện Vịnh Bắc Việt, Quân Ủy Trung Ương Trung Quốc vẫn nhắc lại các mệnh lệnh trước. Một mệnh lệnh ngày 11 tháng Giêng 1965 nhấn mạnh rằng những đơn vị không quân Trung Quốc đồn trú trong vùng phía nam nước này phải tự chế khi có máy bay Hoa Kỳ xâm nhập không phận của mình, chỉ bay lên để quan sát hành động máy bay Mỹ, nhưng không tấn công.

Tình hình thay đổi vào đầu tháng Tư 1965. Vào ngày 8 và 9 tháng Tư, hai toán máy bay chiến đấu Mỹ xâm phạm không phận đảo Hải Nam của Trung Quốc. Theo lệnh của Quân Ủy Trung Ương, bốn máy bay Trung Quốc cất cánh để giám sát, nhưng các máy bay Mỹ thì được báo cáo rằng đã bắn vào máy bay Trung Quốc. Ngày 9 tháng Tư, Phó Tham Mưu trưởng Dương Thành Vũ báo cáo các sự kiện trên cho Chu Ân Lai và Mao Trạch Đông, đề nghị Trung Quốc "nghiêm khắc trừng trị" các máy bay Mỹ xâm phạm không phận Trung Quốc. Ngay chiều hôm đó Mao chỉ thị không quân và hải quân phải đưa những đơn vị thiện chiến nhất vào vùng lãnh thổ và lãnh hải phía nam Trung Quốc, thống nhất hệ thống chỉ huy, và trừng trị nghiêm khắc người Mỹ nếu họ xâm phạm vùng trời Trung Quốc. Vào ngày 17 tháng Tư, Quân Ủy Trung Ương ra lệnh chính thức thực hiện chỉ thị của Mao. Từ thời điểm này đến tháng Mười Một 1968, theo thống kê của Trung Quốc, không lực Trung Quốc đã nghênh chiến 155 lần máy bay Mỹ xâm phạm vùng trời của mình, bắn hạ 12 chiến đấu cơ và các loại máy bay khác của Mỹ (không tính máy bay thám thính không người lái). Mặc dù động lực thực sự nào đàng sau các thay đổi thái độ này của Trung Quốc thì vẫn chưa sáng tỏ, hiệu quả của chính sách mới này xem ra rất rõ ràng. Chống trả thích đáng sự xâm nhập vùng trời Trung Quốc, Bắc Kinh đã gửi một tín hiệu rõ ràng cho người Mỹ, cùng lúc chứng tỏ cho các đồng chí ở Hà Nội thấy lập trường vững vàng của họ trước sự đe dọa của Mỹ.

(còn tiếp)

Chú thích:

* Trích từ *China Quarterly* số 144, 1995.

8. Cuộc thăm viếng coi như được chia làm hai phần. Đầu tháng Tư, Lê Duẩn và Võ Nguyên Giáp đến Bắc Kinh một cách bí mật, gặp Lưu Thiếu Kỳ và các lãnh tụ Trung Quốc khác vào ngày 8 tháng Tư. Phái đoàn Việt Nam sau đó đi Mạc Tư Khoa vào ngày 10 hoặc 11 tháng Tư, ở lại đó đến ngày 17 tháng Tư để thực hiện một loạt các cuộc gặp gỡ với các nhà lãnh đạo Xô Viết. Rồi họ lại quay về Bắc Kinh vào ngày 18 tháng Tư để tiếp tục thăm Trung Quốc một cách công khai.

9. Vào xuân hè 1965 giới lãnh đạo Bắc Kinh ra lệnh cho các đơn vị không quân Trung Quốc đã vào vùng biên giới Việt Trung không được đi qua biên giới trong bất cứ trường hợp nào.

10. An Đông là một thành phố trên sông Áp Lục. Trong trận chiến tranh Triều Tiên, không quân Trung Quốc và Xô Viết dùng các căn cứ nằm trên đất Trung Quốc dọc biên giới Trung-Triều để đánh máy bay Mỹ trong vùng bắc Triều Tiên. Sự kiện này được gọi là "mô thức An Đông."

11. Sau khi La Thoại Khanh bị thanh lọc, Lý Tiên Niệm trở thành trưởng nhóm. Suốt những năm Cách Mạng Văn Hóa, cả Bo Yibo và Liu Xiao đều bị thanh lọc, và như thế không thể đóng vai trò nào trong nhóm. Một vài thành viên, ví dụ như Gi Dengkui, một ngôi sao của Cách Mạng Văn Hóa, đã được thêm vào. Chu Ân Lai thường phải đích thân lo cho các hoạt động của nhóm.

GIÁO SƯ HOÀNG XUÂN HÃN TỪ TRẦN

YÊN HỒ PHU TỬ, BẬC THẦY CỦA TRÍ THỨC VIỆT NAM THẾ KỶ 20

TS PHẠM TRỌNG CHÁNH

Giáo sư Hoàng Xuân Hãn vừa từ trần tại Paris ngày chủ nhật 10-3-1996 lúc tám giờ sáng, hưởng thọ 89 tuổi. Việt Nam mất đi một học giả lỗi lạc, một nhà Bách Khoa tài danh, trí thức Việt Nam mất đi một bậc thầy, bậc Phu Tử của Việt Nam thế kỷ 20.

1908: Sinh ngày 8-3-1908 tại làng Yên Hồ, xã Yên Phúc, Huyện La Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, cùng quê với La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp và Tiên Điền Nguyễn Du. Bút hiệu là Yên Hồ. Thân sinh là cụ Tú Hoàng Xuân Úc (trước tên là Hoàng Xuân Vạn) đỗ Tú Tài Hán học từng tham gia Phong Trào Đông Kinh Nghĩa Thục.

1914-1917: Học chữ Hán, chữ Nôm và sau đó chữ Quốc ngữ với cha và thầy học tại gia.

1917-1921: Học Trường Sơ học Pháp Việt (Ecole Primaire franco-annamite) tại Vinh.

1921-1922: Học Tiểu học và thi bằng Tiểu học tại Thanh Hóa. Học cùng lớp với Phạm Ngọc Thạch, ông thân sinh ra Phạm Ngọc Thạch là Hiệu Trưởng.

1922-1926: Học Cao Đẳng Tiểu học tại Vinh (Trường Quốc Học Vinh)

1926-1927: Học Trường Bảo Hộ Hà Nội (Trường Bưởi)

1927: Đậu Tú Tài Pháp Phần thứ nhất và được nhận vào trường Trung Học Albert Sarrault Hà Nội

1927-1928: Học Ban Toán Trường Albert Sarrault và đậu Tú Tài Toàn Phần Ban Toán.

1928-1930: Được học bổng du học sang Pháp (cùng được học bổng có em ruột là Hoàng Xuân Mãn sau đỗ Bác sĩ Nhãn Khoa, và cháu là Hoàng Xuân Nhị sau đỗ Tiến Sĩ Văn Chương Đại Học Sorbonne). Học Lớp Dự bị tại Trường Trung Học Saint-Louis và thi đậu cùng lúc vào hai trường Polytechnique và Ecole Normale Supérieure.

1930-1932: Học Trường Polytechnique, trước ông hai năm có Trung Tướng Nguyễn Văn Xuân đã đậu vào trường này, nơi đào tạo những nhà lãnh đạo ưu tú của nước Pháp.

Giáo sư Hoàng Xuân Hãn
(Ảnh *Nguyễn Xuân Hoàng*)

1932-1934: Học Trường Kỹ sư Cầu Cống (Ecole Nationale Supérieure des Ponts et Chaussées.)

1934: Trở về Việt Nam bốn tháng, được vào Sở Công Chánh làm việc dưới quyền những người Pháp kém học vấn hơn, ông từ chối. Được một người bạn Pháp cùng lớp trường Bách Khoa nói thẳng chẳng có việc làm gì cả tại Đông Dương cho tương xứng bằng cấp của ông, ông quyết định chuyển sang nghề dạy học.

1934-1936: Đậu Cử nhân Tốt nghiệp Khoa Học tại Phân Khoa Khoa Học Đại Học Paris, đậu kỳ thi Thạc Sĩ Toán. Lúc bấy giờ Mặt Trận Bình Dân (Front Populaire) của cánh Tả lên nắm chính quyền tại Pháp, vấn đề dân chủ tại Đông Dương được cởi mở. Bằng Tú tài địa phương bị hủy bỏ, các Trường Cao Đẳng Tiểu học trở thành các Trường Trung Học thật sự và ngang hàng với các Trung học Pháp, các giáo sư được tuyển chọn qua kỳ thi Thạc Sĩ tại Pháp. Có hai người Việt Nam đậu Thạc Sĩ thời bấy giờ là Phạm Duy Khiêm đậu Thạc sĩ Văn Phạm được tuyển dạy tại Trường Albert Sarrault và Hoàng Xuân Hãn Thạc Sĩ Toán.

1936-1939: Giáo Sư hai lớp Toán Đại Cương tại Trường Bưởi, dạy Trường Cao Đẳng Công Chánh, Công Đẳng Nông Lâm tại Hà Nội.

1939-1944: Đệ Nhị Thế Chiến, Trường Bưởi tản cư về Thanh Hóa, tại đây ông có dịp khảo sát làng quê Thanh Hóa và di chỉ khảo cổ Đò Lèn.

1940: Ông cùng Nguyễn Xiển và một số trí thức sáng lập Báo Khoa Học với ý chí ngôn ngữ Việt Nam có thể giảng dạy và truyền bá Khoa Học. Bằng những bài viết giản dị, dễ hiểu, dễ nhớ, có trình độ khoa học, ông đã nhắm đến việc

phổ biến khoa học cho thanh niên và đại chúng Việt Nam. GS Hoàng Xuân Hãn đã sáng tác nhiều bài toán đố vui, nhiều bài thơ về toán giúp người học dễ nhớ (như bài: "tìm *sin* lấy đối chia huyền, *cosin* thì hai cạnh kề, huyền chia nhau, còn *tang* ta hãy tính sau, đối trên kề dưới chia nhau thấy liền"), và nhiều bài viết phổ cập khoa học giá trị.

1942: Xuất bản Tự Điển *Danh Từ Khoa Học*. Ngay từ lúc còn học Trường Bách Khoa Paris, ông đã bắt đầu khởi thảo Tự Điển Danh Từ Khoa Học, ông trở thành người đầu tiên đặt nền móng cho việc giảng dạy và dịch thuật khoa học bằng chữ Quốc Ngữ... Với căn bản Hán Học và chữ Nôm sẵn có ông nghiên cứu việc dịch thuật các danh từ khoa học của Trung Hoa và Nhật Bản đương thời, các danh từ Hán Việt sẵn có, ngôn ngữ Việt Nam hàng ngày, ngôn ngữ khoa học được quốc tế hóa. Tự Điển Danh Từ Khoa Học được hoàn thành từ năm 1939-40, được nhà xuất bản báo Trung Bắc Tân Văn ấn hành năm , tái bản năm tại Hà Nội; năm 1948, nhà xuất bản Vĩnh Bảo Saigon, năm 1951, 1952 nhà xuất bản Minh Tân Paris in lại, và rồi được tái bản hàng chục lần nữa trên hai miền Nam Bắc bao nhiêu năm qua. Tự Điển Danh Từ Khoa Học trở thành quyển sách căn bản của mọi người dạy và học môn Khoa học.

1936-1945: Ông tham gia sáng lập Hội Truyền Bá chữ Quốc Ngữ cùng Đặng Thai Mai, Phan Anh... GS Hoàng Xuân Hãn đã sáng chế phương pháp học chữ Quốc ngữ nhanh chóng bằng các bài vè, bài ca dao: "i tờ hai cái móc câu, i ngắn có chấm t(ờ) thời có ngang, ô thời đội mũ trên đầu, o thời không dấu, ơ thời có râu..." Nhờ phương pháp này việc phổ biến chữ Quốc ngữ đã tạo nên một hứng thú vui vẻ cho cả nước, sau đó ông áp dụng phương pháp ngữ âm tổng hợp mới khám phá thời bấy giờ giúp người học nhanh chóng biết đọc biết viết, phong trào thành công trong việc xóa nạn mù chữ, và lan rộng ra khắp cả nước trong suốt bao thập niên qua.

1943: Sáng lập Phân khoa Khoa học tại Đại Học Hà Nội. GS Hoàng Xuân Hãn được bổ nhiệm dạy môn Cơ Học (Mécanique).

1941: Đăng bài "Nguyễn Biểu, một gương nghĩa liệt và mấy bài thơ cuối đời Trần" trong Tập San Hội Khai Trí Tiến Đức. Tài liệu sưu tập từ hậu duệ Nguyễn Biểu đầu thế kỷ 15 là di cảo cổ nhất còn tìm lại được.

1936-1946: Tham gia soạn *Bách Khoa Từ Điển* do Hội Khai Trí Tiến Đức chủ trương, mỗi tuần đều đặn hai đêm làm việc với sử gia Trần Trọng Kim. Công việc chỉ mới xuất bản được một phần.

1945: Sau cuộc Nhật đảo chánh Pháp ngày 10-3-1945 trả lại độc lập cho Việt Nam vua Bảo Đại mời sử gia Trần Trọng Kim thành lập nội các, GS Hoàng Xuân Hãn được mời làm Bộ Trưởng Bộ Giáo Dục và Mỹ Thuật. Lần đầu tiên trong lịch sử giáo dục Việt Nam, tiếng Việt được quyết định dùng để giảng dạy. Trong một thời gian ngắn vài tuần lễ GS Hoàng Xuân Hãn đã hoàn thành cùng với các Giáo sư Trường Quốc Học Huế: Nguyễn Dương Đôn, Đào Duy Anh, Đoàn Nồng, Nguyễn Thúc Hào, Tạ Quang Bửu, Tôn Quang Phiệt, Nguyễn Xuân Nguyên (Hoài Thanh), Phạm Đình Ái, một chương trình giảng dạy Trung Tiểu học hoàn toàn bằng tiếng Việt. Một chương trình được giảng dạy trong ba tháng từ 20-4 đến 20 tháng sáu năm 1945. Kỳ thi Tú Tài cũng được thi ngay bằng chữ Quốc ngữ. Cả giáo sư và học sinh đều hăng hái tham gia nhiệt thành vào việc dạy và việc học bằng tiếng Việt. Chương trình Hoàng Xuân Hãn trở thành chương trình Trung Tiểu học làm nền móng cho việc giảng dạy bằng tiếng Việt, chương trình vẫn được áp dụng trong thời kháng chiến, trong suốt 20 năm (1954-1975) hai miền Nam Bắc đều lấy Chương Trình Hoàng Xuân Hãn làm tiêu chuẩn cho các lần bổ sung và cải cách.

1946: Truyện diễn ca *Hà Thành Thất Thủ* được nhà Sông Nhị Hà Nội xuất bản. Truyện ca tụng Tổng đốc Hoàng Diệu tuẫn tiết khi Hà Thành bị thất thủ vào tay người Pháp.

1947: *Thi Văn Việt Nam*. Nxb Sông Nhị Hà Nội. Thơ ca Việt Nam đời nhà Lê và Mạc thế kỷ 15, 16, thơ bằng chữ Nôm khám phá từ các tài liệu lưu trữ tại Trường Viễn Đông Bác Cổ.

1948: *Đại Nam Quốc Sử diễn ca*. Nxb Sông Nhị Hà Nội, khảo đính và chú giải quyển sử ca bằng thơ.

1949: *Lý Thường Kiệt*. Nxb Sông Nhị.

1951: *La Sơn Phu Tử* viết xong từ năm 1943, nhà xuất bản Minh Tân tại Pháp ấn hành năm 1951... *Lý Thường Kiệt* và *La Sơn Phu Tử* là hai công trình nghiên cứu sử học giá trị và nghiêm túc làm mẫu mực cho việc nghiên cứu sử học Việt Nam hiện đại. Nó đánh thức niềm tự hào

Dalat Landscaping

Design and Maintenance

Lic. #699783

P.O. Box 2054 (M27) Bolsa Avenue
Westminster, CA 92684

Call: MR PHƯƠNG

(714) 539-1603 • (800) 200-9848

dân tộc qua một danh tướng Việt Nam đã từng đem quân đánh qua đất nhà Tống và bình Chiêm Thành mở mang bờ cõi. Một triều đại nhà Lý hưng thịnh đã từng xây dựng một nền văn minh, văn hóa đạo lý cực thịnh trong suốt hai trăm năm.

1946: Tham chính lần cuối cùng trong Chính Phủ Liên Hiệp Quốc Dân, tham gia cuộc thương thuyết Đà Lạt với Nguyễn Tường Tam, Võ Nguyên Giáp. Cuộc thương thuyết thất bại, chiến tranh bùng nổ, chính phủ liên hiệp tan rã, việc lãnh đạo kháng chiến từ nay độc quyền bởi đảng Cộng Sản. Câu nói cuối cùng của GS Hoàng Xuân Hãn đã đi vào lịch sử:

"Hiện nay bức tường xây bằng máu của hai dân tộc Pháp Việt mới cao đến ngang vai, hai bên còn nhìn được mặt nhau, cuồng vọng muốn tách rời Nam Bộ ra khỏi Việt Nam sẽ đưa bức tường ấy lên qua đầu, chúng ta sẽ không còn nhìn thấy nhau nữa."

1946-1951: Khi cuộc chiến bùng nổ, GS Hoàng Xuân Hãn ở lại Hà Nội, thu thập, cứu vãn các văn bản các tài liệu Hán Nôm bị hủy hoại trong chiến tranh, bị bán làm giấy bồi tại các chợ, nhờ việc làm ngược đời này giáo sư đã cứu vãn được nhiều kho tài liệu lịch sử giá trị. Nhà thuốc tây của bà Hoàng Xuân Hãn là nơi tiếp tế thuốc men cho kháng chiến, trước áp lực người Pháp ông phải rời bỏ đất nước sang Pháp. Bà Hoàng Xuân Hãn cũng thu xếp sang Pháp năm 1954.

1952: Làm Việt tại Thư viện Quốc Gia Pháp, ông là người làm đề yếu toàn bộ kho sách Hán Nôm lưu trữ tại Pháp. Nhờ công việc này ông khám phá nhiều văn bản giá trị.

1954: Làm cố vấn kỹ sư cho các xí nghiệp Pháp.

1951-1996: Ông dốc tâm vào việc nghiên cứu, khảo đính các tác phẩm văn chương cổ của Việt Nam. Như *Chinh Phụ Ngâm Bị Khảo,* xác định lại bản chữ Hán của Đặng Trần Côn và bản dịch hiện hành được phổ biến là bản của Phan Huy Ích, và bản của Đoàn Thị Điểm cùng bốn bản dịch khác. Khảo cứu về Nguyễn Du ông tìm lại văn bản Kiều gần nhất với bản gốc, một công trình lớn chưa được xuất bản. Bích Câu Kỳ Ngộ, Mai Đình Mộng Ký, Văn Tế Thập loại chúng sinh, Song Tinh Bất Dạ, Lịch Việt Nam. Khảo cứu về thơ Hồ Xuân Hương, khám phá tập Lưu Hương Ký và năm bài thơ viết về Vịnh Hạ Long đồng thời xác định các bài thơ thật và giả của Hồ Xuân Hương... Một số tác phẩm được in trên tạp chí Sử Địa (Saigon), Văn Học (Hà Nội), Tập San Khoa Học Xã Hội (Paris) và còn rất nhiều bài viết bài nghiên cứu chưa được xuất bản.

GS Hoàng Xuân hãn là bậc thầy của lớp trí thức đầu tiên được đào tạo tại Việt Nam, (Trường Bưởi, trường Đại Học Khoa Học Hà Nội). Nhiều vị lãnh đạo quan trọng hai miền Nam Bắc suốt mấy mươi năm qua xuất thân là học trò GS Hoàng Xuân Hãn, người đã đặt nền móng cho việc giảng dạy tiếng Việt, người đã cứu vãn biết bao công trình văn hóa của tổ tiên.

Giáo sư Hoàng Xuân Hãn mất đi, trí thức Việt Nam mất đi một bậc thầy có thể sánh với các cụ Chu Văn An, Nguyễn Bỉnh Khiêm (Tuyết Giang Phu Tử), Nguyễn Thiếp (La Sơn Phu "Tử), Lê Quý Đôn, Nguyễn Đức Đạt, Trần Đình Phong...

Sống tại Paris tôi có nhiều dịp tiếp xúc với GS Hoàng Xuân Hãn từ lúc còn là sinh viên đi tìm tài liệu Viết về Giáo Dục Việt Nam thời Pháp thuộc (trước 1945) và luận án tiến sĩ Viết về Giáo Dục Miền Nam (1954-1975). Trong các dịp nghỉ hè tại Dã Thự Cam Tuyền nơi Bác Hãn về nghỉ mỗi mùa hè, tôi được nhiều lần đàm đạo thơ văn và đi dạo với Bác trong vườn. Tôi kính phục Bác Hãn có tư cách một chính nhân quân tử thấm nhuần Nho học, một tư tưởng cởi mở phóng khoáng thấm nhuần tư tưởng Tây học và một tấm lòng từ bi nhân ái thấm nhuần Phật học. Tôi gọi Giáo sư là Yên Hồ Phu Tử với lòng tôn kính một bậc thầy của trí thức Việt Nam vừa mới qua đời. Lễ hỏa táng cử hành ngày 14-3-1996 tại Les Ulis và tro cốt được nhập tháp Niết Bàn chùa Trúc Lâm Villebon sur Yvette ngoại ô Paris. Thân xác Bác Hãn đã trở về cát bụi nhưng tinh anh vẫn còn mãi mãi trong tâm thức kẻ sĩ Việt Nam.■

Paris 14-3-1996

BÍ MẬT CỦA PHAN THIÊN ÂN NGƯỜI GIÀU NHẤT THẾ GIỚI

Hơn tám ngàn cuốn sách đã được phân phối. MỘT KỶ LỤC. Muốn chia sẻ sự kỳ diệu của một hành trình đầy ý nghĩa, và tìm cho mình một thanh bình trong tự do và thịnh vượng, hãy thư về:

PO Box 915
Los Alamitos, CA 90720, USA.

Kèm $5.00/một cuốn, hay xin biếu không nếu không đủ tài chánh.

THƠ HỒ XUÂN HƯƠNG ĐỀ VỊNH HẠ LONG

GS HOÀNG XUÂN HÃN

Tài nữ Hồ Xuân Hương, trong khoảng ba năm (1815-1818), đã sống tại trấn lị Yên Quảng, cùng chồng, Trần Phúc Hiển tham hiệp trấn ấy. Trước cảnh trí thần kỳ vĩ đại thiên nhiên của bể Hoa Phong, lẽ nào thi sĩ không đề một bài thơ. Trước thì truyền khẩu sau thì sách in mới đã ngoa truyền nhiều thơ và nhiều đoạn đời tư của nữ sĩ. Thế mà không hề nghe nói đến chuyện chồng là một vị quan lớn bị xử tử và nghe truyền một bài thơ nào về vịnh Hạ Long. Cái sự không dám mong đã may mắn đến cho tôi: là đã thấy năm bài thơ bằng Hán văn của Nàng về vịnh Hạ Long, trong trường hợp sau.

Vào năm 1952, tôi đã giúp làm những đề yếu các sách Hán Nôm của thư khố quốc lập Pháp. Tôi đã để ý đến một tập sách chép tay, nhan đề ĐẠI NAM DƯ ĐỊA CHÍ ƯỚC BIÊN, không đề tên tác giả. Đó là một loại tóm tắt tập Đại Nam Thống Nhất Chí. Sách chia làm bốn quyển. Mục cuối về tỉnh Quảng Yên. Cuối có phụ sau bài thơ Hán văn luật Đường và có ghi tên tác giả, là HỒ XUÂN HƯƠNG. Hình như nguyên có tám bài, nhưng trang cuối bị mất. Sửng sốt và cảm động của tôi không cần phải tả. Đọc qua bài đầu đã thấy là thơ đề vịnh cảnh trí Hạ Long. Chép vào sử mục Quảng Yên thì là đúng chỗ, chứ không phải thơ ngoài lạc vào đây. Lại nhớ chuyện Xuân Hương từng đã ở Quảng Yên, tôi chắc bụng rằng các thơ này quả thật nữ sĩ làm ra, chứ không phải người sau giả gán. Tìm thấy thơ chân thật của Xuân Hương, dầu là thơ bằng Hán văn, sẽ có thể cho ta biết đích xác một vài khía cạnh phong thái và thân thế nữ sĩ.

Sau đó tôi xét toàn bộ sáu bài, thì thấy bài cuối không liên hệ đến vịnh Hạ Long, và là tác phẩm của người khác. Vậy tôi sẽ dịch năm bài đầu ra quốc âm bằng văn xuôi với chú thích ít nhiều. Bản dịch thơ do nhà thơ Nhất Uyên dịch nhân dịp xem bản thảo tôi viết tại Dã thự Cam Tuyền (Trouville) ngày 4-8-1984. Đại để văn bản khá tốt, viết lối chân phương. Ít chữ hơi thảo nhưng dễ đọc, có một vài chữ khả nghi thì tôi sẽ mách sau. Các bài không đề mục. Về mỗi bài, tôi sẽ trích ba chữ liền can trọng để làm dấu cho người đọc sau này dễ nhận.

NHÃN PHÓNG THANH

Vi mang loa đại tháp thương minh
Đáo thử tu giao nhãn phóng thanh
Bạch thủy ma thành thiên nhẫn kiếm
Hàn đàm phi lạc nhất thiên tinh
Quái hình vị dĩ tiêu tam giáp
Thần lực hề dung tạc Ngũ Đinh
Phảng phất vân đồi đầu ám điểm
Cao tăng ưng hữu tọa đàm kinh

Dịch nghĩa xuôi:

Mầu lam nhạt mờ mờ nối trời xa với bể xa

Đến đây, tưởng như trong mắt tỏa sắc xanh ra,

Nước bạc mài đá thành nghìn mũi gươm nhọn,

Giữa đầm vắng hình như có một sao trời sa xuống

Vách đá hình kỳ quái không dễ dùng làm bảng đề danh kẻ đỗ đại khoa,

Nếu không sức thần thì sao tạc nỗi tượng lực sĩ hùng dũng như vậy

Phảng phất mây xuống thấp, phía trên đã xẩm tối;

Chắc đã có vị cao tăng ngồi yên lặng tụng kinh.

Chú thích: *(Theo thứ tự từng câu - TS)*

1. *Loa đại:* là một thứ bột màu lam xưa dùng để chế thứ mực xanh vẽ lông mày. Tác giả cố ý dùng chữ loa ở đây vì nghĩa nó là ốc.

2. Ý câu này là: đến đây, nhìn đâu cũng thấy màu xanh, mình có cảm tưởng chính mắt mình phát màu xanh ra, chứ không phải vật ngoài có màu ấy.

3. *Nước trắng:* trỏ nước bể thường có sóng bạc, chứ không phải trỏ riêng sóng. Sóng vỗ vào chân lèn làm hom chân, chứ không mài nhọn đá.

4. *Sao sa:* Nếu vế này tả cảnh ban ngày thì phải hiểu rằng mặt nước long lanh phản xạ tia sáng tung tóe lên như có sao sa xuống, nếu nghĩ rằng nó tả cảnh ban đêm thì có lẽ muốn nói sắc lân tinh lập lòe trên mặt nước.

5. *Tam giáp:* trỏ ba bậc đậu thi Đình đời xưa: Nhất giáp có ba nấc: Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa; Nhị giáp tức là Hoàng giáp; Tam giáp tức là tiến sĩ.

6. *Nhũ Đinh:* tên một lực sĩ trong thần thoại. Tương truyền đời xưa vua Tần hiến cho vua

Thục một gái đẹp. Vua Thục sai lực sĩ Ngũ Đinh đi đón; trên đường thấy một con rắn lớn, bò vào hang đá, Ngũ Đinh đuổi theo, bị đá sập đè chết. Sau bị hóa ra tượng đá khổng lồ. Tác giả mượn hai việc liên quan đến tảng đá và tượng đá để ngụ ý đến những hình thù vĩ đại, kì dị, hùng tráng của các đảo lèn, nhất là khi trời gần tối.

Phẩm bình:

Bài này bắt đầu biểu diễn trực tiếp ấn tượng màu sắc xanh lè của khung cảnh vịnh Hạ Long khi trời nắng. Nhưng sau đó, tác giả đã đem cảm tưởng chuyển qua lý trí, ký ức hay tưởng tượng để chuyển nên lời. Vì vậy mới có những hình ảnh: nước mài kiếm, sao sa tóe sáng, thần nhân đẽo tượng, nhà sư tụng kinh. Cũng vì thế mà văn thành gò bó, nhất là khi phải tìm chữ để đối chọi cho cân trong bốn vế giữa. Ví như đây, nghĩ ra điển lực sĩ Ngũ Đinh hóa đá thì cũng khá tự nhiên. Nhưng phải tìm chữ để đối chọi cho cân, thì mới phát ra ý "Tam giáp" mà nghĩ tới những tấm bia Tiến sĩ. Lối thơ Đường luật thường bị tập quán cử nghiệp làm thêm mất vẻ hồn nhiên.

Bản dịch thơ luật đường của Nhất Uyên:

Mắt tỏa xanh

Xanh ngát trời xanh nối biển xanh
Mà ngỡ về đây mắt tỏa xanh
Nước bạc đá mài nghìn kiếm sắc,
Đầm lạnh xa rơi một sao băng
Quái hình không dễ đề Tam Giáp
Thần lực nào ai tạc Ngũ Đinh
Phảng phất mây buông trời sụp tối,
Cao tăng đâu đấy tụng thời kinh.

THỦY VÂN HƯƠNG

Vân căn thạch đậu tự phong phòng
Mãn mục sơn quang tiếp thủy quang
Thiệp hải tạc sơn si Lý Bột
Phụ chu tàng hác bái Nguyên Chương
Loa ngân tịch tể lân tuân xuất
Vụ ảnh triêu mê thứ đệ tàng
Mạn thuyết ngư nhân chu nhất diệp
Sổ trùng môn hộ Thủy Vân hương.

(Chú: Xuất Trang Tử Nam Hoa Kinh)

Dịch nghĩa xuôi:

Dưới chân mây bày hang đá như tổ ong
Đầy mắt thấy ánh sáng trên núi tiếp với ánh sáng dưới nước,
Vượt bể để đi đục núi như Lý Bột thì thật là ngây,
Đội thuyền lên cạn giấu trong hang như Nguyên Chương thì đáng phục,
Buổi chiều trời tạnh, sóng gợn lăn tăn hiện ra,
Ban sáng màn mù che núi lần lượt rút lui.
Vui chuyện bảo rằng người chài dong chiếc thuyền kia
Đang len lỏi qua nhiều từng cửa tìm vào làng Tiên.

(Chú: hai vế 3 và 4 lấy điển ở sách Nam Hoa Kinh của Trang Tử)

Chú thích:

3. *Vượt bể đục núi:* trỏ sự làm khó nhọc mà vô ích. Sách Nam Hoa Kinh, thiên Ứng Đế Vương, có "Thiệp hải tạc hà", nghĩa là vượt bể đào sông, tức đào sông dưới bể là một chuyện vô lý. Đây tác giả chỉ mượn một phần chữ sách Nam Hoa Kinh để ám chỉ những hang, động, lối thông đục thiên nhiên trên nhiều đảo.

4. *Đội thuyền giấu trong hang núi:* nguyên trong Nam Hoa Kinh có câu ấy (thiên 6, Đại Tông Sư), nhưng với ý rằng làm như vậy tưởng là chắc chắn, nhưng khi ngủ có kẻ trộm mất mà không biết. Trong thi văn xưa, ý giấu thuyền trong hang núi là ngụ ý kẻ đi ẩn không muốn để dấu lại. Có lẽ tác giả dùng ý này.

5. *Loa ngân:* dấu ốc, hoặc trỏ tăm của các loài thủy tộc nổi lên thành sóng nhỏ, hoặc trỏ sóng nhỏ hình tròn trên nước lặng.

8. *Thủy Vân hương:* nghĩa đen là làng nước mây, xứ ở trên nước, giữa mây, cũng là ngôn từ trỏ chốn Tiên.

Phẩm bình:

Trong câu phá, tác giả đã gợi một hình ảnh mới là so sánh hình nhiều động núi với tổ ong. Nhưng rồi phải qua những sáo ngữ để ngụ ý có nhiều hang động trên những đảo, dường như có kẻ điên rồ đã tạc, hoặc có người cao sĩ đến đó để lánh trần. Trong văn bản có chú thích rằng lời rút từ Nam Hoa Kinh, nhưng chưa chắc đó là lời tác giả tự chú, vì các điển dùng sau sáo ngữ ấy không có trong sách Nam Hoa Kinh. Theo tôi thì Xuân Hương đã dùng từ và điển từ những thi văn Trung cổ và cận đại mà thôi. Cuối cùng thi nhân quay trở lại với cảnh trực quan: sóng, mù, mây, nước cho nên lời văn lại nhẹ nhàng hơn.

Sau đây là bản dịch thi luật Đường của Nhất Uyên:

Về chốn nước mây

Chân mây bờ đá tựa tổ ong
Ánh nước ánh non đầy mắt xanh
Vượt bể tạc non cười Lý Bột
Đội thuyền giấu động phục Nguyên Chương
Chiều êm gờn gợn vời con sóng
Sáng nhạt mù tan lộ núi trong
Cười bảo ngư nhân thuyền một lá
Len muôn kẽ đá kiếm non Bồng.

(Trích bản di cảo **Thơ Hồ Xuân Hương** của GS Hoàng Xuân Hãn)■

CÓ AI Ở NGOÀI ĐÓ KHÔNG?

SƠN ĐIỀN NGUYỄN VIẾT KHÁNH

Đi tìm sự sống ở ngoài Thái Dương Hệ của chúng ta, trong vũ trụ bao la như vô cùng tận. Đó là vấn đề gây sôi nổi trong giới khoa học Thiên Văn từ mấy tháng nay, nguyên nhân không phải vì đột nhiên có những đĩa bay, những vật lạ (UFO) bay trên trời gây nhiều tranh cãi, mà chỉ vì có một sự phát hiện không thể chối cãi: người ta đã tìm thấy những hành tinh ở bên ngoài hệ Mặt Trời.

Tư thế và vị trí của con người trong vũ trụ đã sút giảm một cách thê thảm. Từ thời xa xưa, chúng ta đã tự nhận chúng ta "đầu đội trời, chân đạp đất", trong thế gian này chỉ có chúng ta là loài thông minh cao nhất, quanh chúng ta có sự sống nhưng đó là sự sống của thảo mộc, súc vật, muông thú, ruồi muỗi mà chúng ta thường khi rẻ. Sau thời Trung cổ bên Âu châu, chúng ta vẫn tưởng ngôi nhà chúng ta ở - Địa Cầu - là rốn của vũ trụ và trong trời đất này chỉ có một mình ta. Rồi đến thế kỷ thứ 16 khi khoa học Thiên văn hiện đại manh nha với những thiên lý kính thô sơ nhìn lên bầu trời, chúng ta đã hiểu Trái Đất không nằm chính giữa trời mà chỉ là một hành tinh quay xung quanh Mặt trời như một con gà con chạy xung quanh con gà mẹ.

Ngày nay chúng ta hiểu chúng ta chỉ là một hạt cát. Không phải con người chỉ là một hạt cát, mà Địa Cầu và cả Thái Dương Hệ, nghĩa là ông Mặt Trời nằm giữa và 9 hành tinh quay xung quanh rộng lớn như vậy tóm gọn lại cũng chỉ là một...hạt cát giữa một cái biển cát mênh mông có tên là vũ trụ.

Những hành tinh bên ngoài Thái Dương Hệ

Có lẽ nào chỉ có một mình ta? Câu hỏi đó không còn là chuyện thần bí hay hoang đường nữa, có lẽ nó đã được đặt ra một cách nghiêm chỉnh từ khi, vào thế kỷ 17, các ông tổ của ngành Thiên văn hiện đại dùng ống kính nhòm thấy núi trên Mặt Trăng và những hành tinh khác cũng là những trái cầu tròn như Địa Cầu. Khoa học càng phát triển, trí tưởng tượng của con người càng mở rộng. Từ đầu thế kỷ này, người ta đã có những tưởng tượng dựa trên căn bản khoa học như con người bay lên Mặt Trăng để thám hiểm và "người" trên Hỏa Tinh bay đến xâm lăng Địa Cầu.

Ngày nay chúng ta đã thực sự đi tìm bạn trong vũ trụ. Từ hơn ba chục năm nay các nhà khoa học đã thi hành những chương trình rất tốn kém để "nghe" và "nhìn" xem có ai giống như chúng ta trong vũ trụ hay không. Tại sao người ta cần phải làm việc đó?

Chúng ta hãy nhìn đến bản năng và thân phận của con người. Cái bản năng thiên phú đó rất giản dị: con người là loài ham hiểu biết. Còn cái thân phận thật đáng buồn. Chúng ta cũng giống như một anh chàng bị giam trong cát-sô, một loại hầm đá kiên cố nằm dưới một tòa lâu đài lãnh chúa thời Trung cổ. Khi tỉnh giấc, anh chàng chỉ thấy có một mình giữa bốn bức tường đá âm u. Không lẽ chỉ có một mình ta bị giam ở chốn này, anh ta tự hỏi vì biết mọi tòa lâu đài đều có nhiều cát-sô chớ không phải chỉ có một. Anh lấy tay đập vào tường đá để tìm bạn đồng cảnh ngộ và hi vọng sẽ có tiếng đập trả lời. Khốn thay. đập mãi mà không thấy hồi âm. Không lẽ chỉ có mình ta, có lẽ chỉ vì tường đá quá dày nên không ai nghe thấy mà thôi. Loài người chúng ta hiện cũng đang ở trong hoàn cảnh này.

Nhưng bây giờ tình hình đã đổi khác. Chúng ta vẫn chưa tiếp xúc được với "bạn" nào trong vũ trụ, nhưng chúng ta đã biết và nhìn thấy có nhiều hầm đá, không biết cơ man nào mà kể và những kiến thức mới nhất cho chúng ta hiểu chắc chắn có người.

Việc tìm bạn trong vũ trụ có hai lãnh vực: nghe và nhìn. Nghe là nghe xem có loài nào có óc thông minh và kỹ thuật tương tự như chúng ta dùng các làn sóng điện từ như các sóng radio và TV để giao thông với nhau trên các hành tinh của họ không. Việc này khởi xướng từ hơn 30 năm nay vẫn chưa có kết quả, chúng tôi xin để một dịp khác sẽ đi vào chi tiết nhiều hơn. Ở đây chúng tôi chỉ bàn đến lãnh vực "nhìn", giản dị là nhìn xem có hành tinh nào khác trong vũ trụ hay không. Chúng ta đã biết trong vũ trụ có nhiều vì sao, mỗi vì sao là một mặt trời cũng giống như vầng Thái Dương của chúng ta. Cố nhiên không có loài sinh vật nào sống trên những trái cầu lửa đó, họ chỉ có thể sống trên các hành tinh quay xung quanh các vì sao cũng như chúng ta sống trên Trái Đất xoay xung quanh Mặt Trời. Vậy trước khi đi tìm bạn làm quen, việc đầu tiên là phải xem có "nhà" của bạn hay không. Bởi vậy.chúng ta đi tìm hành tinh.

Từ tháng 10 1995, người ta đã tìm thấy ba

hành tinh. Đó là một hành tinh ở ngôi sao số 47 trong chòm sao Ursa Major (ta vẫn gọi là Đại Hùng Tinh), hành tinh thứ hai là ở ngôi sao số 70 trong chòm Virgo (chòm Trinh Nữ), và hành tinh thứ ba ở ngôi sao số 51 trong chòm Pegasus (chòm Thiên Mã).

Mặt Trời của chúng ta và 9 hành tinh nằm trong giải Ngân Hà (galaxy) và trong Ngân hà này có khoảng 400 tỷ ngôi sao lớn nhỏ, hình dạng và nhiệt độ khác nhau, nhưng chỉ có khoảng 100 tỷ ngôi sao tương tự như Mặt Trời của chúng ta. Trong vũ trụ cũng có đến hàng trăm tỷ, có thể cả ngàn tỷ galaxies khác (tạm dịch là Thiên Hà cho khác với Ngân Hà của chúng ta) và cố nhiên trong mỗi thiên hà đó cũng có cả hàng trăm tỷ ngôi sao. Các vì tinh tú trong vũ trụ biết cơ man nào mà kể, vậy cớ sao chỉ mới nhìn thấy có ba ngôi sao có hành tinh?

Vấn đề là "nhìn" hành tinh không dễ như nhìn các ngôi sao, hay các thiên hà, dù chúng có ở xa chúng ta đến hàng tỷ năm ánh sáng.

Kỹ thuật tìm hành tinh.

Ngôi sao lớn và phát ra ánh sáng, hành tinh nhỏ và không phát ra ánh sáng. Thí dụ Mặt trời của chúng ta lớn bằng một trái bưởi, hành tinh Địa Cầu chúng ta ở chỉ lớn bằng một trái quất. Nhìn thấy một bóng đèn điện cháy sáng ban đêm ở xa chúng ta 10 dặm là chuyện dễ, nhưng thử hỏi làm thế nào nhìn thấy một vài con muỗi đang bay quanh bóng đèn đó.

Việc đi tìm hành tinh ngoài Thái Dương Hệ bắt buộc phải khởi sự từ những ngôi sao tương đối ở gần chúng ta trong khoảng cách từ 100 năm ánh sáng trở lại. Muốn nhìn rõ vấn đề này, chúng ta phải hiểu hình dạng và kích thước của giải Ngân Hà cũng như vị trí của Thái Dương Hệ ở trong Ngân Hà.

Trước hết chúng tôi xin nhắc lại cái thước dùng để đo các khoảng cách trong vũ trụ. Người ta dùng một thước đo gọi là "năm ánh sáng", nghĩa là khoảng cách mà ánh sáng truyền đi được trong một năm với tốc độ 300,000 cây số một giây đồng hồ. Như vậy năm ánh sáng bằng 5,878,000,000,000 dặm (hay 9,457,702,000,000 cây số). Để dễ nhớ chúng ta chỉ cần biết năm ánh sáng bằng gần 9 ngàn 500 tỷ cây số.

Giải Ngân Hà của chúng ta cũng giống như phần lớn các thiên hà khác là một khối sao xếp lại với nhau thành hình tròn và dẹt như một cái bánh tráng, ở giữa phồng lên, còn càng ra đến ngoài càng dẹt xuống. Bánh tráng có hai cánh tay và vì thiên hà tự nó xoay tròn như bánh xe nên hai cánh tay cụp lại theo chiều quay của thiên hà. "Bánh tráng" Ngân Hà có đường kính dài 100,000 năm ánh sáng, ở chính giữa, nơi phồng lên nhất bề dày đo được 10,000 năm ánh sáng. Thái Dương Hệ nằm trong một của hai cánh tay cụp, tính từ trung tâm Ngân Hà, ở khoảng 2/3 đoạn đường ra đến mép Ngân Hà. Nay chúng ta mới chỉ tìm hành tinh trong khoảng rộng đường kính 100 năm ánh sáng, điều đó chỉ có nghĩa đại khái là trên cái bánh tráng Ngân Hà, hạt mè Thái Dương Hệ - trong đó có Địa Cầu - mới chỉ dám nhìn có khoảng 1 cen-ti-mét xung quanh mà thôi. Xa nữa, chưa đủ kỹ thuật nhìn.

Gọi là "nhìn" cũng không đúng lắm. Cho đến nay, ít ra cho đến lúc chúng tôi viết bài này, chưa có ống kính thiên văn nào chụp hình được một hành tinh ngoài Thái Dương Hệ, nói chi đến dòm thấy nó. Vậy làm sao nói là biết có nó và biết chắc?

Bạn muốn
đi ngao du khắp thế giới?

AV TRAVEL & NETWORK
10900 Westminster Ave., Suite 9
Garden Grove, CA 92643
(714) 537-2200
FAX # (714) 741-2900
(góc Euclid & Westminster, trong khu chợ VANCO)
Mở cửa 7 ngày.

Xin gọi cho Nga hay Phượng (714) 537-2200

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ
EDWARD REID

CHUYÊN MÔN VỀ TAI NẠN

- BẤT CỨ TAI NẠN GÂY THƯƠNG TÍCH
- HỒ SƠ ĐƯỢC THEO DÕI THƯỜNG XUYÊN VÀ GIẢI QUYẾT NHANH CHÓNG
- CHỈ NHẬN THÙ LAO SAU KHI ĐƯỢC BỒI THƯỜNG

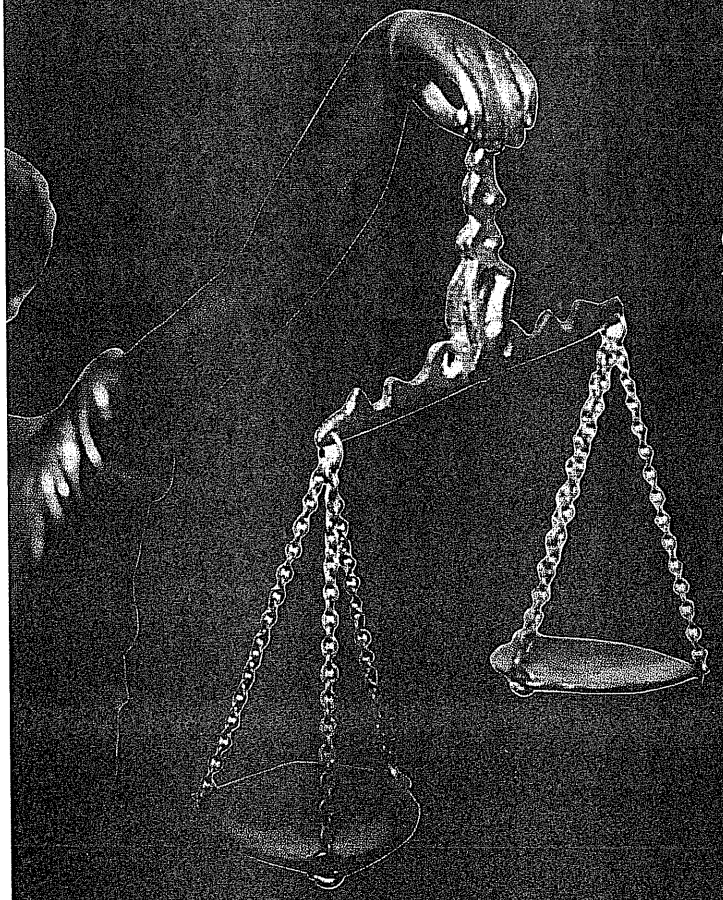

Quý vị cần có một luật sư tận tâm, uy tín. Với rất nhiều năm kinh nghiệm hùng biện trước tòa án, luật sư sẽ bảo vệ quyền lợi tối đa cho thân chủ.

Văn phòng có Cô NHƯ LAN sẽ hướng dẫn và giúp đỡ quý vị tham khảo trực tiếp với luật sư để giải quyết mọi thắc mắc và khó khăn thiệt hại đến đời sống hằng ngày của quý vị. Khi có tai nạn, xin quý vị trực tiếp liên lạc ngay với văn phòng để bảo đảm được lệ phí luật sư thấp và hợp lý.

ĐỊA ĐIỂM THUẬN LỢI

ORANGE COUNTY **(714) 379-8333**

LOS ANGELES COUNTY **(310) 434-4421**

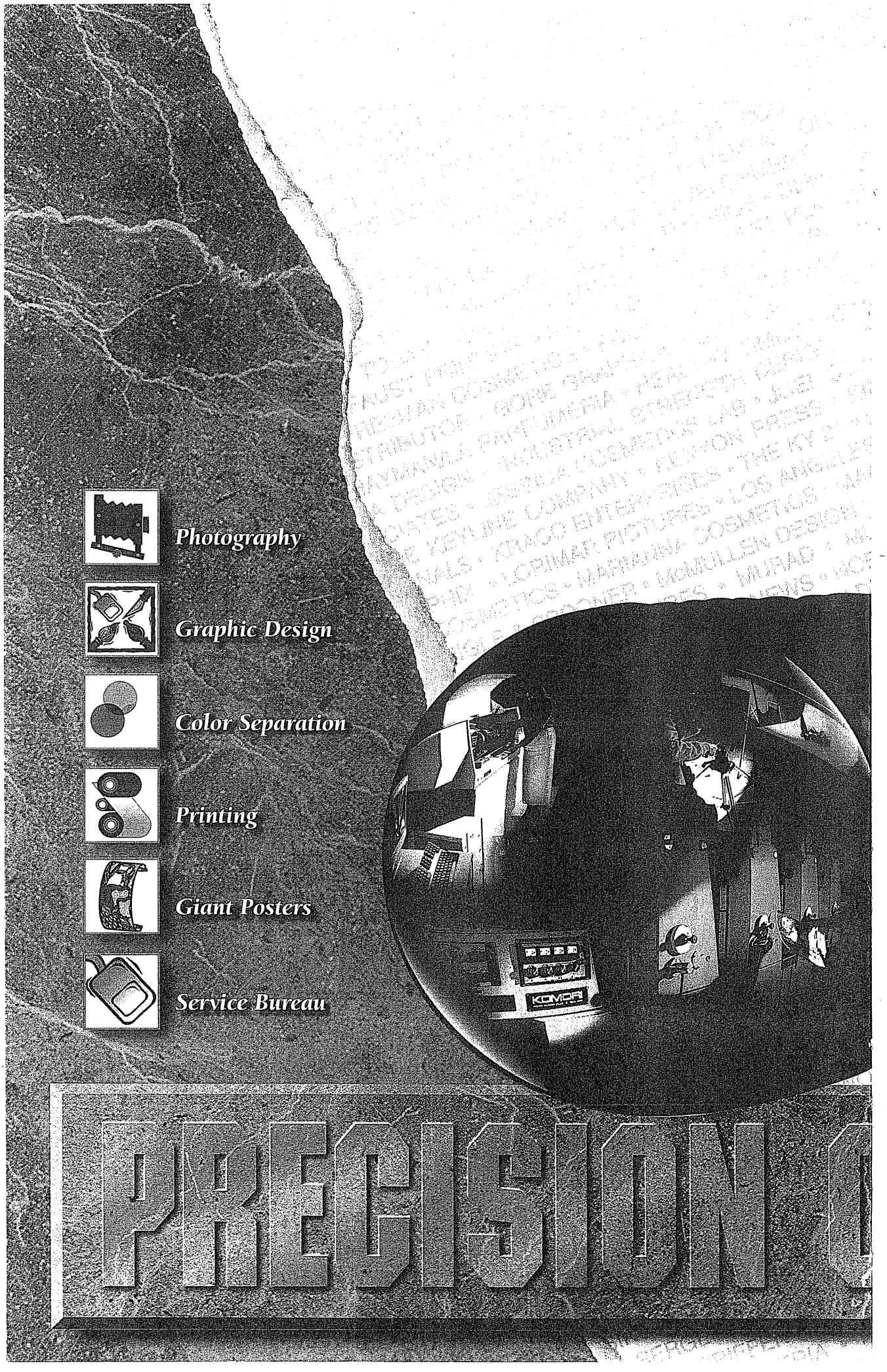
Photography
Graphic Design
Color Separation
Printing
Giant Posters
Service Bureau
KOMORI
PRESSION

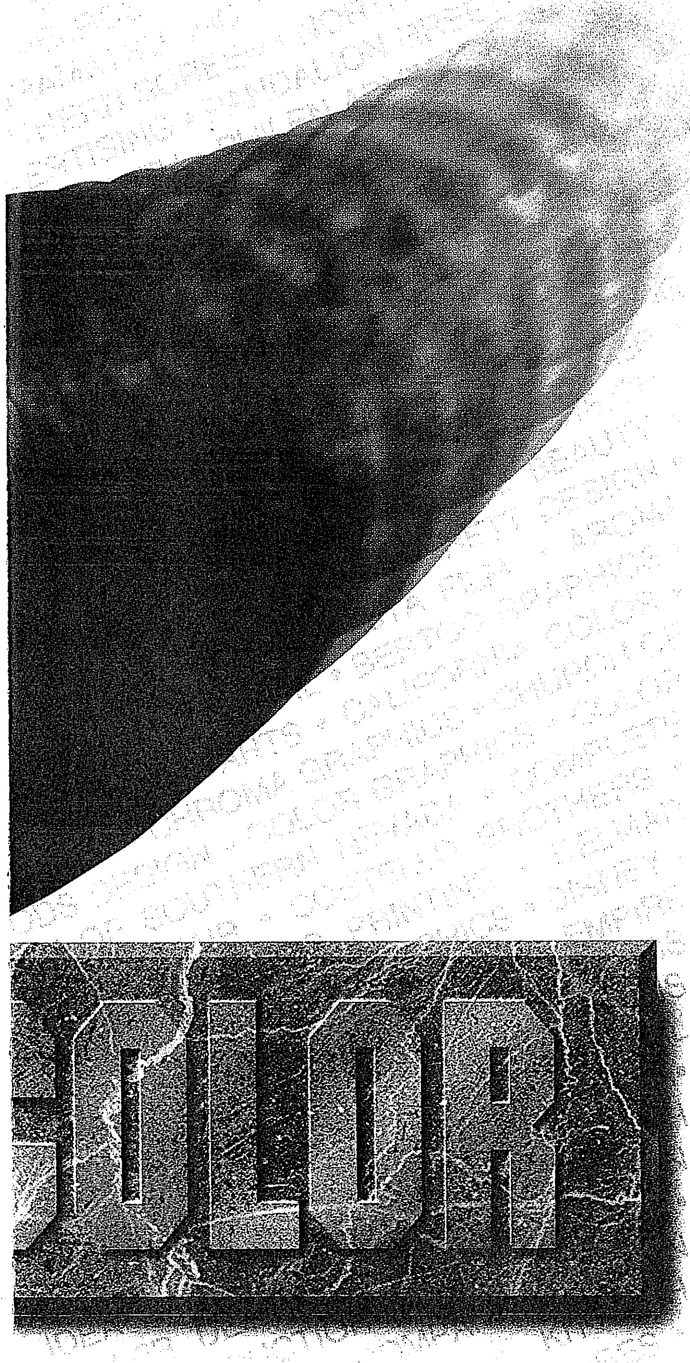

We've set a new standard

[illegible]

Họa sĩ Nguyễn Thị Hợp
Họa sĩ Nguyễn Đồng

[illegible]

Dennis Dannehl
Los Angeles Photographer

[illegible]

Mustafa Farooqi
US LIGHTS. President

[illegible]

Mike Nguyễn
Ban Tổ Chức Hội Chợ Tết

818-937-6886

15703 East Valley Blvd. City of Industry, CA 91744

Diễm Xưa
PRODUCTIONS

Hân hạnh giới thiệu đến quý vị những CD mới năm 1996
Đã Phát Hành Khắp Nơi

VŨ KHANH
Ở Đâu Cũng Có Em

LA SƯƠNG SƯƠNG
Tình Đầu

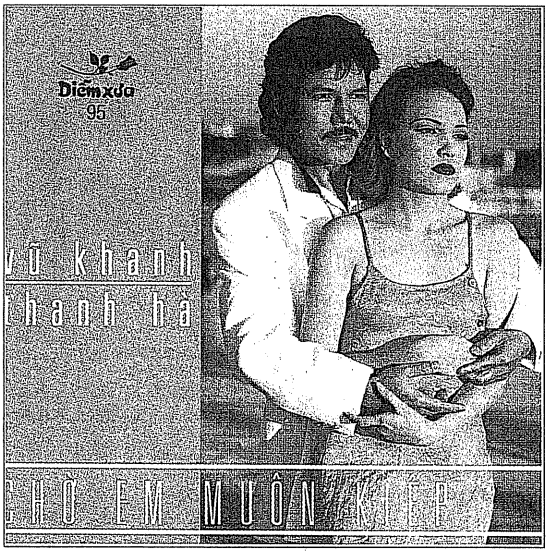

VŨ KHANH - THANH HÀ
Chờ Em Muôn Kiếp

DIỄM XƯA ĐẶC BIỆT (2CD)
20 Năm Chiếc Áo Dài Viễn Xứ

TRUNG TÂM DIỄM XƯA

P.O.BOX 26217 SANTA ANA, CA 92799 * Tel: (714) 894-9432

Kỹ thuật như thế này. Các ngôi sao là những khối hơi giống như Mặt trời. Đó là một khối hơi nên mật độ vật chất bên trong coi như loãng, nhưng đó là khối hơi khổng lồ nên nếu nén lại, nó vẫn là một khối vật chất rất nặng, đủ lực hấp dẫn để hút các hành tinh như Trái Đất quay tròn xung quanh nó. Nhưng ngược lại cũng vì là một khối hơi bập bồng, nên các vì sao cũng bị các hành tinh hút, dù là rất nhẹ nhưng cũng đủ làm trái cầu hơi méo đi một chút.

Chúng ta hãy tưởng tượng có một hành tinh quay xung quanh một ngôi sao như vậy và quỹ đạo của nó nằm theo đường phẳng ngang tầm nhìn của chúng ta. Khi hành tinh ở phía bên kia ngôi sao (so với tầm nhìn của chúng ta) khối hơi sáng ngôi sao bị méo xa về phía đó một chút, còn khi hành tinh chạy đến bên này, khối hơi sáng ngôi sao lại bị kéo méo gần về phía bên này một chút. Khi một khối phát sáng bị kéo đi kéo lại như vậy, dù chỉ nhích đi một chút thôi, cũng đủ tạo ra một hiện tượng về quang học gọi là Doppler. Khi nguồn sáng bị méo đi, bước sóng (wave length) ánh sáng đến mắt chúng ta sẽ thay đổi rất nhỏ gọi là độ chuyển dịch Doppler. Nếu nó méo về phía chúng ta, bước sóng ánh sáng sẽ bị ép lại và ngắn hơn, có nghĩa là ánh sáng sẻ nhích về phía mầu xanh. Còn nếu nó méo về phía xa chúng ta, bước sóng ánh sáng sẽ bị kéo dài ra, hậu quả là khi đến mắt chúng ta, ánh sáng sẽ nhích về phía mầu đỏ. Chính sự dịch chuyển về mầu đỏ như vậy của ánh sáng các thiên hà xa thẳm đã khiến các nhà vũ trụ học biết chúng đang chạy ra xa chúng ta với một tốc độ ghê hồn và hiểu rằng vũ trụ đang giãn nở.

Nhưng bước sóng chạy của các thiên hà là những bước đi của người khổng lồ. còn bước sóng dịch chuyển của các khối hơi ngôi sao bị méo chỉ là bước đi của con kiến (đi tới đi lui) làm sao mà đo cho được? Người ta dùng một máy gọi là quang phổ kế (spectrometer), và với những tiến bộ kỳ diệu của kỹ thuật học ngày này, người ta đã có những quang phổ kế thần diệu đến độ đo được những bước sóng chuyển dịch chỉ nhỏ bằng chân của một con... vi trùng, nếu nó có chân.

Nhờ những quang phổ kế tối tân như vậy, người ta còn có thể biết hành tinh kéo méo các ngôi sao nặng nhẹ bao nhiêu, hình dạng như thế nào và nó chạy quanh ngôi sao ở quỹ đạo xa bao nhiêu.

Những vấn đề của cấu tạo hành tinh

Những khám phá mới tạo ra những câu hỏi mới. Người ta đã biết về hành tinh sao 47 chòm Đại Hùng Tinh, cách xa Địa Cầu lối 35 năm ánh sáng, như sau: hành tinh lớn bằng hai lần Mộc Tinh (Jupiter) chạy trên quỹ đạo cách xa mặt trời của nó 306 triệu cây số. Mộc Tinh là hành tinh lớn nhất trong Thái Dương Hệ, đường kính 142,000 cây số, trong khi Địa Cầu chỉ có 12,760 cây số. Mộc Tinh là một quả cầu hơi, bên trong có lõi nhỏ có thể rất cứng. Người ta nghĩ hành tinh sao 47 Đại Hùng Tinh cũng chỉ là một khối hơi gồm các loại hơi độc như hydrogen sulfide, ammonia và methane mà thôi.

Hành tinh ở sao 70 chòm Xử Nữ còn lớn hơn nữa, gấp 6 lần Thổ Tinh với các điều kiện khắc nghiệt cũng như vậy. Nó chạy quanh cách mặt trời của nó 72 triệu cây số. Nó cách chúng ta khoảng 70 năm ánh sáng.

Đến hành tinh của sao 51 chòm Thiên Mã mới lạ, nó nằm cách mặt trời của nó có 8 triệu cây số. Gần như vậy có nghĩa là bề mặt của hành tinh này phải nóng đến 1,300 độ C. Nên nhớ Trái Đất cách Mặt Trời 150 triệu cây số. Chòm Thiên Mã cách chúng ta 45 năm ánh sáng.

Nếu vậy trên 3 hành tinh mới tìm thấy làm gì có người ở? Ở đây vấn đề ưu tiên không phải là tìm "người" mà là tìm hành tinh.

Trước hết người ta nhận thấy hành tinh rất dễ thành hình, trong những điều kiện khắc nghiệt nhất mà hành tinh vẫn có, điều đó cho thấy vấn đề hành tinh là quy luật chung cho mọi ngôi sao, chớ không phải là điều ưu đãi cho một ngôi sao nào. Đã có sao là phải có hành tinh. Thứ hai một dấu hỏi lớn: hành tinh ở chòm Thiên Mã chỉ cách mặt trời có 8 triệu cây số, phải chăng chính nó cũng là một mặt trời, nhưng vì quá nhỏ nên không tự tạo được phản ứng hạt nhân để phát sáng thành sao, rút cuộc phải hóa thành hành tinh. Nên nhớ trong vũ trụ rất thường có những sao đôi, sao ba cuốn lấy nhau. Vậy hành tinh là gì, nếu không phải là những mặt trời...bất thành? Phải chăng Địa Cầu của chúng ta cũng là một ngôi sao bất thành sao dạng?

Nhưng công cuộc đi tìm hành tinh chỉ mới bắt đầu. Người ta dự liệu chỉ bằng những phương tiện hiện nay, trong hai năm tới ít nhất cũng tìm thêm được cả chục hành tinh mới nữa trong vũ trụ.

Vào năm 2010, cơ quan NASA sẽ phóng vào không gian một loạt những thiên văn kính phối hợp qua giao thoa kế (interferometer) bay ở ngoài quỹ đạo của Mộc Tinh để tìm hành tinh ngoài Thái Dương Hệ. Với loại máy tối tân này, người ta không những có thể tìm thấy hành tinh mau lẹ, mà còn có thể chụp hình được chúng, kể cả những núi non hay biển cả của chúng. Đây cũng ví như cách xa ngàn dặm, người ta có thể chụp hình được một cái lông chân của con...kiến.

Chúng tôi sẽ trở lại vấn đề tìm hành tinh và tìm người trong không gian trong những bài tới.■

April 10, 1996

NÓI CÓ SÁCH, MÁCH CÓ ẢNH

NGUYỄN THỊ CHÂN QUỲNH

"Nói có sách, mách có ảnh" là phụ đề bài: "Ai là Chủ khảo trường Hà Nam khoa Đinh Dậu?" trong đó tôi dựa vào Hồi ký của Paul DOUMER và thứ nhất là vào loạt ảnh chụp lễ xướng danh trường Hà Nam khoa Đinh Dậu (1897) để chứng minh rằng chủ khảo khoa 1897 chính là Cao Xuân Dục chứ không phải là Đồng Sĩ Vịnh như cuốn *Quốc Triều Hương Khoa Lục* của Cao Xuân Dục đã chép (1). Đấy là lần đầu tiên tôi khám phá ra một công dụng bất ngờ của ảnh.

Chân dung Phạm Phú Thứ

Gần đây, khi viết bài "Tế Nam Giao" (2) tôi đã khựng lại một thời gian khá lâu vì không hiểu, dưới thời nhà Nguyễn, đâu là chỗ đứng của ban múa Bát Dật: đứng dưới đất như Cadière đã viết trong *B.A.V.H. (Bulletin des Amis du Vieux Huế)* (3) hay đứng ở Viên đàn, là tầng cao nhất như Đỗ Bằng Đoàn và Đỗ Trọng Huề viết trong *"Những Đại Lễ và Vũ khúc của Vua chúa Việt Nam* (4)? Tế Nam Giao là tế Trời thì đứng trên Viên đàn, chỗ Vua tế Trời, múa cho Trời xem cũng là hợp lý, chứ tế ở thượng từng mà đứng mãi tận dưới đất múa thì có lẽ hơi... xa. Song Viên đàn ở trên cao, tất nhiên đất hẹp, liệu có đủ chỗ cho 128 vũ công đứng hay không chứ đừng nói đến múa, vì còn phải có cả chỗ cho các nhạc công đánh trống, thổi tiêu...

Đường kính của Viên đàn là chín trượng sáu thước, tức khoảng 39 thước tây (5), mà trên Viên đàn cái lều Thanh Ốc, nơi Vua và các quan làm lễ Trời Đất và các Tiên Vương nhà Nguyễn, đã chiếm một khu vực lớn rồi. Đọc đi đọc lại mấy lần cả hai bài tôi vẫn phân vân không quyết định nổi ai viết đúng? Cuối cùng, nhờ xem mấy cái ảnh chụp phường Bát Dật đang múa, tuy thiếu ánh sáng không trông rõ mặt người, những cũng đủ để thấy đích xác họ đứng dưới đất chứ không phải ở Viên đàn. Đấy là lần gần đây nhất tôi dùng ảnh để giải quyết một nghi vấn. Tất nhiên còn có những lần khác nữa...

Do đó, đối với tôi, vai trò "chứng nhân" của ảnh rất quan trọng. Đáng tiếc là vai trò này ít người lưu ý tới; khi đề cập đến ảnh, người ta thường chỉ chú trọng đến phương diện "nghệ thuật" của ảnh. Khi phát hiện ra một tấm bia cổ, tôi thường thấy các sử gia trân quý nó, triệt để khai thác văn bia để tìm hiểu quá khứ. Nhưng đã là "văn" thì dễ có sự "ngoa ngoắt," đọc những đoạn ca tụng công đức của vua chúa hay người dựng bia đĩ nhiên ta phải "trừ bì." Ngược lại, đứng trước một tấm ảnh cổ chúng ta không mấy ai trọng nó như trọng tấm bia, chỉ thấy nó quý ở chỗ hiếm hơn là vì những sử liệu nó cung cấp cho ta, trong khi chính ảnh mới nói cho ta biết đúng sự thực, không thêm không bớt một chi tiết nhỏ: Ảnh không biết nói ngoa.

Tuy ảnh không biết nói ngoa nhưng ảnh vẫn có thể khiến ta lầm lẫn nếu ta không "lắng nghe" những điều ảnh muốn nói mà quá tin vào những lời ghi chú trên ảnh.

Trong *Thế kỷ 21* số 80 (tháng 12, 1995) đi kèm với bài của Quang Uyển "Tư tưởng canh tân của Phạm Phú Thứ" là một bức ảnh chụp Phạm Phú Thứ mặc thường phục, tay cầm quạt. Tôi suýt nhảy dựng lên vì tôi biết nó không phải là ảnh của Phạm Phú Thứ. Cách đây mười năm, khi đi "săn" mua ảnh khoa cử, tôi đã tình cờ khám phá ra bảy cái ảnh chụp phái đoàn Phan Thanh Giản sang Pháp năm 1863 để xin điều đình chuộc lại ba tỉnh Biên Hòa, Gia Định, Định Tường; sáu cái chụp ba ông Chánh sứ Phan Thanh Giản, Phó sứ Phạm Phú Thứ và Bồi sứ Ngụy Khắc Đản mặc triều phục, mỗi người một cái đứng, một cái ngồi; cái thứ bảy chụp một người mặc thường phục tay cầm quạt, đại khái chú thích là "Trương, secrétaire de l'Ambas-

sade'' ("Trương, thư ký của phái bộ") hay là một câu gì tương tự nhưng vì lâu ngày, trí nhớ của tôi lại kém, nên tôi không dám đoán chắc là tôi nhớ đúng. Cái ảnh viên thư ký chính là ảnh vừa được in lại trên *Thế Kỷ 21* với tên... Phạm Phú Thứ!

Tôi còn nhớ lúc ấy tôi đã cầm nó ngắm nghía rất lâu, do dự nửa muốn mua nửa không. Ảnh rất rõ và đẹp, bỏ trả lại không mua cũng tiếc, mua thì lại không biết ''Trương'' là ai? là họ hay tên người trong ảnh? và có nên mua ảnh một người thư ký không ai biết đến hay không? Ảnh khá đắt trong khi ngân quỹ của tôi chỉ dự trù mua ảnh khoa cử, mua thêm ảnh ba ông sứ thần đã là một cố gắng. Giá lúc ấy tôi biết rằng Trương Vĩnh Ký có mặt trong phái đoàn và nếu ''Trương'' quả là tên người trong ảnh thì chắc tôi đã liều mua rồi và bây giờ đỡ vất vả biết chừng nào! Nhưng lúc ấy tôi lại nghĩ ảnh còn đấy có chạy đi đâu mất mà sợ? khi nào cần chỉ việc quay lại kho ảnh là tìm thấy ngay. Tôi đã lầm to.

Tấm ảnh chú thích lầm là ảnh Phạm Phú Thứ

Trước khi *Thế Kỷ 21* in lại ảnh ''Phạm Phú Thứ giả,'' khoảng tháng 11, 1995 tôi mua được quyển *"Phạm Phú Thứ với tư tưởng canh tân,"* xuất bản năm 1995 ở Đà Nẵng. Cái ảnh đầu tiên in trong sách ghi là *"Ảnh Phạm Phú Thứ chụp ngày 21/9/1863"* lại cũng vẫn là ảnh viên thư ký tội toan mua trước đây. Tôi vội vàng quay lại kho ảnh để tìm tên thật của người trong ảnh xem có đúng là ''Trương'' hay một cái tên nào khác, đinh ninh sẽ tìm ra không khó khăn gì. Nào ngờ mất cả nửa ngày tìm kiếm, lục lọi mãi không thấy, hỏi ra mới biết vì ảnh cổ và quý hiếm nên họ đã cất đi, từ nay ai muốn xem phải làm đơn xin phép và hẹn ngày... Tôi đành tiu nghỉu quay về. Qua hôm sau, Pháp bắt đầu tổng đình công phản đối chính sách của Thủ tướng Juppé khiến trong năm tuần lễ tôi bị bó chân không đi đâu được. Sau đó tôi lại bận, định bụng ra giêng đi xem cũng không muộn. Không ngờ đến tháng 12, 1995 ảnh lại xuất hiện trên *Thế Kỷ 21.*

Tôi đã quay trở lại kho ảnh lần nữa và lần này có làm đơn xin phép, hẹn ngày trước. Lại một lần nữa tôi yên trí chắc chắn sẽ tìm ra ảnh không khó khăn. Ai ngờ ngồi cả buổi kiếm đi kiếm lại vẫn không ra cái ảnh tôi đã thấy mười năm trước mà chỉ thấy một cái tương tự, nghĩa là cũng vẫn người ấy nhưng dáng ngồi hơi khác, và đặc biệt là chú thích thì khác hẳn làm tôi lại ''muốn nhảy dựng lên'' vì họ ghi chú là ảnh của... ''Phó sứ Phạm Phú Thứ''!

Tôi đã chỉ cho ''quản thủ'' kho ảnh chỗ sai lầm: người trong ảnh có để râu và ria dài trong khi Phạm Phú Thứ không để râu cằm mà chỉ lún phún ít ria mép; chẳng lẽ ông lại chụp một cái ảnh để cả râu ria, mặc thường phục rồi vào thay triều phục, cạo râu đi chụp thêm hai cái ảnh đứng và ngồi giống như ảnh hai ông Phan Thanh Giản và Nguỵ Khắc Đản? Cô ta không đồng ý, lấy kính hiển vi ra soi rồi quả quyết Phạm Phú Thứ có để râu, cứ nhìn chỗ cằm ông hơi tối thì biết. Tôi không cãi nữa xoay ra vặn tại sao trong ba ông chỉ riêng Phạm Phú Thứ được chụp cả mặc thường phục lẫn triều phục, Phạm Phú Thứ là Phó sứ tại sao lại được biệt đãi hơn Chánh sứ? Và tại sao cái ảnh tôi thấy mười năm trước lại mang tên khác, chức vụ khác, cái tên ''Trương'' ấy ở đâu mọc ra? Cô ta nửa tin nửa ngờ, song vì tôi không tìm thấy được cái ảnh ngày trước nên lấy gì đối chứng?

Tôi xin phép cho xem tất cả những cái ảnh đã được cất giấu, chắc chắn tôi sẽ tìm thấy ảnh tôi muốn, song cô ta ngại, chỉ hứa khi nào tìm thấy sẽ cho biết nhưng không cho phép tôi lục lọi.

Thành ra hai lý do mà tôi tin rất vững chắc để chứng minh ảnh giả nay cả hai lại lung lay: một mặt, tôi không tìm ra tên thật của người trong ảnh, mặt khác, tôi nói Phạm Phú Thứ không để râu, cô cãi là có thì làm sao giải quyết được? trừ phi kiếm ra một tấm ảnh khác trông rõ hơn. Tôi biết tôi không lầm nhưng muốn thuyết phục cô cần phải có những bằng chứng khác.

Trong B.A.V.H. (6) có in lại cả bảy cái ảnh tôi đã thấy lần đầu, ảnh của ba ông sứ thần được ghi rõ đầy đủ cả tên lẫn họ và chức vụ, oái oăm thay, cái ảnh ''Phạm Phú Thứ giả'' lại bị họ bỏ tên, chỉ chú thích là ''Un des membres de l'Ambassade de 1863'' (một thành viên của sứ bộ năm 1863"); tuy không ghi tên nhưng họ cũng không bảo đấy chính là ảnh Phạm Phú Thứ. Ảnh

in lại khá rõ: *Phạm Phú Thứ không để râu*. Hơn nữa B.A.V.H. còn in thêm một bức tranh vẽ cảnh phái đoàn vào triều kiến hoàng đế Napoléon III ở điện Tuileries: hai ông đứng giữa và bên phải có để râu, ông đứng bên trái không có râu. Nhìn lại ảnh chụp thì hai người để râu dài chính là Phan Thanh Giản và Ngụy Khắc Đản, thế thì người không có râu tất nhiên phải là Phạm Phú Thứ, còn ai vào đấy nữa?

Anh Phạm Phú Minh, hậu duệ của Phạm Phú Thứ, cho biết trước năm 1975 trong gia đình anh còn giữ ảnh Phạm Phú Thứ mặc triều phục nhưng anh không thấy có cái nào mặc thường phục. Nếu quả ảnh mặc thường phục là ảnh Phạm Phú Thứ thì tại sao gia đình lại không có?

Vì muốn kiểm soát xem có đúng ảnh chụp ngày 21/9/1863 không, tôi đọc lại "Tây Hành Nhật Ký" của Phạm Phú Thứ, thấy ông viết: "Ngày 20/9/1863, giờ ngọ, chúng tôi mặc triều phục, lần lượt lên gác thượng khách sạn có lợp kính để chụp ảnh... Ngày 21/9/1863, người thợ ảnh lại quay lại, lần này để chụp tất cả nhân viên trong phái đoàn vào chung một tấm. (Hôm trước chúng tôi chụp riêng từng người)." Phạm Phú Thứ đã viết ông mặc triều phục để chụp ảnh vậy thì cái người mặc thường phục trong ảnh hiển nhiên không phải ông. Bảo đấy là một viên thư ký cũng hợp lý vì thư ký không phải quan, không có triều phục để mặc khi chụp ảnh.

Kể ra với chừng ấy bằng chứng tôi có thể dừng lại ở đây, song vì biết Paris còn một kho ảnh khác cũng tàng trữ ảnh toàn bộ phái đoàn Phan Thanh Giản cho nên tôi lại "chịu khó" cất công đi tìm lần nữa. Nói "chịu khó" cũng không ngoa vì trước kia tôi đã mấy lần xin đến xem mà họ khó khăn quá khiến tôi nản chí phải bỏ. Lần này vì Phạm Phú Thứ tôi cậy cục xin đến xem bằng được. Đi một tiếng rưỡi đồng hồ mới tới mà họ còn định bắt quay về xin phép lại, tôi nhất định "ăn vạ" không về. Cuối cùng tôi cũng được xem ảnh sau khi phải kiên nhẫn ngồi tra cứu những cuốn sách dầy cộm ghi chép những sách viết về sinh vật và thảo mộc nằm trong tất cả các thư viện của Pháp! Tiếc rằng công của tôi là công cốc vì họ thiếu đúng cái ảnh tôi muốn!

Chưa hết hi vọng, tôi lại lò mò tìm đến Trường Viễn đông Bác cổ. Quả họ có ảnh thật nhưng trường vừa mới tu sửa lại, công việc bề bộn, nên trong hiện tình không thể cho tôi xem ảnh. Câu chuyện tìm tên thật người trong ảnh đành tạm dừng ở đây.

Phần trên tôi có nói ảnh tuy là những "chứng nhân" đáng tin cậy nhưng ảnh cũng có thể khiến ta lầm lẫn do những lời ghi chú sơ suất, sai lạc trên ảnh. Trong trường hợp "Phạm Phú Thứ giả" sự lầm lạc có thể bắt nguồn từ người xem ảnh in lại trên B.A.V.H. thấy hai ông "thật" và "giả" có khuôn mặt hao hao giống nhau, lại thấy ghi ông "giả" là một nhân viên của phái đoàn, mà Phạm Phú Thứ cũng là một nhân viên của phái đoàn nên "đoán" đây là ảnh Phạm Phú Thứ, thứ nhất là cuốn *Phạm Phú Thứ với tư tưởng canh tân* cũng có in lại cả bức tranh vẽ trong B.A.V.H. tỏ ra có sử dụng B.A.V.H.tuy không chú thích đúng như B.A.V.H.

Tuy nhiên sự lầm lẫn cũng có thể bắt nguồn ngay từ kho ảnh. Người xem hoàn toàn tin cậy vào lời ghi chú trên ảnh, không biết rằng cùng một cái ảnh họ lại ghi chú hai cách khác nhau, có thể do hai người

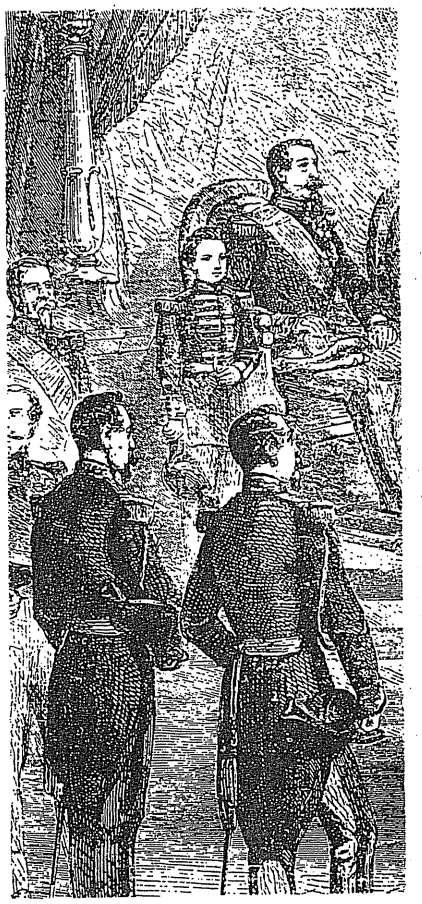

Chân dung Phan Thanh Giản

Phái bộ Việt Nam triều kiến Hoàng Đế Napoléon III và Hoàng Hậu, tại triều đình Pháp quốc.

ghi, một người biết rõ sự thật, một người "râu ông nọ cắm cằm bà kia" đem ảnh một người nào tên bị thất lạc, ghi là ảnh Phạm Phú Thứ vì hai khuôn mặt hơi giống nhau. Người Pháp làm việc thường tỉ mỉ cẩn thận nhưng tất nhiên họ cũng có lúc sai lầm và trong loạt ảnh này thì họ sai lầm khá nhiều. Chẳng hạn ảnh Trương Vĩnh Ký được ghi chú là ảnh "Pétrus Sang, 35 tuổi, người Bắc Kỳ." Tôi đi tìm ảnh Trương Vĩnh Ký mà thấy ảnh Pétrus Sang, tôi không ngần ngại, gạt sang một bên, cho là không phải, sau tìm không ra Trương Vĩnh Ký, tôi lật lại mới thấy họ ghi ở dòng dưới rằng người này chính là người đã làm thông ngôn cho Đô đốc Bonard hồi tháng Tư, 1863. Cứ cho rằng "Sang" là một tên khác, ít người biết, của Trương Vĩnh Ký, tuổi thì bị người chép nhầm từ 25 lên 35 nhưng còn tại sao sinh quán ông ở Vĩnh Long lại được chuyển ra Bắc thì có trời mới biết!

Tìm ảnh Tôn Thọ Tường lại còn khó hơn vì chẳng có cái tên nào tương tự. Sau tôi phải về đọc tiểu sử mới tìm ra ông xuất hiện dưới cái tên Ba Thuong mà tôi đọc nhầm là Bá Thường, chính ra phải đọc là Ba Tường. Vì đọc nhầm nên tuy tôi ngắm ảnh ông rất kỹ và còn khen là cái "bổ phục" trông rất rõ, nhưng lại không ngờ đấy chính là ảnh người mình kiếm, thứ nhất họ còn ghi Ba Thuong làm "Préfet de Saigon" (Tổng Đốc Saigon?) và cậu bé Tran Van Luong được ghi là con trai của ông "Préfet de Saigon" khiến tôi càng yên trí Bá Thường họ Trần, không thể là Tôn Thọ Tường được. Sau mới khám phá ra Tran Van Luong không phải con ông "Préfet" mà là con ông "Sous-Préfet."

Vì loạt ảnh này ít người biết tới, trừ cái ảnh "Phạm Phú Thứ giả" mới xuất hiện gần đây, nên sự sai lầm không lấy gì làm "tai hại" bằng những sự sai lầm của Charles Daney trong cuốn *"Quand les Francais découvraient l'Indochine"* mới xuất bản ở Paris năm 1981 nên nhiều người Việt mua được.

Cái ảnh chụp Chủ khảo Cao Xuân Dục dự yến với Công sứ Lenormand bị ghi nhầm là ảnh

Khi người ta yêu, người ta thường hay ngờ vực những gì mà người ta thường tin tưởng nhất.

— La Rochefoucauld

Chết cho người mình hết lòng thương yêu còn dễ hơn là sống với người yêu mình.

— Lord Byron

Tổng Đốc Nam Định dự yến với Lenormand. Chỉ cần lật lại hai trang trước, tức trang 93, sẽ thấy một cái ảnh chụp Tổng Đốc Nam Định đứng một mình, khuôn mặt khắc hẳn, trong khi mặt người dự yến giống hệt mặt Chủ khảo in trên hai trang 86-87. Cao Xuân Dục đã làm chủ khảo thì không thể nào cùng một lúc lại làm Tổng Đốc Nam Định được. Chủ khảo đứng đầu khoa thi Hương, bắt buộc phải ở trong trường thi suốt thời gian có khoa thi, kéo dài gần năm tuần lễ, cũng như tất cả các khảo quan khác, còn Tổng Đốc là người liệu lý những công việc bên ngoài trường thi và không được đặt chân vào trường. Chủ khảo giữ chức vụ quan trọng nhất trong một khoa thi thì khi tiếp Công Sứ trong bữa tiệc yến mừng Tân Khoa phải do Chủ khảo bồi tiếp chứ sao lại là Tổng Đốc, dù Tổng Đốc là quan đầu tỉnh?

Chân dung Ngụy Khắc Đản

Tuy sự sai lầm đã rõ rệt và chính Daney cũng nhìn nhận mình lầm nhưng vẫn có người quả quyết rằng đúng là Cao Xuân Dục làm Tổng Đốc Nam Định năm 1897 vì Chủ khảo khoa 1897 là Đồng Sĩ Vịnh như Cao Xuân Dục đã chép trong *Quốc Triều Hương Khoa Lục* (1).

Cũng trong cuốn sách ấy, trang 68 có in lại ảnh Phan Thanh Giản mặc triều phục đang ngồi, đúng là ảnh do người Pháp chụp ở Paris năm 1863 nhưng lại được Daney ghi là ảnh do Tran Nguon Han chụp năm 1879. Daney không biết rằng Phan Thanh Giản đã tự tử năm 1867 thì đến năm 1879, tức 12 năm sau, làm thế nào sống lại được để cho Tran Nguon Han chụp? Daney là người Pháp, lại không chuyên về Việt học, chẳng qua ông được giao cho trách nhiệm quản lý kho ảnh của Salles để lại, có nhầm cũng dễ hiểu, chỉ phiền vì ông nhầm nên giắt dây khiến một số người nhầm theo.

Cho nên dù thấy ảnh có ghi chú tỉ mỉ đầy đủ ngày tháng, tên người v.v... tôi vẫn e dè, nếu có dịp là đối chiếu, kiểm soát lại cho chắc vì tôi đã hiểu chỉ cần người ghi chú sơ suất, thiếu cẩn trọng là "sai một ly, đi một dặm" ngay. Lúc ấy ảnh không còn là "chứng nhân" giúp ta giải quyết những nghi vấn mà ngược lại, lại dẫn giắt ta đi sâu vào những sự sai lầm khác. Dẫu sao "sơ suất" cũng chỉ là vô tình mà lầm, đến như trường hợp cố tình "thay mận đổi đào"như lấy ảnh Dương Khuê mà bảo là ảnh Nguyễn Trãi thì tôi không biết nói sao (7).

Châtenay - Malabry, tháng Ba 1996

Chú thích:

1. Xin xem *"Lối xưa xe ngựa..."*
2. *Người Việt*, giai phẩm Xuân Bính Tý, 1996.
3. Cadière L. "Le Sacrifice de Nam Giao. La disposition des Lieux," B.A.V.H. No 2, 10/6/1915.
4. *Những Đại Lễ và Vũ Khúc của Vua Chúa Việt Nam*, tr.20
5. 1 trượng = 10 thước ta, 1 thước ta = 0,40 thước tây.
9 trượng 6 thước tức 96 thước ta, 96 X 0,40 = khoảng 39 trước tây.
6. B.A.V.H., Oct-Dec, 1921.
7. Theo Thành Tín, trong *Hoa Xuyên Tuyết*, tr.77, thì cuối năm 1980 báo *Nhân Dân* đã cho in ngay trang đầu một cái ảnh Dương Khuê thật lớn và bảo đấy là ảnh nguyễn Trãi, để đi kèm với bài "Bình Ngô Đại Cáo."
Tạp Chí *Xưa Nay*, Tháng 1/1996, tr.33, xuất bản ở Hà Nội, cũng nhắc đến sự "lầm lẫn" ảnh Dương Khuê với Nguyễn Trãi.

Sách tham khảo:

- Cadière, L., "Le Sacrifice de Nam Giao. La disposition des lieux." B.A.V.H. No 2, 10/6/1915.
- Daney, Charles, *Quand les Francais Découvraient l'Indochine*. Paris: Herscher.
- Đỗ Đoàn Bằng & Đỗ Trọng Huề, *Những Đại lễ và Vũ Khúc của Vua Chúa Việt Nam*. Saigon, Hoa Lư, 1968. Văn học tái bản ở Việt Nam, 1992.
- Phạm Phú Thứ, "L'Ambassade de Phan Thanh Giản" (bản dịch *Tây Hành Nhật Ký*), B.A.V.H. Oct-Dec 1921.
- *Phạm Phú Thứ với Tư tưởng canh tân* (nhiều tác giả), Đà nẵng, 1995.
- Thành Tín, *Hoa Xuyên Tuyết*, Paris (?): Nhân Quyền, 1991.
- *Xưa Nay*, số 23, Xuân '96, tháng 1, 1996. ■

NGƯỜI PHỤ NỮ TÊN HOA

Một phụ nữ tên Hoa ở Phú Yên đã qua đời. Câu chuyện cái chết của một người dân thường ở Việt Nam được đăng trên tờ báo *Thanh Niên* do Liên Hiệp Thanh Niên Việt Nam chủ trương, số ra ngày thứ năm 14 tháng Giêng năm 1996, ký giả Xuân Hòa tường thuật.

Chị Hoa qua đời ở xã Xuân Phước, huyện Đồng Xuân, tây bắc thị xã Tuy Hòa. Xuân Hòa gặp người chồng của chị Hoa, tên anh là Nguyễn Dưỡng. Anh không nhớ chắc tuổi của mình, nói khoảng 30. Anh không biết rõ vợ anh họ gì nữa. Hai người sống với nhau không hôn thú từ năm 1988. Cả hai không biết chữ. Họ không nằm trong các số thống kê chấm dứt nạn mù chữ 100%, dù họ chỉ ở cách thành phố Tuy Hòa khoảng 50, 60 cây số.

Anh Dưỡng cũng không nhớ tuổi các con. "Thằng Chó, năm sáu tuổi gì đó. Thằng Tý, ba bốn tuổi." Anh kể với nhà báo rằng đứa đầu là do bà cô đỡ đẻ dùm. Đứa thứ hai anh đỡ lấy, theo chỉ dẫn của vợ. Chị Hoa bảo anh tước ruột cây mò o (cây lồ ô) cắt rốn cho đứa bé, ruột mò o sắc như nan tre, "Nó bày em làm vậy!" anh kể.

Năm 1995 chị Hoa có bầu lần thứ ba. Ngày chị sắp sanh, gia đình anh "chỉ chuẩn bị được hai thúng thóc và ít than củi." Lúc đó là mùa đông. Gia đình họ sống trong một căn nhà tranh rộng hơn 10 thước vuông, trong đó có bếp, hai chiếc giường tre nhỏ, một túi đựng quần áo cũ, không mùng mền, mấy cái chén, cái thạp cũ v.v..

Ngày 8 tháng Giêng năm 1996 chị Hoa trở bụng đau đẻ. Chị ngại đến trạm xá sanh vì sợ không có tiền trả, anh Dưỡng kể, cũng lo không có ai đi thăm đưa cơm, lại lo thiếu người trông hai con ở nhà. Chị đau, la to quá, hàng xóm đến, anh trấn an, bảo họ cứ về đi. Hai giờ chiều, chị càng đau, anh chạy ra đường gặp một chị y sĩ của xã, khuyên anh nên đưa vợ lên trạm xá. Khi anh quay về, chị Hoa vẫn không chịu đi. Sau, chị bảo anh "Lấy dao mổ bụng kẻo con chết ngạt. Sống thì sống, chết thì chết!"

Anh Dưỡng bảo đứa con nhỏ đi mua "lưỡi lam," không mua được. Anh lấy con dao thái rau trong bếp, dài khoảng 40 cm, giải phẫu cho vợ, một đường từ rốn lên đến ức. Không có thuốc khử trùng, không bông băng, không biết làm gì để cầm máu. Anh lôi một cái bọc ra, xé rách bọc lấy đứa bé ra ngoài. Nó sống sót, như mẹ nó mong ước. Anh nói với vợ :"Con gái!" để con sang giường bên vì mẹ nó giẫy mạnh quá. Rồi anh lấy kim và chỉ đen khâu bụng vợ lại. "Em may như may bao lúa. Lúc xiết chỉ cho chặt thì nó nấc lên rồi không cựa quậy nữa. Lúc ấy nó đau quá, hàng xóm đi làm hết. Nó cứ dục. Em quýnh lên. Nó bầy thì em làm theo. Thôi đừng hỏi nữa!" Anh khóc nấc lên.

Chị Hoa đã qua đời như vậy. Buổi chiều ngày 8 tháng Giêng năm 1996 tại Phú Yên, Việt Nam.

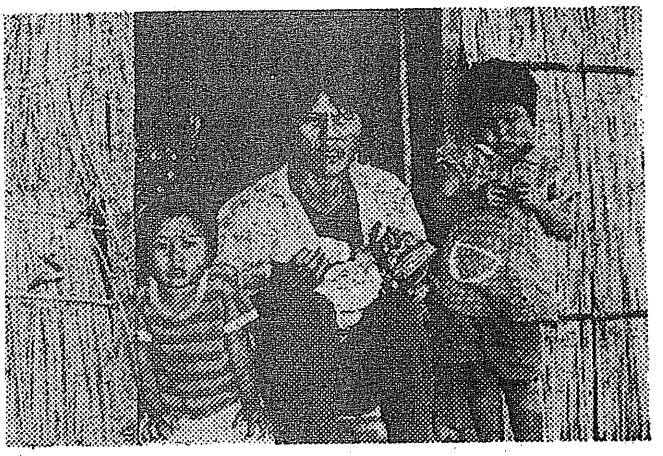

Nguyễn Dưỡng và ba con

Chị chết vì sự nghèo đói, sự thất học. Chị chết vì không có ai ở chung quanh giúp chị trong lúc nguy nan. Hàng xóm cũng nghèo, họ cũng đi làm ruộng. Họ quyên góp được 40 ngàn giúp anh ruột chị Hoa chôn cất chị. Hợp tác xã giúp 120 ngàn. Tổng cộng chưa được 15 mỹ kim. Một chị hàng xóm nhận nuôi giúp đứa bé sơ sinh "dù có đói cũng không bỏ đứa bé."

Phóng viên báo Thanh Niên cũng tặng anh Dưỡng một món tiền để mua mùng cho con. Tại trụ sở Ủy Ban Nhân Dân xã, phóng viên hỏi chính quyền có giúp gì cho gia đình chị Hoa không. Không, họ trả lời, "vì anh ấy không có hộ khẩu ở đây."

Khi chúng ta đọc những hàng chữ này thì không biết đứa bé sơ sinh còn sống không, cháu

bị viêm phế quản khi nhà báo đến thăm. Chắc gia đình cháu vẫn chưa có hộ khẩu.

Chúng ta có thể thắp một nén hương cầu nguyện cho hương hồn chị Hoa. Nhưng làm cách nào để giúp cho các con chị khi lớn lên không bị chết oan vì lâm vào cảnh nghèo đói và thất học như cha mẹ chúng? sổ tay

AMY TAN Ở BẮC KINH

Nhiều người biết tên nhà văn Amy Tan. Là tác giả cuốn tiểu thuyết *Lạc Phúc Hội* kể chuyện bốn bà mẹ và bốn cô con gái người Mỹ gốc Hoa, cô nổi tiếng ngay từ tác phẩm đầu tay.

Nhân vật chính trong cuốn truyện giống như tác giả, một người gốc Hoa sinh ra ở Mỹ, từ bé vẫn nghĩ mình là Mỹ 100%. Đến năm ngoài 30 tuổi, nhân vật mới đi về thăm quê mẹ. Khi bước xuống phi trường, nhìn đám đông chung quanh mình, bỗng nhiên cô cảm thấy thật ra cô vẫn là người Trung Hoa, không còn là Mỹ nữa.

Tháng trước Amy Tan được mời nói chuyện trong một bữa ăn gây quĩ trước một cử tọa gồm hơn 600 người Hoa, nhiều nhà kinh doanh ngoại quốc, và giới ngoại giao ở Bắc Kinh. Nhưng sau cùng họ mời cô ngồi ăn, không nói.

Những người tổ chức và tham dự buổi gây quĩ không phải là kẻ thù của chế độ cộng sản ở Bắc Kinh. Chắc chắn họ cũng chỉ muốn yên thân để làm ăn chứ không muốn gây chuyện. Có đại diện của các công ty Ford, Mobil, Johnson & Johnson, công ty tài chánh Salomon Brothers, và cả Jim Sasser, tân đại sứ Hoa Kỳ ở Bắc Kinh. Chính các công ty này đang hết sức vận động chính phủ và quốc hội Mỹ hãy yểm trợ việc đầu tư và buôn bán với Hoa lục. Ban tổ chức bữa tiệc gây quĩ là Hội Từ Thiện Philip Hayden đã hoạt động từ lâu ở Trung Hoa.

Khi đám thực khách đóng mỗi người 72 mỹ kim đi đến ngôi khách sạn sang trọng để dự tiệc thì cảnh sát công an ngăn lại ở ngoài cửa. Bốn trăm người Trung hoa đóng 600 nhân dân tệ để mua vui và làm việc nghĩa. Các viên chức nêu lý do là đông người quá. Sau khi đàm phán gay go, cuối cùng các vách ngăn tạm được kéo ra, chia thực khách làm ba nhóm, ngồi ăn tiệc dưới con mắt kiểm tra của các công an mặc đồng phục.

Nhưng người ta cũng biết nguyên nhân hành động phá đám này. Mục đích bữa tiệc gây quĩ nhắm lấy tiền giúp các cô nhi viện. Có hai vị giám đốc (người Hoa) của hai Viện cô nhi, tại Bắc Kinh và Thiên Tân, tới tham dự để nhận số tiền ủng hộ.

Một nước có 1,2 tỷ người chắc chắn phải có rất nhiều trẻ em mồ côi, các con rơi vô thừa nhận. Có những đứa trẻ bị cha mẹ bỏ ngoài chợ vì chính sách mỗi cặp vợ chồng chỉ được phép có một đứa con, những em gái đầu lòng bị vứt bỏ vì cha mẹ muốn có con trai, bao nhiêu trẻ em bất hạnh cần trông nom. Các nhà kinh doanh, giới ngoại giao, và cô Amy Tan nghĩ rằng họ đang giúp chế độ cộng sản Bắc Kinh trong trách nhiệm nuôi đám trẻ em đó. Nhưng họ thất vọng.

Hành động của chính quyền Bắc Kinh có tính cách hoảng loạn như mắc bệnh tâm thần, cũng giống như ở Hà Nội bài báo QĐND đang hô đề phòng Tây ba lô làm gián điệp. Họ hoảng loạn, nhìn đâu cũng thấy thù nghịch, ngay cả khi người ta đến giúp họ.

Lý do của hành động hoảng loạn là đầu năm 1996 tổ chức tranh đấu cho nhân quyền Asia Watch đã tố giác tình trạng bạc đãi trẻ em ở các viện mồ côi bên Tầu. Các cuốn phim mô tả cảnh trẻ em bị bỏ đói, chết vì bệnh tật mà không được trông nom, các cảnh đau lòng đó đã được chiếu trên Kênh số 4 vô tuyến truyền hình ở Anh và trên đài CBS ở Mỹ. Tên cuốn phim tài liệu là "Phòng chờ chết." Trong phim một bác sĩ người Hoa từng làm việc ở viện mồ côi tại Thượng Hải đã làm chứng rằng chuyện bạc đãi có thật và trầm trọng.

Amy Tan: Không được nói.

Trong số báo tháng tư tờ *The Atlantic Monthly* đăng một bài của Anne F. Thurston về các cô nhi viện ở Trung Hoa. Bà đã chứng kiến cảnh các trẻ em nằm bất động, không biểu lộ một cảm xúc vui buồn nào. Một căn phòng có sáu dãy mỗi dãy tám cái nôi. Cô phụ trách vào phát cho mỗi đứa trẻ một bầu sữa. Có những em còn bé quá, hoặc yếu quá, không đủ sức, hoặc rửng rưng bất động không buồn cầm bầu lên bú. Hết giờ ăn, cô y tá vào thu tất cả các bầu sữa mang đi, dù có em bé chưa bú.

Các nước trên thế giới đều có vấn đề nuôi trẻ em vô thừa nhận, không ai phải hổ thẹn về

chuyện lạc quyên để giúp trẻ em. Nếu nhà nước lo việc nuôi nấng các em chưa đầy đủ thì ở đâu cũng có các tôn giáo, các tổ chức tư nhân góp công sức, làm cho hoàn hảo hơn. Điều này cũng không có gì để hổ thẹn.

Nhưng ở một nước cộng sản chính phủ muốn giữ độc quyền mọi việc. Việc từ thiện cũng là một độc quyền của đảng và nhà nước, hay giành riêng cho các người mà đảng kiểm soát được. Tại Hà Nội có một trung tâm gọi là để nuôi các trẻ em bụi đời, trẻ em bán báo, được báo chí nói đến và nhiều người ủng hộ. Nhưng thực chất trung tâm đó là một tổ chức kinh tài của vợ chồng một viên công an về hưu. Những trẻ em từ miền quê tận Thanh Hóa, Tuyên Quang, v.v. vì gia đình không đủ ăn nên cha mẹ cho ra Hà Nội tự tìm kế sinh nhai. Nhờ lợi dụng lòng hảo tâm của những người ngoại quốc muốn giúp các em bé này mà hai vợ chồng viên công an đã mua xe, tậu nhà cho thuê. Họ nuôi dưỡng cả một tên "đầu gấu" ở đó để kiềm chế đám trẻ em. Tên này khi phạm tội giết người đã được che chở, đi tù xong lại trở về đó.

Sự thành lập các tổ chức từ thiện của tư nhân bị cấm, cũng như tất cả các thứ hội tư nếu nhà nước không kiểm soát được. Một đặc điểm của chế độ "toàn trị" là ngay khi muốn lập một hội những người chơi tem cũng phải có cấp ủy đỡ đầu. Chế độ không chấp nhận những thứ gọi là xã hội công dân.

Bà Thurston đặt câu hỏi phải chăng trong văn hóa Trung Hoa chuyện bỏ rơi các trẻ em tiên thiên bất túc cho chết đói có từ ngàn năm nay rồi? Bà còn bàn rằng có thể thuyết nghiệp báo của Phật giáo và đạo Hiếu trong Khổng giáo nuôi dưỡng truyền thống phi nhân đạo đó. Nói vậy là sai. Nhưng ai đã tạo cho nhà báo cái thành kiến đó?

KINH TẾ THUỐC LÁ

Nghị sĩ Jesse Helms đại diện quyền lợi của tiểu bang trồng thuộc lá North Carolina ở Mỹ. Hãng RJR đặt trụ sở ở Winston, Salem. Nghe hai cái tên đó quý vị cũng biết là tên hai nhãn thuốc bán chạy nhất của hãng này. Ông Helms là tay chống cộng vào loại quá khích hạng nhất, ai cũng biết. Nhưng ông lại mời vị đại diện của chính phủ Hà Nội về quê ông ăn tiệc, cùng với các đại sứ của mấy nước ASEAN. Để nói cuyện làm ăn.

Người Việt Nam nghĩ sao khi ông Đại sứ Lê Văn Bàng khoe khoang với các nhà làm thuốc lá ở Mỹ rằng rằng "Ở nước tôi thay vì miếng trầu là đầu câu chuyện, bây giờ gặp nhau là chúng tôi mời nhau hút thuốc!" Ông quên khoe rằng thuốc lá cũng là một đơn vị tiền hối lộ!

Và nghị sĩ Jesse Helms, chủ tịch Ủy Ban Ngoại giao Thượng Viện, khen ngợi rằng "Tôi gặp mấy người Việt Nam gần đây. Có người ngậm hai điếu thuốc cùng một lúc. Họ là những khách hàng hạng nhất của chúng ta." Hãng RJR mới đầu tư 21 tỷ vào Đà Nẵng lập nhà máy chế tạo thuốc lá! Các hãng thuốc lá ở Mỹ biết thị trường càng ngày càng hẹp lại vì nhiều người biết có hại cho sức khỏe, bây giờ đang nhắm vào thị trường các nước nghèo, dân trí còn thấp kém.

Trong lúc các vị đại sứ khác đi thăm các nhà máy điện tử, cơ khí, để bàn chuyện đầu tư vào xứ họ thì ông Bàng thăm hãng RJR. Ở bữa tiệc do ông Helms khoản đãi, vị đại sứ của Hà Nội tuyên bố rằng "Chúng tôi sẽ tiếp tục hút thuốc thêm mười năm nữa cho đến khi phát triển kinh tế hơn. Lúc đó chúng tôi sẽ bỏ thuốc, như quý vị vậy!"

Đây là một lý thuyết mới về phát triển kinh tế. Chỉ các nước phát triển rồi mới cần kiêng hút thuốc, còn nước nghèo dư tiền để đốt ra khói. Hoặc là hút thuốc là phương pháp ngăn ngừa sự gia tăng dân số, vì giúp người ta đỡ sống lâu quá? sổ tay

LƯƠNG CAO LƯƠNG THẤP

Sự chênh lệch lương bổng ở Mỹ càng ngày càng rộng hơn. Trong 20 năm, từ 1973 đến 1993, lương trung bình "thật" của lớp người Mỹ thuộc 10% nghèo nhất giảm đi 21% - sau khi trừ hao vì lạm phát. Ngược lại, 10% dân số lợi tức cao nhất lại tăng thêm 22%. Làm thống kê người ta chỉ nói chung, chia theo nhiều tầng lợi tức, không có nghĩa là các người nghèo cứ nghèo, người nào giầu thêm giầu. Nhiều người vẫn đổi chỗ trong bảng sắp hạng này, leo từ tầng dưới lên tầng trên. Một người ở tầng 20% dưới cùng của nấc thang lợi tức, trong một năm có xác suất leo lên tầng trên là 10% đến 17%.

Tại sao hố ngăn cách lương bổng lại rộng hơn như vậy? Lý do quan trọng nhất là sự thay đổi quá nhanh trong các ngành kỹ thuật. Ai không đuổi kịp sự thay đổi kỹ thuật thì sẽ bị thụt lùi về lương bổng. Ai học nghề mới sớm thì lương tăng vọt, vì nhiều nơi đang cần họ. Tất nhiên khi nhiều người cùng đi học, giỏi hơn về kỹ thuật mới, thì số cung về nhân dụng đuổi kịp số cầu, mức chênh lệch sẽ giảm.

> Làm sao ta mong ai khác giữ bí mật được cho ta, nếu chính ta, ta giữ không được.
>
> — *La Rochefoucauld*

Người làm việc có thể mất việc vì kỹ thuật tiến bộ, chuyện này đã xẩy ra từ khi người ta chế tạo máy dệt hay máy hơi nước chạy xe lửa. Năm ngoái có người làm ra thứ máy đo điện (ta gọi là công tơ - compteur) "thông minh" tự đọc lấy số điện tiêu thụ, rồi báo tin thẳng về cho sở nhà đèn, qua đường dây điện. Một công ty điện ở Texas đặt máy này cho khách hàng lắp, thế là mấy ngàn nhân viên xưa nay làm "nghề đi đọc công tơ" mất việc.

Một bài nghiên cứu của giáo sư Alan Krueger (Princeton) cho thấy máy vi tính (computer) là một nguyên nhân chính. Trung bình một người biết dùng computer lãnh lương sao hơn một người cùng trình độ mà "mù chữ computer," chênh lệch nhau 15%. Và khoảng cách đó tiếp tục rộng hơn. Trong cùng một nghề, computer giúp cho nhiều người tăng năng suất, tất nhiên lương họ cũng tăng. Giáo sư Frank Levy ở MIT cho thí dụ một nhân viên của ngân hàng phụ trách quản trị các quĩ đầu tư. Thời 1980, chỉ có 40% nhân viên loại này tốt nghiệp đại học, một người quản lý một tới bốn quĩ là cùng, vì thời gian dùng để ghi nhận, phân tích các dữ liệu, các con số rất lâu. Mười năm sau, 70% số nhân viên này tốt nghiệp đại học, và nhờ dùng computer nên một người quản lý ba tới sáu quĩ đầu tư cũng được.

Lúc đầu computer được dùng trong các nhà máy sản xuất, nay càng ngày càng áp dụng thêm trong các ngành dịch vụ. Mạng lưới thông tin vô tuyến, các thứ máy móc đều có bộ phận vi tính, ngay đến máy bán hàng tự động cũng biết đọc (biết viết nữa) thì nhiều người sẽ mất việc. Theo một chuyên viên của United Technologies Corp. thì cứ sáu công nhân ở Mỹ sẽ có một người có thể mất việc vì tiến bộ kỹ thuật, tổng cộng 18 triệu người lo thấp thỏm.

Tất nhiên kỹ thuật mới cũng sinh ra các công việc, nghề nghiệp mới. Khi ông bà mất việc thì con em quý vị có cơ hội tìm việc làm mới. Tổng thống Mỹ Clinton đang khoe trong ba năm đầu ông tại chức, nước Mỹ đã tạo thêm 8,4 triệu công việc làm mới. Tỷ số thất nghiệp ở Mỹ chỉ có 5,6%, chỉ thua Nhật (3,3%) và Thụy Sĩ (4,6%); trong khi đó ở Pháp 11,8% thất nghiệp, Đức 10,8%, Tây Ban Nha 22,8%.

Nhưng làm cách nào san bằng hố phân cách về lương bổng và lợi tức? Cuộc nghiên cứu của một sử gia kinh tế cho biết trong lịch sử nước Mỹ, khi có cách mạng kỹ thuật thì giáo dục là con đường tốt nhất để san bằng khoảng cách lương bổng. Điều này thì người Việt Nam chúng ta, boat people và H.O. đã biết từ lâu rồi (khổ lắm nói mãi). Nhưng có các con số và sử liệu thì vẫn muốn tin hơn.

Bà Claudia Goldin ở Harvard tìm trong các văn khố theo dõi mức lương và học lực của dân Mỹ, thấy năm 1910 chỉ có 10% thanh niên 18 tuổi ở New York học xong trung học, một thế hệ sau thì gần 100% tốt nghiệp trung học.

Nhờ nền giáo dục phổ thông, sự chênh lệch lương bổng giảm đi. Năm 1914 trung bình lương thầy (office worker) cao hơn lương thợ (factory worker) 70%. Đến năm 1926, mức chênh lệch chỉ còn 10%. Sử gia kinh tế này cũng thấy rằng sau đại chiến thứ hai các ngành kỹ thuật mới đã thu hút đám những "người có học." Thời đó là sự nổ bùng của kỹ nghệ xe hơi và các công nghệ liên hệ, và trình độ học vấn đòi hỏi thời đó là xong trung học.

Ngày nay chúng ta cũng đang đứng trước một cuộc cách mạng kỹ thuật khác, computer và các hoạt động liên hệ đang xâm nhập tất cả nền kinh tế. Và trình độ học vấn bây giờ đòi hỏi là tốt nghiệp đại học.

Các cụ nói không sai: "Cả ngày không ăn, cả đêm không ngủ, vô ích, không bằng học vậy." (*Luận Ngữ*, Vệ Linh Công, 30)

NHỮNG QUÂN CỜ Ở TRUNG ĐÔNG

Ngày 9 tháng Tư, 1996 nhóm Thánh Chiến Hồi Giáo Hizbullah bắn hai hỏa tiễn từ miền nam Liban vào Israel làm 30 thường dân bị thương. Họ bắn để trả thù vụ nổ làm chết một thanh niên ở Liban trước đó. Họ chọn ngày 9 vì bên Israel đang là ngày lễ trọng, lễ kỷ niệm dân Do Thái vượt qua Hồng Hải. Hai ngày sau, Lễ Vượt Qua chấm dứt, quân Do Thái trả đũa, bắn pháo sang miền nam Liban, và bỏ bom tận thủ đô Beirut. Nhiều thường dân, kể cả trẻ em thiệt mạng. Hai bên bắn qua bắn lại, cho đến ngày thứ năm tuần sau thì cả thế giới phải lên tiếng can thiệp.

Bữa đó nhóm khủng bố bắn pháo từ một nghĩa trang ở Qana, nam Liban sang Israel. Do Thái phản công bằng hỏa tiễn, làm chết gần một trăm người Liban. Họ ở trong số người tìm chỗ tị nạn trong doanh trại của đạo quân "bảo vệ hòa bình" Liên Hiệp Quốc, cách nghĩa trang hơn 100 thước. Một trăm người khác bị thương, trong đó có 4 lính LHQ.

Miền Trung Đông là nơi diễn ra những cuộc thánh chiến, các cuộc chiến tranh gây hấn và trả thù, lấy oán báo oán, từ mấy ngàn năm nay. Trong tục ngữ phương Tây có câu "Lấy con mắt đổi con mắt." Câu này xuất phát từ một đạo luật cổ xưa nhất của nhân loại, luật của Hoàng Đế Hammubari (1792 - 1750 trước Công nguyên) ngự trị ở miền Babylon, phía tây của miền đất Trung Đông bây giờ. Lấy mắt đổi mắt, răng đổi răng, điều đó được hiểu theo nghĩa đen, ghi trong luật Hammubari. Đạo luật này được coi là

đánh dấu một bước tiến của nền văn minh của nhân loại.

Châm ngôn "Lấy con mắt đổi con mắt" được thi hành từ gần bốn ngàn năm ở miền đất này. Nhưng các hành động gây hấn và trả đũa hiện nay cũng có các nguyên do gần hơn: từ sự hiềm khích giữa các tôn giáo, như Do Thái giáo và Hồi giáo, sự phân chia các quốc gia, và ngay cả các cuộc tranh giành ảnh hưởng giữa các đảng phái trong một quốc gia. Hàng trăm thường dân vô can bị chết oan vì các mầm mống chia rẽ đó.

Khi quân khủng bố theo Hồi giáo phái Si Ai (Shiite) bắn vào Israel vào ngày lễ, họ cũng biết rằng hai ngày sau đó sẽ mở đầu cuộc vận động tranh cử ở Israel. Thủ tướng Israel, ông Simon Peres không có lựa chọn nào khác là phải trả đũa quyết liệt, vì ông không thể để ai tố cáo "mềm yếu" được. Nếu không có cuộc tranh cử thì ông Peres vẫn phản ứng mạnh, nhưng không tàn bạo đến như vậy. Nhưng quân khủng bố không quan tâm đến các thường dân chết oan. Vì càng nhiều người chết oan càng khiến Israel bị thế giới lên án, dễ bị ép nhượng bộ "ở nơi khác."

Ngày 29 tháng 5 này, dân Israel sẽ bầu chức vụ thủ tướng riêng, và bầu quốc hội riêng. Làm như vậy để khi các đảng nhỏ trong chính phủ liên hiệp làm reo họ cũng không lật đổ được thủ tướng. Nhưng vị thủ tướng muốn thắng cử, nếu chỉ trông cậy vào ủng hộ viên của đảng mình thôi thì không đủ. Cho nên hai ứng cử viên mạnh nhất, của đảng Lao Động và đảng Likud, phải tìm cách lôi kéo các cử tri không thuộc đảng mình. Ứng cử viên đảng Likud tìm cách tỏ ra mình không "hiếu chiến quá," trong khi ông Peres đảng Lao động phải tỏ ra mình không "chủ hòa" quá.

Nhưng các nạn nhân ở Liban cũng không oán trách riêng các chính trị gia Israel. Họ cũng là nạn nhân của chính phủ Hồi giáo ở Iran nữa. Iran tiếp tế vũ khí và tiền bạc cho quân khủng bố Hizbullah. Dân Iran và nhóm quân khủng bố trên đều là những tín đồ phái Si Ai rất thù ghét dân Do Thái. Nhưng đường tiếp tế võ khí của họ lại phải đi qua vùng đất do 47 ngàn quân của nước Syria chiếm đóng trên đất Liban. Nghĩa là việc khủng bố nhắm vào Israel chỉ xẩy ra khi tổng thống Assad của Syria cho phép. Chuyện vùng Trung Đông đã được cố học giả Nguyễn Hiến Lê ví như chuyện Đông Châu Liệt Quốc, đúng như vậy.

Xứ Liban vốn là nước dân chủ duy nhất ở vùng Trung Đông, ngoài Israel, với các tín đồ Hồi giáo và Thiên Chúa giáo sống chung trong hòa bình, chia nhau quyền lực chính trị theo một hiến pháp dân chủ. Xứ này trở thành nạn nhân của cuộc tranh chấp giữa những nước Hồi giáo chung quanh, dân Palestine, với Israel. Từ năm 1982 Liban trở thành chiến địa quốc tế, bị các nước khác xâu xé, và gây nội chiến giữa các phe nhóm.

Quân khủng bố Hezbollah cũng chỉ là quân cờ trong trận tranh chấp giữa ông Assad và Do Thái. Ông đang mặc cả ấy lại vùng Cao nguyên Golan mà Do Thái chiếm từ 1967. Nếu Mỹ và Do Thái phải nhờ ông ngăn chặn quân khủng bố thì ông có dịp đòi thêm điều kiện hay gạt bỏ một số điều kiện khắt khe của phe địch. Thay vì phải ký một thỏa ước hòa bình với Israel ông Assad chỉ muốm tuyên bố "bất tương xâm" mà thôi.

Cuối cùng chỉ có dân Liban chết oan. Nhưng chính phủ Do Thái đáng kết tội nhất trong các vụ chết oan này. Họ không cần phải phản ứng một cách tàn ngược quá đáng như vậy. Thay vì đòi một con mắt của kẻ thù để trả đũa một con mắt bị mất, họ đòi cả mạng sống của những kẻ ngoại cuộc. Luật của Do Thái không nhân đạo bằng luật Hammubari.

AI BÊNH VỰC CÔNG NHÂN VIỆT NAM?

Tuần báo *Vietnam Investment Review* ngày 14 tháng Tư năm 1996 đăng tin, báo Lao Động cũng loan tin và phỏng vấn vụ xung đột lao động này.

Một đốc công người Đại Hàn, bà Jang Mi Baek, 29 tuổi, đã bắt 15 trưởng toán công nhân người Việt trong xưởng đóng giầy ra xếp hàng, bà ta cầm những cái giầy may hư đập lên đầu, lên mặt họ. Tất cả đều là phụ nữ. Hai công nhân người Việt bị thương phải vào bệnh viện. Bản tin AP cũng như tuần báo VIR không cho biết tên nhãn hiệu giầy. Các công nhân bị trừng phạt làm gương vì giầy làm ra không theo đúng tiêu chuẩn. Bà mẹ của một chị công nhân đến kéo con về. Bà vốn là một nữ du kích ở Củ Chi, không nỡ lòng thấy con chịu nhục trước tư bản ngoại quốc.

Riêng vùng Sài Gòn đã xẩy ra 12 cuộc đình công trong năm qua, trong đó có 9 vụ vì công nhân bị đánh đập. Nhiều công nhân bị làm nhục bằng hình phạt phơi nắng hay phải đi dọn cầu tiêu. Hãng Sam Yang đã sản xuất giầy ở Việt Nam từ tháng 10 năm 1995, sử dụng 2,500 công nhân.

> Sống, khốn khổ, cô độc, phụ rẫy, nghèo nàn, tất cả là những chiến trường tạo anh hùng, những anh hùng âm thầm đông đúc hơn loại anh hùng lừng lẫy.
>
> — *V. Hugo*

Chúng ta không biết tên hiệu giầy mà nhà máy Yang Sam sản xuất, nhưng có thể liên tưởng đến tình trạng một xưởng đóng giầy ở Indonesia, gần đây cũng có những vụ đình công. Đó là xưởng đóng giầy NIKE ở Serang. Một công nhân xưởng giầy này tổ chức đình công, đòi thành lập công đoàn độc lập, nên đã bị sa thải, sau khi bị nhốt trong phòng kín cả tuần lễ. Công nhân này, anh Situmorang, 22 tuổi, không chịu thua. Anh đang kiện hãng giầy NIKE, có luật sư giúp. Công ty Nike gốc ở Hoa Kỳ đã phải chú ý đến trường hợp anh ta. Tại Á châu, các nhà sản xuất giầy NIKE phần lớn do người Đại Hàn làm chủ đứng đấu thầu. Có 35 xưởng Nike ở khắp Á Châu, riêng tại Indonesia họ sử dụng 5,000 công nhân.

Ở Indonesia cũng như ở Việt Nam chỉ có một Công đoàn không do công nhân lập ra mà là tay chân của nhà nước trong việc buôn bán làm ăn với tư bản ngoại quốc. Công đoàn của nhà nước không lo bảo vệ quyền lợi của công nhân bằng bảo vệ uy quyền các quan chức tham nhũng, thông đồng với tư bản ngoại quốc. Nhưng Indonesia còn tiến bộ hơn Việt Nam vì có một số tổ chức tư. Cơ Quan Trợ Giúp Pháp Luật ở thủ đô Jakarta có các luật sư chuyên về các vấn đề lao động. Cơ Quan Truyền Thông Xã Hội do các giáo hội Thiên Chúa giáo bảo trợ cũng giúp gây dựng các công đoàn độc lập. Đó là những hình thức sơ khai của một Xã Hội Công Dân đang thành hình ở Indonesia. Phát ngôn viên của công ty NIKE ở Hoa Kỳ, bà Donna Gibbs nói với nhật báo *New York Times* rằng họ còn đang điều tra vì không biết rõ trường hợp công nhân Situmorang bị nhốt cả tuần lễ. Họ vẫn bắt buộc các nhà thầu Đại Hàn phải đối xử với công nhân theo một quy luật về tác phong (code of conduct) mà hãng NIKE đặt ra. Đại diện của công ty luôn luôn theo dõi cách nhà thầu đối xử với công nhân. **Giầy NIKE thường bán giá 80-100 mỹ kim ở các cửa hàng ở Bắc Mỹ. Công nhân làm ra giầy đó, ở Indonesia lãnh lương tối thiểu 2.10 USD một ngày - mới tăng lên 2.37 USD. Tính ra một đôi giầy chỉ tốn 2.60 USD tiền công thợ.** Lương tháng tối thiểu Ở Indonesia là 58 USD. Ở Việt Nam mới được yăng từ 35 lên 45 USD. Những người tổ chức công đoàn ở Indonesia biết rằng các xí nghiệp do người Mỹ trực tiếp điều khiển đối đãi với công nhân tử tế hơn các nhà thầu Á châu. Các hãng Đại Hàn mang tiếng đối đãi công nhân tàn tệ hơn cả.

Muốn bảo vệ nhân phẩm và quyền lợi của công nhân Việt Nam hay Indonesia, Thái Lan thì người ta có thể làm áp lực trực tiếp với các xí nghiệp chủ nhân gốc ở Hoa Kỳ. Ở Indonesia, năm 1994, tại hãng Levi Strauss sản xuất quần áo, một nữ công nhân thấy kinh, xin vào nhà vệ sinh thay đồ, đã bị nghi ngờ bắt khỏa thân để khám xét. Sau khi hành động xúc phạm nhân phẩm này bị tố cáo, hãng Levi quyết định cắt giao kèo, rút luôn ra khỏi Indonesia. Ở Việt Nam các chuyện xúc phạm tương tự đã từng xẩy ra.

Hãng Levi Strauss ở Mỹ và Mark & Spencer ở Anh đã nổi tiếng vì chú trọng đến nhân phẩm và quyền lợi công nhân ở các nước nghèo. Riêng công ty Levi đã bỏ việc sản xuất quần áo ở Trung Cộng ngay khi biết có tình trạng bạc đãi công nhân. Khi quyết định như vậy, họ bị thiệt thòi không những trong việc giảm giá thành sản xuất mà còn thiệt vì mất một thị trường hàng tỷ người tiêu thụ. Các công ty quần áo Eddie Bauer, Liz Clairborne và nhà bán lẻ Federated Department Store cũng rút ra khỏi Miến Điện vì tình trạng vi phạm quyền công nhân ở nước đó.

Trong thế giới hiện nay các công ty liên quốc muốn chuyển nơi sản xuất từ xứ này sang xứ khác chỉ mất mấy tuần lễ là xong, cho nên họ rất dễ phản ứng khi sợ bị mang tiếng đồng lõa với các vụ vi phạm nhân quyền tạo hình ảnh xấu cho nhãn hiệu của họ.

Người tiêu thụ ở Mỹ hay Tây Âu thường tham gia việc tẩy chay các nhà sản xuất chà đạp nhân phẩm và quyền lợi của công nhân. Giới trẻ, khách hàng của giầy NIKE và quần áo Levi, Clairborne, là những người còn đủ trong trắng để sẵn sàng tham dự vào các phong trào bảo vệ nhân phẩm và quyền lợi công nhân ở các nước nghèo. Họ có thể đổi quần áo mốt nếu một nhãn hiệu mang tiếng xấu.

Nếu chúng ta muốn bênh vực quyền lợi và bảo vệ nhân phẩm của người công nhân nước ta thì nên tham gia vào những chiến dịch thức tỉnh người tiêu thụ về các vụ vi phạm nhân phẩm và quyền lợi công nhân đang xẩy ra ở Việt Nam.

Chính quyền Việt Nam và báo *Vietnam Investment Review* không loan tin về tên nhãn hiệu giầy mà hãng Sam Yang đang sản xuất. Loan tin đầy đủ sợ bị thế giới tẩy chay nhãn hiệu giầy đó. Nhưng người Việt Nam có thể điều tra ra tên nhãn hiệu giầy đó.

Người Việt ở hải ngoại nên nhờ thân nhân giúp điều tra về các xí nghiệp vi phạm quyền công nhân, để gây phong trào tẩy chay trong giới tiêu thụ. Công nhân Việt Nam có thể nhờ chúng ta hỗ trợ để dòi thay đổi cách đối sử của các nhà thầu Đài Loan hay Đại Hàn. Nếu chúng ta giúp được một nhóm công nhân, trong một xưởng, thì các công nhân ở những xưởng khác, các xí nghiệp khác, dù tư nhân hay quốc doanh, cũng ý thức mạnh mẽ hơn về quyền lợi của họ. Xưa nay khi tranh đấu cho nhân quyền chúng ta chỉ lên tiếng với các chính phủ trên thế giới. Trong việc bảo vệ nhân phẩm và quyền lợi công nhân Việt Nam chúng ta nên chú ý vận động cả nhân dân các nước, đặc biệt là giới tiêu thụ. Vô sản toàn thế giới đoàn kết lại!■

LÀM THƠ

TRẦN MỘNG TÚ

Buổi sáng Chủ Nhật còn đang ngủ mơ màng Rơm chợt thức giấc, có ai đang gõ cửa, cô mở mắt ra, rồi lại nhắm mắt lại, căn nhà yên lặng quá. Tiếng gõ vẫn đều đều, cô áp tai xuống sàn gác (cô ngủ dưới sàn, mà lại không dùng gối) cô thấy tiếng gõ không phải từ phía dưới vọng lên, cô lắng nghe thêm một chút nữa, tiếng gõ ở trên nóc nhà vọng xuống. A, hóa ra tiếng của những con chim cánh đen đang mổ trên mái gỗ. Những con chim này ở xứ cô gọi là con quạ, nhưng quạ xứ cô thì nó bé hơn nhiều chứ đâu có to bằng cả hai bàn tay Rơm khum lại như thế này.

Tiếng chim vẫn gõ gõ đều đều trên mái, tiếng gõ khô, rõ ràng mà lại như không có thật vì có ai gõ gọi trên mái bao giờ. Âm thanh của nó nghe như tiếng của những ngón tay người đàn ông gõ lên cánh cửa, tiếng gõ cửa chắc, gọn, tự tin. Rơm kéo chăn lên cổ nằm im thưởng thức tiếng gõ. Rơm thấy nó mơ hồ thế nào ấy, mặc dù nó càng lúc càng gần, cho cô cái cảm tưởng như tiếng gõ đó ở ngay trên lồng ngực mình. Có một người thân lắm, đang dùng những ngón tay tinh nghịch gõ lên cánh ngực cô gọi, gọi. Bất giác cô đưa tay đặt lên ngực. Cánh cửa buổi sáng ở bên dưới kia chắc chắn là phải cứng và lạnh chứ đâu có mềm và ấm thế này! Cô cho tay lui xuống bên dưới một chút, cô chạm vào những chiếc xương sườn nhỏ. Rơm nghĩ, nếu ngực cô là khung cửa thì những chiếc xương nhỏ này chắc phải là những chấn song. Chao ôi! Là thơ mộng! Cô loay hoay trong đầu với ý định làm một bài thơ trong đó có lồng ngực, có xương sườn, có những song cửa sổ, có cả cánh cửa chính. Rồi bài thơ có hàng chục cánh chim đen và có cả Rơm trong đó nữa. Nhân vật thân yêu trong tưởng tượng thì sẽ ở đầu, ở cuối hay ở khắp cả bài thơ? Tiếng gõ gõ của những chiếc mỏ trên mái gỗ, rồi những ngón tay đam mê gõ gõ trên lồng ngực thì để ở đâu? Tất cả như những mảnh puzzle trộn vào nhau bay tung trong đầu cô, đang chờ được sắp xếp lại thành một bài thơ.

Cứ thế tiếng mỏ chim gõ gõ trong đầu, tiếng cánh chim đập râm ran trong ngực Rơm suốt ngày. Khi cô sửa soạn đi nhà thờ sáng chủ nhật cô vừa thay áo, vừa bắt đầu câu thơ thứ nhất, cô chải tóc, thoa son môi, thì câu thơ thứ hai hiện ra trong gương. Ở nhà thờ cô cũng chẳng cầm trí mà nghe linh mục đọc kinh được, những con chim đen cứ gõ gõ những tiếng cộc cộc quyến rũ trong tâm trí cô, những câu thơ kế tiếp nhảy múa trên trang sách lễ. Rơm nói thầm với Chúa: "Xin tha cho con tội làm thơ trong nhà thờ."

Trên đường về nhà Rơm hỏi tài xế:

"Sáng nay anh có nghe thấy tiếng chim đen gõ trên nóc nhà không?"

"Không, anh đâu có để ý."

"Anh dậy trước em mà."

"Ừ, nhưng anh xuống nhà dưới, lấy báo đọc ngay."

Rơm nói trong mơ mộng:

"Em nghe thấy tiếng chim gõ trên mái, giống như có ai gõ gõ, gọi mở cửa nhà mình."

Tài xế quay sang Rơm, cười ngất, hỏi:

"Có phải em đang làm thơ đó không?"

Rơm im lặng, hồn cô đang lâng lâng với những câu thơ mới trong đầu.

Cả một ngày Chủ Nhật lúc nào tiếng chim cũng vây quanh Rơm. Cô dọn bếp nấu ăn, rửa bát "Thơ" cũng dọn bếp, nấu ăn rửa bát với cô. Tiếng chén bát chạm vào nhau, tiếng nước chảy, tiếng bàn ghế xô dịch không át được tiếng chim gõ gõ trong đầu.

Buổi tối cả nhà đã yên ngủ mà Rơm còn trăn trở mãi với đàn chim, cô rón rén trở dậy, bước ra khỏi phòng ngủ, khép nhẹ cánh cửa lại, cô sang phòng đọc sách lấy giấy bút làm thơ. Cô gom cả lại những câu thơ của suốt ngày hôm nay đang bay lơ lửng trong không gian đặt vào giấy. Rơm xóa xóa, gạch gạch, đọc đi, đọc lại, cầm lên bỏ xuống, cô chưa ưng ý lắm, nhưng cô cũng gấp lại bỏ vào giữa quyển sách đang đọc, cô đi ngủ với những cánh chim trong chăn.

Sáng thứ Hai trên đường đi làm, Rơm vừa lái xe vừa nghêu ngao đọc lại bài thơ một mình, cô đọc thành tiếng, thấy chữ nào cứng cứng Rơm thay vào chữ khác. Khi cô nhìn lại con đường mình đang đi Rơm mới nhận ra là mình đã đi quá một exit. Cô vội vàng tìm đường ra và quành xe lại. Rơm mỉm cười hạnh phúc, cô biết là bài thơ đã dắt cô đi xa hơn mọi ngày. Cũng may mà Rơm không tông vào cái cột điện thoại nào như mấy lần trước vừa lái xe trong thành phố vừa làm thơ. Bạn bè Rơm đã cảnh cáo cô nhiều lần: Nếu không chừa cái tính "lái xe làm thơ" thì thế nào cũng có ngày bị nạn. Rơm biết nguy hiểm nhưng vẫn không bỏ được. Vì những lúc ngồi trong xe một mình, quay cửa kính lên là những lúc riêng tư nhất, không có ai ở bên cạnh, không có tiếng điện thoại reo, tiếng động phát ra từ

TRẦN MỘNG TÚ

BUỔI SÁNG VÀ NHỮNG CON CHIM CÁNH ĐEN

Buổi sáng thức giấc
nằm yên lặng trong chăn
lắng nghe chim gõ
trên mái nhà
những con chim cánh đen với
chiếc mỏ cứng
gõ gõ trên mái gỗ

Tiếng động khô
mơ hồ
như tiếng những ngón tay anh
gõ gõ trên cánh ngực em
những chiếc xương ngực nhỏ
xếp mơ màng
như những chấn song

Em trỗi dậy
hồn mở tung cửa sổ

Bên ngoài
trời đầy gió

Đàn chim cánh đen đã bay sang đậu
trên vòm cây xanh biếc

Anh rồi cũng đi qua
còn ai gõ cửa

3/96

máy truyền hình, máy cắt cỏ hay bất cứ tiếng gì mà khi Rơm ngồi ở nhà có thể quấy rầy cô được.

Rơm đến sở làm, giữa giờ nghỉ, giờ ăn, cô đem những con chim cánh đen ra nói chuyện với những người cùng sở, cô ngạc nhiên không thấy ai để ý đến tiếng chim gõ trên mái gỗ. Cô hỏi họ có nghe thấy không? Họ có thấy từng đàn chim đậu ở trên mái nhà không? Chúng tìm thức ăn gì ở trên mái nhà mà gõ gõ trên đó. Bụi phấn thông vàng hay là những con kiến nhỏ, mảng rêu xanh hay những chiếc lá mục trên mái có phải là những thứ quyến rũ chúng không? Mấy người đồng nghiệp cười cô. Họ nói: Rơm ơi! Cuối tuần chúng tôi còn nhiều mục khác để thưởng thức hơn là tiếng mỏ chim gõ trên mái nhà của cô. Rơm ấm ức nguyên ngày. Chiều về Rơm ăn có chút xíu, lên gác sớm, chui vào trong chăn, nằm tương tư tiếng chim trên mái. Hôm sau đến sở Rơm đem bài thơ ra viết lại một lần nữa cho thật ưng ý. Cô đợi điện thoại của một người bạn thân, từ xa gọi tới (anh hay gọi cô vào ngày thứ Ba). Anh nghe xong đề nghị sửa chữ này, khen chữ kia hay. Cô sửa theo ý anh, nhưng khi buông điện thoại xuống, cô đọc lại thấy ý mình đúng hơn, cô lại xóa đi, viết lại. Suốt buổi làm hôm đó bao giờ rảnh Rơm lại đọc bài thơ, sửa đi, sửa lại mãi, theo ý bạn, hay theo ý cô? Cuối cùng thì Rơm cũng cho bài thơ vào phong bì, dán tem, gửi đi. Cô thở phào một cái. Bài thơ đã ra khỏi cô, bây giờ nó thuộc về độc giả.

Nhưng thực sự bài thơ chưa ra hẳn cô, cô biết, tối nay về nhà, khi đi ngủ đọc lại bài thơ trong đầu, thế nào Rơm cũng thấy một vài chữ không thuận tai lắm, một vài chữ thường quá, rỗng quá, cô sẽ ân hận là: Sao gửi bài thơ đi nhanh thế! Rồi Rơm còn hồi hộp cho đến khi bài thơ in trên báo liệu mấy ông nhà báo có in sai, in sót chữ nào không? Bỏ dấu có đúng không? Mỗi lần thơ của Rơm mà bị in sai một chữ là Rơm mất ngủ cả tuần. Vì nếu bài thơ in sai, dù chỉ *một chữ* bài thơ vẫn chưa hẳn đã ra khỏi cô, nó cũng chưa thuộc hẳn về độc giả nó vẫn treo lơ lửng trên một sợi dây vô hình, điều này làm Rơm bứt rứt mãi. Rơm nhớ có lần câu thơ của Rơm làm là "Trái tim tôi bi thương" nhà báo in ra là "Trái tim tôi bị thương" làm cho cô khi đọc lại bài thơ của mình, thấy mình "bị thương" thật. Rơm cứ trách thầm mấy ông làm báo mãi. Sao mà vô tâm thế! Đánh thơ thì phải đọc đi, đọc lại xem có bỏ sai dấu chấm, dấu phẩy hay không? Có đánh thiếu chữ nào không chứ. Một bài thơ đâu có bao nhiêu câu, một câu được mấy chữ. Chưa đầy một trang chữ mà nỡ để sai, để sót có tội nghiệp cho bài thơ, tội nghiệp cho tác giả không? Thật là không biết "tiếc ngọc thương hương" gì cả.

Nếu bài thơ in ra mà được trình bầy sáng sủa, trang trọng, không sai, không sót chữ nào thì lúc đó Rơm mới thật sự nhẹ cả người. Bài thơ bây giờ là của độc giả, yêu, ghét tùy tâm. Rơm hài lòng và không thắc mắc gì về nó nữa.

Đấy, thơ thẩn như thế đấy. Khi Rơm làm thơ thì hình như cái hồn của cô nó bay ra khỏi thân thể cô, nó lơ lửng cùng với chữ nghĩa bay la đà trong không gian như những chiếc bong bóng xà phòng. Ai dám nói lúc đó tâm thân là một, chỉ cho đến khi nào chữ, nghĩa được kéo từ từ trên cao xuống đặt lên trang giấy, sắp xếp lại và bài thơ được gửi đi thì cô mới hoàn hồn. Thời gian lúc đó mới trở lại với Rơm, lúc đó cô mới phân biệt được lúc nào là đêm, lúc nào là ngày và ăn ngủ phải có giờ giấc, chứ không phải muốn thức dậy lúc nào là dậy. Rơm vốn là người chừng mực quý thời giờ nhưng khi Rơm làm thơ thì cô cho phép mình tha hồ phung phí cái vốn đời ngắn ngủi đó.■

3/96

KEO SƠN

NGUYỄN HỮU NHẬT

Mưa rơi trên tháp Rùa, vừa vỡ những hạt nước mới tan, mặt hồ cau lại. Cỏ quanh chân tháp lúc trời tạnh, kết búi thành những miếng hổ phách, đặt vào lòng đĩa men vàng. Cây phượng già bên hồ Gươm, rễ cuồn cuộn nổi các lớp sóng gỗ xần xùi trên mặt đất. Da rạn khô, bong từng mảng mốc, vỏ trứng trắng. Thân đứng nghiêng, cành ngọn nhoài ra ngoài trời rộng, ửng sáng chất son.

Tôi quay đầu lại, nói với cụ Dực: "Lạ quá! Cây, cỏ và cả rêu loang trên mái cũ, không một chút màu xanh. Sao cháu xem lại cảm thấy người gây gấy lạnh, hả cụ?"

"Sơn mài... nó thế đấy! Ông tinh mắt lắm. Thời buổi này hiếm có... Ấy, lửa đây. Ông châm đi chứ, ai lại cứ cầm điều thuốc mãi thế kia."

Cụ Dực dúi bao diêm vào tay tôi. Xong, vừa rót nước, vừa bảo:

"Lại đây làm bát vối nóng rồi nói chuyện, nhân thể... ông ạ!

"Vâng..."

Chỉ tàn điếu Sông Hồng, sợi vàng thuốc Lạng Sơn, cụ Dực và tôi đã thân nhau, bắt đầu từ lúc cụ khen:

"Tôi nghĩ... ông phải là người biết vẽ tranh. Giỏi là đàng khác..."

Cụ kéo một hơi dài, dưới nõ điếu cày gấn lưỡi gà nhạc réo rắt cùng tiếng nước cuộn sùng sục, nghe vui tai. Ngửa mặt lên trần nhà, thả khói bay trắng xóa, cụ chỉ vào tấm tranh:

"Ông thích? Cứ đem về! Đưa tôi bao nhiêu thì đưa. Không đưa cũng được! Trước, nhà nước dạm mua, tôi cũng không bán. Tôi khác cụ Nguyễn Gia Trí. Nhưng chắc gì hải quan sẽ cho ông đem đi?"

"Cám ơn cụ. Cháu không dám... Cháu thích. Song tranh của cụ thuộc loại vô giá."

"Ối dào! Từ không làm ra có, rồi từ có lại trở về không. Nghĩa lý gì? Chuyện đời đều như thế cả. Ông không cầm về, tôi chết, nó cũng rơi vào tay người khác. Phí đi!"

"Dạ, cháu xin vâng! Cháu chỉ có hai cây... À à hai lạng vàng thôi. Gửi cụ, ít quá, đâu có tiện."

"Ồ! Cái nhà ông này hay nhỉ? Tôi đã bảo rồi mà. Bao nhiêu cũng được. Tôi có bán tranh cho ông đâu! Chỉ sợ đã không đem đi được mà lại còn mang họa... Chiếm đoạt tài sản nhân dân, tội không nhẹ đâu!"

Tôi xoay ghế, ngồi nghiêng. Nắng chiều bỗng tắt, ngoài cửa sổ, trên bờ tường cắm mảnh chai. Trời sắp chuyển mưa. Màu các loại thủy tinh, thiếu ánh sáng chiếu qua, đều ngả sang sắc xậm. Trong nhà lên đèn. Tiếng đũa bát lách cách. Cụ bà và người cháu nội, lưng thon, đang dọn cơm. Mùi rau thìa là, canh cá dấm, ngậy lên vị chua, át cả mùi sơn sống. Tôi không tưởng tượng. Tôi nuốt nước bọt. Cụ Dực kéo tôi lại gần bức tranh, hất hàm:

"Xem này!"

Mưa không tạnh trong tranh nữa. Những gì ướt át đều đã hóa ra ánh trăng. Vàng lá dát nên các ngọn cây sắc tươi, chìm dưới lớp cánh gián, trầm ấm. Mạt vàng rải nhẹ, những mái nhà ở bên kia hồ, thành vàng mờ, hơi sương. Sóng chu

sa, rạn như men sứ, ẩn hiện trên nền sơn then nước hồ, những giọt nâu nâu. Tôi nhìn cụ Dực, không biết phải nói gì với cụ, một ông lão chưa hề được bài báo nào nhắc đến tên tuổi. Cụ là ai? Tài năng từ trường Mỹ Thuật Đông Dương ra hay nhờ cha truyền con nối? Tôi ngập ngừng:

"Cháu hỏi... khí vô phép... Cụ làm thế nào để có được cái nền men rạn và cái hình bọt nước?"

Ông cụ tự vỗ vào đùi. Đét. Tiếng cười phá ra:

"Biết ngay mà! Hỏi một câu đáng đồng tiền bát gạo. Cụ tôi trước khi mất, còn căn dặn: 'Ai xin tiền thì cho. Đừng chỉ nghề!' Tôi khác. Người Nhật dạy võ Nhu Đạo cho cả thế giới. Ta chết vì cái tật giấu nghề..."

"Trong Nam, bọn trẻ chúng cháu đã thử... Nói cho đúng, tranh sơn ta, mài nhẵn hay để xần xùi. Thôi thì đủ kiểu, đủ cách. Riêng cháu có ý muốn chứng tỏ, cho phương Tây biết, sơn mài hơn hẳn sơn dầu. Chiều sâu do nắm vững định luật phối cảnh không phải là chiều sâu của chất sơn, phủ nhiều lớp."

Cụ bà ngắt ngang câu chuyện của chúng tôi:

"Chẳng mấy khi... Mời ông dùng cơm với ông cháu. Mấy hôm nay giở giời, mưa nắng thất thường. Độc có một món cá ao nhà... Quyên! Vẩy rau diếp cho ráo nước, mang lên đây, nhanh lên!"

Tiếng con gái, ngoài sân, giọng trong. "Vâng."

Cụ Dực cho tôi uống rượu Cẩm tím lịm, hạ thổ trăm ngày, ngọt mà say đằm. Nhà này vẫn giữ lệ đàn bà, con gái không được phép ngồi cùng mâm với đàn ông, con trai. Thật lòng tôi cũng chẳng thích cái gọi là sự bình đẳng nam, nữ. Chuỗi từ "giải phóng phụ nữ," lừa mỵ, từng làm khốn đốn bao người đàn bà. Sau đàn bà mới tới văn học, nghệ thuật. Một nhà văn nào đó đã nói như thế. Đúng. Người đàn bà Việt Nam như chiếc bóng của chồng con. Nhưng lại là chiếc bóng bao trùm cả giòng họ nhà chồng.Món canh cá dấm khiến cho tôi nhớ đến mẹ tôi, qua hình ảnh bà cụ Dực, cũng rau diếp thái mỏng sợi chỉ.

Nghĩ tới đường rạn nứt trong tranh, theo ý muốn, tôi ướm hỏi cụ Dực:

"Khi nãy, cháu... Cụ làm sao biết cháu cũng vẽ tranh?"

Đặt chén rượu xuống mâm đồng, cụ Dực trả lời ngay:

"Nghề nghiệp của người ta, nó thường hiện lên hai bàn tay. Các kẽ móng tay của ông, nhìn lại xem, cáu chất sơn mài. Rửa cách nào thì rồi nó vẫn đấy. Vả lại, còn nước da nữa chứ, bị lở sơn nhiều lần rồi. Chẳng qua ông khiêm nhượng... Nói chỉ xin được xem tranh. Giấu sao được!"

Kẻ chưa kịp khuất tất đã bị bắt, nhưng được tha thứ. Cụ Dực nói cho tôi yên lòng:

"Cái nghề đi mua tranh, thích mấy cũng chê, cốt dìm giá. Ông đã đứng ngây người ra ngắm, lại còn khen và khen đúng, tất phải là tay khác người. Năm ngoái, ở trong Nam có một tay khác, ra đây chơi. Chắc ông biết tiếng, Nguyễn Cao Đàm ấy mà. Nói một câu mà tôi nghe, cứ sướng mãi, thế này: 'Chụp tre trúc, hình đen trắng, khi xem vẫn thấy xanh xanh.' Thế có thích không cơ chứ?"

"Còn phải nói... Cháu cũng được biết cụ Đàm..."

"Á à ông cũng quen Cao Đàm hả? Hóa ra trời đất nào có rộng lắm đâu!"

"Cụ Đàm chụp bình minh trên sông, đàn ngỗng từ trên bờ, con nào cũng tung cánh lao xuống giòng nước. Ngồi chờ để bấm máy thì đến đời thuở nào..."

"Cũng gay đấy nhỉ?"

"Con ngỗng nào cũng bị trói giật cánh khuỷu. Máy lắp chân đứng. Mở ống kính sẵn. Đợi, khoảng tiếng đồng hồ sau. Cởi trói thật nhanh. Con nào cũng giương cánh lên cho đỡ mỏi. Chụp. Bấm liên hồi, cụ nhé!"

"Á à, được cởi trói, quên béng ngay lúc bị trói. Thì ra cái gì cũng phải mánh..."

Tôi vội chuyển đoạn câu chuyện, theo thời phim câm, chỉ bằng hình ảnh:

"Nền men rạn, hồi nhỏ, cháu có thấy ở mấy cái tráp đựng sớ trong chùa Trần hay đền Voi Phục..." Vô ích!

Mùi nước hoa từ căn buồng phía sau lưng tôi, phả ra. Tiếng bà cụ Dực, nhà ngoài, vang lên:

"Quyên ơi! Thôi chết rồi. Mày không chạy mưa cho bà mớ cau khô, mới rám nắng. Có khổ không cơ chứ!"

Người ở trong buồng nói vọng ra:

"Cháu biết bà phơi ở đâu mà cất?"

Cụ Dực sợ ồn, vội nói chen vào:

"Bà để ở trên giàn mướp. Tôi thấy mà rồi cũng quên."

Cụ Dực như phân bua với tôi:

"Ông đừng chấp nhé... Bà nhà tôi... Từ ngày bố cháu Quyên đi B, mất tích..."

"Cụ dạy quá lời. Cụ bà như mẹ cháu."

"À, lúc mới đến đây, ông nói ai giới thiệu ông nhỉ?"

"Dạ, một anh họa sĩ, bạn học ngày bé của cháu hiện ở Hàng Lọng cũ, chuyên vẽ sơn dầu. Anh ấy vào Sài Gòm tìm mẹ. Bà mẹ rời Hà Nội năm Năm Tư. Thưa cụ, thư của anh ấy đây ạ! Nghe nói cụ rất nghiêm. Cháu đánh liều... Cháu nhận được giấy báo xuất cảnh. Sắp đi nên muốn học..."

"À, cậu Chỉnh, có họ với ông Đoàn Chuẩn. Tôi cũng thích cậu này lắm. Tính thẳng như thước thợ."

Cơm nước xong. Tôi mở cassette. Thu lời giảng của cụ Dực. Ngay câu nói đầu tiên, cụ đã làm tôi choáng váng: "Người vẽ những bức tranh

ở đây là tôi mà không phải là tôi. Bẩy mươi tám tuổi đầu rồi, ông tính xem, đánh vật sao nổi với những tấm vóc? May mà đầu óc tôi còn sáng suốt. Song phải nhờ đến tay chân của cháu Quyên. Nó giỏi lắm đấy! Quyên đâu? Ra ông bảo này."

Cô Quyên, hai mươi mốt tuổi, tóc xõa ngang vai, ngực sừng bò, đẩy hàng lụa lớp áo cánh mỏng, tự nhiên như chính ánh mắt của cô, to đen, lúc chào và nhìn tôi. Tôi không nhìn thẳng vào cô. Trong chiếc gương lớn, nơi tủ đứng, soi bóng người, chiếc yếm cứ phập phồng. Một người mẫu, có nét, để vẽ. Tôi ngỡ là Tuyết của tôi ngày nào, trước khi tôi di cư, đang đứng đây. Người mà tôi cố tìm, suốt một tháng qua, nay vẫn chưa gặp. Cụ Dực, lưng hơi còng, đường xương sống, dưới lớp vải nâu bạc màu, gồ lên. Hơi rượu, mùi sơn và mồ hôi, từ cụ, vị chua ngái mà tôi cảm nhận được. Người ông bảo cô cháu:

"Ông này hồi bé có học vỡ lòng cậu Hán làng Khương Thượng ta. Từng ăn chả nhái và bánh đúc ngô. Hái hoa rau muống về cho chú Ngoạn làm mẫu vẽ. Chỗ quen biết cả. Cháu cứ nói hết"

"Vâng, ông đi nghỉ đi, ông ạ."

"Ờ, vui nên quá chén. Ờ..."

Quyên và tôi làm quen nhau không khó. Cô muốn nhờ tôi, một người ở trong Nam, dò la giùm tin tức của bố cô. Tôi như con trăn tham lam, muốn nuốt trọn cả ổ trứng gà kinh nghiệm, tay nghề của cụ Dực. Cô Quyên, một bất ngờ, tôi phải bằng lòng vậy. Bảy năm sơn mài, vừa làm vừa học, đào sâu bới kỹ, nay người dạy tôi lại là "một con ranh." Tiếng cười cứ khanh khách.

Cô giáo của tôi đi thẳng vào công việc:

"Ông cháu mừng thấy ai hỏi đến nghề Tổ. Chú Chỉnh học thêm sơn mài là để chú ấy vẽ tranh dầu cho tốt hơn thôi. Còn chú?"

"Chú chỉ học. Học thì phải hỏi."

"Cháu sẽ nói tất cả những gì mà ông cháu đã chỉ. Cháu cũng khổ về cái nghề này lắm. Thuê thợ, phần đông, không làm nổi. Người nào mà ông cháu vừa ý thì sau họ cũng tách ra. Làm riêng, lợi nhiều. Cháu làm mãi, sợ hỏng hết tay."

Tôi thoáng nhìn, những ngón búp măng hồng. Chỗ mà hai bàn tay kia đặt vào, tốt nhất, có lẽ là bàn phím dương cầm.

"Chờ cháu một tí. Cháu vào xem bà cháu đã buông màn cho ông cháu chưa. Không khéo muỗi đốt chết..."

Người bộ đội trong tấm hình treo trên vách, trạc tuổi tôi, ngoài nụ cười ra, cả gương mặt đều chìm sâu trong khắc khổ. Anh chết cho ai? Nhà có hai người tài hoa mà chỉ được thả cửa sống nghèo. Chỉnh kể: "Năm Bẩy Nhăm cụ Dực bị tù, không án, sáu tháng. Tội bán tranh cho một nhà báo Thụy Điển, tiền mất tật mang. Quan hệ bất minh với người nước ngoài. Nếu là nhà báo Mỹ thì ông cụ không có ngày về. Thế nên cái Quyên nó mới phải học mài. Mười bốn tuổi, nuôi ba miệng ăn, sợ chưa. Gạo trắng, giá chợ đen, châu ngọc cũng thua. Cái ngữ tao, xoay thế đếch nào được. Ông cụ cũng gàn. Nhất định không chịu làm hàng chợ. Mày nên mua tranh, mang đi! Tao có cách."

Cô Quyên đi ra. Mở cuốn sổ lớn, chữ như gà bới, các góc giấy cuộn tổ sâu, cong tớn. Tôi cảm thấy thương yêu Quyên như thương yêu Quỳnh, con gái út của tôi. Ảnh nó chụp gần, ngọn tháp Eiffel ở xa, mới gửi về. Tóc bay, nói thật, như mây. Mắt trong sáng chứa đầy tự tin. Quyên không một chút tự tin, chỉ tự nhiên:

"Nét chữ của mẹ cháu đấy. Ông cháu đọc, mẹ cháu chép. Mẹ cháu đã đi lấy chồng. Tuần

NGỌC LAN

LIÊN HOA

Tôi mơ về Đà Lạt
Chiều nao mờ khói sương
Thấp thoáng hoa mận trắng
Quanh co mấy nẻo đường

Tôi nhớ về nơi cũ
Không tà áo ai bay
Mầu áo len đỏ thắm
Tóc huyền mềm trên vai

Nụ cười em tha thiết
Đầu dốc nẻo về trường
Đuôi mắt dài vô tận
Lệ bây giờ còn vương

Yêu nhau mà không nói
Biết đời chia ngàn phương
Sánh vai đi một buổi
Cho ngày sau nhớ thương

Cầm tay thêm lần nữa
Không hẹn gì đời nhau
Như hai người lữ khách
Tình cờ chung chuyến tàu

Bốn phương đời biền biệt
Hai mươi năm qua mau
Có bao giờ em hỏi
Bạn xưa giờ nơi đâu

tới, cháu rỗi việc, chú lại đây. Sẽ có mấy tấm vóc gỗ dổi. Nào, chú ghi đi! Cả một quyển sách..."

Quét một lớp sơn cánh gián không pha nhựa. Đừng đầy quá. Sơn sẽ dăn. Buồng ủ thật ẩm. Chóng khô. Vài giờ sau sơn dâm dấp dính. Đem ra. Đánh cho bông lòng trắng trứng trong bát. Bút to bản, lông mềm, quét nhanh tay, xuôi một chiều. Hong ra gió. Lòng trắng trứng khô, kéo sơn rạn nứt ra từng miếng. Ủ tiếp. Sơn khô hẳn. Rửa sạch lòng trứng. Coi chừng sây sát. Ủ nữa. Mài nhẹ và đánh bóng... Tôi không ghi chép. Chiếc máy cassette đã làm công việc ấy thay tôi. Tập bản thảo của cụ Dực, ăm ắp những điều mới lạ, phải được xuất bản.

Tối hôm ấy, tôi tính tìm nhà trọ, gần ga Hàng Cỏ. Nghĩ ngợi nhiều. Người ta gọi cụ Dực là nghệ nhân. Sai. Đấy là một nghệ sĩ lớn lao. Tôi nhớ mãi câu nói của cụ: "Đốt váng sơn, lấy khói hơ, trị được chứng sơn ăn làm da xưng ngứa. Dĩ độc trị độc. Người của chế độ nào đứng ra lật chế độ nấy là nhanh nhất. Tôi sống như cây sơn, tháng Tư ra hoa, tháng Chín quả già. Nhiều hoa với quả thì cây ít nhựa. Thà vẽ ít mà tranh sống lâu!"

Người cháu gái của cụ, cô Quyên, gây cho tôi nhiều cảm xúc đáng ghi nhớ. Tới nỗi tôi thật tình nghi ngờ chính mình. Biết cả tên khoa học của cây sơn để làm gì? Tôi nắm vững phản ứng hóa học, vì sao độ ẩm cao, sơn lại chóng khô. Cụ Dực không cần những thứ ấy. Tôi thu mười lăm cuộn băng, sau hai tuần lễ, giọng Quyên trầm ấm. Chưa mó được đến tấm vóc nào. Tôi còn phải giúp cụ Dực. Chép lại quyển sách cho sạch sẽ và sửa chữa nhiều lỗi sai chính tả.

Nhưng cũng nhờ cụ Dực và Quyên mà tôi biết được khá nhiều về sơn mài ngoài Bắc. Sự khác nhau giữa sơn sống pha dầu trám và dầu hạt điều? Đất thó Bình Dương, rây mịn như bột sắn, pha vào sơn sống, keo lại tốt ngang đất thó Bát Tràng. Sơn nước thì trộn mạt cưa nặng hạt gắn lên mặt ván gỗ hoàng tâm, sau đó bó lại bằng sơn trộn mạt cưa nhuyễn. Dù mạt cưa gỗ gì cũng gây cho tôi một ấn tượng, hồ như tình cảm keo sơn gắn bó. Trên con đường Nam tiến, người mình đi vào vùng đất mới, mở rộng chân trời, mang theo cả thơ và tranh. Thơ cũng vẫn thơ tình. Nhưng không chỉ "Đêm qua ra đứng bờ ao," mà dàn dụa sức sống "Gió đưa con nước lên bờ. Mùng ai có rộng cho tôi ngủ nhờ cái tối hôm nay." Sơn mài cũng thế, con sông ra biển thì nước mặn dần, sơn Nam Vang nặng mùi, sơn phú Thọ hăng hăng. Tấm lòng rộng rãi, một chục mười hai cho tới mười tám, khiến những người mài tranh ở đất Bình Dương cũng hào phóng nét cọ và đề tài. Nhưng hồ rộng, thường không sâu, tôi muốn về tìm lại cái tình thâm trong tranh ngoài Bắc.

Làm sao quên được lời sư cụ chùa Trấn Quốc: "đạo Phật dạy ta vô tâm để hữu tình — yêu ai mà làm cho người ta khốn khổ thì chính mình cũng chẳng sung sướng — Cái tâm chấp ngã là nguồn gốc mọi khổ đau — Nam Mô A Di Đà Phật." Tôi yêu quá đi những hàng cau và kè đá nơi lối vào cổ tự. Nếu không kiếm được nhà trọ, tôi sẽ về chùa xin ngụ qua đêm. Lại ngại. Đêm hôm người ta khám xét giấy tờ, tại chùa, không phải là điều hạnh phúc. Nhưng tôi sẽ không về nhà chú thím tôi nữa. Thím tôi, đẹp và tươi, lúc nào cũng cười. Lộ ra mặt một tâm hồn trong sáng mà tôi phải gọi là gương. Tôi cũng thích trà hoa cúc, thím mới pha. Nắp ấm kênh, hôi xông hương, thơm lừng căn gác. Tiếc.

Trước khi tôi đi đến cụ Dực, chú cháu tôi chia tay nhau tại một quán cà phê đường Nguyễn Du, gần Hội Nhà Văn, chú dặn:

"Nói là học thì không ma nào nó dạy cho đến nơi đến chốn đâu. Phải mánh. Đóng vai dốt đặc hội họa. Đặt vẽ tranh rồi lân la ngày một, ngày hai đến hỏi xong chưa. Chỉ dăm lần là rút hết ruột gan chúng nó. Người trong Nam như cậu, thẳng ruột ngựa, chỉ có thua thôi!"

"Vâng, để cháu liệu..."

"Đừng để chúng nó vắt bò sữa... Nhớ về sớm, hôm nay thím cậu nấu bún riêu. Bà hàng! Cho hai gói ba số."

Câu chuyện ban sáng cứ ám ảnh tôi. Bố tôi và chú là hai anh em cùng cha khác mẹ. Gần chú ít ngày, tôi bỗng ngài ngại cái gọi là người cầm bút, cùng hội hè của chú, khoảng non năm trăm nhà văn. Không thể vơ đũa cả nắm. Nhưng Chỉnh từng sấng giọng với tôi:

"Chúng nó ăn lương nhà nước. Phản kháng cái con mẹ gì? Đừng tưởng bở! Tất cả đều nằm trong chiến lược tự phê của Đảng. Mày mắng một đứa bé và bà mẹ nó mắng nó, cùng một tiếng 'đồ chó'. Nhưng hoàn toàn khác nhau. Hiểu chưa?"

Không ghê. Tôi sợ. Những bản văn nẩy lửa của chú, cho tôi xem, thời đổi mới. Nhớ lại, không một giọng đòi chấm dứt nạn con buôn chính trị độc quyền.

Tôi về nhà chú thím, trả xe Dream. Lấy túi xách. Tính đi ngay. Nhưng trông thím, bưng bát bún riêu cùng nụ cười của mẹ tôi, lúc người còn sống, săn sóc tôi. Tôi đổi ý. Còn no mà vẫn phải ăn. Xong, tôi xin phép thím cho tôi xuống phố.

Đêm cuối năm, trời Hà Nội trở mình, rét ngọt. Tôi ngồi trên Bờ Hồ nhìn ra tháp Rùa, ngắm gương nước tranh tối tranh sáng. Ánh đèn đường, bên kia nhà Thủy Tạ, hắt xuống những mảng màu vàng đất và ve chai xanh lục. Nền đen của bóng nước, đôi chỗ còn lộ ra nhiều mảnh sáng nâu. Sắc trời, sau các mái nhà cổ và những vòm cây vẫn tối hửng màu chả quế, yếu ớt. Ánh sáng từ gương nước lại hắt ngược lên các thân cây ven

hồ. Vòm cây nào lá non, nom như ngọc xanh. Tôi nghĩ mình sẽ phải làm một tấm tranh trừu tượng, đêm Hà Nội. Ít màu, nhiều sắc. Mấy người quét đường đang hươ những nhát chổi trên phố vắng. Xèn xẹt. Mao gọi họ là Thanh Đạo Phu. Đêm tan hát, vở Hồ Thiên Nga diễn tuần thứ hai, tiếng guốc canh cách, tiếng giầy lộp cộp. Sài Gòn sống về đêm. Hà Nội ngược lại. Suốt dãy phố, phía bên kia hồ, không một cánh cửa mở, dù chỉ hé thôi cho chút ánh sáng từ trong nhà lọt ra ngoài. Ai xa nhà, như tôi đêm nay, cũng cần chút ánh đèn sau khung của sổ, có kính che hoặc màn gió chắn cũng được. Thành phố chết, khuya Hà Nội yên ắng lạnh người, tới độ phong cảnh trở thành tĩnh vật. Tại sao họ sống khổ, những người như cụ Dực làm đẹp tranh sơ mài và phu quét rác quanh hồ Gươm? Vẻ đẹp, khác cái xấu, ở chỗ phải đi tìm mới ra nó. Tôi đoán không lầm.

Quyên đã kể: "Ông cháu học nửa chừng, bỏ ngang trường Mỹ Thuật Đông Dương, khóa hai 1925 - 1931. Các cụ Trần Văn Cẩn, Nguyễn Gia Trí, Tô Ngọc Vân, Nguyễn Đỗ Cung, Nguyễn Thị Kim... nên danh phận nhờ nhà nước nào họ cũng chịu. Miễn là có giải thưởng và cho bày tranh. Bà cháu nói tài như ông cháu thì ích gì. Chỉ tổ thêm khổ vợ, khổ con!" Cái tâm cụ Dực làm khổ cái thân, phải chăng vì quá chấp ngã? Cũng vàng, bạc, son, then mà tranh của cụ Dực, theo tôi, đẹp hơn. Không bởi cái vững vàng của tay nghề. Mà ở sự đau khổ do cái vững vàng nhân cách, của người nghệ sĩ thứ thật, tạo ra. Vóc thẳng, cạnh vuông và nhất là phải sạch. Sơn mài không chịu nổi những gì lợn cợn, dù chỉ một hạt bụi, chút mồ hôi tay.

Sư cụ chùa Trấn Quốc bảo: "Lúc vẽ, ông thử nghĩ ông đang Thiền, xem sao? Đem Thiền vào tranh chỉ là lấy thúng úp voi! Cái vô hạn không nằm trong cái hữu hạn. Chủ nghĩa nào cũng nhỏ nhoi. Học từ cái nhỏ nhoi để làm ra cái lớn lao. Nhưng đừng quên dân tộc mình là vô hạn, ông ạ!"

Quyên đích thực là một cô giáo nhà quê: "Laccaz, như chất men trong nhũ tương sơn, làm lưới hóa Laccol, oxýt hóa trùng hợp, tạo màng cứng. Chú đừng nói nữa. Cháu nhức đầu lắm! Y như các ông sư thích đọc — Tu lị tu lị tu bà ha! — Chẳng ai hiểu gì sất cả! Mặt sơn phủ cuối cùng mới là quan trọng! Lá sơn là váng sơn. Không phải lá trên cây sơn. Nhấc lá sơn lên, vài phút, thấy ngả sang màu xậm là vừa. Dùng được rồi đấy. Chú vẽ đi!" Tôi thích thế.

Tuyết của tôi, ngày trước, cũng bướng bỉnh... "Tuyết ơi! Tuyết ơi!" Tôi trở về tìm lại tuổi thơ, em và mối tình đầu. Tuyết mười sáu, đêm chia tay, người ở lại, kẻ vào Nam. Tuyết không khóc, nói "Hai năm sau, chúng mình sẽ gặp lại. Đi làm gì, bố em bảo thế!" Tuyết đưa cho tôi một cuốn Kiều, bản in lớn với tranh minh họa của ông Mạnh Quỳnh, cười cười và bảo: "Hôm qua, em đã bói một quẻ, chẳng làm sao hết, anh đi rồi anh lại về." Món quà ấy, năm Bảy Lăm, mất ngay trong đợt đầu người ta gom thu và đốt sách. Tôi nghĩ là quyển Kiều, đâu đó vẫn còn, trong tay một người khác. Tuyết cũng thế, chưa chết. Chuyện bói Kiều hồ mờ. Tôi không tin. Song, đó là tia hy vọng. Tìm ra Tuyết, hy vọng, tôi sẽ gặp được con tôi. Nhà cũ của Tuyết nay đã đổi chủ. Ngày ấy, Tuyết kèm lá thư trong quyển Kiều. Tôi về nhà lo đóng gói đồ đạc. Vào Sài Gòn mới thấy lá thư. Tuyết báo tin, tháng Chín năm Năm Tư, "tháng này em không thấy..." Thím tôi kể. "Một lần gặp thím ở chợ Hôm, cô ấy khóc. Dại dột thật. Cô ấy cứ đinh ninh rằng anh sẽ dứt ra chẳng nổi. Không ngờ anh đi thật. Cháu gái nom khá khỉnh. Thôi, mỗi người một số... Đạo gì mà dạy con người thương yêu nhau song lại không cho người ta lấy người khác đạo. Thật chán mớ đời! Số phận của dân tộc này, gần như mỗi nhà, đều trông tìm một người thân nào đấy!" Thím khóc. Tôi quay mặt đi. Tôi đang sống ở kiếp khác. Mai này, sang Paris với mẹ con Quỳnh, lại một kiếp khác nữa. Có điều thiếu cháo lú, nên hồn vẫn nhớ quay về chốn cũ.

Chỉnh đã nhắc tôi ở ga Hòa Hưng: "Hà Nội trong trí nhớ và Hà Nội ngoài đời khác nhau đấy nhé! Ít nhất về mặt tạo hình. Mày phải nhớ, mới và đẹp, nhưng chúng ta có quá nhiều tranh tố nữ. Chưa có những bức như Guernica thì mọi cái mới và đẹp khác sẽ còn bị vùi dập. Tao không chọn đàn bà đẹp mà chỉ vẽ ăn mày, đĩ điếm và hủi lở. Là thế ! Tao biết ông Phái sống ra sao nên phố Hà Nội của ông ấy mới đẹp quằn quại. Mê hồn!"

Đêm ấy, tôi về nhà chú thím. Khó ngủ. Bức tranh sắp vẽ đã lỗi thời. Buồn cười. Chú tôi bảo:

"Bọc ny-lông ngoài tranh quý. Rồi bó vải với sơn như tấm mới. Xong, vẽ lăng nhăng lên. Thiếu nữ, chẳng hạn. Hải quan biết đâu mà rờ!"

Không. Sự từng trải cách mạng kiểu ấy chỉ làm hại nghệ thuật. Tôi sẽ học thêm, bằng được, cách làm những hạt nước mưa trên hồ Gươm. Cây lá ngoài vườn rì rào mãi. Ngậy một mùi hoa quen, thời thơ ấu, nhưng tôi quên khuấy mất tên gọi. Vị chát sung xanh, ăn ghém với bún riêu, còn đọng lại nơi cổ.

Chắc gì con đường nào, đêm đêm, cũng có người đi, mất hướng về phía nguồn sáng? Dẫu mất ngủ, tôi vẫn không chịu đóng cửa sổ và nhất định không tắt đèn. Nằm quay mặt vào vách, lát sau, tôi nghe thấy giọng chú tôi ngái ngủ. Đôi dép kéo lê trên sàn, kêu loẹt quẹt, tới chỗ công tắc điện, gần nơi cửa phòng tôi. "Cách!." Tối om. Rèm lay và bóng lá cuống cuồng. Khuya lồng lộn gió. Tấm màn tuyn, mặt ống kính vạn hoa của trời đất, run lên bần bật.■

QUÁN TÍNH

TRẦN DOÃN NHO

Cô đến Mỹ như một kẻ bị lưu đày. Trong lúc mọi người vui mừng túi tít vì được đặt chân đến vùng đất lạ với biết bao điều mới mẻ, cô lại dửng dưng, lạnh lùng, gần như vô cảm. Cô cũng đi, đứng, nằm, ngồi, sờ, mó, ngắm nghía mọi thứ, nhưng tâm hồn cô rỗng không. Tất cả đều chẳng dính dáng gì đến cô. Ban ngày, cô theo mọi người đi đó đi đây, ăn uống, mua sắm... như một cái máy. Ban đêm, khi mọi người đã đi ngủ, cô một mình mở cửa bước ra sân sau, nhìn lên khoảng không gian vô tận. Trời đất mênh mông quá. Ngày tháng cũ vời xa thăm thẳm, mất hút đâu dưới khoảng chân trời mờ mịt. Ngà cứ chập chờn thoáng hiện vây quanh. Đôi mắt to, lưỡng quyền cao, những nốt mụn đỏ quanh mũi, những chiếc răng cửa lộn xộn, không đều, miệng rộng, chiếc cổ cao có nốt ruồi nằm gần vai, tiếng cười giọng nói rổn rản, hơi thuốc lá và thỉnh thoảng mùi rượu... À, cái áo chim cò, hai túi có bách gài, cái hộp quẹt màu xanh lục, những ngón tay dài, nhám sục sạo như con rắn bò. Còn nữa. Chiếc nhẫn Mỹ to, có chữ N nổi ở phía trên. Bữa đó, Ngà hôn lần đầu. Cái miệng thở phì phò, nóng hổi bên tai, áp vào má, rồi lên môi. Cô luống cuống, người nóng như lửa đốt. Lần cuối cùng trước khi chia tay, cô kéo đầu Ngà xuống hôn lấy hôn để, nhưng Ngà thụ động, buồn bã, ngẩn ngơ. Đến lúc giã từ, Ngà không nói gì, tuyệt không nói gì. Ngà đứng như cái cột trụ xi măng, mắt nhìn cô không chớp. Giờ nhớ lại, cô không hiểu tại sao lúc đó cô đủ can đảm bước đi, để Ngà đứng đó một mình. Vào Sài Gòn, gần ngày đi, cô buồn, nhớ, khóc nhưng không đủ can đảm quay trở ra như Ngà đề nghị. Cô cắn răng ra đi với gia đình trong một trái tim tan nát và một hy vọng gặp lại hão huyền.

Cô một mình, một mình, nỗi sầu trĩu nặng.

*

Mẹ cô nói:

"Mẹ biết con buồn. Nhưng rồi con sẽ quên. Mẹ đã từng yêu, nên mẹ biết. Tình yêu đầu lúc nào cũng da diết, sôi nổi tưởng như mất đi, mình không sống nổi. Nhưng thường thì tình yêu đầu bao giờ cũng nông nổi. Ngà không xứng với con đâu. Mà rồi hắn cũng quên con thôi."

Cô im lặng. Mẹ bao giờ cũng có lý. Đúng là giữa Ngà và cô có một khoảng cách lớn. Bây giờ cô ăn đồ Mỹ, mặc quần áo Mỹ, đi học trường Mỹ, lái xe hơi Mỹ. Cô có những thứ mà hồi ở Việt Nam cô vô cùng ao ước, nhưng không thể nào có được. Trong những lá thư đầu cô dấu mẹ gửi cho Ngà, cô nói đến nỗi buồn mênh mông của cô trên xứ lạ quê người, tình cảm nhớ thương da diết của cô đối với Ngà và mong muốn được mãi mãi sống bên Ngà. Bù lại, cô nhận được thư của Ngà với những lời yêu đương nồng thắm, những nhớ nhung chất ngất. Ngà nhắc nhở lại từng kỷ niệm. Góc phố, hàng chè tàu, đồi núi, đền đài, quán nước, chợ, tấm hình, chiếc xe đạp, bà mẹ, tấm phản... Cô như được sống lại hết thảy cả một quãng đời thơ mộng. Cô bồn chồn, rạo rực với những ngày vui không còn nữa.

Cứ nhắc lại mãi niềm thương nỗi nhớ rồi cũng chán, cô đổi đề tài. Cô bắt đầu viết cho Ngà về đời sống ở Mỹ. Cô lái xe như thế nào, đi chợ như thế nào, đi học như thế nào... Kèm theo, cô gửi về cho Ngà tấm hình cô chụp trước nhà với ba chiếc xe hơi bóng loáng. Cô mặc đồ đầm, mặt mày không lấy gì làm vui lắm. Cô nôn nóng trông thư. Lần này, thư Ngà đến chậm. Thư ngắn, chỉ viết chưa đầy một trang giấy. Lại giấy học trò. Toàn những lời trách móc, than thân trách phận. Cô viết thư về thanh minh cho hoàn cảnh của cô, đồng thời với những lời hứa hẹn. Không hồi âm. Cô viết nữa. Lại không hồi âm. Cô giận, cô hờn, nhưng chẳng biết làm sao được. Cô tưởng tượng nếu gặp Ngà đâu đây, cô sẽ cắn

vào tay anh chàng cho chảy máu mới hả.

Và rồi, cô bắt đầu quên. Mỗi ngày quên một ít. Cho đến một hôm, cô thức giấc nửa đêm, bước ra ngoài trời, nhìn bầu trời sao và ánh sáng rực rỡ muôn màu của thành phố, lòng cô bỗng hân hoan, phơi phới. Như một phép lạ, cô đã được đến đây, ở đây. Cô đã được hóa kiếp. Nhìn về chân trời, nơi cô ở, sao bây giờ xa xăm quá, nghèo nàn quá, buồn quá. Ngà bỗng xuất hiện trong cô bằng một hình ảnh tầm thường, ngớ ngẩn. Áo quần quê mùa, xấu xí. Ăn nói vô duyên. Đã thế, học hành chẳng ra gì. Tiếng Anh không biết. Nhà cửa nhớp nhúa. Bà mẹ Ngà lại cứ bỏm bẻm nhai trầu, bập bẹ điếu thuốc vấn, trông đến khiếp. Chưa kể muỗi cắn và mùi gì cứ bốc lên hôi hám trong nhà Ngà.

Hôm sau, cô lục thư Ngà ra, xem lại. Những chiếc phong bì nhỏ, xấu xí, những hàng chữ nguệch ngoạc, viết cái địa chỉ Mỹ trật lên trật xuống, chỗ thiếu chữ t chỗ thừa chữ s. Đã thế, viết qua Mỹ mà trên bì thư lại đề họ trước tên sau, lại còn đủ thứ dấu sắc huyền nặng hỏi ngã. Tên người ta bây giờ là Phuong Thao Ngo, anh chàng lại cứ đề Ngô Thị Phương Thảo, nghe quê một cục. Nhất là có đoạn Ngà nhắc đến cái quán may đầu đường của cô. Qua đây, người ta đâu có còn là con bé thợ may tầm thường, trình độ lớp tám nữa. Bây giờ ta đi học high school cà! Lại có trợ cấp. Ta nói được tiếng Mỹ và biết nhảy nữa. Ta văn minh hơn bên đó nhiều. Mai mốt có tiền ta sẽ về thăm, ta ăn mặc

THƯỜNG QUÁN

CHUYẾN ĐI

Đã rút đi lũ gió sói dầy dẫm suốt đêm một trận bãi lửa tàn
Trong con mắt đỏ khan sáng nay
chỉ những khối mây
trồi lên
gió đánh dạt
chỗ sụp rơi
Cột Sóng Đứng
lặng lẽ màu xám. Đường núi thấp
giậu rào bao che rách hở
bọt trắng mỏng hàm ngựa hớp
bầu không xa.

Bụi nước mặn, người và thú, đậm đặc, hoen rỉ, thương tích
tất cả quàng quấn lại:
vào chuyến đi.

Chân trời viền môi
lầm lầm thôi miên
những tảng bóng cuối
núi điểm danh lần cuối
những con mắt sao
nhỏ giọt
trên cát lạnh
những âm xa vắng hao hụt, rời rạc, vắng mặt
những bạn đồng hành đá khuỵu gối
Om Đỉnh Cao
Hum Vực Sâu

Chân trời hun hút
gió ướt trên trán
vò nát ném xuống điều gì không thể

một kẻ đứng dậy
đặt vào lòng tay tôi
viên sỏi, đen đủi

Cát xám hàng dương vô hình bùng lên, lại bụi lửa
hơi hướm xác cháy thân gỗ người súc vật làng mạc
hơi ấm đất tro

đồ Việt kiều, ta tiêu tiền như nước cho bà con xóm giềng lé mắt chơi. Đâu có như xưa.

Cầm lui cầm tới, ngần ngừ một hồi, cô ném từ từ những lá thư của Ngà vào giỏ rác, gần bàn học. Còn cái ảnh, cô cũng định ném luôn, nhưng tự dưng, thấy Ngà tội nghiệp. Dù sao, anh ta cũng yêu nàng. Suốt đời, anh ta sẽ bị nhốt trong cái mảnh đất nghèo nàn, buồn bã đó. Thôi, giữ chiếc ảnh để trong album như một kỷ niệm thuở thiếu thời, cũng vui.

*

Mẹ cười, nói với cô:

"Con thấy không, mẹ mấy khi nói sai. Bây giờ con đã thấy rõ chưa. Thằng Ngà tội nghiệp thật, nhưng chỉ là một thằng nhà quê, sao mà cân xứng với con cho được. Ở đây, con xem, khối người, cho con mặc tình lựa chọn. Bạn bè của ba đông, con cái họ cả bầy, đứa kỹ sư, đứa dược sĩ, đứa thầy giáo, đứa chuyên viên... Con thích loại nào? Theo mẹ thấy, cứ từ từ. Con giao du rộng rãi vào, tìm hiểu đứa này đứa nọ, thế nào chẳng dính được một đứa tài đức vẹn toàn cho ấm tấm thân."

Ừ, thì mẹ đã nói là đúng. Mẹ là mẹ mà.

Thế rồi, cô đi học, cô đi làm thêm, cô đi chơi. Mặt mày cô càng ngày càng trắng ra, hồng hào, đẹp đẽ. Cô mặc váy ngắn, váy dài. Cuối tuần, cô đi dự "pa-đi", nhảy nhót tưng bừng. Sinh nhật cô, cô xin ba mẹ tổ chức thật lớn, mời cả trăm người, có giàn nhạc sống, có quay phim, có karaoke, có nhảy đầm. Không mấy chốc, cô cảm thấy mình biến thành tiểu thư. Nhớ lại mấy con bạn nhà giàu ở Việt Nam - cái mặt cứ dương dương dễ ghét - đâu có thấm gì với cô bây giờ. Bọn chúng làm gì có xe hơi, có computer, có TV cái lớn cái nhỏ, cái để trong phòng khách cái để trong phòng ngủ... Cô tự nhủ, mình cứ ăn cứ chơi, không tội gì mà yêu vội.

*

Trong số nhiều thanh niên thường hay lui tới nhà cô, có một người để ý cô nhiều nhất. Anh ta chẳng có gì đặc biệt, mặt mày thường thường, thậm chí hơi xấu trai. Anh ta có nghề nghiệp, chịu khó làm ăn, nhưng không có gì gọi là giàu có. Khi gia đình cô vừa sang, anh là một trong những người đầu tiên tình nguyện giúp đỡ. Anh bưng ghế, khiêng bàn, chở đi chợ, đi làm giấy tờ, đi xin trợ cấp. Nhờ đâu làm đó, việc gì cũng chu đáo. Hầu như một hai bữa, anh ghé nhà một lần, ngồi con cà con kê, kể đủ thứ chuyện về nước Mỹ. Mẹ, chị và các em cô ngồi quanh, say sưa lắng nghe. Nhiều lúc, anh ta mang đến một thùng bia, ở lại uống với ba cô đến nửa đêm mới về. Anh biếu nhà cô một cái VCR mới toanh. Rồi thì, khi đồ ăn, khi tiền bill, khi đi shopping..., anh tìm cách trả giùm và không bao giờ lấy lại. Đặc biệt, anh chiều cô hết sức. Cô muốn gì được đó, kể cả những lúc cô nói đùa.

Mẹ cô bảo:

"Người ta có tình, người ta giúp mình, thì mình cứ nhận cho người ta vui, đâu có sao. Mình mới sang, ai cũng có bổn phận phải giúp đỡ mình. Sau này, có điều kiện, mình trả ơn lại chứ vội gì. Còn nếu người ta có ý định lợi dụng thì cho 'de' luôn, cho đỡ phiền hà."

Cô cũng nghĩ như mẹ. Vì thế, cô tiếp tục giao du với Ấn - tên chàng trai - một cách vui vẻ, bình thản, không băn khoăn, thắc mắc, đề phòng.

Cho đến một hôm. Lần đó, Ấn mời cô đi ăn và mua tặng cô một chiếc áo ấm đắt tiền. Trên đường về nhà, Ấn dừng xe ở một đoạn đường vắng, xin cầm tay cô. Cô chịu. Ấn bảo Ấn yêu cô, cô nói lửng lơ. Về nhà nghĩ bụng, đâu có dễ yêu thế, anh chàng cho một món quà, rồi tưởng bở!

Lần sau, rồi lần sau và lần sau nữa, Ấn tiếp tục mua quà tặng cô, tặng mẹ cô và tiếp tục tỏ tình. Cô tiếp tục lửng lơ. Nhưng rồi, đùng một cái, cô đâm ra yêu Ấn thiệt. Cô để cho Ấn hôn và cô cũng hôn Ấn cuồng nhiệt.

Cái anh chàng xấu xí này mà sao đáng yêu thế!

Mẹ nói:

"Thằng Ấn này không xứng chút nào với con cả. Hắn ở đây lâu thật, có tiền thật, có ơn với gia đình mình thật, nhưng dù gì đi nữa hắn cũng chỉ là thằng thợ sửa xe. Sang tới Mỹ mà lấy một thằng sửa xe làm chồng à!"

Nghe mẹ nói thế, cô lại thao thức, băn khoăn. Cuối cùng, như đã từng bỏ Ngà để ra đi, cô quyết định không yêu Ấn nữa. So với lần trước, lần này cô quyết định mau chóng hơn, nhẹ nhàng hơn và ít vướng mắc hơn.

Mẹ cô dặn:

"Con đừng cắt đứt vội, vừa tội nghiệp, lại vừa mất nhờ. Dù sao, hắn cũng có tình hơn mấy đứa khác, Con cứ từ từ mà xa hắn."

*

Cô nghe lời mẹ dặn.

Từ đó, cô không còn biết yêu nữa.■

12.1995

> Nếu phải lập bàn thờ cho một cái gì của con người thì tôi thích thờ di hài trái tim hơn là di hài của thiên tài.
>
> — *Lacordaire*
>
> Làm hài lòng dân, không làm thất vọng những bộ óc lớn, đó là cách ngôn của kẻ biết cầm quyền.

HỒNG KHẮC KIM MAI

KHÔNG NÊN LỜI

Thở hơi lạnh
Thịt da rên buốt
Nghe trong tạ
Biển hồn mênh mông
Tiếng não nùng
Chùng sâu cội rễ
Ta nằm yên
Gác mộng bên đường
Để ta quên chính ta!

Nếu chẳng được sinh ra
Có lẽ là khỏe
Vì con người trên thế gian
Rất phiền lụy
Cho nên
Được sinh
Có nghĩa là đang chết
Được chết
Có nghĩa đã trả xong thôi!

Quả đất tròn hay không
Chưa chắc biết
Nhưng nỗi sầu bi
Rất diệu vợi
Rất tròn
Của kiếp người
Cất khóc ban đầu
Đến lúc nằm yên
Không động
Không tĩnh

Thở hơi lạnh
Thịt da tan biến
Nghe quanh ta
Thoáng thoáng phiêu du
Nghe vây ta
Cõi cõi sương mù...

(Cầu xin cho linh hồn
uẩn ức của Hồng Khắc Lê Minh
được siêu thoát)

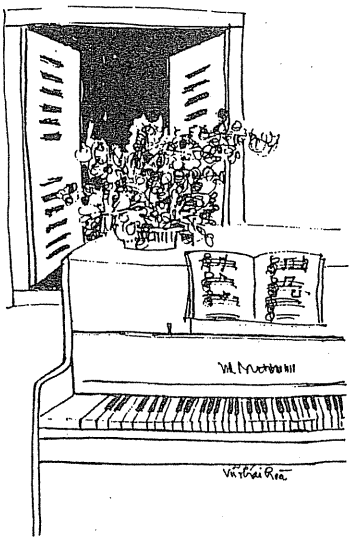

NHƯ TÊN CỦA ĐỜI

Có giọt mưa non rưng rức đầu xuân
Có cuống liễu xanh tươi cong mày tầm
Có chút tình si nuôi trong gió kín
(Đốt lửa hong lòng suốt mấy tháng đông)

Anh đã về hơ nóng ngọn anh đào
Anh đã về nhã nhạc phím thanh tao
Tay anh ấm sờ đâu môi cũng nở
Nắng đa tình chết đứng những hàng sao!

Vẫn yêu thương đó muôn năm dành dụm
Đất với Trời có lúc cũng giao duyên
Là lúc tơ trắng đơm mây thành cụm
Khắn khít nên lời tiếng hót chim quyên

Rất nhỏ nhẻ bông cải vàng đưa đẩy
Mây non cao bay nhanh phất đỉnh đầu
Rất bẽn lẽn Đêm nằm nghe vương vãi
Phút đưa tình ong bướm tận thâm sâu

Rồi cây táo sẽ kết trái ngon tươi
Rồi E VÀ sẽ có như thần thoại
Rồi trẻ thơ lăng xăng trong góc nôi
Rồi rứa đó Thế Hệ mang tên Đời

TÊN TỬ TÙ "XỬ LÝ NỘI BỘ"

TRẦN THƯ (VN)

LTS - Trần Thư là một thanh niên trí thức Hà Nội đi theo đảng Cộng sản từ thời bí mật. Ông đã chiến đấu trong thời kháng chiến chống Pháp, rồi về làm báo Quân Đội Nhân Dân. Ông bị bắt năm 1967 trong "Vụ Án Xét Lại" khi Lê Đức Thọ bắt nhóm Hoàng Minh Chính, Đặng Kim Giang v.v... Hiện nay ông ở Hà Nội, đang bị bịnh ung thư, không thể chữa trị. Đoạn này trích trong cuốn Câu Chuyện Của Tên Tử Tù Xử Lý Nội Bộ, hồi ký của Trần Thư, do Văn Nghệ xuất bản, và phát hành trong tháng Năm, 1996.

Từ thuở cha sinh mẹ đẻ đến ngày tôi bị bắt cuối tháng 12/1967 tôi đã gặp anh Hoàng Minh Chính tổng cộng ba lần (nếu không tính một đôi lần trước đó, chúng tôi gặp nhau trong hội nghị triết học, khi ấy chúng tôi chỉ mới biết nhau sơ sơ nên chỉ chào hỏi xã giao).

1. Lần thứ nhất là vào giữa năm 1965, một buổi tối tôi đi dự cuộc họp phụ huynh học sinh trường nhạc, nơi con gái tôi đang học. Đến nơi thì thấy anh Hoàng Minh Chính cũng tới dự và lúc ấy tôi mới biết anh cũng có một đứa con gái học nhạc. Tôi kể rõ như vậy để nói rằng lần ấy chúng tôi gặp nhau là hoàn toàn tình cờ. Trong cuộc họp, Chính ngồi một góc phòng, tôi một góc khác. Họp xong gặp nhau ở chỗ lấy xe đạp, tôi hỏi thăm anh ở phố nào? Phố LÝ Thường Kiệt. Ồ, tôi ở Bà Triệu vậy ta về cùng đường. Thế là chúng tôi đạp xe sóng đôi. Thời gian ấy Cách mạng văn hóa Trung Quốc đang rầm rộ cho nên chúng tôi cũng nói chuyện Cách mạng văn hóa Trung Quốc. Đến ngã tư Lý Thường Kiệt, chuyện đang sôi nổi, anh Chính đi quá một quãng nữa tới ngã tư Nguyễn Du. Lần đầu tiên chuyện trò với Chính, bắt anh đi thêm nữa e không tiện, mà tôi thì muốn nghe nốt cho nên đã rủ anh ngồi xuống tấm ghế đá bờ hồ Thiền Quang. Đang ngồi thì có một người đến xin lửa châm thuốc lá. Chính nói: "Cớm đấy." Tôi đáp: "Kệ họ". Nói vậy chứ trong bụng cũng hơi ngại, tôi ngồi nán lại một lát, rồi ra về. Từ đó coi như tôi và anh Hoàng Minh Chính bắt đầu quen nhau.

2. Lần thứ hai là vào khoảng đầu năm 1966: một hôm anh Phùng Văn Mỹ, cán bộ Viện Triết, đến chơi tôi và bảo: "Sáng mai, Chính đến chơi nhà mình, Thư đến chơi cho vui." Hôm ấy ba chúng tôi chuyện trò linh tinh mười lăm phút, chuyện gì quả thực tôi cũng không nhớ, chắc là chỉ có nói chuyện thời sự, và chuyện trò trước sự có mặt của vợ con anh Mỹ, vì nhà anh Mỹ chỉ có một buồng.

3. Lần thứ ba là tháng 11 năm 1966, cũng anh Phùng Văn Mỹ đến rủ tôi: "Sáng mai, Chính tổ chức liên hoan kẹo bánh kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười, có mấy anh em đến dự, Thư cùng đến cho vui." Thú thật là từ ngày ngồi nói chuyện với anh Hoàng Minh Chính ở ghế đá bờ hồ Thiền Quang bị công an đến dòm mặt, tôi không muốn đi lại dập dìu với anh để tránh những chuyện phức tạp, nhất là sau đó chính bản thân tôi cũng bị bám sát theo dõi. Nhưng từ chối không tiện, tính tôi cả nể, vả lại ngồi nhà một

mình mãi cũng buồn, muốn đến chơi gặp anh em cho vui, nên tôi nhận. Hôm ấy hoàn toàn là một buổi liên hoan ăn uống vui vẻ, nói năng xô bồ. Có anh quá chén đã nôn ọe ra nhà và phải nằm lại cho rã rượu. Tôi kể như vậy để nói rằng trong không khí như thế thì không ai lại bàn bạc chuyện lật đổ cả.

Về hai lần gặp gỡ sau giữa tôi và Chính, ông Nhuận không hề gợi đến, thậm chí tôi khai thì ông ta gạt đi:

"Không cần, những đứa khác đã khai rõ cả rồi. Hôm ấy thằng Lộc nôn ọe ra nhà chứ gì? Tôi hỏi anh về cái lần này kia."

Tức là cái lần thứ nhất, lần tôi gặp anh Chính ở cuộc họp trường nhạc. Quả thật, hai lần kia thì có đông người, và nhà Chính chắc có gài máy ghi âm, cho nên ông Nhuận đã có đủ tài liệu để kết luận. Còn lần tôi đi họp về với Chính thì chỉ có hai chúng tôi, hai cái xe đạp và cái ghế đá. Ông Nhuận cho rằng giữa tôi và Chính nhất định phải có cái gì, và cái gì ấy chỉ có thể ở cái cuộc họp ghế đá kia mà thôi. Ông ta nói:

"Các anh là những người có kinh nghiệm hoạt động bí mật, bố trí khéo lắm."

Nghĩa là bố trí gặp nhau nhưng bề ngoài lại có vẻ như tình cờ gặp nhau, rồi lại bàn bạc trong khi đi rong trên đường và ngồi ghế đá, không có một người thứ ba chứng kiến. Rõ ràng là tuân thủ chặt chẽ các quy tắc của hoạt động bí mật. Chà, giá mà ở gầm hai cái yên xe đạp của chúng tôi và ở tất cả các ghế đá vườn hoa Hà Nội đều có gài máy ghi âm thì đỡ cho tôi biết mấy. Ông ta không thể tin được rằng chúng tôi mất công bố trí một cuộc gặp như thế lại chỉ để nói chuyện Cách mạng văn hóa. Ông ta đập bàn:

"Thằng Chính nhận rồi, sao anh không chịu nhận?"

"Vậy tôi đề nghị được đối chất với Hoàng Minh Chính."

Tôi thừa hiểu ông ta bắt nọn và không dám cho chúng tôi đối chất đâu. Và đúng vậy, ông ta đã lờ đi, không trả lời đề nghị của tôi.

Tiện đây tôi cũng xin nói thêm là đối với ông Nhuận, tất cả chúng tôi đều là thằng, thằng Đặng Lưu Giang, thằng Hoàng Minh Chính, bất kể tuổi tác như thế nào và dù anh đã từng là một vị tướng trong Bộ chỉ huy chiến dịch Điện Biên Phủ.

Hỏi cung tôi ông ta còn nể mặt, gọi tôi bằng anh nhưng khi hỏi cung người khác nếu ông có nhắc đến tôi thì chắc chắn tôi cũng chỉ là thằng Trần Thư mà thôi.

"Tất cả những lời anh thóa mạ Đảng, thóa mạ các đồng chí lãnh đạo, tôi không quan tâm. Cả những lời anh chưởi Trung Quốc cũng vậy. Anh chưởi ông Trung Quốc thì để ông ấy sẽ trị tội anh. Còn tôi, tôi quan tâm chuyện này cơ. Cho tới nay anh toàn khai những chuyện linh tinh, còn chuyện quan trọng nhất anh lại che giấu, không chịu khai."

Thật đáng tiếc là chuyện ấy không có. Không có thì khai làm sao được? Giá nó có để tôi khai cho xong đi thì tốt quá!

Rồi một hôm, ông ta nói:

"Anh cứ suy nghĩ cho kỹ đi, tôi đợi. Đợi bao nhiêu lâu cũng được, tùy anh."

Nói xong, ông ngả lưng ra ghế, hai tay dặt dài lên bàn, hai chân duỗi thẳng trong một tư thế ngồi đợi thoải mái.

Và ngay chiều hôm ấy tôi bị chuyển vào giam ở phòng tối.

Phòng tối là một xà lim biệt lập như các xà lim biệt lập khác của trại, chỉ khác là nó kín như bưng. Phòng cũng có một cửa sổ có chấn song sắt, nhưng cánh cửa bằng ván đóng im ỉm suốt ngày đêm. Hơn nữa các khe hở do ván co đều được đóng thêm nẹp gỗ bịt lại cho kín. Chỉ khi nào ngoài trời có nắng thì trong phòng mới sáng mờ mờ do có ánh sáng lọt qua khe khung cửa. Còn sáng dậy đi vệ sinh phải lấy chân dò dẫm để tìm cái thùng để ở góc phòng, không dám sờ soạn bằng tay, sợ vô phúc chọc vào giữa thùng thì khốn, vì thùng không có nắp đậy. Có những buổi râm trời, ăn cơm, và vào mồm mới biết là người ta cho mình ăn gì. Chuột và gián tưởng ngày là đêm, cứ bò đi bò lại thoải mái. Có lần cầm bát cơm đưa lên mồm thì có con gián ở trong bát bay vọt ra.

Phòng xây trên đồi trọc, lại đang giữa mùa "tháng tám nắng rám trái bưởi," cho nên từ xế trưa đến tận nửa đêm, trong phòng nóng om ngột ngạt. Không tài nào ngủ được, thậm chí không nằm được, vì ván giường nóng hổi tưởng chừng như đổ nước vào thì sẽ bốc khói. Tôi cứ cởi truồng ngồi quạt cho đến mấy giờ không rõ, chỉ biết là rất khuya. Rồi quạt mãi cũng chỉ là khua lên một bầu không khí ngột ngạt nồng nặc mùi nước tiểu bốc ra từ thùng vệ sinh bị hâm nóng.

Và tôi đã nghĩ ra một kế: nửa đêm ngồi bên cửa sổ, lấy móng tay cào sồn sột vào chấn song gây tiếng động như cưa chấn song. Quả nhiên người lính gác đi qua, nghe thấy tiếng động, sinh nghi, mở cửa sổ chiếu đèn pin vào kiểm soát. Tranh thủ khoảnh khắc quý giá đó, tôi quạt thốc quạt tháo lùa khí mát bên ngoài vào phòng. Tỉnh người. Tôi làm như thế được hai đêm. Đêm thứ nhất anh lính gác hiểu ý để cửa mở vài phút cho tôi quạt. Đêm thứ hai, một anh lính gác khác mở ra rồi đóng sập vào ngay. Có thể là anh ta ác, nhưng cũng có thể chỉ là vì mở cửa ra thì thì một luồng không khí hôi thối ở trong phòng ùa ra theo phả vào mặt anh ta, anh ta không chịu nổi. Từ sau đó, tôi cào mấy họ cũng mặc.

Lại phải nghĩ kế khác. Dưới gậm giường có một hố tránh bom. Nửa đêm tôi chui xuống, đấm bình bịch vào thành hố làm như đào ngạch. Lần

NGUYỄN ĐĂNG NGỌC

BẮT CHƯỚC NGƯỜI XƯA *

Hoa xuân thôi đừng thắm nữa,
Và trăng thu xin hãy mờ phai!
Những ngày hoan lạc,
Chuyện cũ còn bao.
Đêm qua trên lầu các
Lại lơi lả gió đông.
Chợt cuối đầu trầm lặng
Theo trăng nước cũ hồn xưa lại về.
Sông in bóng hàng cây cổ thụ,
Núi như xưa kết bạn tầng mây.
Riêng ngắm lại thấy mình đổi khác
Thân gầy, tóc đã nhốm sương,
Phôi pha ngày tháng sầu vương mấy lần?
Đường chiều bóng tối ngả nghiêng,
Lá theo giòng nước lạc miền về đâu?

** Bài này phỏng theo bài từ "Ngu mỹ nhân" của Lý Dục. Lý Dục hay Trần Hậu chủ là một vì vua thời Nam Đường. Vì yếu thế, ông phải đầu hàng Tống Thái tổ và được phong làm Vi Mệnh hầu. Trong một buổi lễ sinh nhật, ông đã làm bài từ trên, tỏ nỗi buồn nhớ lại nước xưa. Tâm trạng phần nào giống những kẻ vì hoàn cảnh đã phải sống xa quê hương.*

này anh lính gác buộc phải mở cửa nhìn vào, và soi đèn pin một lúc mới phát hiện được ra tôi ở dưới hố. Anh ta hỏi tôi xuống đấy làm gì. Tôi đáp: nóng quá, chui xuống cho mát. Ngần ấy thời gian là đủ cho tôi rồi. Đêm hôm sau không dám làm nữa, vì chợt nghĩ ra dưới hố có thể có rắn rết. Một lần ở phòng giam cũ của tôi đã có một con rết to bằng ngón tay cái, dài đến hai gang tay, chui ra từ cái hố gầm giường cũng như cái hố này, bò lên tường ngoằn ngoèo như con rắn, tôi đã lấy dép cao su đập chết và anh lính gác đã xách về ngâm rượu.

Cuối cùng, chẳng còn cách nào khác là nằm xấp xuống đất, ghé mũi vào chân cửa ra vào, vừa là để hít lấy chút không khí trong lành bên ngoài, vừa là hưởng cái hơi mát của đất.

Quá nửa đêm, trong phòng dịu bớt, đã có thể nằm được thì bắt đầu cuộc chiến đấu với muỗi. Muỗi lao xuống đậu phịch lên cái thân thể trần truồng của tôi, đậu đâu biết đấy. Chỉ còn có việc nhẹ nhàng đưa tay tới gần, rồi đập mạnh. Bách phát bách trúng. Diệt được khoảng dăm sáu chục con như thế thì ngủ thiếp đi, làm mồi cho muỗi đến sáng. Và buổi sáng lại nằm lơ mơ ngủ tiếp cái giấc ngủ không đã của ban đêm, hoặc nằm vắt tay lên trán nghĩ, nghĩ, nghĩ về cái thân tội thân nợ của mình.

Và cứ thế, vài ba ngày một lần ông Nhuận lại cho gọi tôi lên hỏi cung. Bước qua cửa phòng giam, đứng lại một tí cho hết lóa mắt, tôi bước theo viên quản giáo qua ba bốn lần cửa của khu biệt lập đi một khoảng xa sang đồi bên là nơi hỏi cung. Đó là những giây phút sung sướng hiếm hoi của tôi. Trong khảnh khắc tôi được sống lại cuộc sống người: ngẩng đầu lên là trời, chân đạp xuống là đất, nhìn quanh xa xa là người. Không phải những con người đang thực thi chuyên chính vô sản mà những con người bình thường đang bận rộn những công việc bình thường của một cuộc sống bình thường, cuộc sống mà tôi đã mất. Chà, sao mà tôi thèm người thế, người nói chung chứ không phải đàn bà. Bao lâu nay tôi sống như một con chó sói cô độc nằm một mình trong hang nhớ cuộc sống bầy đàn. Tôi bước đi tung tăng. Niềm vui đơn sơ. Và niềm vui ngắn ngủi.

Chỉ vài phút sau, trước mắt tôi đã là cái bàn, mấy tờ giấy trắng, cái bút, và đối diện là ông Nhuận với câu hỏi búa bổ kia. Hai bàn tay tôi đặt lên bàn, da nom trắng nõn như trứng gà bóc, nổi rõ từng đường gân xanh đỏ. Và vài ba giờ sau người ta lại dẫn tôi trả về phòng tối. Tôi lại đi ngược trở lại quãng đường tôi đã đi lúc sáng. Vẫn cảnh ấy, trời mây, cây cỏ, và người. Nhưng nguồn cảm hứng lúc sáng đã tắt ngấm. Tôi bước đi, trong lòng nửa muốn sống để về với vợ con, nửa muốn chết cho xong nợ đời.

Ông Nhuận bảo ông ta đợi bao lâu cũng được. Ông ta đợi thì thoải mái quá: ngồi mát đọc tài liệu, rỗi rãi thì đi bắn chim, chủ nhật nhảy xe com măng ca về Hà Nội với vợ con. Còn tôi thì nằm đếm từng ngày từng giờ trong cái phòng tối này.

Tường của phòng tối là tường cách âm, vẩy

NHẤT UYÊN

TRÊN ĐỈNH XUÂN

Hương xuân nào rợn sóng
Tơ vàng xôn xao ngày
Trót ngậm bầu thơ ngọc
Ấp úng nửa vầng mây

Thương em sâu giấc ngủ
Nhớ hương đêm mưa nồng
Mịt mù trăng vô thủy
Khuôn mặt cỏ mây vòng

Em lên chiều thủy mặc
Đôi mắt xôn xao lòng
Nốt ruồi xanh đỉnh quế
Đồi cao mỏi ngựa hồng

Tóc xuân dài dịu vợi
Tình bay giấc mơ trầm
Tôi âm thầm ngóng đợi
Cơn mê dài trăm năm

Tảng sáng hoa nở muộn
Nắng hôn má phai hồng
Ngỡ ngàng em nguyệt thực
Tình vơi đầy mênh mông

Vẫy tay chào lá mới
Niềm vui rộn tiếng lòng
Đỉnh mùa xuân nắng gội
Tình tôi lạc hư không

lổn nhổn những cục xi măng vữa. Ánh sáng lọt qua khe cửa phản chiếu lên tường làm nổi lên những hình thù kỳ quái: hai cái vú đàn bà thỗn thện, một kỵ sĩ không đầu cầm đao, cưỡi con ngựa chỉ có hai chân sau, một bộ mặt nhăn nhó rất khó coi... Tôi nằm lơ mơ trong cái không khí nửa thật nửa ảo ấy. Còn tôi, cái gì là ảo, cái gì là thật? Những mảnh đời quá khứ của tôi là ảo, lúc hiện ra, lúc tan đi. Vợ con tôi là ảo, những trận chiến đấu, sông Luộc, Đường số 5 là ảo. Cái thực là cái thân tàn ma dại của tôi nằm đây. Chín tháng rồi còn gì! Chín tháng xà lim, chín tháng hỏi cung, chín tháng cơm tù (mà lại cơm tù thời chiến), và bây giờ, cái phòng tối này. Tôi sờ nắn thân thể gầy gò của mình, thử đánh giá xem trên con đường lịch sử tiến hóa nhân loại, từ vượn đến người, từ Homo Sapiens đến con người hiện đại, cái tòa thiên nhiên, tôi đang đứng ở quãng nào. Sờ cẳng: hai ống tre. Sờ ngực: cái thùng bẹp toàn những đai. Sờ bụng: lép kẹp. Sờ chim: rũ rù rù, như cờ rũ, không thể nào bảo cho nó hăng hái lên được, nó không còn một tí tinh thần cách mạng tiến công nào.

Ông Nhuận thách thi gan với tôi, nhưng cuộc thi quả thật là không công bằng.

*

Hồi ở nhà tù Hỏa Lò, tôi đã nghe thấy từ một xà lim ở cuối dãy một cuộc đối thoại như thế này giữa một người tù ở trong xà lim nói ra và một nữ quản giáo ở bên ngoài nói vào.

Tiếng đàn ông rên rĩ:

"Con lạy bà, xin bà tháo cùm cho con. Mấy tháng trời rồi! Chân con toét hết."

Tiếng đàn bà đáp dấm dẳn:

"Tháo cùm cho anh để đút chân tôi vào à? Ai bảo có tội không chịu khai?"

Lại tiếng rền rĩ:

"Bẩm bà, con không có tội, biết khai thế nào?"

Câu chuyện tội tình kia thực hư thế nào, tôi không biết. Chỉ biết rằng như vậy là người ta có thể cùm một người trong xà lim mấy tháng trời vì cho là anh ta có tội mà không chịu nhận. Nhưng nếu có chứng cứ rành rành thì anh tù kia chối làm sao được? Và dù cho anh ta không nhận thì tòa vẫn có thể xử và kết án được kia mà. Vậy là không có chứng cứ. Hệt như trường hợp của tôi. Đối với tôi người ta chỉ mới sử dụng đến cái phòng tối này. Nếu cái phòng tối này cũng không xong thì sẽ có cái gì nữa?

Tôi không hề lên gân, chỉ tự nhủ phải cố gắng giữ mình lương thiện, không được tố điêu. Nhưng xem ra thì giữ được mình lương thiện cũng không phải chuyện đơn giản. Rồi một ý nghĩ thỉnh thoảng lại thoáng hiện, xua không đi, như một ám ảnh: nếu phải nhận mới xong được thì sao không nhận quách đi cho nó xong, kéo dài mãi như thế này để mình phát điên hay sao? Dẫu sao mình cũng không chịu trách nhiệm, mình bị ép buộc. Mà đằng nào thì cũng ngồi tù. Câu "Khai xong thì sẽ được về" bây giờ thì đã quá rõ chỉ là một "biện pháp nghiệp vụ" lừa mình để mình khai ra mà thôi. Nhưng nhận thì nhận cái gì bây giờ? Đâu phải chỉ là nói: vâng, tôi có tội. Phải dựng đứng lên

cả một câu chuyện có đầu có đuôi, nghe hợp lý và thỏa mãn được điều mà người ta đòi hỏi ở tôi. Câu chuyện mà lủng củng thì người ta còn truy ác liệt hơn, càng chết. Từ thuở tôi còn bé, ông cụ tôi vẫn bảo là tôi không biết nói dối, nói dối cứ lò ra mặt. Thật là lương thiện cũng khó, mà bất lương cũng chẳng dễ gì hơn.

Rồi một hôm, đến lần hỏi cung thứ một trăm bao nhiêu đó, đáp lại câu vào đầu thường lệ của ông Nhuận: "Nghĩ kỹ chưa? Có chịu khai không?" tôi ngậm ngùi đáp.

"Tôi xin khai."

Ông Nhuận giật mình, lật đật mở sổ tay, vớ vội cái bút, nom hồi hộp ra mặt. Rõ ràng là ông ta mừng đến phát cuống lên: ép bao nhiêu lâu, bây giờ mới làm phọt được ruột gan tôi ra.

"Khai đi!"

Tôi nói chậm rãi, dứt từng đoạn một:

"Trong lần ấy Hoàng Minh Chính bảo tôi gặp sư trưởng X... dặn anh ta cố gắng nắm lấy một trung đoàn trưởng và vài ba cán bộ tiểu đoàn, nên có cán bộ xe tăng..."

Nói đến đây họng tôi tắc lại. Tôi dừng lại một lúc nghỉ. Ông Nhuận ghi chép lia lịa. Tôi nói tiếp:

"... và chuẩn bị sẵn sàng... để khi cần..."

Tôi chịu không nổi nữa, nước mắt tự nó trào ra ràn rụa. Tôi cảm thấy nhục, ngồi im một lát, mặt cúi gằm. Rồi ngẩng lên nhìn thẳng vào mặt ông Nhuận, tuyệt vọng nói:

"Không phải đâu anh Nhuận ạ, tất cả là tôi bịa."

Rồi gục xuống bàn khóc những giọt nước mắt cay đắng nhất của đời tôi.

Một lúc sau tôi nghe thấy ông Nhuận cáu kỉnh bảo anh thư ký:

"Gọi quản giáo bảo đưa anh ta về!"

Về tới phòng tối, tôi nằm vật xuống giường, mệt lử.

Hai hôm sau, cánh cửa phòng tối từ từ mở. Quản giáo hất hàm lệnh cho tôi đi ra, mang theo quần áo.

Đi đâu? Người ta định làm gì tôi? Ở trại Bất Bạt này, còn nơi giam nào khổ ải hơn cái phòng tối này nữa hay sao?

Quản giáo dẫn tôi đi loanh quanh qua mấy lần cửa, đưa tôi trở về xà lim cũ có ánh sáng, có cửa sổ gió mát, nơi tôi bị giam trước khi bị đưa vào phòng tối.

Tôi đã liều, không ngờ lại thoát được bế tắc một cách dễ dàng thế. Suy đi tính lại mãi tôi đã chọn phương án: tố đại lên, tố những chuyện động trời, đặt ông Nhuận trước bờ vực của một vụ "Hát xăng vanh đơ" mới thì may ra mới làm cho ông ta chùn tay được. Còn nếu ông ta không chùn tay mà cứ làm tới thì sao? Thì một liều ba bảy cũng liều.

Ông Nhuận đã chùn tay. Xin đừng hiểu là trong cuộc đấu trí cuối cùng với ông Nhuận, tôi đã chuyển bại thành thắng. Không có đấu trí nào cả. Tôi chẳng qua chỉ là chó cùng dứt dậu. Trước kết cục ấy lẽ ra tôi phải phấn khởi lắm, nhưng tôi dửng dưng. Trong tôi có một cái gì như đã đứt.

Tôi muốn nói thêm rằng tôi không hề thù oán ông Nhuận. Ông ta chỉ là chiếc đinh vít của cỗ máy nghiền... Tôi chỉ thấy ngán ông ta thôi, ngán đến tận cổ. Tôi cũng mong cho ông ta sẽ không bao giờ phải lâm vào cảnh như tôi. ■

NGUYỄN VĂN CƯỜNG

VIẾT TỪ CƠN GIÓ

Gặp gió kéo vạt áo dài
ngược chiều em tan học
anh về bị ốm ba trăng.
Áo trắng dán vào ngực em
mỏng hơn cơn mưa đi lạc
anh về trùm chăn
chịu sốt ba ngày.
Và mỗi lần đi lễ chùa
Nghe tim em niệm Phật
anh về tưởng mình đang ở Niết Bàn.
Ngày em đi lấy chồng
anh đã được uống rượu
Vậy mà hôm
thấy em vạch ngực cho con bú
anh nghe mình trở sốt lây nhây.

ĐỐI CHIẾU DÂN NHẠC VIỆT VÀ MỸ

LÊ VĂN KHOA

(tiếp theo từ số 84)

Tại sao có sự chói tai khi người da đen hát chung với người da trắng. Cá nhân tôi có kinh nghiệm của sự chói nhau từ một ca khúc mà người miền núi Việt Nam hát chung với người kinh trong nhà thờ. Vào cuối thập niên 50 tôi có đi dạy hát cho người thượng ở cao nguyên và người Việt ở các vùng quê Trung Việt. Tôi rất ngạc nhiên vì người ta không hát được những âm thanh bán cung. Những người da đen từ Phi Châu cũng thế, họ chỉ hát được nhạc ngũ cung.

Khi nhạc cần được hát bán cung (nửa độ) mà hát chung với người hát nguyên cung (một độ), dĩ nhiên tạo ra âm thanh chói tai. Cũng từ đó có nhạc Blues là nhạc mà có những chỗ có khi hát nguyên cung, rồi bán cung và trở lại nguyên cung thay nhau. Đó là nốt ở bậc thứ ba và bậc thứ bảy. Nếu dùng âm giai C trưởng để dẫn chứng, hai nốt kia là E (mi) và B (si).

Ta thử xem một vài bài dân ca Mỹ và thánh ca da đen sau đây: (*Xem trang 84*).

Hẳn quí vị cũng thấy những bài ca dẫn chứng ở trên nằm trong hệ thống âm giai ngũ cung Bắc và Nam Ai theo lối gọi của ta. Khám phá được điều này, tôi tìm thẳng nguồn gốc của nhạc da đen, tức nhạc Phi Châu.

Phi Châu là một lục địa thật lớn có trên 700 thổ ngữ. Nhiều thổ ngữ có dấu giọng tương tự dấu giọng của người Việt Nam. Không phải tất cả người Phi Châu đều không hát được bán cung. Trong âm nhạc, họ có tam cung, tứ cung, ngũ cung không bán độ, ngũ cung có bán độ, lục cung và thất cung. Các tác giả người Phi Châu viết về dân nhạc của họ đều ghi rằng nhạc của Phi Châu dùng theo điệu thức của Á Đông.

Nhạc Phi Châu cũng có những âm lơ lớ, và dùng chuyển bực (*transposition*) giống như dân nhạc Việt Nam. (Có tác giả sách biên khảo nhạc Việt lẫn lộn giữa chuyển bực và chuyển hệ.) Họ có nhiều làn hơi mà có lẽ nhạc Việt không có, và ta có những làn hơi mà có lẽ họ không có. Tôi dùng chữ có lẽ mà không dám khẳng định vì chưa nghiên cứu tường tận.

Mời quí vị xem bản đối chiếu các cung bực của thang âm Phi Châu và Việt Nam sau đây: (*Xem trang 85*).

Tưởng không nên bỏ qua yếu tố nhạc của người da đỏ, thổ dân nguyên thủy của đất nước này. Họ cũng dùng ngũ cung điệu Bắc và Nam Ai, và cả lối chuyển hệ như dân ca Việt Nam. Bài nhạc dưới đây hao hao giống bài dân ca Trên Rừng Có 36 Thứ Hoa của ta. (*Xem trang 85, Chippewa*).

Qua vài dẫn chứng nêu trên, ta thấy một điều là chắc chắn điệu Bắc và Nam Ai của người da đen và da đỏ nêu trên, và các điệu ngũ cung của thổ dân Siberia và Úc châu (tôi không ghi ra đây vì không nằm trong phạm vi bài này) không liên hệ gì đến ảnh hưởng mê Tàu và lụy Chiêm Thành!

Trong tiến trình tìm âm thanh thích hợp để diễn tả tâm tình, người ta khám phá ra những quãng thích hợp cho giọng điệu phát triển tùy ngôn ngữ, văn hóa, ý thích, sinh hoạt, tập thể, và ước vọng khai thác âm thanh, v.v..., nếu không muốn nói loài người từ một gốc mà ra và bị phân tán khắp thế giới sau sự sụp đổ của tháp Ba-Bên, theo Kinh Thánh. Những ý tưởng bộc phát cùng một thời điểm không phải hiếm. Những người nộp đơn cầu chứng vật phát minh của mình chỉ cách nhau vài tiếng đồng hồ không phải không có. Do đó điệu Nam, điệu Bắc, nên hiểu chỉ là tên gọi, và có lẽ nên đổi tên khác để khỏi phải tiếp tục dạy cho thế hệ sau những điều mà không ai chứng minh được, dù người Chiêm Thành vẫn còn đang sinh sống trong vòng người Việt, và các nhà nhạc học từ trước cho đến giờ phút này, vẫn không tìm ra được mấu chốt nào cho lập luận của mình về nhạc Nam Ai chịu ảnh hưởng Chiêm Thành. Có thuyết cho rằng nhạc điệu Bắc, điệu Nam là để chỉ dòng nhạc của mỗi vùng trong thời Nam Bắc phân tranh của chúa Trịnh, chúa Nguyễn. Dù sao ta thấy những tên gọi này không thích hợp cho người ngày nay.

Ngoài ra những âm thanh mà ta thường nói là lơ lớ vì không nằm vào cung nào nhất định, không phải người ta hát không đúng, mà có lẽ tai ta quen nghe âm thanh của âm giai thông thường nên không phân định được, hoặc không thích độ mỏng của chiều cao âm thanh và sự gợi cảm của chúng. Chúng ta chia âm thanh theo cung bậc nhất định và phong cho chúng tước vị: qui luật của âm thanh. Điều đó giống hình thức làm toán

Chia Tay (Hướng Đạo)

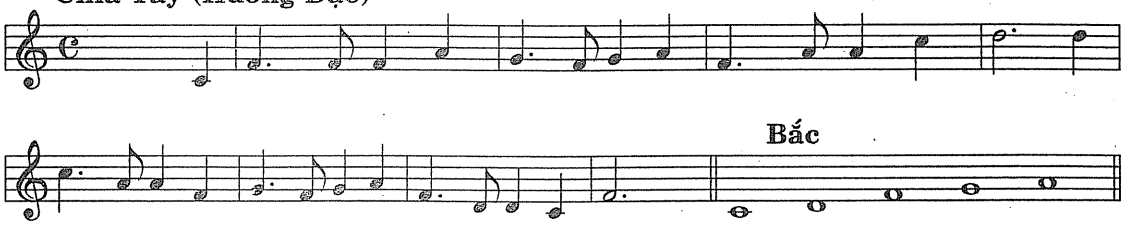

Bắc

Old Mac Donald

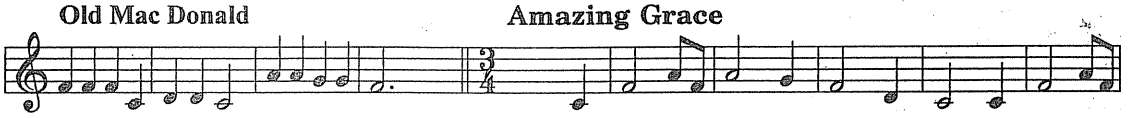

Amazing Grace

Bắc

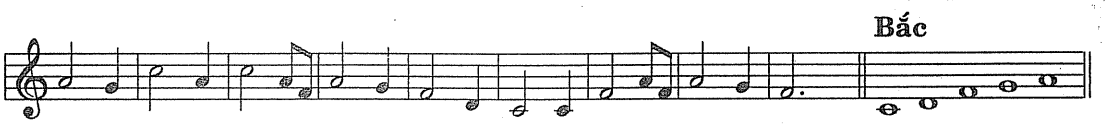

A Motherless Child

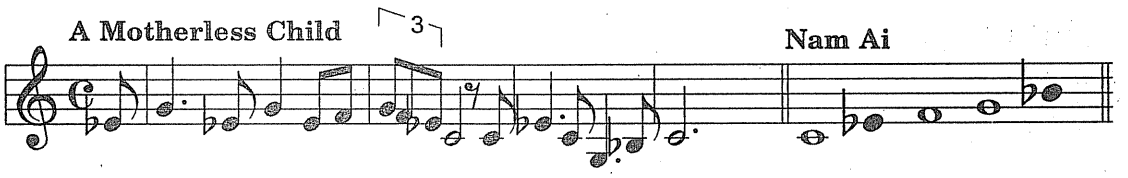

Nam Ai

Poor Wayfaring Stranger

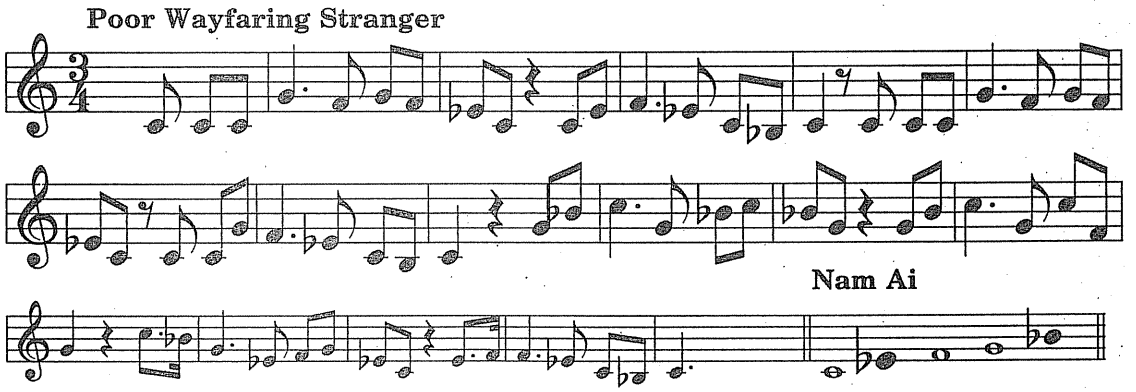

Nam Ai

Nobody Knows the Trouble I've Seen

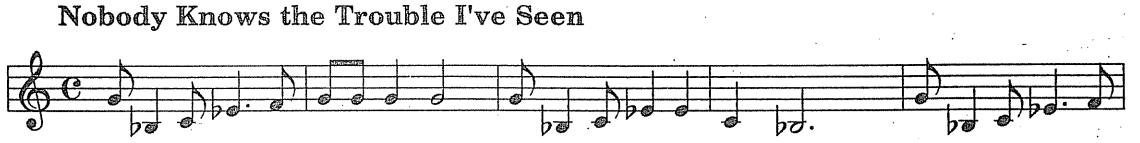

Nam Ai

Ngũ Cung Có Bán Cung
Hemitonic Pentatonic

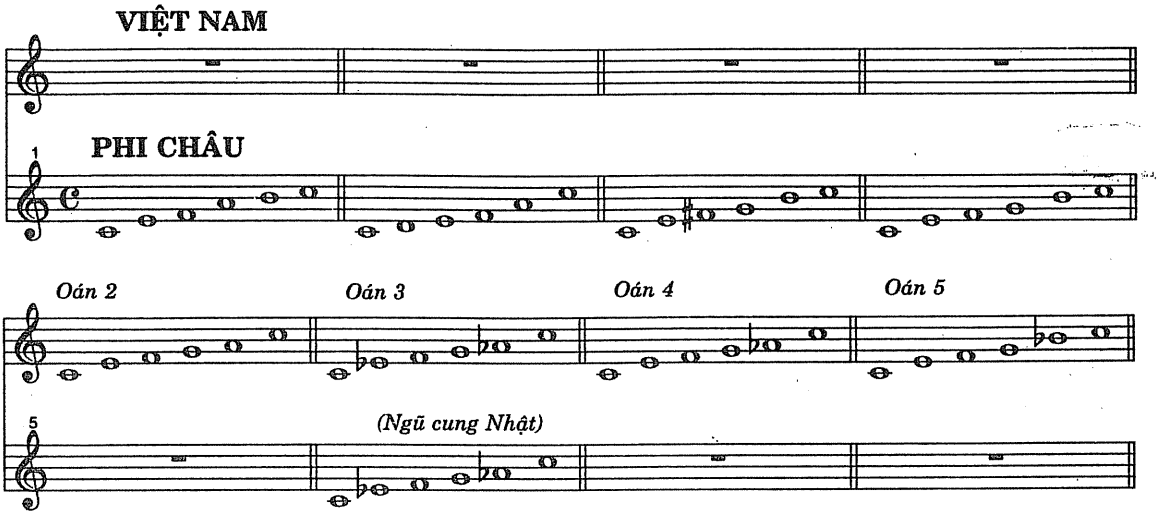

Ngũ Cung Không Bán Cung
Anhemitonic Pentatonic

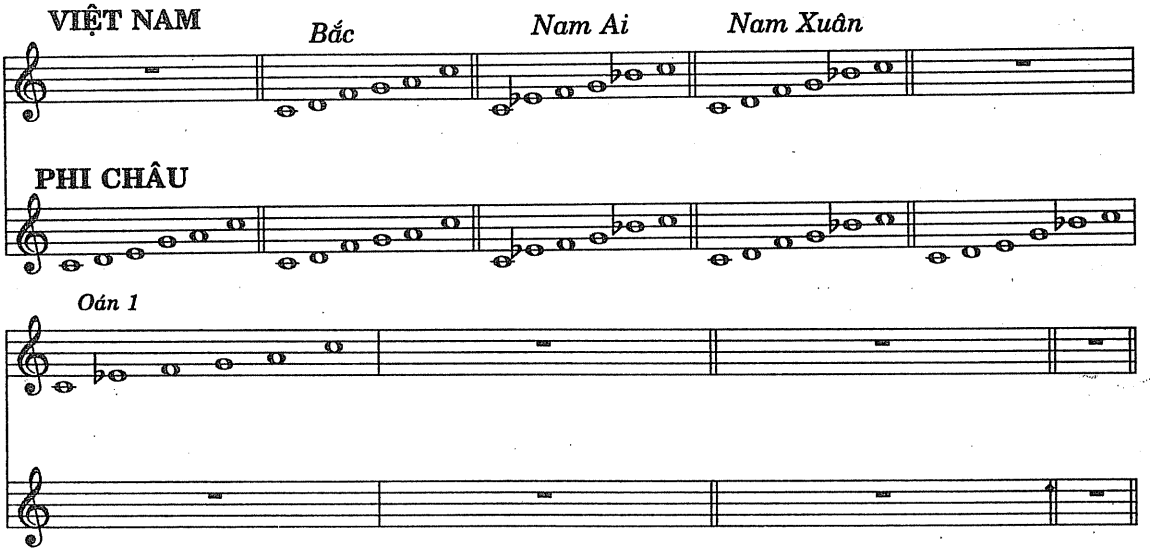

Nhạc da đỏ Mỹ - Người Chippewa

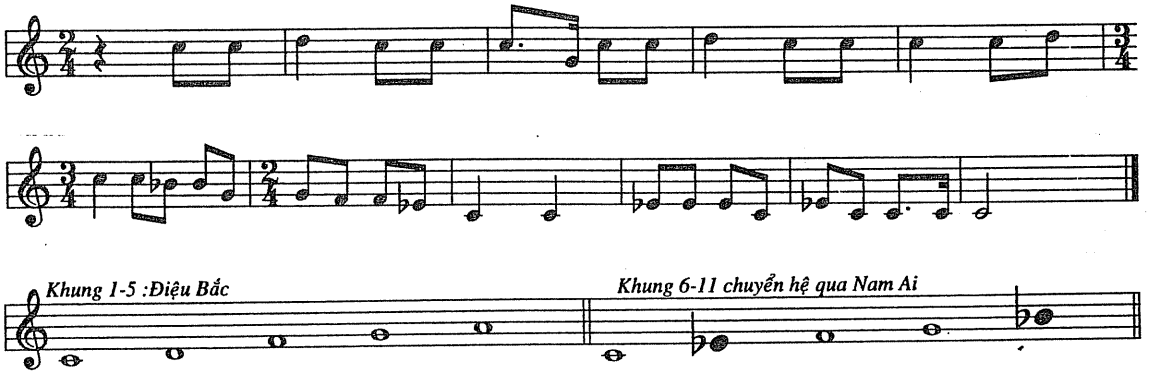

của trẻ con, đem số lẻ tính vào con số lớn gần nhất của lối round-up và không chấp nhận số lẻ nữa. Trong âm nhạc, theo tôi nghĩ, nếu cứ tới cung nào đó mà người ta đàn hoặc hát lơ lớ, ai cũng làm vậy, và thích, cảm nét lơ lớ đó thì phải kể âm đó là đúng. Pythagoras và những người Hy Lạp khác định ra qui luật âm thanh sau khi họ tạo ra âm thanh từ một sợi dây căng thẳng, chứ không phải họ định ra luật rồi mới thử tạo âm thanh. Trên lý thuyết đã có âm giai 19 cung hay nhiều hơn nữa, trong khoảng cách của một bát độ thất cung thông dụng. Những âm lơ lớ nằm trong các cung bậc này.

Tuy không thông dụng nhưng âm thanh đã được chia ra làm nửa độ, phần tư độ, phần năm độ, v.v... Do đó không cách nào dùng piano mà đàn được những nét nhạc độc đáo của Việt Nam, Trung Hoa, Ấn Độ, Phi Châu, Á Rập, v.v... Để tạo âm thanh của một phần tư độ, người ta đàn hai phím bán độ kề cận nhau cùng một lúc. Đó là hình thức ngụy tạo rất phổ thông, để diễn tả âm thanh mình muốn. J.S. Bach đã từng lên dây một cây đàn của ông quãng ba và quãng năm hơi già (để tạo âm thanh lơ lớ). Người ngày nay nghe sẽ rất khó chịu. Mà người thời ông nghe chắc cũng khó chấp nhận được.

Hiện các loại nhạc 12 cung, 18 cung, v.v..., không còn hấp dẫn nữa. Nhạc vô thanh cũng đã thí nghiệm rồi, các soạn nhạc gia Tây Âu tìm đến nghiên cứu và dựa theo làn điệu Á Đông để sáng tác vì họ muốn tìm nét mới lạ ngoài nhạc điện tử và nhạc điện toán. Mặt khác vì nhạc Á Đông hiện đã phát triển đến mức tinh vi.

Đến đây một câu hỏi được đặt ra: Nhạc Việt Nam đóng góp được gì vào nhạc thế giới?

Tương lai như thế nào, chưa ai dám nói quyết. Đã có nhiều bài ca phổ thông Mỹ được sáng tác trên âm giai ngũ cung. Bartók và Kodály dùng âm giai ngũ cung để viết nhạc. Lou Harrison cũng dùng ngũ cung, nhưng viết nhạc hòa tấu rất Tàu. Muốn viết nhạc nghe ra điệu Trung Hoa rất dễ. Chỉ cần dùng năm phím đen trên chiếc đàn, và dùng song thanh cách nhau một quãng tư là nghe ra ngũ cung Trung Hoa ngay. Vì vậy nhạc chiến đấu của Bắc Việt nghe như nhạc Tàu.

Muốn tạo âm hưởng của nhạc một quốc gia, một vùng nào của thế giới, mà chỉ dựa trên thang âm, không thành công được.

Antonin Dvorák, soạn nhạc gia Tiệp Khắc đã viếng và dạy nhạc tại Quốc gia Nhạc viện Hoa Kỳ từ năm 1892 đến 1895. Trong thời gian này ông cố nghiên cứu dân ca Mỹ và loại thánh ca của người da đen. Ông muốn dùng chất liệu Hoa Kỳ cho giao hưởng khúc mới của ông. Giao hưởng khúc số 5, cung Mi thứ của ông có tên phụ là "From the New World" đã ra đời và vẫn còn ăn khách cho đến ngày nay. Rất nhiều người ca tụng, cho rằng tác phẩm này mang đầy nhạc tính của tân thế giới, xây dựng trên chất liệu dân nhạc và *negro spiritual* của Hoa Kỳ. Người ta nói hành âm thứ hai là một ca khúc của Mỹ đen với giai điệu ngũ cung, v.v... Nhạc trưởng Leonard Bernstein phê rằng, dù tác phẩm này có ngũ cung nhưng là thứ tìm thấy ở Tiệp Khắc, không có tinh thần cũng không có nhạc tính Hoa Kỳ.

Claude Debussy và Maurice Ravel viết ngũ cung mang đầy nhạc tính Á Đông như hai mẫu nhạc trích từ Mother Goose suite của Maurice Ravel, bài "Laideronette, Empress of the Pagodas", và "Pagodes" từ tập Estampes của Claude Debussy. Hai soạn nhạc gia này đã gặp nhiều dè bỉu lúc đầu, nhưng họ thành công trong việc lập ra trường phái nhạc ấn tượng cho thế kỷ 20.

Viết nhạc mang âm hưởng Việt Nam không dễ. Âm nhạc của một dân tộc nào thường phản ảnh ngôn ngữ của dân tộc đó. Nhạc của Pháp thì líu la líu lít theo lối nói của người Pháp. Nhạc Hung-gia-lợi phải có những nốt nhấn như ngôn ngữ Hung. Nhạc Gypsy lúc thật chậm, lúc thật nhanh, lúc thật buồn, chán chường, lúc vui tươi quay cuồng như cuộc sống du mục của họ.

Muốn nhạc mang nét Việt Nam, người viết nhạc cần am hiểu Việt ngữ, Việt tính và văn hóa Việt nói chung. Qúy vị thử đàn những nét nhạc sau đây và nghiệm xem đoạn nào là nhạc Việt.

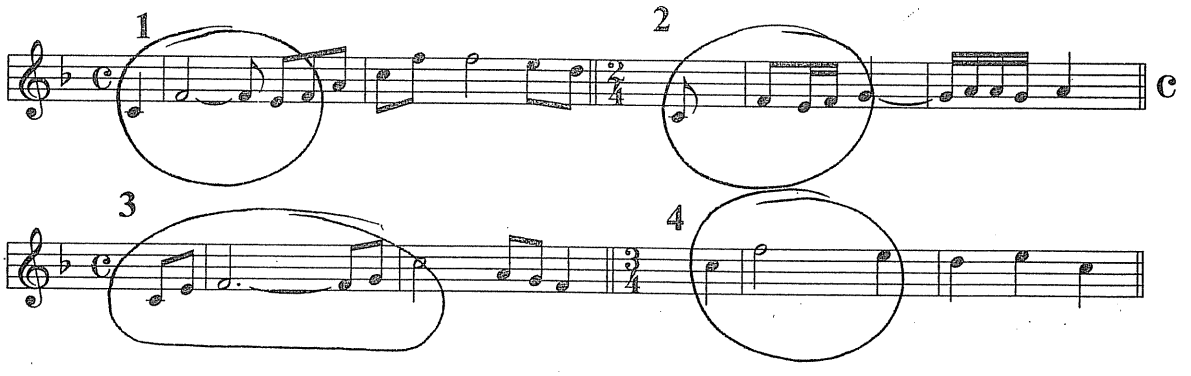

Nếu qúy vị đoán đoạn số 3 thì đúng. Các nhạc đề ở trên như sau: 1. Reverie của R. Schumann;

2. Etude in E của F. Chopin được biết qua tên của bài ca được ưa chuộng là Tristesse (tôi chuyển qua F để dễ so sánh), 3. Dựa theo điệu hò Nam Việt; 4. Nocturne in F của F. Chopin.

Nên chú ý tất cả đều là câu mở đầu, đều dùng nốt áp âm (dominant) lên chủ âm (tonic), xoáy qua những nốt lân cận như E, G, đặc biệt sự liên hệ giữa nốt E (cảm âm) và F (chủ âm). Ta thấy câu nhạc số 1, 2 và 4 đều đi thẳng từ C lên F. Trong khi câu nhạc số 3 phải qua một trung gian là nốt E trước khi đến F. Đây chỉ là một ví dụ thôi, nhưng không phải nó không có ý nghĩa. Cái nét văn hóa của nó nằm trong ý muốn khen em xinh phải mượn cây trúc đi trước làm môi giới để khi vào chủ ý đỡ sỗ sàng:

"Trúc xinh trúc mọc đầu đình,
Em xinh em đứng một mình cũng xinh."

Nói theo âm nhạc thì câu nhạc này bắt đầu bằng điệu oán biến thể thông dụng trong các điệu hò và ru em miền Nam, vì thế khi nghe ta nhận được không khó. Đây mới chỉ là một trong nhiều điều cần biết để viết nhạc mang âm hưởng Việt Nam.

Khi nhận lời Pacific Symphony Orchestra để cố vấn cho soạn nhạc gia Elliot Goldenthal viết tác phẩm Fire Water Paper, trong hơn một năm tôi đã nhiều lần nói chuyện với ông về kiến trúc của nhạc Việt. Goldenthal là người trẻ, tài cao, rất thông minh, đã nghiên cứu nhạc Á Đông rất nhiều, nhưng lãnh hội và áp dụng được tinh túy của nhạc Việt hay không là việc khác. Vì vậy Fire Water Paper, the Vietnam Oratorio không có nhạc tính Việt Nam dù Goldenthal đã đọc hằng chục cuốn chuyện, thơ, văn Việt Nam, thông thạo chuyện Kiều, rất thán phục sự hy sinh tình yêu để báo hiếu của nàng Kiều, phổ nhạc cho bài thơ cổ Việt Nam, trích ca dao Việt, v.v... Ông có dùng ngũ cung để phổ cho một bài thơ cổ Việt Nam trong phần mở đầu, sau mấy trường canh đó ông thoát đi theo lối nhạc hợp ca Tây phương với lối hoà âm bất hài và ảnh hưởng nhạc Hollywood.

Qua một vài điểm nêu trên, ta thấy vai trò đưa nhạc Việt vào làng nhạc giao hưởng thế giới không phải là việc dễ. Ta có thể tổ chức hằng trăm buổi trình diễn nhạc cổ truyền, giới thiệu nhạc khí của ta vào dàn nhạc giao hưởng, nhưng đó chỉ là các món khai vị, một thứ hương xa hiếm hoi chứ chưa thành món ăn chính. Đó là loại nhạc nghe qua tấm tắt khen, nhưng phải chờ tới lúc nào đó có người nghe rồi về nhà không ngủ được, lục lọi, tìm tòi, khai phá, sáng tác, chừng đó mới có thể khá hơn được. Nói chung dù nhạc Việt có phát triển, nhưng điều đáng buồn là cho đến nay ta vẫn chưa có bản danh từ âm nhạc thống nhất, nói gì đến phương pháp sáng tác, hòa âm theo lối Việt Nam!

Dù trong hoàn cảnh khó khăn và thiếu sự yểm trợ của những tài phiệt đồng hương, hiện tại nhiều nhạc sĩ Việt Nam khắp thế giới đang cố gắng giới thiệu nhạc Việt cho người bản xứ. Riêng tại Hoa Kỳ có các nhạc sĩ Cung Tiến, Phan Quang Phục, Lê Ngọc Chân và Lê Văn Khoa đang dùng nét nhạc Việt để viết nhạc hòa tấu mà ngoài Hoa Kỳ, Pháp và Nhật đã có những buổi trình diễn nhạc không lời của các người viết nhạc này.

Trong thời gian gần đây, một đại tác phẩm âm nhạc có liên hệ đến Việt Nam là Fire Water Paper của Elliot Goldenthal (đã đề cập ở trên) được chú ý nhiều. Trong lần trình diễn ra mắt thế giới vào tháng Tư 1995 tại Orange County Performing Arts Center, ban ca thiếu nhi Ngàn Khơi có góp phần trình diễn và thu thanh với dàn nhạc Pacific Symphony Orchestra. Dĩa CD nhạc này đã được phát hành vào tháng Tư năm nay. Fire Water Paper cũng đã ra mắt khách yêu nhạc Boston và New York tháng Tư này.

Vở nhạc kịch Miss Saigon của Alain Boublil và Claude-Michel Schonberg đã gặt hái những thành công lớn tại Anh cũng như tại Hoa Kỳ. Tuy nhiên hai sản phẩm vừa nói chỉ đề cập đến cuộc chiến Việt Nam hơn là nhạc Việt Nam.

Hy vọng sẽ có soạn nhạc gia lớn của thế kỷ, để tâm nghiên cứu, dùng chất liệu âm nhạc Việt Nam cho tác phẩm thuần âm nhạc của họ để tạo nét nhạc mới cho thế kỷ 21 đang ở trước mặt.

(*Những nhạc phẩm trính dẫn trong bài này đều được tôi chuyển cung đồng nhau để dễ so sánh. Nguyên bản ở những cung khác nhau tùy sự chọn lực để diễn ý của từng tác giả.* L.V.K.)

VNCR

Ở xa (nghĩa là ở khắp nơi trên thế giới bên ngoài vùng quận Cam, California), bạn muốn nghe chương trình phát thanh VNCR, với các mục tin tức, bình luận, ca nhạc, đọc truyện, kịch, phỏng vấn, phóng sự,... với các giọng nói hấp dẫn của các xướng ngôn viên lành nghề Hồng Đào, Vũ Chung, Đinh Quang Anh Thái, Hồng Nga, v.v..., bạn phải làm sao?

---- mua "Báo Nói" (những băng cát-xét ghi lại các chương trình của đài).
---- lên lưới điện toán,
bấm http://kicon.com/VNCR (máy của bạn phải có sound card).

UNABOMBER: CUỘC SĂN LÙNG DÀI NHẤT TRONG LỊCH SỬ FBI

HÀ TƯỜNG CÁT

Trong lịch sử của Cơ Quan Điều Tra Liên Bang Hoa Kỳ (FBI), không một vụ truy tầm nào kéo dài và tốn nhiều công phu cho bằng việc tìm kiếm thủ phạm Unabomber, kẻ đã gây ra 16 vụ nổ bom làm ba người thiệt mạng, 23 người bị thương, gây kinh hoàng trong quần chúng trong suốt 17 năm. Một vụ đe dọa đặt bom tại phi trường Los Angeles năm 1995 gây báo động ở nhiều phi trường khác trên khắp nước Mỹ và kết quả hai tờ nhật báo uy tín *The New York Times* và *Washington Post* phải chịu nhượng bộ đăng bản "tuyên ngôn" của thủ phạm bí mật để cho tránh cho quần chúng sự hăm dọa.

Qua 18 năm điều tra theo dõi 200 kẻ tình nghi, thẩm vấn hàng ngàn người, nhận 20,000 cú điện thoại gọi tới số đặc biệt 1-800-701-BOMB, cuối cùng tới đầu tháng 4/1996 nhân viên FBI đã đột nhập căn chòi gỗ trên vùng núi non hẻo lánh tiểu bang Montana và bắt giữ nghi can Theodore Kaczynski. Những tài liệu thu thập và tang chứng đã phát hiện, một khi được xác định là đủ yếu tố buộc tội, thì vụ án đầy bí ẩn này coi như kết thúc, nhưng tính cách ly kỳ của nó có lẽ sẽ còn là đề tài khai thác chưa thể dứt trên sách báo, phim ảnh.

Kỷ lục khủng bố

Nếu bị kết tội, tên của Theodore Kaczynski chắc phải được ghi vào cuốn sách kỷ lục "Guinness Book of World Records", bởi vì chưa một con người hành động riêng lẻ nào đã có khả năng tự sáng tạo và đặt bom khủng bố với số lần và qua thời gian dài như vậy.

Ngày 25-5-1978, một giáo sư trường đại học Northwestern University ở Chicago nhận được một gói hàng nhỏ, ông nghi ngờ nguồn gốc gửi đi nên chuyển qua cho phòng an ninh xét. Hôm sau, khi phòng an ninh nhà trường mở ra thì trái bom gài trong gói hàng phát nổ làm một nhân viên bị thương. Một năm sau, ngày 9-5-1979, cũng tại trường đại học này, một sinh viên phân viện kỹ thuật bị thương vì trái bom dấu trong một gói hàng gửi tới.

Hai vụ đặt bom kế tiếp nhắm vào các hãng hàng không. Ngày 15-11-1979, bom nổ trên chuyến bay 444 của American Airlines từ Chicago đi Washington D.C. Trái bom không mấy mạnh, nổ trong khoang hành lý của máy bay và chiếc Boeing 727 kịp thời hạ cánh khẩn cấp, chỉ có 12 hành khách bị ngộp khói. Ngày 10-6-1980, Chủ tịch United Airlines, ông Percy Wood, bị thương khi mở gói bưu kiện gửi tới nhà tại Lake Forest, Illinois.

Từ 1978 đến 1980, những vụ khủng bố đều xảy ra trong vùng Chicago, tiểu bang Illinois, nhưng sau đó bắt đầu nhắm tới những mục tiêu ở nơi khác. FBI không tìm ra manh mối gì về thủ phạm vì sự chuyển đổi địa bàn khủng bố và phương cách gài bom mỗi ngày mỗi tinh vi, mánh lới hơn. Tuy nhiên người ta đã ghi nhận được là những mục tiêu khủng bố đều quanh trong lãnh vực đại học, hãng hàng không và giới khoa học kỹ thuật. Do đó FBI đã đặt bí danh cho loạt nổ bom khủng bố này là Unabomb, chữ tắt từ Un[iversity] và A[irlines]. Ngày 8-10-1981, cảnh sát tháo gỡ được một trái bom đặt ở Đại học tiểu bang Utah tại Salt Lake City.

Ngày 5-5-1982, một nữ nhân viên trường đại học Vanderbilt, thành phố Nashville, tiểu bang Tennessee bị thương khi đụng vào một hộp gỗ gửi tới cho một giáo sư qua đường bưu điện. Ngày 2-7-1982, một giáo sư đại học Berkeley, California, bị thương khi vô tình nhặt chiếc ống nhỏ vì tưởng là một vật thí nghiệm của sinh viên. Hai năm kế tiếp không xảy ra vụ nổ bom nào nhưng đến năm 1985 có tới bốn vụ. Ngày 15-3-1985, một nhân viên phòng thí nghiệm tại đại học Berkeley bị thương khi mở chiếc hộp kim loại để trên quầy và trái bom phát nổ. Ngày 13-6-1985, một bưu kiện gửi đến công ty chế tạo phi cơ Boeing ở thành phố Auburn, Washington, được phát hiện có chứa bom và kịp thời tháo gỡ. Ngày 15-11-1985, một gói hàng gửi bưu điện đến trường đại học tiểu bang Michigan cho một giáo sư môn tâm lý đã làm bị thương người phụ tá của ông.

Nạn nhân đầu tiên thiệt mạng vì Unabomb là Hugh Scrutton, chủ tiệm bán máy điện toán tại Sacramento, California, do trái bom đặt trong một bao giấy, ngày 11-12-1985. Hơn một năm sau, vụ nổ bom trong một tiệm bán máy điện toán ở Salt Lake City, Utah, ngày 20-2-1987 cũng gây thương tích nặng cho chủ nhân.

Bẵng đi sáu năm, người ta không thấy Un-

abomber hoạt động, nhưng từ 1993 lại thêm hai vụ gài bom khác làm hai người bị thương nặng, tại Đại học UC San Francisco ngày 22-6-1993 và đại học Yale tiểu bang Connecticut ngày 24-6-1993. Ngày 10-12-1994, Giám đốc một hãng quảng cáo ở North Caldwell, New Jersey bị tử thương vì bom và ngày 24-4-1995 một nhà hoạt động trong ngành khai thác lâm sản ở Sacramento cũng chịu chung số phận. Trong tất cả bốn vụ sau này, bom được gửi đi từ California bằng những gói hàng qua đường bưu điện.

Tuyên ngôn chống nền văn minh khoa học kỹ thuật

Ngày 28-6-1995, lá thư bí mật của người tự nhận mình là Unabomber đưa ra lời đe dọa sẽ cho nổ một chuyến máy bay đi từ phi trường Los Angeles. Lời đe dọa này tạo ra tình hình báo động căng thẳng tại các phi cảng và làm quần chúng hết sức lo ngại. Đúng lúc đó, Unabomber gửi đến hai tờ *The New York Times* và *Washington Post* một tài liệu đánh máy dày 62 trang với 35,000 chữ yêu cầu được chính thức phổ biến, và đặt điều kiện nếu các tờ báo này không thỏa mãn lời yêu cầu, sẽ có nhiều người chết vì bom khủng bố. Sau khi hội ý với bộ Tư pháp Liên bang, hai tờ báo chấp thuận một nhượng bộ chưa từng có trong lịch sử báo chí trước yêu sách bằng sự hăm dọa, cho công bố nguyên văn bản tuyên ngôn lên mặt báo.

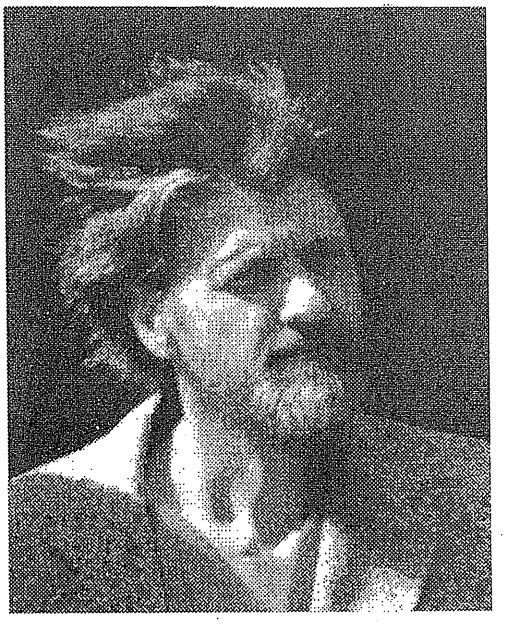

Theodore Kaczynski

Đòi hỏi được đăng bản tuyên ngôn là một thắng lợi của Unabomber nhưng cũng chính từ sự kiện này mà FBI lần lần phanh ra thêm manh mối của thủ phạm mà trong 17 năm người ta vẫn không thể nào hiểu hành động do mục tiêu nào thúc đẩy. Bản cáo trạng viết bằng những lời lẽ dài dòng, lập luận bất bình thường rất khó hiểu, nội dung buộc tội các tiến bộ của khoa học kỹ thuật làm cho con người mất đi nhân tính và chết dần mòn vì bệnh hoạn gây nên bởi những biến thái thiên nhiên. Qua những dữ kiện và dự đoán mù mờ từ trước, nhờ sự phân tích bản tuyên ngôn ấy, FBI đã có thể gạn lọc bớt những người mà họ đã theo dõi nghi ngờ từ trước để tập trung sự chú ý vào một số các lãnh vực đáng quan tâm hơn. Bản tuyên ngôn của Unabomber trước hết là một tài liệu để FBI có thể phân tích về mặt kỹ thuật trong cuộc điều tra: tuồng chữ, hành văn, xuất xứ. Nó cũng giúp xác định được mục đích hành động của thủ phạm vì sự thù nghịch các giới người mà từ trước FBI đã nghi ngờ là đúng.

Sau khi đã tập trung sự theo dõi vào Theodore Kaczynski, FBI lần tìm lại hành tung của nghi can trong quá khứ và thấy được những chi tiết phù hợp cho kết luận buộc tội. Khi xảy ra những vụ đặt bom đầu tiên trong khu vực đông bắc Hoa Kỳ, tiểu bang Illinois, Kaczynski có mặt ở vùng Chicago. Vào khoảng thời gian đặt trái bom đầu tiên tại trường Northwestern University, Kaczynski làm việc trong một xưởng chế cao su bọt của gia đình tại Lombard, Illinois và rồi bị chính người em mình, David Kaczynski, sa thải vì sự liên hệ bất chính với một phụ nữ trong hãng. Tuy nhiên có lẽ không phải vì chuyện trục trặc cá nhân này mà đương sự có hành động khủng bố. Khi xảy ra vụ đặt bom thứ nhì cũng ở đại học trên, Kaczynski bỏ việc làm tại một xưởng khác tại Lombard và trở về Montana trong căn chòi đã ở ẩn từ 1972.

Năm 1981, khi xảy ra vụ đặt bom tại đại học Utah, có những nhân chứng ghi nhận nghi can Kaczynski đã từng đến tìm việc làm ở Salt Lake City những năm trước đó và ngụ tại khách sạn gần trường đại học. Khi xảy ra vụ nổ bom thứ nhì tại một tiệm bán máy điện toán ở Salt Lake City, Utah năm 1987, một nhân chứng đã nhìn thấy kẻ đặt bom và theo lời mô tả của nhân chứng này FBI đã vẽ ra tấm hình truy tầm thủ phạm, được phổ biến rộng rãi khắp nơi từ nhiều năm. Các nhân viên FBI cho biết tìm thấy ở căn lều của nghi can chiếc áo có mũ trùm đầu và cặp kính phi công giống như vẽ trong hình.

Vụ gửi bom thư đến đại học Vanderbilt năm 1982 nhắm vào giáo sư Patrick Fischer, người cha của ông này dạy tại đại học Michigan khi Kaczynski học ở đây và lấy được bằng tiến sĩ toán học hồi đầu thập niên 1960. Đại học Michigan cũng là mục tiêu khủng bố một lần khác năm 1985. Hai lần, đại học Berkeley là địa điểm đặt bom, đây là nơi Kaczynski đã làm giáo sư phụ giảng từ 1967 đến 1969 và sau đó đột nhiên từ nhiệm một cách khó hiểu.

FBI còn tìm ra nhiều liên hệ của Kaczynski

với thành phố Sacramento, nơi đã xảy ra hai vụ nổ bom chết người và cũng là nơi xuất phát hai bưu kiện chứa bom gửi đến đại học San Francisco và đại học Yale, Connecticut. Đương sự nhiều lần có mặt tại Sacramento vào những thời điểm phù hợp với hoạt động khủng bố. Thành phố này có thể là địa điểm sẽ diễn ra phiên tòa xử Kaczynski.

Nạn nhân tử thương trong hai vụ nổ khác là những người làm công việc có liên quan tới các lời buộc tội trong bản tuyên ngôn của Unabomber. Thomas Mosser, giám đốc hãng quảng cáo ở North Caldwell, New Jersey là hãng đã làm việc cho công ty dầu lửa Exxon, được kể là thù nghịch gây tác hại đến môi trường. Gilbert Murray, người vận động cho hiệp hội các nhà khai thác lâm sản, và phá rừng cây là việc bị buộc tội trong bản tuyên ngôn của Unabomber. Người ta chưa tìm ra bằng cớ về sự liên quan trực tiếp của những hãng hàng không với hành động khủng bố của Unabomber, tuy nhiên qua sự căm thù nền văn minh hoa học kỹ thuật ghi trong bản tuyên ngôn thì những vụ đặt bom nhắm vào American Airlines, United Airlines, công ty Boeing hay hăm dọa phi cảng Los Angeles là sự kiện có thể giải thích được.

Một con người khó hiểu

Nghi can Theodore Kaczynski, sinh năm 1942, là một con người có trình độ học thức xuất sắc. Năm 1962, đậu bằng cử nhân đại học Harvard khi 20 tuổi. Năm 25 tuổi có bằng tiến sĩ toán đại học Michigan và sau đó về làm giảng sư tại đại học UC Berkeley. Thế rồi đột nhiên năm 1969, Kaczynski bỏ dạy ở Berkeley và biến mất. Gia đình ông thỉnh thoảng nhận thư gửi về từ những địa chỉ xa lạ và chỉ liên lạc được qua một hộp thư bưu điện.

Gia đình Kaczynski thuộc tầng lớp trung lưu, sống trong vùng gần Chicago và được mọi người biết đến vì có trình độ học vấn cao. Người em kém Theodore tám tuổi, David Kaczynski, tốt nghiệp đại học Columbia, thích viết sách và có một thời gian làm giáo sư Anh ngữ. Chính David là người đã nhờ một luật sư tố giác với FBI những tài liệu về hành tung khó hiểu của người anh mình vì tự cảm thấy trách nhiệm ngăn cản hành động có thể là nguy hại cho mọi người. Với những hồ sơ thu thập được, FBI nghiên cứu phân tích tỉ mỉ rồi mở chiến dịch theo dõi bao vây khu núi rừng hẻo lánh Montana nơi Theodore Kaczynski rút về ẩn cư từ nhiều năm nay. Sau hàng tháng trời dò xét bằng đủ các phương pháp tinh vi khoa học của ngành do thám, ngày 3-4-1996, các nhân viên đặc vụ FBI tiến vào căn chòi gỗ trên vùng núi gần thành phố Lincoln bắt giữ nghi can. Theodore Kaczynski không chống cự và suốt thời gian bị giam giữ cho đến nay tỏ ra là một tù nhân chấp hành kỷ luật. Tuy vậy nhân viên an ninh vẫn phải theo dõi nghi can một cách chặt chẽ hơn bất kỳ một tù nhân nào khác, suốt 24 giờ mọi hành động nhỏ nhặt đều được canh chừng, đặc biệt phải đề phòng nghi can có thể bất ngờ tự sát.

Căn chòi gỗ trên vùng núi Montana do chính Theodore Kaczynski tự lập và sống ẩn dật từ nhiều năm, không có điện, không có nước. Cuộc sống nơi đây giống như thời kỳ các di dân đầu tiên tiến vào vùng hoang dã Hoa Kỳ mấy thế kỷ trước. Khung cảnh quanh căn chòi mỗi bề 10 feet còn giữ được nét thiên nhiên chỉ sót lại ở rất ít nơi trên đất nước này và có lẽ đó là điều mà đương sự mơ ước trong quan niệm thù nghịch với tiến bộ văn minh kỹ thuật. Tại đây, Kaczynski lấy nước từ một dòng suối cách chòi vài chục thước đem về chứa trong những bình nhựa. Ban đêm, ông đọc sách bằng ánh sáng đèn cầy. Nhà không dùng điện thoại, không có đồng hồ, không có lịch, chỉ có nhiều pho sách cũ. Nhưng trong những điều kiện thô sơ như vậy, điều lạ lùng là đương sự có khả năng tự chế ra những trái bom và bộ phận nổ hết sức tinh vi bằng các dụng cụ và vật liệu riêng đã thu góp không biết từ bao giờ.

Kaczynski không có nhu cầu mua thực phẩm, tự trồng trọt khoai, củ cải và rau, tưới bón bằng chính phân của mình. Thêm vào đó, đương sự săn hay bẫy thú rừng lấy thịt. Thỉnh thoảng cần ra thành phố Lincoln cách xa 20 dặm, Kaczynski dùng xe đạp. Một lần bà mẹ của Kaczynski muốn gặp con, đã lái xe hai ngày đường tới Lincoln và đương sự chỉ hẹn gặp trong vài giờ ngoài thành phố, không cho đến nơi cư trú của mình. Với tất cả tình trạng sinh hoạt như thế, người ta đang cố tìm hiểu coi bằng tiền ở đâu và với phương cách nào Kaczynski có thể đi tới nhiều nơi xa gửi những bom thư, cũng như có thể nghiên cứu hiểu rõ những chi tiết sinh hoạt của nạn nhân bị khủng bố.

Số phận của Unabomber sẽ ra sao, còn phải chờ tòa án định đoạt căn cứ trên những yếu tố buộc tội mà công tố viện đưa ra và những chứng cứ mà FBI thu thập được. Một dự đoán đơn giản nhất về lập luận mà luật sư biện hộ có thể dựa vào là chứng minh Theodore Kaczynski đã bị mất trí, không tự chủ được hành động của mình. Nhưng trong vụ này vấn đề không thể dễ dàng như vậy nếu nhớ lại rằng qua 18 năm, thủ phạm Unabomber đã hành động rất khôn ngoan và khéo léo, qua mặt được tất cả mọi giới chức an ninh cũng như quần chúng. Và chưa ai giải thích nổi vì nguyên nhân gì một con người đáng coi là thông minh xuất chúng, có kiến thức rộng rãi lại có lối cư xử lạ thường và tàn nhẫn với đồng loại của mình như thế. Sẽ còn phải có nhiều phân tích, bàn luận về trường hợp này.■

THƯ GỬI ANH QUANG MINH

ĐOÀN THANH LIÊM

California tháng 4, 1996

Kính anh,

Cách đây sáu năm, anh là điều tra viên chính trong vụ án "gián điệp và tuyên truyền chống chủ nghĩa xã hội" mà tôi là người bị cáo. Lúc đó tôi đã 57 tuổi, mà anh thì đã 68. Anh có nói đây là vụ án cuối cùng anh phải thụ lý trước khi về hưu.

Nay tôi vừa được trả tự do, như lại không được ở lại trong nước. Nên không thể tới thăm anh để cùng hàn huyên tâm sự với nhau được, để mà "bao nhiêu chuyên cũ thôi mình bỏ qua Do đó mà tôi có ít dòng này gửi đến anh, đang an nhàn trong cảnh "vui thú điền viên" vậy nhé.

1) Làm việc liên tục với anh với anh trên ba tháng trời, tôi đã phải trả lời hàng trăm câu hỏi khá chi tiết, và tôi nhớ là đã phải viết đến năm, sáu trăm trang trong suốt thời gian thẩm vấn ấy. Làm sao tôi lại có thể quên được cái buổi anh cật vấn tôi về cái bài báo "An Untold Story" của anh bạn Dong Hostetter, anh bảo tôi nguyên văn bằng tiếng pháp là "Assassin de génie". Và tôi cũng không thể nào quên được việc trong phiên tòa xử tôi ngày 14/5/92, Chánh án Lê Thúc Anh lại gọi tôi là "Cáo già chính trị", một danh hiệu tôi tự biết mình không bao giờ thích hợp.

2) Nhưng tôi vẫn phân biệt "Con người công cộng, con người chức năng" của anh nó khác hẳn với "Con người riêng tư, con người đời thường" của người cán bộ lão thành trong ngành tình báo như anh. Điều này thật là rõ nét, khi tôi mới được biết là anh đã từ chối "Không chịu nhận cái việc xin hóa giá căn nhà anh đang ở, dù có người đã muốn gửi anh mấy trăm lượng vàng để sau khi được cấp phát quyền sở hữu căn nhà, anh sẽ nhượng lại cho họ. Và anh đã nói "Tôi tham gia Cách mạng cả cuộc đời là vì cái khác chứ, đâu lại để đổi lấy mấy trăm cây vàng như vậy?"

Thành ra, tôi lại càng cảm phục cái sự khẳng khái bất vụ lợi của anh. Điều đó rất hiếm có trong cái xã hội xô bồ hiện nay, chỉ rặt những kẻ đạo đức giả với đặc quyền đặc lợi, chỉ biết có "thủ tục đầu tiên" mà thôi.

3) Tôi cũng phải nhắc lại ở đây lời dặn dò kín đáo tế nhị của anh đối với tôi vào cuối tháng 8/1990 đại khái là "phải cố gắng mà tồn tại," thì mới có điều kiện thi thố cái sở học cái chí hướng của mình được. Sau này tôi mới hiểu rõ là anh đã đoán trước được tôi sẽ không thoát được cảnh tù tội đày ải, nên đã có lời cảnh giác khôn khéo như thế đối với tôi giữa lúc giới lãnh đạo đảng đang nổi cơn lôi đình với các chuyện "chuyển lửa về quê hương" vào giữa năm 1990 đó.

Tôi xin công khai ghi ở đây lời cảm ơn anh về lời khuyên bảo chí tình mà ít có người cán bộ chấp pháp nào lại dám thổ lộ với một bị can do mình thẩm vấn như vậy. Quả thật là sau này, khi bị đưa đi "thi hành án" tại trại cải tạo Z30D-Hàm Tân, tôi suy ngẫm thấm thía lời nhắc nhở đó của anh và đã "cố gắng tồn tại" cho đến ngày nay để được đoàn tụ xum họp với con với cháu, với bà con ruột thịt và bạn bè thân thiết dù là tại miền đất xa quê hương xứ sở mình ở tiểu bang California này.

*

Bây giờ cả anh và tôi, chúng ta đều tranh thản nhẹ nhàng, không còn phải vướng bận với chức năng, nhiệm vụ gì hết. Ta cứ coi nhau như anh em bạn bè để mà tự nhiên tâm sự thân mật nhỏ nhẹ với nhau. Nên tôi xin mạnh dạn nói thêm với anh một vài suy nghĩ chân thực ngắn gọn thế này giữa lúc Đảng Cộng Sản của anh đang chuẩn bị Đại Hội Toàn Quốc lần thứ 8.

Dù đã về hưu, anh vẫn còn bổn phận phải góp phần vào công cuộc xây dựng cuộc sống ấm no hạnh phúc cho dân tộc. Anh vẫn chưa thể phủi tay để mặc cho những phần tử hủ lậu tham quyền cố vị tha hồ tự tung tự tác hoành hành trên xứ sở chúng ta được. Sự liên kết trong sạch của anh thật đáng quý, nhưng chưa đủ. Anh nên có can đảm táo bạo hơn nữa để làm gương cho những đảng viên đàn em của anh tích cực hưởng ứng lời kêu gọi lập một Mặt Trận Dân Chủ như anh Nguyễn Hộ đã khởi xướng ngày đầu năm Bính Tý này.

Đã đến lúc ta phải dứt khoát với cái quá khứ đen tối của chủ thuyết bạo lực phi nhân bất nghĩa Leninít-Stalinít-Maoít ấy. Đã đến lúc ta phải công khai đấm ngực thú nhận, sám hối trước anh chị em đồng bào ta về bao nhiên sai lầm tai ác đã tạo ra những đau thương thù hận giữa lòng dân tộc suốt mấy chục năm qua. Đã đến lúc các người Cộng Sản lão thành như anh phải lên tiếng đoạn tuyệt với cái giáo điều phi lý đó để mà giải thoát cho dân tộc ta khỏi cảnh nhục nhã ê chề, bởi lớp người lãnh đạo cứ phải giả dối che đậy những sai lầm yếu kém của mình đến nỗi mà "Thượng bất chánh hạ tắc loạn," đất nước không còn kỷ cương phép tắc gì cả.

Tôi mong rằng những người thành tâm ngay thật như anh sẽ không ngại ngùng gì mà không lên tiếng thẳng thừng xóa bỏ cái sự ô nhục do lớp người ngụy quân tử, ngụy sĩ phu đã bôi đen lịch sử oai hùng của dân tộc ta từ bao nhiêu năm qua.

Anh đã dâng hiến trọn tuổi thanh xuân cho đất nước, nay đến tuổi về hưu an nhàn thư thái rồi, chỉ xin góp ý với anh đôi lời ngắn ngủi như vậy. Mong anh thông cảm với thành tâm thiện ý của tôi vốn là nạn nhân của cuộc tranh đấu bất bạo động cho Phẩm Giá và Quyền Con Người.

Xin cầu chúc anh và gia quyến luôn được mọi điều an lành tốt đẹp.

Kính thư.■

Vòng chân trời văn học nghệ thuật

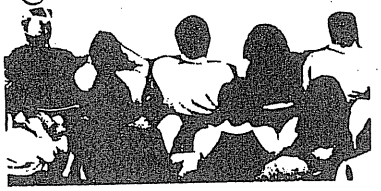

QUẬN CAM:

Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ họp đại hội

Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ, thường được gọi tắt là VAALA, đã tổ chức đại hội thường niên vào ngày Chủ Nhật 14 tháng Tư 1996, tại trụ sở của Hội ở số 11022 Acacia Parkway, thị xã Garden Grove.

Đại hội thường niên của VAALA, ngoài phần báo cáo hoạt động năm qua, còn đưa ra những dự án hoạt động trong năm 1996, đặc biệt có "Dự Án Thái Tuấn" — Hội sẽ thực hiện một hoặc nhiều cuộc triển lãm tranh đồng thời phát hành một tuyển tập tranh và bài viết của Thái Tuấn.

Đại Hội đã bầu một Hội đồng Quản trị mới cho nhiệm kỳ 1996-1998, bằng phiếu bầu trực tiếp và phiếu bầu vắng mặt của các hội viên ở xa, với kết quả là 15 người được chọn. Mười lăm người này sẽ họp lại vào chiều thứ Bẩy 20 tháng Tư tới đây để ấn định các chức vụ như Chủ Tịch, Tổng Thư Ký, Thủ Quỹ, vân vân. Hội đồng Quản trị cũng sẽ mời thêm một số hội viên vào các Ủy ban Công tác trong thành phần chấp hành, như Ủy ban Gây Quỹ, Ủy ban Truyền thông, Ủy ban Hội viên, vân vân.

Mười lăm người trong Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 1996-1998 gồm có: Các họa sĩ Ann Phong, Hồ Thành Đức, Suzie Vương, Ruth Talovich, các nhà văn Đỗ Quý Toàn, Phạm Phú Minh, các nhạc sĩ Lê Văn Khoa, Nghiêm Phú Phát, Ngô Mạnh Thu, các nhà giáo Bạch Thu Hà, Tô Thế Liệu, Trần Đại Lộc, và các nhà báo Lê Đình Điểu, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát.

Hội VAALA được thành lập từ năm 1991, hoạt động bất vụ lợi trong tất cả các bộ môn: nghệ thuật tạo hình như tranh, tượng, ảnh; nghệ thuật trình diễn như ca, nhạc, kịch; và văn học như sách, báo, hội học...

Với số hội viên hơn 100 người, phần lớn cư ngụ ở miền Nam California, Hội VAALA, trong sáu năm qua, đã tổ chức được gần 40 cuộc triển lãm hội họa, điêu khắc và nhiếp ảnh, hơn 50 buổi trình diễn ca, nhạc, hòa tấu, và rất nhiều buổi ra mắt sách, cho các văn nghệ sĩ trong vùng hoặc từ xa đến.

Năm qua, 1995, Hội đã phối hợp với nhiều hội hoặc đoàn khác để thực hiện "Dự Án 20" tức những sinh hoạt văn học nghệ thuật kỷ niệm 20 năm người Việt định cư tại Mỹ.

LONG BEACH:

Triển lãm hội họa của 15 họa sĩ Việt Nam

Hội Sinh Viên Việt Nam tại đại học Cal State Long Beach tổ chức một cuộc triển lãm với 15 họa sĩ Việt Nam thuộc nhiều thế hệ, nhiều khuynh hướng và nhiều nguồn đào tạo khác nhau, hiện sống tại vùng Los Angeles và quận Cam.

Đó là các họa sĩ: Ngô Bảo, Nguyễn Văn Trung, Nguyễn Thị Hợp, Nguyễn Đồng, Nguyên Khai, Khánh Trường, Hồ Thành Đức, Bé Ký, Hoàng Vũ, Ann Phong, Hồ Anh, Lê Chi, Vũ Hoàng Lân, Darlene Nguyễn-Ely.

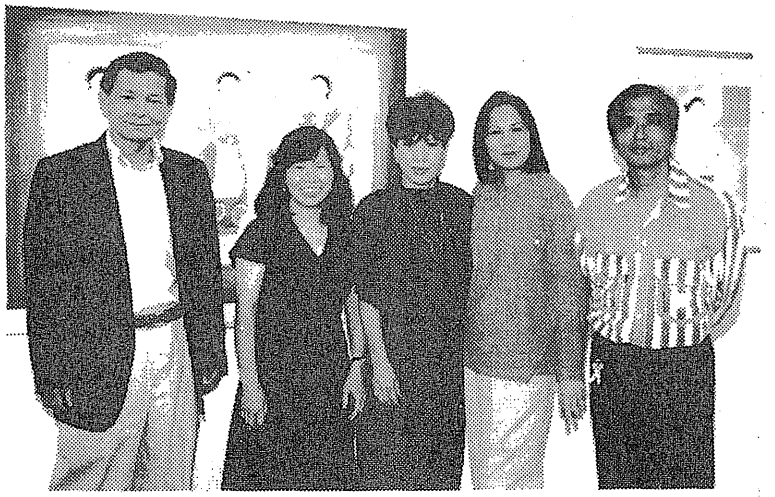

Trong phòng triển lãm: (Từ trái qua) Phạm Phú Minh, Nguyễn Thị Hợp, Phan Mỹ Sương, Hoàng Thị Chu và Trần Đại Lộc

Triển lãm bắt đầu từ ngày 15 đến hết ngày 19 tháng Tư 1996, mở cửa mỗi ngày từ 12 giờ trưa tới 4 giờ chiều.

Buổi tiếp tân dành cho thân hữu và báo chí được tổ chức vào hồi 12 giờ tới 5 giờ ngày thứ Bảy 13 tháng Tư, tại The Galleries B&C, College of Arts, CSLB, 1250 Bellflower Blvd., Long Beach, quy tụ được hơn 100 khách, trong đó có cả các giáo sư và sinh viên đại học Long Beach, các đại diện báo chí Việt và Mỹ.

Buổi tiếp tân diễn ra ở một sân lát gạch, có cây cối chung quanh, nằm giữa hai phòng bày tranh.

Sau khi Ban Tổ chức chào mừng tân khách và giới thiệu chương trình, giáo sư Phạm Cao Dương đã phát biểu cảm tưởng, nhấn mạnh đến vai trò của các bạn trẻ sinh viên trong công cuộc phát huy và bảo tồn văn hóa Việt Nam tại hải ngoại.

Sau đó, các họa sĩ đã đưa khách thưởng ngoạn vào thăm các phòng tranh.

Đã lâu lắm khách thưởng ngoạn nghệ thuật tạo hình ở Nam California mới được thưởng thức một phòng tranh có đông đảo họa sĩ tham gia, và phần lớn là các tác phẩm mới hoàn thành.

QUẬN CAM

Hội thảo về Internet

Sáng Chủ Nhật 14 tháng Tư 1996, đúng 9 giờ, kỹ sư Lê Văn Lực chào mừng các tham dự viên của buổi hội thảo về "Internet" do Hội Khoa Học Kỹ Thuật Gia Việt Mỹ tổ chức.

Căn phòng số D4 ở trên lầu tòa nhà góc đường Brookhurst và Hazard quá nhỏ hẹp so với số người tham dự. Có nhiều người phải đứng ở hành lang nhòm vào. Nhiều người khác đứng ở ngoài xa, bàn về "lên lưới" sôi nổi không kém cuộc thảo luận bên trong phòng.

Các ông Phạm Trí Tuệ, Lê Cẩm Thạch và Nguyễn Như Sơn đã lần lượt thuyết trình các đề tài:

— Khái niệm về Internet.

— Ứng dụng của Internet.

— Tìm công ăn việc làm trong lãnh vực Internet.

Tham dự viên say mê theo dõi các bài thuyết trình và đặt nhiều câu hỏi cụ thể để các thuyết trình viên giải đáp tại chỗ.

Đặc biệt, người ta thích thú khi thấy Internet ngày càng mở rộng "siêu xa lộ thông tin" — không những truyền đi khắp thế giới trong nháy mắt những tin tức, bài vở bằng "chữ," mà còn truyền cả hình ảnh với mầu sắc lộng lẫy, ảnh động như xi-nê, và âm thanh nữa.

Ông Lê Cẩm Thạch, với tổ chức mới do chính ông thành lập có tên *Kicon*, đã giới thiệu "thành phố Kicon" của ông với phòng triển lãm tranh Việt Nam, các hội văn học nghệ thuật như VAALA, Lạc Hồng, và cả đài phát thanh *Viet Nam California Radio* (VNCR), với hai bài phỏng vấn Tiêu Dao Bảo Cự và Linh mục Chân Tín, âm thanh rõ và trong y như trên làn sóng phát thanh.

Tưởng cũng cần nhắc lại, tạp chí *Thế Kỷ 21* cũng đã được công ty Vietmedia đưa "lên lưới" từ gần một năm nay.

Một tham dự viên nói với nhà báo: "Khả năng của Internet ghê gớm như thế, thảo nào Cộng sản Tàu và Cộng sản Việt Nam sợ. Nhưng chẳng sớm thì muộn, Internet sẽ về Việt Nam giúp cho người dân trong nước được nhìn ra thế giới."

LOS ANGELES

Triển lãm tranh Ann Phong

Nữ họa sĩ Ann Phong, hội viên Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ, sẽ triển lãm những tranh sơn dầu mới nhất của cô tại phòng triển lãm LA ARTCORE [la ác-co-rê], từ 3 đến 28 tháng Tư.

Buổi tiếp tân dành cho họa sĩ, báo chí được tổ chức tại phòng tranh từ 2 giờ đến 4 giờ chiều Chủ Nhật 14 tháng Tư.

Nữ họa sĩ Ann Phong đến Mỹ từ năm 1981, theo học tại đại học Fullerton và đã tốt nghiệp cao học về mỹ thuật tại đây.

Tranh của cô phần lớn là loại sơn dầu, khổ lớn, vẽ những cảnh đời sống hiện thực hoặc siêu thực được gợi hứng từ những giấc mộng.

QUẬN CAM

Thanh Sung ra mắt hồi ký "Không Biên Giới"

Vào lúc 2 giờ chiều thứ Bảy 23 tháng Ba 1996, tại phòng Sinh hoạt Người Việt, trên đường Moran, thị xã Westminster, cuốn hồi ký mang tên "Không Biên Giới" của Thanh Sung ra mắt trước khoảng 100 thân hữu.

Ba nhà văn nữ của vùng quận Cam là Bùi Bích Hà, Bích Huyền và Nguyễn Huỳnh Mai đã chào mừng người cầm bút đến từ phương xa, là Thanh sung trong chiếc áo dài mầu mỡ gà, tác giả của cuốn hồi ký.

Nguyễn Huỳnh Mai nói: "Sự chân thật của chị đã thể hiện ngay trong lời mở đầu, khi nói đến khả năng viết lách của mìunh, và những khó kjhăn khi bắt đầu viết sách, cũng như chị đã phải nhờ bao nhiêu thân hữu giúp đở để có thể bầy tỏ nỗi lòng..."

Phạm Xuân Đài đóng góp ý kiến: "Lối kể chuyện của người Huế, nhất là con gái Huế, lại vui và dí dỏm một cách thẳng thắn, có thể ngay cả khi kể những chuyện không vui..."

QUẬN CAM

Ra mắt "Tuyển Tập Hà Sĩ Phu"

Phong Trào Nhân Quyền cho Việt Nam năm 2000 và tạp chí *Thế Kỷ 21* đã phối hợp tổ chức

buổi ra mắt sách "Tuyển Tập Hà Sĩ Phu" do hai tổ chức này vừa xuất bản. Buổi ra mắt sách vào lúc 2 giờ chiều thứ Bảy 30 tháng Ba 1996, cũng tại phòng Sinh hoạt Người Việt, quy tụ khoảng 100 người từng yêu mến và theo dõi các bài viết của Hà Sĩ Phu, một nhân vật chống đối ở trong nước, hiện đã bị nhà cầm quyền cộng sản bắt giữ.

Ông Nguyễn Thanh Hà, đại diện Phong Trào Nhân Quyền cho Việt Nam năm 2000, và ông Lê Đình Điểu, đại diện cho tạp chí *Thế Kỷ 21*, đã lần lượt nói vw lý do xuất bản cuốn sách này, cùng với xuất xứ các tài liệu.

Giáo sư Đỗ Quý Toàn sau đó đã giới theiu tổng quát và trích đọc một số đoạn trong tuyển tập. Phần phân tích tác phẩm một cách chi tiết do giáo sư Lưu Trung Khảo đảm trách. Ông đã cho thấy diễn biến tư tưởng của Hà Sĩ Phu từ những bài đầu, vào cuối thập niên 1980, đến các bài mới viết gần đây, càng về sau Hà Sĩ Phu càng dứt khoát từ bỏ chủ nghĩa cộng sản.

Các ông Nguyễn Anh Giao, Phạm Phan Long đã nói về những tình cảm thán phục của mình đối với tư tưởng sâu sắc và sự can đảm của Hà Sĩ Phu.

Một tham dự viên phát biểu rằng cần phải phổ biến tập tài liệu này rộng rãi trong các cộng đồng người Việt Nam khắp nơi, trong khi nhạc sĩ Phạm Duy đề nghị dịch các tác phẩm của Hà Sĩ Phu sang tiếng Anh, tiếng Pháp, để giới thiệu với thế giới.

QUẬN CAM

Ra mắt sách Hạt Máu Thơ của Nguyễn Chí Thiện

Một nhóm thân hữu của nhà thơ Nguyễn Chí Thiện tổ chức cho ông một buổi ra mắt sách tại Trung Tâm Công Giáo Việt Nam, đường Century thành phố Santa Ana, Cam vào hồi 1 giờ trưa Chủ Nhật 31 tháng Ba 1996.

Cuốn sách là một tập thơ có nhan đề **Hạt Máu Thơ**, tức Hoa Địa Ngục tập II. Hoa Địa Ngục tập I chính là tập thơ ông làm trong tù cộng sản ở miền Bắc Việt Nam và được in ở hải ngoại từ những năm 1980. Nguyễn Chí Thiện đã bị cộng sản giam giữ nhiều lần, tổng cộng tới 27 năm. Ông đến Mỹ hồi cuối năm ngoái, và đã tiếp xúc nhiều lần với các cộng đồng người Việt ở nhiều nơi. Ông cũng đã trả lời một cuộc phỏng vấn trên đài VNCR ít ngày sau khi vừa từ Việt Nam tới Mỹ.

Nói với cử tọa hơn 500 người ngồi tràn ra cả bên ngoài hội trường, nhà thơ Nguyễn Chí Thiện cao giọng: "Bao giờ mà quý vị hội thảo công khai ở Việt Nam, lập đảng phái đối lập công khai, ra báo, ra đài phát thanh một cách tự do, đa đảng... Không làm được những điều đó thì đừng bao giờ nói chuyện hòa giải với Việt Cộng."

QUẬN CAM

Đêm Nhạc Thính Phòng tại Hội Thánh Tin Lành

Tối thứ Bảy 23 tháng Ba 1996, một đêm Nhạc Thính Phòng, tại thính đường Hội Thánh Tin Lành Westminster, đã tạo sự thích thú và xúc động cho toàn thể khán thính giả.

Các nhạc sĩ như Lê Văn Khoa, Nguyễn Mỹ Lệ, Nguyễn Khánh Hồng, các ca sĩ như Thiên Thanh, Bích Liên, Vũ Anh, Hà Thanh Lịch, Chung Tử Lưu, Tiến Thắng, Phi Anh..., cùng ca đoàn Westminster và ngũ ca Ngàn Khơi, đã trình diễn với tất cả tấm lòng.

Cùng với phần trình diễn ca nhạc, còn có chiếu phim dương bản cảnh quê hương phù hợp với lời ca tiếng hát.

Ngoài ra, còn có màn vũ *ballet* do cô Hồng Hạnh trình diễn rất sống động.

Đêm nhạc thành công là do sự tổ chức chu đáo của anh Tiến Thắng, một người biết huy động các bạn trẻ cùng làm việc. (Theo *Kim Hà*)

QUẬN CAM

Ra mắt sách của Ngọc Anh

Văn Bút Việt Nam Nam California tổ chức buổi sinh hoạt ra mắt tác phẩm "Mưa Xuống Cuộc Đời" của tác giả Ngọc Anh, tại hội quán Tao Nhân, số 10264 Westminster Avenue, Garden Grove, vào lúc 8 giờ tối thứ Sáu, 12 tháng Tư 1996.

Khoảng 80 người, trong đó có nhiều hội viên của Trung tâm Văn Bút Nam Cali, như các nhà văn, nhà thơ, Duy Lam, Cao Mỵ Nhân, Đinh Phụng Tiến, Định Nguyên, các nhà báo Đông Duy, Kim Hà, Bảo Hoàng, v.v..., đã theo dõi chương trình giới thiệu tác giả Ngọc Anh và tác phẩm "Mưa Xuống Cuộc Đời," xen lẫn các tiết mục văn nghệ "cây nhà lá vườn."

"Mưa Xuống Cuộc Đời" là một truyện dài, dày 360 trang, mô tả đời sống nhiều nhân vật sống tại tahnh phố Đà Lạt dưới chế độ Cộng Sản, phải tranh đấu gắt gao để sống còn.

Văn Bút Nam California hiện do nhà văn Cao Xuân Huy làm chủ tịch. Tác giả Ngọc Anh là một hội viên của trung tâm Văn Bút này.

WASHINGTON DC

Giai phẩm *Cỏ Thơm* ra mắt, và tập san *Sóng Văn* ra đời

Cỏ Thơm là một giai phẩm văn học nghệ thuật ra một năm bốn số Xuân Hạ Thu Đông, do Lưu Nguyễn Đạt làm chủ nhiệm. (Độc giả *Thế Kỷ 21* đã... gặp Lưu Nguyễn Đạt nơi hình bìa của báo

này số tháng Năm 1995. Ông là tác giả của bức tượng "bàn tay" hiện đặt trong trại Thủy quân Lục chiến Mỹ Camp Pendleton, California. Ông cũng là tác giả một số bài thơ ký tên Nguyễn Đhạt — có chữ *h*.)

Số đầu tiên của *Cỏ Thơm* là số Mùa Xuân 1996, ra mắt với những bài nói chuyện của nhiều diễn giả và phần phụ diễn ca nhạc, đọc thơ của nhiều nghệ sĩ, tại trường Luật, đại học George Mason, hôm 24 tháng Ba.

Buổi sinh hoạt có hơn 100 thân hữu tham dự trong không khí văn nghệ, ấm cúng. (Xin xem giới thiệu nội dung ở phần *Sách Báo Trong Tháng*)

Cũng trong tuần lễ cuối tháng Ba, tại vùng thủ đô, tập san văn học nghệ thuật *Sóng Văn* được bày bán ở các tiệm sách.

ANH

Văn Bút Quốc Tế muốn Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại đoàn kết

Văn Bút Quốc Tế (*PEN International*) vừa gửi điện thư cho hai ông Viên Linh và Sơn Tùng, kêu gọi hai ông ngồi lại với nhau.

Điện thư, do Chủ tịch Ronald Harwood và Tổng Thư ký Alexandre Blokh của VBQT cùng ký tên, cũng cho biết tổ chức quốc tế này đã nhờ Luật sư Trần Thanh Hiệp, một trong số những cựu Chủ tịch của VBVNHN, đứng ra điều giải những bất đồng giữa hai nhóm cùng có tên là Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại.

Điện thư có đoạn như sau (lược dịch từ tiếng Anh):

"Trong hoàn cảnh có những khó khăn hiện ra giữa hai nhóm trong Trung Tâm của các bạn, chúng tôi đã quyết định nhờ ông Trần Thanh Hiệp thiết lập và chủ trì một ủy ban gồm tất cả các cựu Chủ tịch của Trung Tâm Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, với mục đích đem hai phía lại với nhau, và báo cáo kết quả cho chúng tôi biết trước kỳ Đại hội Đại biểu [của VBQT] tại Guadalajara."

Được biết, các cựu Chủ tịch VBVNHN, ngoài ông Trần Thanh Hiệp, còn có bà Minh Đức Hoài Trinh, ông Nguyễn Văn Hảo, ông Nguyễn Ngọc Ngạn, ông Trang Châu, và ông Viên Linh.

PHÁP

Đạo diễn điện ảnh René Clément qua đời

Một trong những nhà đạo diễn lỗi lạc của nền điện ảnh Pháp, René Clément, vừa qua đời hôm 17 tháng Ba, trước ngày ông mừng sinh nhật thứ 83 của ông.

Trong gần nửa thế kỷ phục vụ ngành điện ảnh, René Clément đã đoạt nhiều giải điện ảnh của Pháp cũng như của quốc tế, trong đó có hai giải Oscar của Hàn Lâm Viện Khoa Học và Nghệ Thuật Điện Ảnh Hoa Kỳ.

Trong suốt cuộc đời làm điện ảnh, Clément chỉ thực hiện vào khoảng 20 cuốn phim, nhưng hầu hết đều trở thành những tác phẩm gắn liền với sự phát triển của nền điện ảnh thế giới, vượt qua mọi biên giới.

Ngay cuốn phim đầu tay của ông, cuốn "La Bataille du Rail" (Cuộc Chiến Đường Sắt), năm 1946, đã được Đại hội Điện ảnh Cannes trao giải.

Ông đoạt Oscar đầu tiên với cuốn phim "Au Delà des Grilles" (Bên Ngoài Hàng Rào), năm 1949, với tài tử chính là Jean Gabin của Pháp. Oscar thứ nhì ông đoạt được nhờ cuốn phim "Jeux Interdits" (Những Trò Chơi Bị Cấm), quay năm 1951, với nữ tài tử Brigitte Fossey.

Một cuốn phim lịch sử của René Clément, cuốn "Paris brule-t-il?" (Paris Có Cháy Không?) quay năm 1966, trong đó tài tử Alain Delon đảm trách vai trò Chaban Delmas (sau trở thành thủ tướng Pháp), đã làm sống lại cuộc chiến đấu anh dũng của các kháng chiến quân Pháp, cho đến khi giải phóng được thủ đô Paris khỏi ách thống trị của Quốc xã Đức. (Theo Lê Thụy)

TÂY BAN NHA

Kỷ niệm 250 năm sinh nhật họa sĩ Goya

Quốc vương Juan Carlos và Hoàng hậu Sofia của Tây Ban Nha vừa chính thức khai mạc cuộc trưng bày đầy đủ nhất các tác phẩm của đại danh họa Goya, tại Viện Bảo tàng Nghệ thuật Prado, ở thủ đô Madrid, đánh dấu sự khởi đầu trên toàn quốc, các buổi lễ kỷ niệm 250 năm sinh nhật của Goya.

Hai bộ Văn hóa và Du lịch của Tây Ban Nha đã phối hợp thành lập một công ty ở tầm mức quốc gia có tên vắn tắt là "Goya-96." Công ty này phụ trách quảng bá khắp thế giới về dịp kỷ niệm trọng đại này, và tổ chức các sinh hoạt quy mô như: 16 cuộc triển lãm, năm khóa hội thảo, một cuốn phim tài liệu, một vở ca vũ, và một vở kịch.

Đặc biệt, cuộc triển lãm các tác phẩm của Goya sẽ gồm cả những bức tranh hiện treo rải rác ở nhiều viện Bảo tàng khắp nơi trên thế giới, trong đó có nhiều bức lần đầu tiên trở về "cố hương" Tây Ban Nha sau hàng trăm năm "bỏ nước ra đi."

Tên đầy đủ của đại danh họa này là Francisco José de Goya, sinh ra cách đây 250 năm tại thành phố Zaragoza, Tây Ban Nha. (Lê Thụy)■

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

VƯƠNG HỮU BỘT
LÊ TAM CA
PHẠM XUÂN ĐÀI

Hoa Địa Ngục tập 2 (Hạt Máu Thơ)

thơ Nguyễn Chí Thiện, tác giả xuất bản và giữ bản quyền, 171 trang, giá US$12.00, không ghi địa chỉ liên lạc.

Tập một, là tập thơ Nguyễn Chí Thiện trao tại tòa Đại sứ Anh ở Hà Nội năm 1979, và sau đó được xuất bản ở hải ngoại với tên *Bản Chúc Thư Của Một Người Việt Nam*. Sau khi trao tập thơ này, Nguyễn Chí Thiện lại bị bắt, và lại tiếp tục làm thơ trong tù. Cho đến năm 1988, ông làm được hơn bốn trăm bài, cố gắng học thuộc chứ không ghi chép gì được. Khi ra khỏi tù năm 1991, về nhà định chép ra giấy thì ông mới thấy là đã quên gần hết.

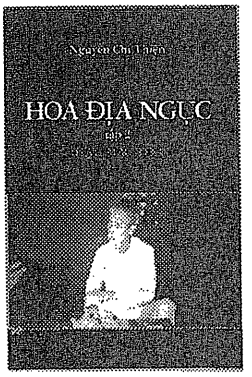

Phải mất hơn một năm sau ông mới cố gắng "khôi phục" lại được hơn ba trăm bài, nhưng không chuyển đi nước ngoài được. Sang đến Hoa Kỳ ngày 1 tháng Mười Một 1995, ông bắt đầu viết các bài thơ ấy ra giấy ngay, sợ để lâu nữa lại quên. Các bài ấy đã làm thành Hoa Địa Ngục tập 2 ngày hôm nay.

Các bài thơ trong tập này, cũng như tập trước, chủ yếu nói về cảnh bi thương trong nhà tù Cộng Sản.

Ông là nạn nhân, là chứng nhân bi đát của chế độ ấy, ông tự thấy trách nhiệm của mình:

"Coi mình là người ghi chép cảnh thực, tình thực của một giai đoạn lịch sử đau đớn tột độ, tôi luôn luôn tôn trọng sự thật, không cường điệu, khuếch đại, bôi đen, hoặc gay cấn hóa. Vả lại, nguyên những sự thực cũng chỉ ghi được phần nào, cần gì phải vẽ vời thêm!"

Tác giả đã ghi lại bằng thơ, một loại nghệ thuật bóng bẩy. Nhưng thơ Nguyễn Chí Thiện thì không bóng bẩy, nó cố vươn tới sự giản dị tối đa, và ta nhận ra điều này: hình như dùng sự giản dị để mô tả cái bi đát thì hiệu quả hơn là sự màu mè, vì dễ đi thẳng vào tim người ta hơn là những gì vướng víu nhiều hoa lá cành.

Nghệ thuật ở đây rất đơn giản nhưng làm chúng ta "nhợt nhạt cả mặt mày" khi đọc đến, và hiểu được rằng đối với một số người, quả thật sự đau khổ đã làm cho họ thành lớn lao.

Trầm Hương

thơ Liễu Nhiên, do Anh Em xuất bản, bìa và phụ bản của Nguyễn Hữu Nhật, lời bạt của Hồ Trường An, 95 trang, không ghi giá bán. Liên lạc: Anh Em, Helgesens Gata 72, 0563 Oslo, Norway. Tel: 22 38 28 53. Hoặc: 150 Rue des Pérénées, 75020 Paris France. Tel: 43 56 61 36.

Tôn giáo là một đức tin, một giáo thuyết để con người tu tỉnh hướng về điều thiện. Nhưng cũng nhiều khi tôn giáo hiện ra trong góc cạnh tình cảm, và thường được diễn đạt bằng thơ ca. Thơ và đạo xem ra không mâu thuẫn nhau, vì đều là các khám phá mới lạ của tâm linh, nên cái này chuyển tải cái kia một cách rất tự nhiên, không ì ạch khổ sở như khi dùng thơ để diễn tả những thắng lợi chính trị hay thành tựu về sản xuất chẳng hạn. Mỗi khám phá về đạo đối với Liễu Nhiên có thể thành một cảm hứng, và tác giả đã phổ thành thơ. Có lẽ đó cũng là một cách ghi nhận và đánh dấu trình độ chứng ngộ của mình, nhưng được thể hiện một cách... văn nghệ. Người đọc những vần thơ đạo ấy, tùy căn cơ, có thể có những nắm bắt và rung động với các khám phá tâm linh của tác giả.

Những Ngày Xa Xưa Ấy

hồi ký của Thu Tâm, Thế Kỷ xuất bản, 120 trang, giá US$10.00. Liên lạc: Thế Kỷ, 11022 Acacia Parkway #A, Garden Grove, CA 92640, USA. Tel: (714) 638-9510.

Những ngày xa xưa ấy cách đây 60 năm, của một phụ nữ Việt Nam nay đang ở tuổi tám mươi, viết về mối tình thủa thanh xuân của mình. Bà Thu Tâm hiện nay đang ở Sài Gòn, trước kia đã là người tình và là vợ hai của ông Trần Huy Liệu, một đảng viên cao cấp cộng sản thời trước 1945, nhưng sau phải rời xa ông vì kỷ luật đảng

buộc ông phải "thôi" bà vợ hai.

Thiên hồi ký mỏng kể lại một mối tình khá lạ lùng và không kém phần thơ mộng, và mặc dầu có một kết thúc nghiệt ngã, những người tình một thời vẫn không hề quên nhau. Giọng văn thành thật của một cây bút khá vững về thơ văn cùng với tấm lòng thiết tha và kinh nghiệm sống đã cống hiến cho chúng ta vừa một chuyện tình, vừa là những trang tài liệu đặc biệt về một thời đã qua.

Để bổ túc cho câu chuyện ấy, nhà xuất bản đã sưu tầm thêm một số tài liệu liên quan đến ông Trần Huy Liệu và bà Thu Tâm và in vào phần phụ lục, giúp cho những trang hồi ký của một người tuổi đã cao và sống trong một hoàn cảnh đặc biệt thêm tính chất xác thực. Trần Huy Liệu, nhân vật mang huyền thoại là người thay mặt cách mạng nhận ấn kiếm của ông vua thoái vị Bảo Đại năm 1945 tại Huế, nay hiện ra với tất cả vẻ "người" của ông trong tình yêu và trong những vần thơ tình lắm khi rất đẹp của ông. Vẽ lại bộ mặt thực của một chút lịch sử, đó chính là giá trị của cuốn sách này.

Marie Sến

tiểu thuyết của Phạm Thị Hoài, Thanh Văn xuất bản, 158 trang, giá US$10.00. Liên lạc: Thanh Văn P.O. Box 411723 Los Angeles CA 90041.

Nhà văn Phạm Thị Hoài, hiện định cư tại Berlin, Đức Quốc, là một trong những nhà văn trẻ thuộc thế hệ mới (gồm Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài, Dương Thu Hương, Bảo Ninh...) từng làm thay đổi nền văn chương quốc nội những năm cuối thập niên 80. Đây là cuốn sách mới nhất của tác giả, vừa viết xong vào cuối năm 1995. Tạp chí Văn Học (Nam California, Hoa Kỳ) đã nhận xét về cuốn này như sau:

Cuốn truyện là một tác phẩm đề cập tới những xáo trộn của Hà Nội hiện nay trong giới trí thức, viết bằng một bút pháp dữ dội, quyết liệt, khinh bạc tột cùng, nhưng đồng thời vẫn bàng bạc một vẻ thơ mộng hiếm có. Marie Sến *mới mẻ, độc đáo cả hình thức lẫn nội dung, nên dĩ nhiên không thể in trong nước.*

Hãy đọc vài câu trích trong chương mô tả một hội nghị của những nhà trí thức Hà Nội:

"Tôi cũng nghe thủng mọi ý tứ của các nhà bác học cấp tiến ôn hòa, cũng chiêm ngưỡng họ thi đua nhân cách, nhưng thú thực nghe nhìn xong ít khi nhớ được điều gì. Có lẽ vì ý kiến họ na ná nhau, nhân cách họ tựa tựa nhau, họ lại có tật nói dài, nói rất dài, người này lặp lại người kia và lặp lại chính mình không mệt mỏi, không đếm xỉa đến sức khỏe của người nghe, và dán đầy trích dẫn đông tây lên trụ cột tư tưởng như những cột áp phích kín mít. Ai không theo phong cách đó có thể bị coi ngay là thất học, hay chưa chín mùi."

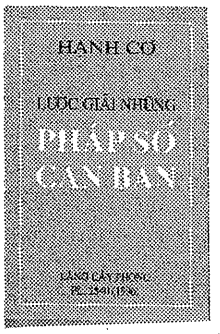

Tác phẩm *Marie Sến* có một nội dung và phong cách vô cùng đặc biệt, lâu lắm mới thấy xuất hiện trong văn học Việt Nam.

Pháp Số Căn Bản

của Hạnh Cơ, Làng Cây Phong xuất bản, 1996. 252 trang, giá 12 $US. Do Văn Nghệ phát hành, P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683, USA. ĐT (714) 527 5761.

Những người tu học theo đạo Phật đều phải tụng đọc một rừng kinh điển, cho nên muốn giúp môn đệ học đạo dễ thuộc các ý niệm cơ bản của Phật Pháp, ngày xưa các vị tổ đã đặt ra một lối tu học giản dị, là pháp số. Thí dụ nhất thừa, nhị quán, tam thân, tứ vô lượng tâm, ngũ uẩn, cho đến thập bát giới, tam thập thất trợ đạo phẩm, v.v. Đây là một phép học và tu, xếp theo số thứ tự để giúp trí nhớ. Soạn giả nhấn mạnh đây không phải là một từ điển, tuy nhiên công dụng thực tế thì tương tự.

Hạnh Cơ đã có công chọn lựa và giảng những pháp số theo lối nhìn của một người học để thực hành, nghĩa là áp dụng Phật pháp vào chính cuộc sống hàng ngày, cho con người đời nay. Khi giảng về "Thất giác Chi" chẳng hạn, ông cho biết đề tài này được nêu trong kinh *Niết Bàn*, gồm có Giữ chánh niệm, Lựa chọn phép tu học, Kiên trì, Vui vẻ, Thư nhẹ, Tĩnh lặng, Buông bỏ. Bằng một lối văn giản phác, rành mạch với sự hiểu biết sâu rộng và thực tế về đề tài, tác giả đóng góp một tác phẩm rất cần thiết cho những

người muốn tìm hiểu đạo Phật, nhất là các người muốn học để tu tập.

Đây cũng là cuốn sách hiếm hoi trong các sách tiếng Việt có bảng Tra danh số ở cuối, có đề nghị sách đọc thêm để tham khảo, cũng như nêu các danh từ khác đề cập đến cùng một đề tài. (VHB)

Lòng Tin Âu Mỹ Đấy

của Trần Quí, Đồng Thanh xuất bản, 1996. 402 trang, giá 16 US$. Văn Nghệ tổng phát hành. Địa chỉ liên lạc như cuốn trên.

Cuốn sách này gồm hai phần riêng biệt nhưng bổ túc cho nhau. Phần đầu, Tín Ngưỡng Tây phương, là công trình trước tác của Trần Quí, gồm các tài liệu và suy nghĩ của tác giả về hiện tượng tín ngưỡng và tôn giáo có tổ chức tại Tây phương, Phần thứ hai là bản dịch Thời Đại của Lý Trí, từ cuốn *The Age of Reason* của Thomas Paine (1737-1809)

Cuốn sách của Paine là một tác phẩm rất đáng đọc đối với những ai quan tâm đến lịch sử tư tưởng Tây Phương và Hoa Kỳ nói riêng. Paine có ảnh hưởng rất lớn đối với cuộc cách mạng chính trị cũng như tinh thần của thế giới Tây phương. Nhưng cuốn The Age of Reason, in ra những năm 1794, 95 và 1807 mới xong, đã làm cho ông bị nhiều người chống đối. Ngay từ lúc mới ra đời, cuốn sách được coi là chống tôn giáo. Tư tưởng của Paine phản ảnh tư trào của thế kỷ 18, đặt lại các vấn đề "thiêng liêng" nhân danh lý trí con người. Tất nhiên, hai thế kỷ sau con người bây giờ vẫn tìm về tín ngưỡng tâm linh, và biết nghi ngờ cả lý trí. Việc dịch thuật cuốn sách của Paine với phần tiểu sử đầy đủ là một đóng góp đáng kể của Trần Quý vào tủ sách tiếng Việt.

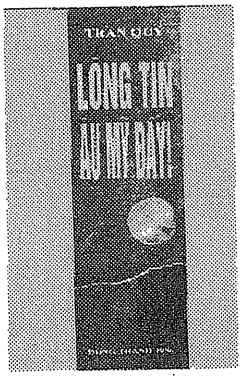

Phần thứ nhất, tác giả Trần Quý bắt đầu với các hiện tượng gần đây, như vụ People's Temple, các vụ tự sát tập thể, bàn đến các tôn giáo xuất phát từ Do Thái Giáo, Thiên Chúa giáo, để đặt đề tựa là "Tín ngưỡng Tây Phương." Đọc xong phần này người ta thấy tác giả chỉ chú trọng đến các biến tính xấu của hiện tượng tôn giáo ở Tây Phương. Đó là một thái độ thiên lệch ngay từ điểm xuất phát. Không khác gì viết về Tín Ngưỡng Đông Phương mà chỉ bàn về các hủ tục dị đoan ở các đền chùa và buộc tội "tiêu cực, lánh đời" vậy. Tôn giáo là một hiện tượng phổ biến trong lịch sử nhân loại, từ đó đã tạo nên các thánh nhân cũng như những kẻ cuồng tín. Tôn giáo đã mang lại niềm hạnh phúc và lẽ sống cho nhiều người, cũng như phát sinh những hành động mê tín hay buôn thần bán thánh. Nếu chúng ta chỉ nhìn vào các phương diện xấu mà thôi, thì không có tinh thần khoa học và cũng không bầy tỏ được chút thiện chí nào cả. (VHB)

Quả Bóng Tuổi Thơ

tập truyện thiếu nhi của Ngọc Thủy, Cơ Sở Văn Hóa Đông Phương xuất bản 1995, 87 trang, giá US$5.00. Liên lạc: 334 N. 3rd St. San Jose, CA 95112, USA. Tel: (408) 287-6714.

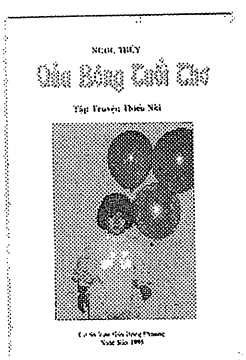

Ngọc Thủy rất có tài viết truyện cho trẻ thơ. Cô không viết truyện cổ tích, mà lấy đề tài trong đời sống hàng ngày, rất gần gũi với con trẻ. Tuy chuyện quen thuộc nhưng lối kể của cô rất hấp dẫn, trẻ em đọc không chán, mà lại học được nhiều kiến thức lồng trong đó. Cô viết về tình gia đình, tình bạn, về loài vật, cây trái và các sinh hoạt của trẻ thơ, lời văn trong sáng và lôi cuốn với hậu ý giáo dục rất khéo léo.

Một cuốn sách rất tốt để các em bé Việt Nam ở hải ngoại tập đọc tiếng Việt.

Gởi Người Dưới Trăng

tuyển tập thơ của Cung Diễm, Nguyễn Phúc Sông Hương, Khương Hạ, Tâm Huyền, Vi Khuê, Hà Ly Mạc, Sương Mai, Duy Năng, Tuệ Nga, Diên Nghị, Hà Thượng Nhân, Cao Mỵ Nhân, Song Nhị, Nguyên Phương, Thinh Quang, Ngô Văn Thọ, Huệ Thu, Bùi Duy Thuyết, Trình Xuyên, Tô Thùy Yên, do Thi Văn Đoàn Cội Nguồn xuất bản 1995, 280 trang, giá US$12.00. Liên lạc: Diên Nghị, 307 Phelan Ave. San Jose, CA 95112, USA. Tel: (408) 971-4126.

Tuyển tập thơ Gởi Người Dưới Trăng là nơi hội ngộ của hai mươi tác giả thuộc nhiều thế hệ, hiện sống tại Hoa Kỳ và Canada. Toàn tập gồm 126 bài thơ thuộc nhiều thể loại: Đường luật, lục bát, thơ mới, tất cả đều chất chứa nhiều sắc thái tình tự của mỗi tác giả, "cùng chung một thể

hiện tâm tình của kẻ lưu vong hướng về quê mẹ."

Xuất bản thơ tập thể gồm nhiều tác giả là một điều hay, vì mỗi tác giả có một sắc thái riêng, và cùng trong một tập, người đọc được thưởng thức nhiều dáng vẻ thi ca khác nhau. Giữa lúc trên thị thường sách vở thi ca thường được tiêu thụ rất chậm thì hình thức in thơ tập thể giúp thơ dễ đến với người đọc hơn.

Riêng trong tập thơ Gởi Người Dưới Trăng, có một điều khiến người đọc thắc mắc: ở trang 155, bài *Đọc thơ Phùng Quán*, tác giả Hà Thượng Nhân có chú thích rằng *"Phùng Quán vốn là học trò cũ của tôi vào các năm 1958-1959."* Có thể có sự lầm lẫn nào ở đây chăng, vào các năm đó Phùng Quán ở ngoài Bắc và đã tham gia phong trào Nhân Văn Giai Phẩm, trong khi nhà thơ Hà Thượng Nhân đang ở trong Nam?

Sông Núi Người Thơm Nỗi Nhớ Nhà (*Your Scented Garden, My Nostalgia*)

Tuyển tập thơ của **Du Tử Lê**, (với bản dịch tiếng Anh một số bài, của Lê Vương Ngọc, Nguyễn Ngọc Bích và Phạm trọng Lệ), Tủ sách Văn học Nhân chứng xuất bản, 1996. Dày 200 trang, giá 12 Mỹ kim. Liên lạc: PO Box 2054-M89 Westminster CA 92683.

Đúng ra, phải gọi là một tuyển tập thơ, văn, nhạc, họa, vì trong 200 trang giấy có đủ cả. Khoảng 40 bài thơ Du Tử Lê mới viết, đã đăng báo, và hầu hết để tặng bạn bè (như một thứ văn chương thù tạc).

Gần 20 bài tiếng anh do ba người dịch, không ghi rõ dịch từ bài nào, nên phải đọc và tìm. Cũng là một trò chơi đánh đố vui vẻ. Bài dịch nhiều khi dễ... hiểu hơn nguyên tác!

Thơ Du Tử Lê được phổ nhạc rất nhiều. Riêng trong tập này, ông cho in tới 11 bài — vì mới nên chưa thấy ai hát. Rồi họa của Thái Tuấn, Ngọc Dũng, Khánh Trường, v.v... Rồi tựa, rồi bạt, v.v...

Du Tử Lê tiếp tục "làm mới" thơ ông bằng những thủ pháp chấm, phết, gạch, ngắt câu, xuống hàng, không theo văn phạm cổ điển. Đương nhiên là khó hiểu. Có người còn... khó chịu — đó là những người khó tính. (LTC)

Hoa Địa Ngục (*The Flowers of Hell*)

Tuyển tập thơ song ngữ, nguyên tác tiếng Việt của **Nguyễn Chí Thiện**, bản dịch tiếng Anh của **Nguyễn Ngọc Bích**. Tổ hợp Xuất bản Miền đông Hoa Kỳ ấn hành, 1996. Dày 556 trang, giá 25 Mỹ kim. Liên lạc: Cành Nam, 2607 Military Rd., Arlington VA 22207. ĐT (703) 525-4538. E-mail: Canh Nam @ aol.com.

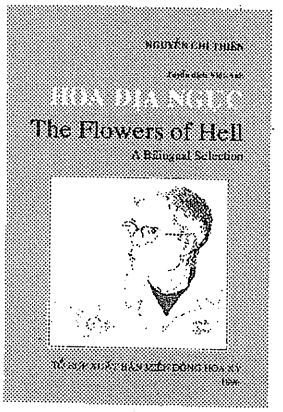

Thơ Nguyễn Chí Thiện đã được in, được đọc, được ngâm và được hát (qua nhạc phổ thơ của nhiều nhạc sĩ), từ đầu thập niên 1980. Nhưng đây là lần đầu tiên có một tuyển tập song ngữ đầy đủ nhất (những bài Nguyễn Chí Thiện làm trước khi sang Mỹ). Cuốn sách còn là một công trình sưu tầm công phu, gồm thủ bút tác giả, ảnh và tranh vẽ chân dung tác giả, những lời phê bình thơ Nguyễn Chí Thiện của văn thi sĩ nhiều nước trên thế giới.

Phần danh mục (*Index*) ở cuối sách giúp độc giả tìm được nhanh chóng và dễ dàng các bài thơ trong một tập sách đồ sộ.

Các bạn trẻ Việt Nam quen đọc tiếng Anh, cũng như các độc giả quốc tế, hẳn sẽ tìm thấy tuyển tập thơ song ngữ này là một tài liệu không thể thiếu tronng việc tìm hiểu tâm tư một con người sống trong tù ngục — hiểu theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng — và một giai đoạn lịch sử dân tộc Việt Nam. (LTC)

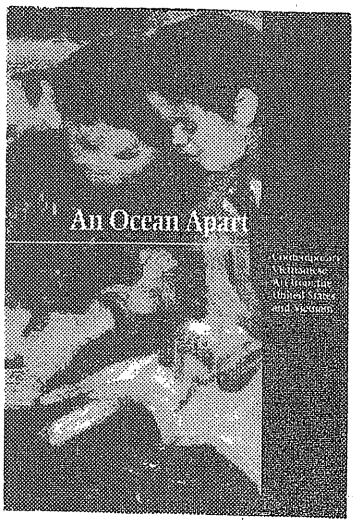

An Ocean Apart

Tập tranh và ảnh của 41 họa sĩ và nhiếp ảnh gia Việt Nam (25 đang ở trong nước, và 16 đang ở Mỹ), do Viện Bảo Tàng Quốc Gia Smithsonian ấn hành, nhân dịp có cuộc triển lãm của "Smith-

sonian Institution Traveling Exhibition Service." Cuộc triển lãm diễn ra ở nhiều thành phố trên nước Mỹ, kéo dài ba năm từ 1995 đến 1997.

Tập tranh in khổ lớn, trên giấy trắng mịn, có bài mở đầu do Jeffrey Hantover viết, được Nguyễn Ngọc Bích dịch sang Việt ngữ. Các lời giới thiệu các tác giả và tác phẩm cũng được in song ngữ Anh-Việt (phần tiếng Việt của Nguyễn Ngọc Bích).

Đây là lần đầu tiên ở Mỹ có cuộc triển lãm tranh Việt Nam ở quy mô lớn cỡ này. Và cũng lần đầu tiên tranh của các họa sĩ Việt Nam được in một cách trang trọng trong một tập sách có trình độ mỹ thuật cao.

Trong số 41 họa sĩ và nhiếp ảnh gia được giới thiệu trong sách, nếu phân tích theo "vùng," thì chỉ có 13 người thuộc chế độ cộng sản. Năm người tuy sống ở Hà Nội, nhưng thuộc lớp họa sĩ cao niên được đào tạo từ Trường Mỹ Thuật Đông Dương từ thập niên 1930-40. Có bẩy người thành danh từ thời Việt Nam Cộng Hòa, hiện ở Saigon hay các tỉnh khác. Còn lại 16 người đang ở Mỹ. (LTC)

CD Fire Water Paper: A Vietnam Oratorio

CD nhạc giao hưởng của **Elliot Goldenthal**, dàn nhạc PSO (*Pacific Symphony Orchestra*) với nhạc trưởng Carl St. Clair. Sony phát hành.

CD này là bản ký âm trực tiếp từ các buổi trình tấu ở Orange County Performing Arts Center, thị xã Costa Mesa, California, ngày 29 và 30 tháng Tư 1995, nhân dịp kỷ niệm 20 năm chấm dứt chiến tranh Việt Nam (đối với người Mỹ).

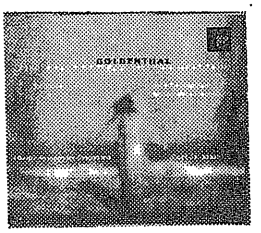

Với nhan đề *Nước* (tượng trưng cho hòa bình), *Lửa* (chiến tranh), và *Giấy* (thơ, văn, nhạc, họa), bản nhạc có tham vọng — như đoạn sau cái tên: *A Vietnam Oratorio* (Một trường ca Việt Nam) — tổng kết lịch sử một dân tộc, nhấn mạnh giai đoạn có sự tham dự của người Mỹ.

Nhạc giao hưởng vốn đã khó hiểu đối với nhiều thính giả Việt Nam, nhạc sĩ Elliot Goldenthal còn sử dụng thủ pháp pha trộn nhiều nhạc ngữ và ngôn ngữ khác nhau nên càng khó. Thính giả Việt Nam chắc chỉ thích thú khi nghe đoạn hợp ca khúc đồng dao Việt Nam do ba ca đoàn xướng thanh, trong đó có nhóm Thiếu Nhi của Ca đoàn Ngàn Khơi. (LTC)

CD Vết Lăn Trầm

Đĩa nhạc với tiếng hát **Dạ Lan Hương**, gồm 10 bản nhạc thuộc loại tình cảm, lãng mạn của các tác giả quen thuộc như Trịnh Công Sơn, Phạm Duy, Ngô Thụy Miên, Lam Phương và Đức Huy. Liên lạc: TPN, PO Box 822295 South Florida FL 33082-2295. ĐT (305) 431-2433.

Một giọng hát tài tử (?) có nét riêng. Dạ Lan Hương khéo chọn bài hợp với giọng của cô. Tuy giọng chưa đủ chất "ma quái" để thể hiện nhạc ngữ Trịnh Công Sơn, cô chọn tới năm bài của nhạc sĩ này, và lấy tên bản nhạc đầu tiên trong đĩa, bài "Vết Lăn Trầm," dùng làm nhan đề cho cả CD 10 bài — chắc hẳn cô phải "tâm đắc" với nhạc họ Trịnh lắm lắm. (LTC)

CD Hoa Lan Giữa Tóc Thề

mười tình khúc của **Mộng Lan** phổ nhạc thơ của Nguyên Sa, Nhã Ca, Vũ Kiện, Cung Vũ, Thái Tú Hạp, Lưu Nguyễn, Huệ Thu và Trần Thiện Hiệp, với giọng ca của Quỳnh Hương và Trọng Nghĩa, phần hòa âm do Sĩ Đan.

Liên lạc: Trọng Nghĩa và Mộng Lan, PO Box 832, Artesia, CA 90702-0632, USA. Tel: (310) 809-2526.

Hồ Trường An đã nhận xét về CD này như sau:

Nhạc của Mộng Lan rất hợp với cảm quan giới trẻ; hay nói đúng hơn, nhạc của cô là lời tâm tình, là tiếng hát trái tim của tuổi trẻ. Và ở công việc chuyển thơ thành nhạc, cũng như các bậc tiền bối của cô, Mộng Lan đưa nhạc lên cao, gần gũi cảm quan kẻ sành điệu, chứ không làm thỏa mãn thị hiếu thấp kém của quần chúng. Nhạc của Mộng Lan rất Việt Nam, phong phú giai điệu, lại có nhiều tiết điệu thay đổi, tránh xa cái đơn điệu nhàm chán.

... Mộng Lan trước hết đã biết chọn lọc những bài thơ có giá trị để phổ nhạc. Có một cái khiếu thưởng ngoạn cao về thơ không phải là dễ. Nhưng phổ nhạc sao cho nhạc vừa gần gũi với cảm quan giới trẻ mà vẫn làm thỏa mãn cho khách sành điệu lại càng khó hơn. Mộng Lan đã vượt được hai cái khó đó, đem lại cho nhạc một thế giới âm thanh quyến rũ.

*

BÁO MỚI

Sóng Văn

tập san văn học nghệ thuật, số ra mắt (tháng Ba và tháng Tư 1996), 121 trang, giá US$5.00. Liên lạc: *Sóng Văn*, 13448 Jefferson Davis Highway, Woodbridge, VA 22191, USA. Tel: (703)

492-7555.

Đây là một tạp chí phát hành hai tháng một kỳ, do Nguyễn Sao Mai và Hoàng Thị Bích Ty chủ trương, *nhằm đóng góp vào nền văn học Việt từ một khoảng cách dịu vợi của địa lý, cũng như của suy tư và cách sống, với quan niệm chỉ có một nền văn học Việt duy nhất của người Việt...*

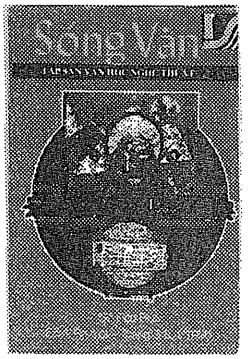

Cỏ Thơm

giai phẩm văn học nghệ thuật biên khảo, số 1 tháng Ba 1996, 186 trang, giá US$5.00. Địa chỉ tòa soạn: 3111 Cranleigh Ct. Fairfax, VA 22031, USA. Tel: (703) 876-2620.

Dưới hình thức giai phẩm, *Cỏ Thơm* xuất bản ba tháng một lần, vào mỗi đầu mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông. Số mùa Xuân được chia ba phần biên khảo, truyện ngắn và thơ, tương đối cân đối và có nhiều bài hay. Tạp chí do Lưu Nguyễn Đạt làm chủ nhiệm với ban chủ biên gồm: Hà Bỉnh Trung, Lưu Nguyễn Đhạt, Nguyễn Hữu Hiệu, Trần Long Hồ, Sơn Tùng, Nghiêu Minh, Phạm Văn Hải, Lê Thị Nhị, Nguyễn Hồng Thủy.

* *Tòa soạn cũng vừa nhận được tạp chí* **Hương Sen** số Xuân Bính Tý và tập kỷ yếu buổi hội thảo "Phật Giáo và Thời Đại", do Trúc Lâm Thiền Viện, 9 rue Neuchâtel, 91140 Villebon Sur Yvette, France, gửi tặng. Buổi hội thảo "Phật Giáo và Thời Đại" được tổ chức vào tháng Chín 1995 tại Trúc Lâm Thiền Viện, với sự tham dự của nhiều tu sĩ và học giả tên tuổi. Xin cám ơn tạp chí Hương Sen và chùa Trúc Lâm, và trân trọng giới thiệu cùng quý độc giả.■

ĐÃ PHÁT HÀNH KHẮP NƠI THI PHẨM

HẠT BỤI NÀO BAY QUA

Thái Tú Hạp

...Một gắn bó sắt son và bất biến với giống nòi và nguồn gốc do nơi những rung động ở quê nhà ngày trước, trên quê người bây giờ, trước sau là nhất quán không bao giờ đổi thay.
MAI THẢO

...Thơ ông tạo cho ta một niềm rung động nhẹ nhàng hài hòa và dù muốn hay không những xúc cảm thẩm mỹ nẩy sinh từ những khám phá thơ ông lạ thay hầu như lúc nào cũng nhuốm vẻ u hoài tha thiết như tiếc nhớ những cái đẹp hầu như khó có thể tìm thấy trong cái ồn ào hỗn độn của thế giới hiện tại...
DUY LAM

...Thái Tú Hạp đã tạo cho người thưởng thức thơ ông những rung động tao nhã và tế nhị, những cảm nghĩ suy tư kéo dài về thân phận con người và sự cảm thông muôn đời giữa cái đẹp của thiên nhiên và lòng hướng thiện tiềm ẩn trong bất cứ người nào.
LUÂN HOÁN

...Những bài thơ trong tập thơ mới nhất cho thấy Thái Tú Hạp đã đưa được vào các sáng tác của ông những hình ảnh và không khí mới mẻ, cái không khí của mùi trầm hương, của hoa huệ, hoa lan thơm ngát, những trang kính, cái không khí siêu thoát của Thiền của Phật giáo...
BÙI BẢO TRÚC

...Tiếp thu tinh thần Nho giáo và Phật giáo vì vậy hơn mười năm qua sống trong "Thế giới Văn minh trả góp" anh cảm thấy có điều gì lạc lõng giữa tâm hồn đông phương những tương tàn trong tình cảm bởi lối sống cá nhân, đeo đuổi theo vật chất, những toan tính lọc lừa... khiến cho anh đi tìm một lối thoát ở cõi thơ thoát tục.
TRẦN LƯ NGUYÊN KHANH

Bìa: ĐINH CƯỜNG
Phụ Bản:
NGUYÊN KHAI - KHÁNH TƯỜNG
- BẾ KÝ - HỒ THÀNH ĐỨC
- VÕ ĐÌNH - VŨ THÁI HÒA

Xin liên lạc về:
TRẦN ÁI CẦM
9129 E. Valley Blvd.
Rosemead, CA 91770
Tel: (818) 286-1239
Fax: (818) 286-3293

CHỮ NGHĨA THỜI THƯỢNG

CẬU TÁM BOLSA

Họa sĩ Chóe mới vẽ một bức hí họa cái thùng rác, trên một tờ báo ở Sài gòn. Thùng được cột xích cẩn thận như khóa xe gắn máy. Cái thùng quý như vậy, vì đó là "thùng ngoại." Trên thùng có hàng chữ "Thùng Ngoại, bảo đảm không hư rác." Thùng ngoại, đó là lối đặt từ mới xuất hiện ở Việt Nam. Hàng ngoại. Đồ ngoại. Cứ một chữ ngoại là đủ rồi, không rắc rối "hàng ngoại hóa" như trước 1975. Chỉ khi nói đến các bà mà gọi là Bà ngoại phải coi chừng.

Các từ thời thượng cũ có khi sống lại. Marie Sến là một từ thịnh hành ở Sài gòn hồi (toàn dân Việt Nam biết ơn) Ngô Tổng Thống. Nay bà Phạm thị Hoài đặt tên cho tác phẩm mới ra, *Marie Sến* là tên nhân vật chính trong cuốn tiểu thuyết. Chữ Sến gốc từ chữ Sen. Con Sen là đầy tớ gái. Sen đổi ra Sến cũng giống như Mỹ trại ra Mẽo, Con Gái dọc thành Con Ghế, những tiếng thông dụng ở Sài gòn từ những năm 1950-60.

Chữ Sen cũng có gốc của nó. Các nhà quý tộc bên Tầu đặt tên đầy tớ gái bằng tên hoa. Tiểu thư vội thét con Hoa! Đào, Hồng, Sen, Lựu, v.v... đều là hoa cả. Từ cái tên gọi Sen có hai biến thái. Các ông lớn tuổi đổi thành Liên Tử, các cậu choai choai gọi ra Sến. Phát xuất từ đó mà có **Nhạc Sến**, đồng nghĩa với **Nhạc Máy Nước** là loại nhạc được các Marie Sến hâm mộ, mà chị em thường hay hát cho nhau nghe nơi máy nước công cộng. Bà Phạm Thị Hoài không biết hết nguyên ủy các biến thái đó.

Ở Hà Nội đang có các từ mới như **Phòng Ôsin**, nghĩa là phòng cho khách ngồi bệt xuống sàn nhà. Gốc từ bộ phim Ôsin của Nhật. Khi điểm các hoạt động Bia Ôm ở Hà Nội, báo *Thanh Niên* (28-03-96) nói đến các quán Ôsin loại vét đĩa, có nghĩa là hạng bét. Trong các quán có cảnh **Nhật thực toàn phòng** cũng đáng coi là mới. Hỏi các cô bia ôm thế nào cũng nghe than "**Hoàn cảnh lắm anh ạ!**" Hoàn cảnh là một tĩnh từ. Nhà báo cũng viết ."..khách đang kiểm tra vòng một vòng hai vòng ba của đào.."

> "Anh đứng ngược đầu theo lối trồng cây chuối làm chi vậy?"
>
> "À, tôi tôi đang cần lật ngược mọi thứ trong đầu của tôi."

Mấy số vòng này cũng di cư từ Sài Gòn thời 70 ra Hà Nội thời 90.

Bà Phạm Thị Hoài chắc không biết gốc chữ Sến. Nhưng cuốn tiểu thuyết của bà chắc chắn sẽ nổi tiếng, vì nó vẽ ra cảnh một xã hội đang thay đổi với các nhân vật lố bịch của nó. Nhân vật Marie Sến sẽ đi vào lịch sử như Xuân Tóc Đỏ, như Ông Bà Văn Minh của Vũ Trong Phụng. Thời Pháp thuộc cuốn *Số Đỏ* được xuất bản ở Hà Nội, nhưng thời cộng sản thì cuốn *Marie Sến* phải in ở hải ngoại. (Thấm thía câu ca dao "Bao giờ cho đến ngày xưa!") Chữ Marie Sến sẽ có một nghĩa mới sau khi cuốn tiểu thuyết này ra đời.

Trong khi ngôn ngữ ở trong nước theo xe cúp chạy thì ở nước ngoài tiếng Việt cũng phóng hụt hơi trên xa lộ. Trên một tờ báo ở Bolsa có tiếng mới "**Điện Thoại Tế Bào,**" đố ai biết là gì! Cũng trên báo có người viết một câu tuyên bố của ông tổng thống Mỹ Bill Clinton như sau "**Chúng ta cần dựa vào óc sáng suốt theo công ước...**" Muốn hiểu các từ mới đó thì phải dịch ngược sang tiếng... Mỹ. Tiếng Mỹ gọi điện thoại cầm tay lưu động là **cellular phone,** mà chữ cellular thì gốc từ chữ cell là tế bào. Còn Óc sáng suốt theo công ước là **Conventional Wisdom,** có nghĩa là những hiểu biết thông thường được nhiều người công nhận, nhưng không chắc đúng.

Nhưng cách mạng ngôn ngữ lớn nhất ở hải ngoại là trên các câu quảng cáo. Tại các cửa hàng chúng ta đọc các câu như "mua trên 40 đồng sẽ được **free nước mắm,** nghĩa là tặng không chai nước mắm. Một nhà bán điện thoại quảng cáo "Nếu quý vị có service cho Cellular phone và muốn mở thêm một đường Line nữa... sẽ được bớt 50% trên phone bill." Thật là Anh Việt đề huề. Các nhà trí thức thích chữ Hán hơn. Một bác sĩ quảng cáo "Truy tầm ung thư ngực" làm cái ung thư cũng lo chạy trốn — Truy nghĩa là đuổi. Một văn phòng thì quảng cáo "Lê Văn XX, Chuyên Tai Nạn & SSI." Không phải ông ta chuyên gây tai nạn, mà lo giúp thân chủ đòi bồi thường tai nạn.

Hiện tượng dùng các chữ free hay là line, v.v... cho thấy bà con ta làm ăn khá giả. Người bán cũng như người mua không có thời giờ dịch nữa. Nói "tặng không chai nước mắm" cũng có nghĩa, nhưng người Việt Bolsa đã quen đọc quảng cáo chợ Mỹ ai cũng hiểu chữ Free in lớn và mầu đỏ.■

UNCLE HÃN, A VIETNAMOLOGIST

CYNTHIA NGUYỄN THỊ MỸ HUYỀN

Cynthia Nguyễn Thị Mỹ Huyền, B.A. (Wisconsin), M.A. (Harvard), M.D. (Stanford), met the late Professor Hoàng Xuân Hãn in his Paris home in 1982, as she was heading for Morocco, where her father Nguyễn Đình-Hoà was spending his sabbatical leave as a Fulbright lecturer in linguistics and English at the Centre Pédagogique Régional in Rabat. The following was written at the end of that memorable visit with the eminent scholar who just passed away in March 1996 at the age of 88.

"Uncle Hãn, would you please tell us about your student days right here in Paris?" I asked our host during the copious Vietnamese meal which his beautiful wife was giving us hardly twelve hours after my sister and I flew in from New York to join our then Rabat-based parents for the 1981 Christmas holidays. "How I would love," I pursued the thought as the four of us were enjoying a unique menu of northern cuisine in the immense duplex apartment at 16 Avenue Théophile Gautier near the Auteuil church, "to write your biography for the *The New Yorker* even though only Auntie Bính has visited that American city!"

"Your dad knows all about your uncle's youth in France and in Vietnam," replied the tweed-coated, slightly gray-haired scholar from central Vietnam. "A few years ago, some graduate student from your town in Massachusetts came here and proposed to do my "oral history," but I'd rather have this former student right here do it, if at all." My father quickly responded that he was familiar only with Uncle Hãn's scholarly achievements, and not with his student days in the City of Lights.

Despite the avuncular terms, we are not related at all. "Uncle" was my father's math teacher at the Lycée du Protectorat in Hanoi in the 1940s, and they have since kept up the teacher-student relationship, bolstered by my dad's profound admiration for the scholarship and moral integrity of this gentleman, who has even consented to advise me on my dissertation on classical Vietnamese literature. "Yes," my father likes to repeat this statement *ad infinitum*, "Greatgrandfather Hoàng" — another honorific that characterizes Vietnamese speech — "would easily qualify as the dean of vietnamology, i.e. the dean of Vietnamese studies."

My father doesn't hide his fondness for this riddle of his: if you take a French-trained *Agrégé en Mathématiques* who is also a graduate of the Ecole Polytechnique and who has once been Vietnam's Education Minister and who worked on atomic physics in Sarclay and whose hobby has been to decipher and annotate scores of ancient works of Vietnamese literature, then what have you got? Answer: a truly learned Vietnam hand who for decades has stood above politics (and therefore has been largely ignored by the western world) and whose lifetime devotion has remained the preservation of Vietnamese culture among younger generations.

This septuagenarian — that rare species of humans who have reached that age according to Chinese poet Du Fu — can count innumerable former disciples of his among the leading intellectuals of both nationalist and communist tendencies in Vietnam and abroad. My father, who on each trip to Paris from Saigon or Carbondale consults him regarding Vietnamese philology, feels honored that the widely respected scholar with failing eyesight always writes to him in longhand, using the affectionate terms of address "younger brother" or rather "my children's younger uncle" *(chú)*.

Since we had been briefed on Professor Hoàng's fabulous personal library, my sister Deborah and I were simply delighted when he offered to show us, next to leather-bound volumes of reference works in Chinese and Vietnamese history, countless manuscripts of Vietnamese popular literature in woodblock editions. It was a real treat to browse through the "open stacks," that is, the bookcases and shelves that line his study and hallway, where are also displayed quantities of French-and Vietnamese-printed volumes of Vietnamese folk literature transcribed in demotic or "southern" character (based on the Chinese script) were acquired, Uncle Hãn told us, during the Japanese occupation of French Indochina, when street vendors in Hanoi were peddling those precious rice-paper materials as wastepaper used to wrap "glutinous rice pastries."

One wonderful gem among the collection is certainly Nguyễn Trãi's *Quốc-âm Thi-tập* "Collected Poems in the National Language," whose

154 stanzas reveal the poet whose 600th birthday was celebrated by UNESCO in 1980. (Nguyễn Trãi was the driving force behind Lê Lợi's anti-Ming campaign between 1418 and 1428.) (My dad is working on those poems in the vernacular, while I have chosen to translate the great bard's 105 poems written in classical Chinese.)

A shinier gem, I think, is *Thiền-tông Bản-hạnh,* a flimsy volume that contains four clearly printed prose-poems *(fu)* authored by thirteenth-century writers, including Emperor Nhân-tông of the Trần dynasty (1225-1400), founder of Vietnam's Bamboo Grove Zen Sect. What is remarkable is that all these texts appeared not in Chinese graphs, but in *chữ Nôm* that peculiarly Vietnamese script based on Chinese characters, but undecipherable to even Sinologists if they don't know the archaic language of Vietnam as well.

Together with a guide to *nôm* reading, contrasting Chinese and Vietnamese sounds, Professor Hoàng has now provided the complete texts and fully annotated them in a Paris-published review entitled "Social Sciences" *(Khoa-học Xã-hội).* He has encouraged my father to translate that whole book into English to make those writings accessible to serious students of Vietnamese culture in general, and of Vietnamese Buddhism in particular. "I have completed the initial spadework," he said. "It is up to you guys to introduce them to the world. Feel free to turn them into French, English, German, whatever." My father said that unfortunately he was ignorant of the Buddhist terminology.

After young Xuân-Hãn earned his *agrégation,* the most prestigious title in the French academe, in the later 1930s people were at a loss on what to call that degree in Vietnamese, the title *tiến sĩ* having already been preempted to designate a French doctorate. With his help and that of other early *retours de France,* the term *thạc-sĩ* was selected. What distinguishes this modest *universitaire* from his several peers is that, disgusted by the then current use of macaronic Vietnamese (interpersed with French words), he was determined to contribute to the defense and illustration of the Vietnamese language (1)by slowly equipping his mother tongue to become the medium of instruction in all the local schools, effective in the spring of 1945 — when the Japanese declared Vietnam as being an independent country within their Sphere of East Asia Co-Prosperity — (2) by founding the review *Khoa-học* 'Science' in which every scientific subject was discussed no longer in French, but in the vernacular, and later (3) by authoring the first Scientific Vocabulary *(Danh từ Khoa-học),* a bilingual French-Vietnamese glossary of term in physics, chemistry, mechanics, astronomy, and the like. Several of his former students immediately emulated him and produced similar word lists covering medicine, botany, etc. All those pre-WW2 volumes were instrumental in the elaboration of a scientific and technical language that has been widely used in local schools since the fall of 1945, when independence was declared. As we discussed during the meal how the novel terminology has constantly improved through endeavors of generations of literacy workers and teachers of all subjects at all levels, I thought that pioneer undertaking alone would lend immortality to this gentleman-scholar's cultural accomplishments.

After partaking of that sumptuous fare (shark's fin soup, stuffed snails, shrimp paste wrapped around sugarcane, Vietnamese dumplings, fried rice, beignet aux bananes) that ordinarily is tasted only *en famille* on no less important occasion than the anniversary of death of some illustrious ancestor, we all came to the living room decorated with exquisite Vietnamese art objects, scroll paintings, carved and mother-of-pearl inlaid furniture, and half a dozen *bleus de Huế.* As Madame Hoàng, an incredibly youthful-looking lady also in her 70s (she is retired pharmacist and cosmetologist) poured us some lotus-perfumed tea, Uncle Hãn pointed out to us a couple of original silk paintings by the late artist Mai (Trung) Thứ and showed us more manuscripts which he has himself handbound in Chinese style.

A thoroughly amusing thought came across my mind over dessert. In 1970, when Southern Illinois University upon my father's recommendation was making a bid to attract Dr. Hoàng Xuân Hãn to Carbondale to lend prestige to the newly established Center for Vietnamese Studies, the official in charge routinely asked for a list of his publications. The trouble then was that, with the exception of a survey written in French of Vietnamese holdings at the *Bibliothèque Nationale* in Paris, all his books and journal articles dealing with traditional literature and culture had appeared in modern Vietnamese. Furthermore, since a faculty member has normally to be housed in an academic department, SIU-Carbondale in seeking to obtain an entry visa for Professor Hoàng was even entertaining the idea of asking him to teach freshman math! "That was not a case of un-employment, or even under-employment," I said to my father. "What is it, daddy?" My linguist-lexicographer father replied, "I am debating whether to call it *mis*-employment or *anti*-employment." And he hastened to add — "I can't shout 'Long live Vietnamese studies in America!', can I?"■

THE ROOFTOP

ĐINH T.D.

In the calm of evening, one drop of water sends ripples across a large pond.
— Anonymous folk saying

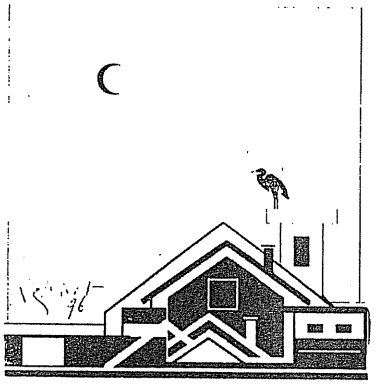

From the rooftop one could look down at the long alley that ran through our neighborhood. Separating our three-story house from the shabby one across the way, this narrow, unpaved street was dusty during the dry season and muddy with puddles in the rainy months. At one end of the alley stood a bustling open-air market while the other end opened into a large intersection where my primary school stood on the corner.

The flat-faced houses of the neighborhood leaned uncomfortably against each other, their pastel coats faded and grimy from the warm rains. Waving like old, ragged banners, clothes hung from drying lines. During the hot afternoons, time seemed to stand still like the wilted leaves of the thin trees that stood here and there along the sidewalk. Few people were seen on the street — a *xích lô* driver always napped in his pedicab, a newspaper on his face; a shoeshine boy slept beside his mangy dog in a doorway; a crazy shirtless youth sat under a tree, scratching his scabby shaven head.

With the first cool evening breeze, people one by one emerged from their homes. Children play in the dirt. Women sat feeding their babies in doorways. Old men watered and pruned their potted plants on baconies. And young men and women watched dreamily from the rooftops.

The rooftop was where my younger brother and I spent most of our days; it was our playground. Here we let our crikets fight to the dead or burned ants with magnifying glasses. We often made paper airplanes and set them adrift over a low wall, imagining we were in them flying over the enemy below.

The rainy season was about to arrive, for the air held a quiet tenseness. My brother and I were watching the spiraling course of our planes drifting further and further from our house. A gray cloud had cast a dark shadow over the treet below. As I was following the light gliding of my plane through the air, a sudden breeze swept it off its course, forcing it to land on the balcony of the house across the street. My brother's landed on the head of a woman who was returning from the market with her bag of groceries. We laughed and laughed because she didn't seem to notice that a paper air plane was sticking out of her beehive wig. My brother jumped in his little toy car and peddled around the rooftop. "I won, I won," he boasted as his car passed by, "your plane was shot down, you've been shot by the enemy." He made a sharp turn and drove quickly by me once again, yelling, "The old man will get you." Rather than feeling angry or jealous because of his childish boasting, I felt a quick chill course through my body.

How ridiculous was his statement! How was the old man to know that it was my plane, and even if he did, what would he care? But deep inside I was a little uncomfortable because I felt as if I had intruded, that a part of me had fallen into the old man's reach.

"Come down and eat dinner," we heard our mother call harshly from the foot of the staircase,

and so we quickly ran downstairs, leaving all thoughts behind.

When the peculiar images of the night were slowly revealing themselves, I was hiding behind old furnishings, trying to catch the soft sweet whisperings of my aunt and her boyfriend. Hand in hand, they were leaning against the low wall of the rooftop, watching the emerging star. I couldn't hear half the words they were saying; I was amused simply by the thought of them not knowing that I was watching. They began to kiss and I closed my eyes in embarrassment, but the strange noises I found interesting to listen to. Suddenly, there appeared the loud and shaking roar of a passing airplane, and when I open my eyes, my aunt and her boyfriend were no longer there. Now I had the whole rooftop myself. My brother never ventured here at night for he feared ghosts. I stepped up on an old crate to get a full view of the alley below. The cool night air had lured everyone outside. Couples were strolling, bicycles and scooters dashed this way and that, and people were gathered around the stalls of food vendors. Steam rose from the noodleman's cart, and the brightly burning coal of the pastry vendor's stove shot off red sparks with every wave of his fan.

As usual, the curtains of the room across the street had been opened after sunset. I could see right through into the second story shack. Every night the young girl sat at a wooden table reading from some book or mending clothes. She was a little older than myself, maybe in secondary school. Beyond a sagging screen door, in the balcony was the decrepit old man, motionless in the dark. He sat on a low stool, his back bent in a gruesome arch. The tip of a cigarette glowed in his hand and burned bright when it came to his mouth.

These people had been living in the shack for about two months, but I still knew nothing about them. Even the women of the neighborhood were ignorant in spite of all their gossip. There were rumors about the old man being an opium addict and that he kept the girl locked up; other said he had an incurable crippling disease that was extremely contagious. These stories were all amusing, but I was rure, though I had no proof, that the girl was the old man's daughter. No servant or relative could act with such routine dutifulness. Only a daughter would not think twice about taking care of such a horrid old man.

A weakly-burning kerosene lamp on the wooden table gave the girl's face a yellowish hue, making her hair, which was held in a tight bun, seem dull and gray. A few strands fell across her cheeks. The feeble light managed to strech to the balcony, outlining the old man's hollow cheeks, his stick-like neck, the wells of his collarbones. He began to cough uncontrollably, each cough harsher and drier than the previous one. And when he could cough no more, he made a terrible scratching noise before spitting into a tin can. The girl put down her sewing and came out to the balcony. Kneeling beside the old man, she help him drink from a glass of water. She sat quietly alongside him in the darkness. Only when I saw him put his frail hand on her shoulder did she stand up and go back inside to sit at her wooden table. The old man lit another cigarette.

His coughing sounded bad, much worse than when I had last heard him. The coughs sounded as if they came from deep within his lungs. As the night rolled on he had several more convulsive fits. Only when I heard my mother's voice was I awakened from my daze which the cool night air had lulled me into. "Come down, Trí, it is late," my mother called a second time.

After several days of heavy showers, the rains finally stoped. I never like the rain because I always kept downstairs with my mother and aunt, forced to play some silly childish game or pretend to be interested in the folk tales they told of sea dragons and mountain immortals. The only things I liked about the rain were the puddles it left behind.

Many puddles had formed on the rooftop, and dragonflies hovered above them, mistaking them for little ponds. My younger brother and I had made paper boats and were trying to navigate them by blowing on their sails. We always played for a little while after coming home from school, but our parents never allowed us to use the street where, according to my mother, the poorer common children played. "It's dirty, you'll catch something," our father would say whenever we were tempted to join in a street soccer game. When our paper boats were soaked and stuck like wads of litter in the rain water, my brother ran and jumped in his car. He droved around and around, swerving along some imaginary race track.

With my hand and head resting on the low wall, I watched a group of high school girls walking down the alley. Books held to their chest, they wore white *áo dài* which they had to keep from being blown by the wind. I wondered if one of these girls could be the one living in the shack. Or maybe the gossip was right, that the man locked her inside. The shack with its sagging screen door back, revealing nothing. And even though the curtains were drawn closed, and I hadn't been to the rooftop in several days, I knew nothing had changed. I looked at the high school girls for a final time and then walked

downstairs. There was no need to wait for my mother's predictable call.

That night was humid. The air smelled of stagnant ponds, as is always after the rains. Once in awhile a breeze carried the fait scent of jasmine from some far off garden. Across the street, the young girl was sitting beside the old man in the balcony, as if this were the only comforting thing she could do. I saw neither a book nor clothes on the wooden table. Once in awhile she'd go inside to refill a glass of water. The old man was afflicted with long coughing bouts tonight. His body convulsed with every cough, wich was harsh and dry, and there were fits of them that came in relentless waves.

His coughing was probably worsened by the warm air. He seemed as if he was spitting up his insides. My conclusion was that he didn't have much longer to live. I was horrified by the guttural sounds that emanated from his skeleton of a body. Nevertheless, I was mesmerized by this bent-over, black form and the dark aura that surrounded him. The old man and the girl were barely visible in the kerosene lamp's wavering light.

It was still early in the night. Kids and dogs ran about the alley. Food vendors yelled aloud, advertising their delicacies. Young men standing in doorway with cigarettes in their hands watched young women stroll by. In balconies, older men swung lazily on hammocks, dozing to the melancholy sound of folk operas coming from bareky audible receivers. And somewhere in the distant, a mother's lullaby could be head. While all these people unconsciously added their part to the intricacies of the neighborhood, I stood alone on the rooftop, watching with both revulsion and pity.

The following day, while walking home from school, I noticed many footprints that had been left in the dried mud. I picked out a print that had been made by some big shoes and followed its tracks. Upon nearing my house, I saw a crowd of people, but because of the sun's glare, I was unable to single out anyone in particular. As I slowly approched I noticed that my mother and aunt were among the chattering people standing in front of our house. I came up to my mother, hesitated, then walked to the other side and squeezed throogh the throng of people.

What I saw startled me, sending quick chills through my body, for I was accustomed to my safe, detached vantage point from the rooftop. Here — only a few feet away — under the bright light of the sun was the old man, his arms and legs stretched out on the ground in the shape of a distorted crucifix. A thin layer of dust covered his wasted body. From his mouth flowed a stream of blood into a pool on the ground.

The young girl sat kneeling beside the body, whose face still held the agony of suffering. Her slender fingers gently stroked the old man's few strands of gray hair.

People stood around, whispering to each other, pointing to the balcony above. The chattering grew louder as more curious onlookers gathered. My hands and feet, my whole outward feelings were numbed. Yet my internal senses were being brought to life by the rushing blood of consciousness. I took no notice of the commotion around me. With my school-bag held to my chest, I tried to stand firm against the pushing of the crowd.

Under the warmth of the sun, the girl's pale face had blushed to a beautiful shade of pink. Tear ran down her cheeks. Her long straight hair, glistening, covered the old man's body. She softly uttered over and over again, "Why did you do it, Father, why?"

I heard my mother yell at me, telling me to go inside our house. I didn't obey. She then grabbed my hand and tried to pull me through the circle of people. I yanked myself free. With one hand in my pocket and the other holding the school-bag, I stood unmoved by the jostling of the crowd — oblivious to the foolish gossiping around me. People's discordant voices grew fainter and soon all sounds became a whirling blur. For a moment my eyes wandered to the shack above with its open curtains and then down again at the sobbing girl, whose long black hair touched the pool of blood on the ground. From this pivotal day onwards, the image of the two people on the dusty earth would be carried along with me as the memory of first beauty and sadness.■

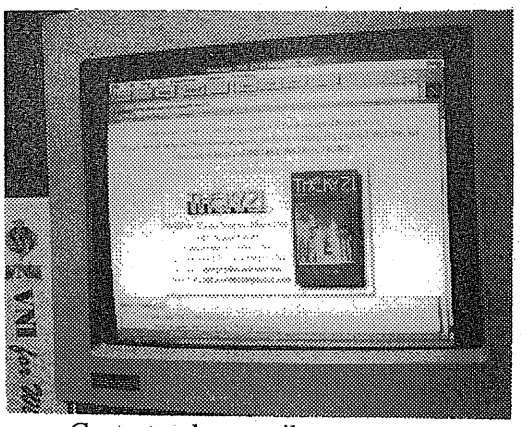

Contact us by e-mail:
theky21@ix.netcom.com
Read *The Ky 21* on Internet:
http://www.vietmedia.com/theky21

MỖI HAI THÁNG TÌM ĐỌC

HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO
P.O.Box 277 GARDEN GORVE, CA 92642. USA
Tél: **(714)537-2468**

• Hình thức trang nhã. Bìa màu với tranh của nhiều họa sĩ Việt Nam tài danh.
• Nội dung phong phú, khách quan. Với đóng góp của những nhà văn nhà thơ tên tuổi trong, ngoài nước.

Phiếu Mua Báo Dài Hạn

(Một năm 6 số. Mỗi số dày 252 trang)

Tôi tên: _____
Địa chỉ: _____
_____
_____

Nhận mua một năm HỢP LƯU, từ số ___ đến số ___. Xin gửi kèm ngân phiếu số, đề HỢP LƯU.

Nội địa Hoa Kỳ và Canada:
40MK/năm (Hạng tư, đường bộ, thủy).
50MK/năm (Hạng nhất hoặc máy bay).
Úc và Á châu:
50MK/năm (Đường thủy). 80MK/năm (Hàng không).
Âu châu:
50MK/năm (Đường thủy), 70MK/năm (Hàng không).
Giá bán mỗi số tại các hiệu sách: 7MK.

Đặc san LÊ HOA 1996

Liên lạc: LÊ TỘC HỘI HẢI NGOẠI
10444 Flanders Place
San Diego CA 92126 USA
ĐT: (619) 586-1867

Khi quý vị và gia đình cần đến dịch vụ

NHA KHOA

Xin nhớ tới Bác Sĩ Nha Khoa
PHẠM NGỌC PHƯƠNG LAN, D.D.S.
Bác Sĩ Nha Khoa
DANIEL TÙNG LÊ, D.D.S.

Chuyên về:
■ NHA KHOA TỔNG QUÁT: Chữa bệnh nướu răng, răng bị chảy máu, đánh răng trắng, lấy gân máu, nhổ răng, làm răng giả các loại.
■ NHA KHOA THẨM MỸ: Vá răng sứt mẻ, làm khít răng thưa, tẩy trắng răng, làm răng đổi màu thành trắng đẹp, niềng răng.
■ NHA KHOA NHI ĐỒNG: Phòng ngừa sâu răng, chữa răng mọc lệch, săn sóc răng cho trẻ em từ 2 tuổi trở lên.
• WESTMINSTER và các khu lân cận **(714) 893-6768**. 14044 Magnolia St., #125 Westminster, CA 92683 (Góc Westminster, trong khu chợ Phát Tài)
• Quý vị ở LONG BEACH xin mời đến Anaheim dentistry **(310) 491-5529**. 906 E. Anaheim St Long Beach. CA 90813 (Đối diện Phở 79, cạnh Food To Go Sáu Voi)

MORTGAGE

JM MORTGAGE CORPORATION
17802 IRVINE BLV. #125, TUSTIN, CA 92680
PHONE: 714-544-5009 * 1-800-565-3637 (NGOÀI ORANGE COUNTY)
FAX: 714-544-5677

HOME IMPROVEMENT, FHA TITLE ONE, EQUITY LOANS:

Bạn có thể mượn tới $25,000 để làm landscaping, hàng rào, xây thêm phòng, sửa nóc nhà, patios, sơn nhà, đồ dùng kitchen. Không cần Equity, không cần appraisal nếu dưới $25,000. Nhà đang ở hoặc cho thuê đều được.

NHÀ SẮP BỊ TỊCH THU (Foreclosure)

Nếu quí vị dự định bỏ nhà vì: *Giá trị căn nhà thấp hơn nợ cũ *Tiền trả hàng tháng cao quá *Bệnh nặng hoặc chết chóc *Không thể trả nỗi nữa vì một lý do chính đáng. Xin gọi công ty để "Save your credits" và quí vị không phải trả tiền huê hồng.

Property must qualify based on negotiation with current lien holders for all costs incurred included brokerage fees.

Đặc biệt: **JM MORTGAGE** chuyên môn **FHA**, **VA**, **Conv** (trên toàn Hoa kỳ), Cal Pers, Chfa, **Hud Repo Panel**, SBA, và Cities Loans.

*** Có Chương Trình Mua Nhà Không Cần Tiền Down***

"Leads" provided by company for agents. Công ty sẽ hoàn trả tiền học phí cho người muốn vào ngành địa ốc.

E-mail: jmmtgcor@aol.com

Kha John (Pager: 714-571-6885)

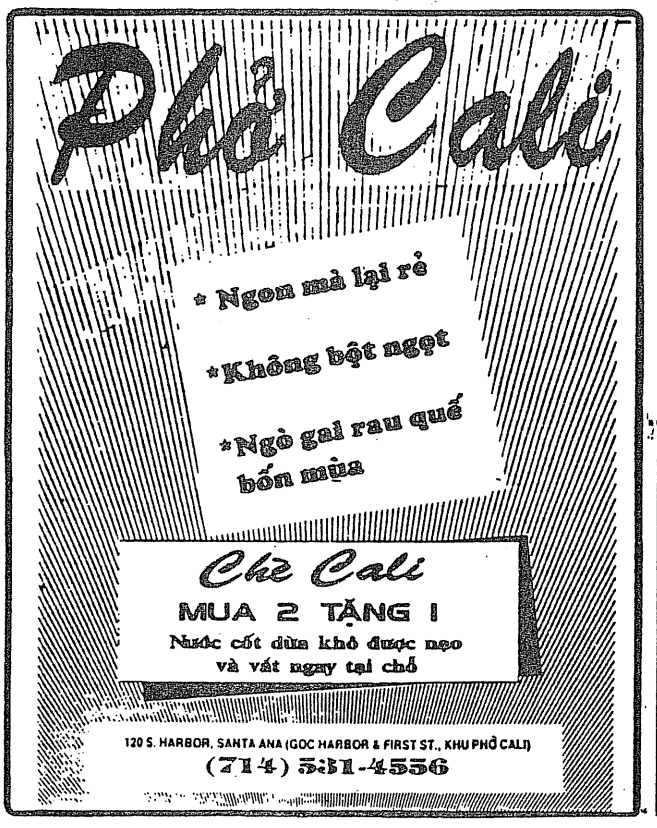

Thuh ★
BEAUTY INSTITUTE
8181 Bolsa Ave., Midway City CA 92655
Tel & Fax (714) 894-9949
BẠCH THU HÀ,
RN, BSN . Cosmetician. Esthetician

LISE DIEU TRANG VO
Agent
New York Life Insurance Company
NEW YORK LIFE
The Company You Keep®
2677 N. Main Street, Suite 700
Santa Ana, CA 92701
Bus: (714) 560-7850 Direct
(714) 560-7800
Fax: (714) 560-7892
Pager Toll Free: **1 (800) 918-1172**

TOGETHER WE CAN MAKE A DIFFERENCE!

SOCIAL ASSISTANCE PROGRAM FOR VIETNAM

SAP-VN

A Helping Hand for Needy People in Vietnam

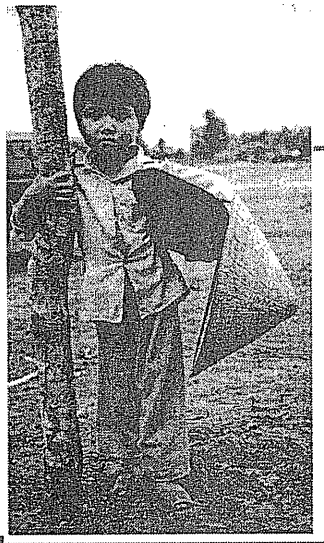

Lá Lành Đùm Lá Rách

SAP-VN là một hội thiện nguyện hợp pháp (thành lập năm 1992) được hưởng qui chế miễn thuế của tiểu bang California và liên bang Hoa kỳ theo điều luật 501(c)3 của IRS.

Mục đích — Trợ giúp về y tế, giáo dục và xã hội cho các trẻ em nghèo, khuyết tật, và đồng bào kém may mắn ở Việt Nam.

Ngân quỹ hoạt động — Do sự đóng góp tài chánh của mạnh thường quân và sự nỗ lực gây quỹ của hội.

Ngân khoản trợ giúp hằng năm trung bình khoảng $50,000 mỹ kim; dụng cụ và vật liệu y tế trị giá khoảng $100,000 - $500,000 mỗi năm.

Bản tin Green Cross phát hành miễn phí mỗi tam cá nguyệt để tường trình về hoạt động của SAP-VN ở Hoa kỳ và Việt Nam.

HOẠT ĐỘNG CỦA SAP-VN

- **Tài trợ hoạt động khám bệnh, nhổ răng, phát thuốc miễn phí.**
- **Bảo trợ chi phí phẫu thuật chỉnh hình, vá môi và hở hàm ếch cho trẻ em khuyết tật gia đình nghèo.**
- **Bảo trợ Quỹ Khuyến Học cho Giáo sinh Sư phạm ở các tỉnh.**
- **Chuyển tặng trang thiết bị, vật liệu y khoa cho các bệnh viện, đại học.**
- **Tài trợ Quỹ Ẩm Thực cho Trường Nuôi Dạy Trẻ Khuyết Tật Nhà Bè.**
- **Trợ giúp nạn nhân thiên tai, bão lụt (khi điều kiện ngân quỹ cho phép).**

Mọi đóng góp ý kiến, công sức và tài chánh xin liên lạc về:

10608 Garden Grove Blvd., Garden Grove, California 92643

Phone & Fax (714) 537-4877

Giờ mở cửa văn phòng: Từ 10 giờ sáng - 5 giờ chiều mỗi Thứ Bảy.

XIN CÙNG NHAU GÓP MỘT BÀN TAY NHÂN ÁI!

TOGETHER WE CAN MAKE A DIFFERENCE!

ADVANCE BUSINESS COPIERS

COPY FAX

LASER PRINTERS

TONER CATRIDGES

FREE IN-SHOP ESTIMATE

BÁN & SỬA CHỮA

THUÊ & LEASE

HỢP ĐỒNG BẢO TRÌ

NHẬN ĐẾN MỌI NƠI

ORANGE-LOS ANGELES-RIVERSIDE-SOUTH BAY

ĐẶC BIỆT : $39.95 & UP

REMANUFACTURED CATRIDGES WITH EXCHANGE

NHÂN VIÊN VIỆT NAM * NHIỀU NĂM KINH NGHIỆM

LÀM VIỆC KỸ LƯỠNG & CÓ BẢO ĐẢM TRÊN GIẤY TỜ

15107 MORAN STREET. WESTMINSTER, CA 92683 714-894-2655

1-800-513-COPY

Sách do Thế Kỷ xuất bản và phát hành

Hà Nội Trong Mắt Tôi

Bút ký, tùy bút...của **Phạm Xuân Đài,** viết tại Việt Nam và Hoa Kỳ trong năm năm qua. Trần Hồng Châu (tức Giáo sư Nguyễn Khắc Hoạch, cựu Khoa trưởng Đại học Văn Khoa Saigon) cho rằng: "Niềm yêu đời thắm thiết, niềm tin vào tình người và cái thiện...(...) Phạm Xuân Đài đã được nuôi dưỡng trong khí hậu tinh thần đó."
Tựa của **Trần Hồng Châu**
■ *185 trang. Giá $10.00*

THẾ KỶ xuất bản và phát hành
11022 ACACIA PARKWAY #A
GARDEN GROVE CA 92640 USA
TEL (714) 638-9510. FAX (714) 638-1944

Bánh Mì Cali

$1.35/1 Ổ
MUA 2 TẶNG 1

- Bánh mì thịt nguội
- Bánh mì bì
- Bánh mì chả lụa
- Bánh mì thịt nướng
- Bánh mì nem chua
- Bánh mì xíu mại
- Bánh mì gà rô-ti
- Bánh mì cá mòi

Chè Cali
MUA 2 TẶNG 1
Nước cốt dừa khô được nạo và vắt ngay tại chỗ

120 S. HARBOR, SANTA ANA (GÓC HARBOR & FIRST ST., KHU PHỐ CALI)
(714) 531-4556

GENERAL DENTISTRY
DR. TO NGOC BUI
Tel. 408-286-8103
640 E. Santa Clara St.
San Jose, CA 95112

(714) 531-0341
Lê's
Florist Boutique
Fresh & Silk Flowers - Gifts - Toys - Wedding
Funeral - Church Decorations - All Occasions
14336 Brookhurst Street - Garden Grove CA 92643

MAXIM'S ENTERTAINMENTS

Một Món Quà Cho Mùa Xuân

THANH LAN - ELVIS PHƯƠNG - LÊ THU - KENNY THÁI - DUY QUANG - TRỊNH NAM SƠN - NHẬT TRƯỜNG - Ý NHI - MỸ LAN - QUỲNH HƯƠNG - HOÀI NAM - PHI NHUNG - QUỲNH LAN - DIỄM HƯƠNG - HẠ VY- KHẢ TÚ - THANH VÂN - MALINA NHÃ LAN - SONYA LE - LAURA

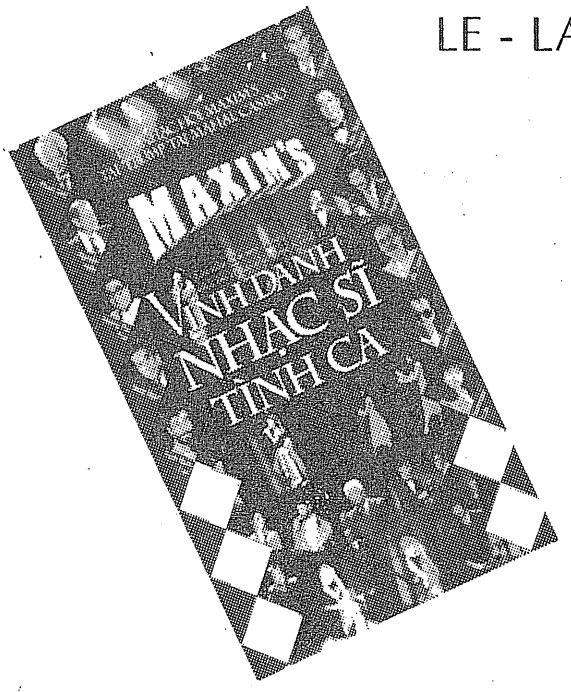

10161 Bolsa Ave. A 104, Westminster, CA 92683

Tel: **(714) 839-8628** * Fax: **(714) 839-6586**

100 NGƯỜI NÓI 1000 NGƯỜI NGHE 100,000 NGƯỜI ĐẾN
NGÔI CHỢ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET
小西貢海鮮市場

9822 BOLSA AVE • WESTMINSTER, CA 92683 • TEL: (714) 531-7272

ĐẶC BIỆT

* Khách hàng mua nhiều hay ít đều có quà tặng tùy quý khách lựa chon
* Luôn luôn có hàng SALE và tràn đầy hàng trăm món hàng bán dưới giá sỉ
* Quầy cá tươi phục vụ khách hàng làm cá sạch sẽ và chiên cá miễn phí
* Mua chén dĩa tô đặc biệt bớt thêm 10%
* Cuối tuần có thêm nhân viên hướng dẫn và lo đầy đủ chỗ đậu xe cho khách hàng đi chợ

CHỢ LITTLE SAIGON CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và đã được mọi người ưa thích NHẤT

WE WELCOME EBT ATM

California Lottery LOTTO
California Lottery DECCO
Little Lotto

NGÀN NGƯỜI VUI, VẠN NGƯỜI ĐẾN

VANCO FOODS
SUPERMARKET

MUA TẬN GỐC, BÁN TẬN NGỌN

RẤT NHIỀU QUÀ GIÁ TRỊ DÀNH TẶNG QUÝ KHÁCH HÀNG

ĐỦ MẶT HÀNG TRUNG - NAM - BẮC
CÓ QUẦY BÁN CÁC LOẠI
THỰC PHẨM CHAY

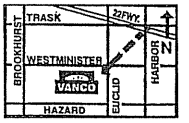

ĐẦY ĐỦ MẶT HÀNG BÁCH HÓA
VÀ GIA DỤNG NHƯ CÁC SIÊU THỊ MỸ
VỚI GIÁ ĐẶC BIỆT.

• CÓ CHIÊN CÁ VÀ HẤP CUA, TÔM NGAY TẠI CHỖ • NHẬN FOOD STAMPS, ĐỔI CHECH WELFARE, SSI MIỄN PHÍ

10932 WESTMINSTER AVE., GARDEN GROVE, CA 92643 - TEL: (714) 530-2999

MỞ CỬA 7 NGÀY TRONG TUẦN TỪ 8:30 AM ĐẾN 8:30 PM

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

VNCR
VIETNAM
CALIFORNIA
RADIO
106.3 FM

PHÁT THANH 7 NGÀY MỘT TUẦN:

- **THỨ HAI, BA, TƯ, NĂM ,SÁU: từ 12 giờ trưa đến 4 giờ chiều**
- **THỨ BẢY: từ 6 giờ chiều đến 7 giờ tối**
- **CHỦ NHẬT: từ 1 giờ trưa đến 3 giờ chiều**

Đài có công suất mạnh nghe được rất rõ tại các quận hạt ORANGE, LOS ANGELES, VENTURA, SAN BERNARDINO, RIVERSIDE

TIN TỨC THỜI SỰ NHANH, CHÍNH XÁC & PHONG PHÚ
VĂN NGHỆ CHỌN LỌC
GIẢI TRÍ THOẢI MÁI, THANH LỊCH
HỘI THOẠI, PHỎNG VẤN ĐỀ TÀI THIẾT THỰC

QUẢNG CÁO VUI TƯƠI HẤP DẪN & HỮU HIỆU

VNCR Phone: (714) 534-9430 (714) 534-9431 (714) 534-9432
Fax: (714) 534-9433 E-mail: 75504.3510@compuserve.com
Web page: http://kicon.com/VNCR
11022 ACACIA PARKWAY #A, GARDEN GROVE CA 92640

Ấn Phí: Bốn Mỹ Kim